

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN TÓN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH
Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2024

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN VĂN TÓN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH
Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 9310110

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. Chu Tiên Quang; PGS.TS. Đào Thế Anh

Hà Nội - Năm 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu độc lập của bản thân tác giả; các kết quả trong luận án là trung thực, không sao chép từ bất kỳ một nguồn nào và dưới bất kỳ hình thức nào; việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được thực hiện trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo đầy đủ; nội dung luận án chưa từng được sử dụng để bảo vệ lấy bất kỳ một học vị hay một đề tài nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Tác giả luận án

Nguyễn Văn Tồn

LỜI CẢM ƠN

Tác giả Luận án “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam*” xin trân trọng cảm ơn Viện trưởng và các Phó Viện trưởng cùng các thầy, cô của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) đã đào tạo, giúp đỡ tận tình trong quá trình học tập và hoàn thiện luận án.

Tác giả Luận án trân trọng cảm ơn PGS.TS. Chu Tiến Quang và PGS.TS. Đào Thế Anh là giáo viên hướng dẫn đã tận tâm, hết lòng, dành nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn để tác giả hoàn thành luận án.

Tác giả xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý đã và đang công tác tại các cục, vụ, viện, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương, cũng như nhiều bà con, hộ chăn nuôi, kinh doanh đã dành thời gian quý báu chia sẻ những thông tin chân thực.

Tác giả cũng xin trân trọng cảm ơn cơ quan công tác - Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương đã tạo mọi điều kiện thuận lợi; đồng nghiệp, bạn hữu và người thân trong gia đình luôn ủng hộ, chia sẻ khó khăn, động viên tác giả trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu để hoàn thành Luận án này.

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Văn Tồn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài luận án	1
2. Những đóng góp của luận án.....	3
3. Bố cục của luận án.....	4
Chương 1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	5
1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ XÁC ĐỊNH KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU	5
1.1.1. Tổng quan các công trình về bản chất và vai trò của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	5
1.1.2. Tổng quan các công trình về nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	7
1.1.3. Tổng quan các công trình về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	12
1.1.4. Kết quả nghiên cứu được kế thừa trong luận án.....	13
1.1.5. Khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án	15
1.2. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU	15
1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu	15
1.2.2. Đối tượng nghiên cứu	16
1.2.3. Phạm vi nghiên cứu	16
1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	17
1.3. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	17
1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích.....	17
1.3.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu	20
1.3.3. Phương pháp phân tích thông tin, số liệu	24
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH	26
2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH	26
2.1.1. Một số khái niệm	26

2.1.2. Mối quan hệ giữa các hoạt động chăn nuôi lợn tại hộ gia đình với các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm	30
2.1.3. Đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	33
2.1.4. Nội dung nghiên cứu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	36
2.1.5. Tiêu chí đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	39
2.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	42
2.2. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA.....	46
2.2.1. Kinh nghiệm một số quốc gia trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi	46
2.2.2. Hàm ý từ kinh nghiệm được rút ra ở các quốc gia trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng cho chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam	56
Chương 3 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM	60
3.1. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM	60
3.1.1. Quy mô và xu hướng phát triển của chăn nuôi lợn ở Việt Nam.....	60
3.1.2. Tình hình chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam.....	61
3.1.3. Thực trạng đóng góp của chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	63
3.2. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH VỚI VIỆC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM Ở VIỆT NAM	66
3.2.1. Xây dựng chuồng nuôi và hạ tầng phục vụ nuôi lợn tại hộ gia đình với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm.....	66
3.2.2. Hoạt động phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn tại hộ gia đình với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm.....	68
3.2.3. Chăm sóc thú y cho lợn với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm	70
3.2.4. Hoạt động tiêu thụ lợn hơi với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm ...	72
3.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM	74

3.3.1. Xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	74
3.3.2. Xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	85
3.3.3. Xây dựng bộ máy quản lý các hoạt động an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	99
3.3.4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình	105
3.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM.....	113
3.4.1. Những kết quả đạt được	113
3.4.2. Những bất cập, hạn chế	117
3.4.3. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế	121
Chương 4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM	128
4.1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030	128
4.1.1. Bối cảnh và xu hướng quốc tế	128
4.1.2. Bối cảnh, xu hướng trong nước	129
4.1.3. Định hướng tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam	131
4.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030.....	133
4.2.1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	133
4.2.2. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	134
4.2.3. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	137

4.2.4. Nâng cao năng lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hộ gia đình.....	140
4.2.5. Một số giải pháp khác.....	143
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO	148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	165

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Số lượng hộ chăn nuôi đã điều tra tại 4 tỉnh, thành phố	23
Bảng 1.2: Số lượng cán bộ trong các cơ quan Nhà nước đã phỏng vấn sâu	24
Bảng 3.2: Số lượng hộ chăn nuôi lợn thịt phân theo quy mô đàn nuôi	62
Bảng 3.3. Mức độ áp dụng các phương pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn thịt	65
Bảng 3.4: Thực trạng về hình thức chuồng nuôi lợn tại hộ gia đình.....	66
Bảng 3.5: Tỷ lệ hộ gia đình đầu tư hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn.....	67
Bảng 3.6: Nguồn thức ăn công nghiệp các hộ gia đình mua chăn nuôi lợn	68
Bảng 3.7: Nguồn thức ăn tự nhiên phối trộn chăn nuôi lợn	69
Bảng 3.8: Tỷ lệ hộ sử dụng chất bổ sung vào thức ăn cho lợn	69
Bảng 3.9: Một số hình thức sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	71
Bảng 3.10: Cách dùng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	71
Bảng 3.11: Quan điểm về hạn chế sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn hộ gia đình tại địa bàn điều tra	72
Bảng 3.12: Hình thức bán lợn hơi ở các hộ gia đình.....	73
Bảng 3.13: Ban hành văn bản quy định pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	75
Bảng 3.14: Mức độ hiểu biết của hộ gia đình về pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn.....	79
Bảng 3.15: Đánh giá mức độ rõ ràng của pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn của hộ gia đình	80
Bảng 3.16: Đánh giá của hộ gia đình về mức độ đầy đủ của pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn	81
Bảng 3.17: Đánh giá của hộ chăn nuôi về mức độ tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn	82
Bảng 3.18: Ban hành văn bản chính sách liên quan đến hỗ trợ thực hiện an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	86
Bảng 3.19. Mức độ biết và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ của hộ chăn nuôi lợn tại gia đình	92

Bảng 3.20: Đánh giá của hộ gia đình về tính kịp thời của chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định ở các khâu trong chăn nuôi lợn	95
Bảng 3.21: Đánh giá của hộ gia đình chăn nuôi lợn về mức độ hỗ trợ (%)	97
Bảng 3.22: Đánh giá của công chức về tính “Tinh gọn” của bộ máy QLNN về ATTP trong CNL tại HGD (đơn vị %, n=40)	103
Bảng 3.23: Đánh giá của hộ về hình thức và nội dung các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các điều kiện ATTP	112

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Khung phân tích quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.....	19
Hình 3.1: Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả nước (triệu tấn)	60
Hình 3.2: Cơ cấu sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2023 (%)	61
Hình 3.3: Số lượng hộ chăn nuôi lợn tại 04 tỉnh khảo sát năm 2023	63
Hình 3.4: Đánh giá của chuyên gia và công chức về mức xử phạt khi vi phạm ATTP đối với hộ CNL tại HGD (%).....	113

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa tiếng Việt
ATTP	An toàn thực phẩm
BCHTW	Ban chấp hành Trung ương
Bộ NN và PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTB & DHMT	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
CN	Chăn nuôi
CNL	Chăn nuôi lợn
HGD	Hộ gia đình
CNH - HĐH	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CLTP	Chất lượng thực phẩm
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐNB	Đông Nam Bộ
HHNS	Hàng hóa nông sản
HĐND	Hội đồng nhân dân
HGD	Hộ gia đình
HTX	Hợp tác xã
KH - CN	Khoa học - công nghệ
KTTT	Kinh tế trang trại
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NNCNC	Nông nghiệp công nghệ cao
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
QLNN	Quản lý nhà nước

TCTK	Tổng cục Thống kê
TDMNPB	Trung du miền núi phía Bắc
TPAT	Thực phẩm an toàn
TT	Trang trại
UBND	Ủy ban Nhân dân
VAC	Vườn, ao, chuồng
GAP	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GlobalGAP	Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
IPM	Quản lý dịch hại tổng hợp
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc
VietGAP	Tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Ở Việt Nam thực phẩm từ chăn nuôi lợn (CNL) là thực phẩm mang tính truyền thống từ lâu đời, được người dân sử dụng hàng ngày, thậm chí còn là sản vật, đồ tế mang tính tâm linh sử dụng trong ngày lễ, tết, cưới hỏi và nhiều nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng khác... Với vai trò quan trọng như vậy, nên thực phẩm từ sản phẩm CNL đã trở thành thực phẩm chủ đạo trong đời sống của số đông người dân Việt Nam và ngành CNL được Nhà nước khuyến khích phát triển, nhất là trong những năm gần đây.

Hiện nay, mức sống người tiêu dùng trong nước đã tăng cao, nhất là khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do, hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế thì vấn đề an toàn thực phẩm (ATTP) trong các sản phẩm từ chăn nuôi lợn thịt ngày càng được người tiêu dùng trong và ngoài nước quan tâm, yêu cầu khắt khe hơn để đảm bảo tốt hơn cho sức khỏe của người tiêu dùng. Có thể nói, việc kiểm soát ATTP trong các sản phẩm từ chăn nuôi lợn thịt đang được xem là nhiệm vụ hàng đầu của ngành chăn nuôi hiện nay. Quản lý tốt ATTP trong CN lợn thịt không chỉ góp phần đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng mà còn quyết định đến sức cạnh tranh, giữ uy tín của ngành chăn nuôi trên thị trường trong nước và từng bước xuất khẩu.

Nguyên nhân làm mất ATTP trong các sản phẩm từ chăn nuôi lợn thịt khá đa dạng, xuất phát từ nhiều khâu khác nhau, từ chăn nuôi, giết mổ, chế biến và khâu tiêu thụ. Tuy nhiên, nguyên nhân từ khâu chăn nuôi được xem là quan trọng nhất vì nó là nguồn gốc của nhiều hình thức gây mất ATTP hiện nay. Khi người chăn nuôi lợn thịt lạm dụng chất cấm để tạo nạc, để tăng trọng lượng cho lợn thì tồn dư của nó sẽ ảnh hưởng đến người tiêu dùng cuối cùng mà các khâu khác (giết mổ, chế biến và tiêu thụ) trong chuỗi chăn nuôi không thể kiểm soát được. Hoặc khi lợn nuôi bị bệnh mà vẫn chuyển đi tiêu thụ cũng sẽ ảnh hưởng đến người tiêu dùng cuối cùng mà các khâu khác trong chuỗi chăn nuôi khó kiểm soát được. Vì thế, kiểm soát các nguy cơ làm mất ATTP trong khâu chăn

nuôi là hình thức đảm bảo ATTP trong chăn nuôi lợn từ xa, từ nguồn gây ảnh hưởng, đang được các nước trên thế giới và Việt Nam rất quan tâm.

Hiện nay, thực phẩm từ chăn nuôi (CN) lợn thịt ở Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào chăn nuôi ở hộ gia đình. Sản lượng lợn thịt chăn nuôi từ các hộ gia đình đang chiếm tới 88,4% trong tổng sản lượng lợn thịt (Tổng cục Thống kê, 2024). Tuy nhiên, hình thức CN lợn thịt tại các hộ gia đình lại đang là hình thức gây mất ATTP nhiều nhất, bởi vì hình thức chăn nuôi lợn thịt tại HGĐ vẫn chủ yếu là theo phương thức truyền thống nên chuồng trại, hạ tầng quy cách chuồng không bảo đảm, một chuồng nuôi nhiều giống lợn, nhóm tuổi khác nhau; không có ô chuồng dành riêng cho lợn mới nhập đàn, không đủ không gian cách ly lợn bệnh. Hơn nữa, người chăn nuôi có phần hạn chế về nhận thức, nhất là hiểu biết về ATTP; khả năng ứng dụng KH-CN nuôi lợn còn yếu; việc vệ sinh, tiêu độc, khử trùng không được thường xuyên, đúng quy trình; kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn chủ yếu theo kinh nghiệm; việc bảo đảm yêu cầu phòng bệnh, phát hiện, kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn sinh học còn yếu. Vì thế, lợn thịt cung cấp tại các hộ gia đình tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ATTP. Thực tế, trong thời gian vừa qua, đã xảy ra nhiều dịch bệnh trong CN lợn thịt buộc phải tiêu huỷ bởi vì nếu sử dụng sẽ ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe người tiêu dùng như các trường hợp dịch bệnh Tai xanh, dịch Tả lợn Châu Phi. Việc buộc phải tiêu huỷ này đã gây thiệt hại lớn cho các HGĐ chăn nuôi lợn thịt, đồng thời gây tổn chi phí xử lý dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, nhất là ở các nơi đông dân cư đang sinh sống.

Những bất cập này chỉ có thể kiểm soát và hạn chế được thông qua quản lý nhà nước. Bởi vì, thực hiện chức năng của mình, Nhà nước (từ Trung ương đến các xã) ban hành khuôn khổ pháp luật để bắt buộc hộ chăn nuôi lợn phải tuân thủ về ATTP khi chăn nuôi; Nhà nước xây dựng một số chính sách hỗ trợ để khuyến khích hộ chăn nuôi áp dụng tiến bộ khoa học, xây dựng hạ tầng, mua sắm trang thiết bị để giúp quá trình chăn nuôi được tốt hơn, không lưu, chứa những yếu tố gây mất ATTP; Nhà nước sử dụng công cụ kiểm tra, giám sát để hướng dẫn, đồng thời xử phạt khi hộ chăn nuôi gây mất ATTP. Thậm chí, các

cơ quan, sở, ban, ngành, cá nhân phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã rà soát, lập danh sách cơ sở, HGD chăn nuôi lợn để ký cam kết, tuyên truyền người dân hiểu được ý nghĩa của việc ký cam kết CN an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chức năng QLNN về ATTP trong chăn nuôi cũng cho thấy còn có nhiều khó khăn, vướng mắc như khuôn khổ pháp luật quy định về ATTP chưa được chi tiết, chưa đầy đủ, cụ thể cho chăn nuôi lợn; chính sách hỗ trợ các hộ chăn nuôi thực hiện các quy định, các điều kiện để đảm bảo ATTP chưa nhiều, chưa hấp dẫn; công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

Với những lý do trên cho thấy, việc nghiên cứu “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam*” là cần thiết và có ý nghĩa.

2. Những đóng góp của luận án

2.1. Về lý luận

Luận án đã hệ thống hóa được một số lý luận cơ bản của quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình. Trong đó, điểm mới nổi bật là làm rõ được mối quan hệ giữa các hoạt động chăn nuôi lợn tại hộ gia đình với các yêu cầu của ATTP; xác định và luận giải rõ được 4 nội dung chủ đạo của quản lý nhà nước và 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.

2.2. Về thực tiễn

Đánh giá thực trạng của QLNN về ATTP trong CN lợn tại HGD được thực hiện một cách đồng bộ trên cả 4 nội dung chủ đạo của quản lý nhà nước là xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn; xây dựng chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi thực hiện các quy định trong khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn; xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ khuôn khổ pháp luật và chính sách hỗ trợ có liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn.

Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về ATTP trong

chăn nuôi lợn tại hộ gia đình được thực hiện một cách đồng bộ trên cả 3 nhóm yếu tố chủ đạo là: các yếu tố từ đặc điểm của cơ quan quản lý; các yếu tố từ đặc điểm của hộ chăn nuôi lợn; các yếu tố thị trường và đặc điểm người tiêu thụ lợn hơi xuất chuồng.

Các giải pháp đề xuất tăng cường các nội dung của quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi, chăn nuôi lợn tại hộ gia đình phù hợp với bối cảnh mới, đặc biệt là gắn với các văn bản, nghị quyết của Trung ương Đảng về an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới và về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận án gồm 04 Chương sau:

- Chương 1: Tổng quan các công trình và hướng nghiên cứu của luận án
- Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.
- Chương 3: Thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam.
- Chương 4: Định hướng và giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ XÁC ĐỊNH KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.1.1. Tổng quan các công trình về bản chất và vai trò của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Brown (1997) và Gorter và Swinnen (1994), giải thích bản chất QLNN về ATTP là: “Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường thực phẩm, lúc đầu chỉ với mục đích khắc phục những hạn chế của quan hệ cung-cầu trên thị trường thực phẩm, sau đó tiến tới quản lý vấn đề ATTP để bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng và giảm thiểu những tác động có hại của thực phẩm không an toàn”.

Crutchfield và cộng sự (1997), mô tả QLNN về ATTP thông qua phân tích mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí của việc giảm tác động tiêu cực từ các tác nhân gây bệnh trong các loại sản phẩm thịt tại Hoa Kỳ và cho rằng phúc lợi công cộng có thể tăng nếu chính phủ đưa ra quy định hành chính để can thiệp vào thị trường thực phẩm, nhằm giảm mức độ gây bệnh cho người tiêu dùng của thực phẩm và đưa ra các chương trình truyền thông, giáo dục để nâng cao kiến thức của người tiêu dùng trong tiếp cận và sử dụng thực phẩm, nhằm phòng tránh các nguy cơ dịch, bệnh do thực phẩm gây ra.

Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà (2016) trong nghiên cứu “*Đổi mới thể chế chính sách quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam*” đã nhận diện vấn đề QLNN về ATTP rằng “Luật ATTP của Việt Nam có hiệu lực từ tháng 01/7/2011 đã quy định quản lý ATTP cần áp dụng cách tiếp cận theo chuỗi “từ trang trại đến bàn ăn” với nguyên tắc chủ động phòng ngừa, ngăn chặn mọi nguy không ATTP ngay trong quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thực phẩm. Trách nhiệm quản lý ATTP phải được thực hiện ngay trong quá trình sản xuất, trong đó Bộ NN&PTNT được phân công quản lý ATTP đối với toàn bộ các sản phẩm ban đầu của các chuỗi nông sản thực phẩm gồm: sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển (xuất-nhập khẩu) thực phẩm thuộc 03 nhóm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản”.

Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Bộ NN&PTNT (2016) tại Hội thảo “Hành động để người dân được sử dụng nông sản thực phẩm an toàn” đã đưa khuôn khổ pháp luật về ATTP với 3 cấp độ: Cấp độ Luật bao gồm: Luật An toàn thực phẩm (2010) và 04 bộ Luật có liên quan là: Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật Thanh tra (sửa đổi 2012) và Luật Xử lý vi phạm hành chính. Cấp độ Nghị định bao gồm: các Nghị định (NĐ) của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thực hiện các luật tương ứng như: Nghị định số 38/2012/NĐ-CP; NĐ số 132/2008/NĐ-CP; NĐ số 127/2007/NĐ-CP; NĐ số 07/2012/NĐ-CP và NĐ số 178/2013/NĐ-CP. Cấp độ Thông tư và tương đương gồm: các Thông tư Liên tịch 03 Bộ quy định về phòng kiểm nghiệm thực phẩm và ghi nhãn thực phẩm; Thông tư liên tịch của các Bộ Y tế, NN&PTNT, Công thương về: mức giới hạn các chất hóa học, sinh học được phép sử dụng trong thực phẩm để đảm bảo an toàn; điều kiện vệ sinh, ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Codes of Practices); hệ thống và quy trình giám sát, kiểm tra, thanh tra ATTP trong SXKD (kể cả nhập khẩu) thực phẩm; các quy chuẩn, tiêu chuẩn Quốc gia về thực phẩm (QCVN, TCVN) được các Bộ chuyên ngành cùng Bộ KH&CN xây dựng, công bố.

Nghiên cứu của Hanak và cs (2002) về “Vai trò của nhà nước trong sản xuất nông sản” đã phát hiện rằng ở các nước có nền kinh tế đang phát triển thì nhà nước thực hiện đồng thời chức năng ban hành, kiểm soát việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về ATTP và giữ vai trò giúp đỡ các cơ sở sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thực hiện chuyển đổi phương thức chăn nuôi để đáp ứng được các tiêu chuẩn về ATTP. Theo đó, sự hỗ trợ của nhà nước có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công của bảo đảm ATTP trong sản xuất-tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi nói chung và sản phẩm lợn thịt nói riêng. Chẳng hạn như các hoạt động chế biến sản phẩm CN ở Thái Lan, Costa Rica...

Ching - Fu Lin (2016) trong nghiên cứu “*Tổ chức Y tế thế giới (WHO) trong quản lý an toàn thực phẩm toàn cầu: năng lực chuẩn và các hoạt động*” đã khẳng định rằng cộng đồng quốc tế tiếp tục tin tưởng Tổ chức Y tế thế giới là một tổ chức có vai trò quan trọng trong việc khởi xướng và lãnh đạo vấn đề ATTP toàn cầu thông qua việc công bố và phổ biến về các vấn đề liên quan tới: mô hình tổ chức sắp xếp nhân sự, nâng cao năng lực thể chế nhằm quản lý tốt

ATTP trong sản xuất sản phẩm chăn nuôi ở các quốc gia. Tác giả kiến nghị: Cần củng cố mối quan hệ kết nối giữa các cơ quan tổ chức nhà nước thực hiện chức năng quản lý ATTP ở các lĩnh vực khác nhau, nhằm tối đa hóa các nỗ lực chung, trên cơ sở “một khung thể chế liên lĩnh vực” để thực hiện quản lý ATTP đối với sản phẩm chăn nuôi trên quy mô toàn cầu” (Ching-Fu Lin, 2016).

Nghiên cứu của Yehia El Samragy (2018) về “An toàn thực phẩm-Một số xu hướng toàn cầu” cho rằng, phương pháp quan trọng nhất để bảo vệ sức khỏe cộng đồng là thúc đẩy an toàn thực phẩm, từ lâu đã được công nhận là trách nhiệm của chính phủ ở bất kỳ quốc gia nào. Nó đã được cải thiện thông qua một loạt các yêu cầu luật định và quy định nhằm đáp ứng thực tế là một tỷ lệ đáng kể bệnh tật và tử vong ở người thường có nguồn gốc từ việc cung cấp thực phẩm.

1.1.2. Tổng quan các công trình về nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1.1.2.1. Nội dung xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Robert Buchanan R. (2011) trong nghiên cứu “*Chuyển từ quản lý mối nguy sang quản lý rủi ro đối với vi sinh vật ATTP để thúc đẩy sức khỏe cộng đồng và minh bạch thương mại*”, đã cho rằng: “Pháp luật - Chính sách đảm bảo ATTP là trọng tâm của chính sách phát triển ngành chăn nuôi do các chính phủ đưa ra và thực hiện trong nhiều thập kỷ vừa qua ở các quốc gia trên thế giới”. Chính sách cần đề cập toàn diện vấn đề ATTP từ khâu sản xuất đến chế biến, phân phối và tiêu dùng SPCN (trong nước, xuất khẩu). Cùng với ban hành văn bản pháp luật, chính phủ cần triển khai các các Chương trình truyền thông và hướng dẫn các chủ thể tham gia chuỗi SPCN và các bên liên quan cùng phải chịu trách nhiệm về ATTP ở từng khâu của quá trình: từ cung ứng giống vật nuôi, thức ăn tới chăm sóc, giết mổ, chế biến và tiêu thụ SPCN đảm bảo được yêu cầu về ATTP theo pháp luật.

Đào Đức Huân (2009) thực hiện đề tài khoa học về “*Lý luận thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện QLNN về chất lượng vệ sinh ATTP nông sản ở vùng Đồng bằng Sông Hồng*”, đã nghiên cứu các nội dung của quản lý nhà nước, trong đó có nội dung về xây dựng khuôn khổ pháp luật về chất lượng vệ sinh ATTP trong chăn nuôi. Nghiên cứu chỉ ra rằng, bên cạnh những mặt được, QLNN về chăn nuôi hiện nay còn có một số bất cập, yếu kém gồm: (i) Phân

công các tổ chức tham gia QLNN về chất lượng và ATTP của SPCN chưa rõ ràng; (ii) Các quy định về VS và ATTP chưa sát thực tế; (iii) Công tác thanh tra, kiểm tra VS và ATTP bị cắt khúc, đứt đoạn; (iv) Chế tài xử lý vi phạm về ATTP chưa đạt yêu cầu răn đe; (v) Chưa tổ chức cơ quan giám sát VS và ATTP tại các nơi sản xuất.

Cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, Bộ NN&PTNT (2012) công bố tài liệu *“Quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực trạng và giải pháp”*. Tài liệu này đã đưa ra 4 định hướng cơ bản cho hoạt động QLNN về ATTP gồm: (i) Quản lý ATTP là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; (ii) Cần tổ chức chỉ đạo thống nhất xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương và đảm bảo sự phối hợp liên ngành với sự tham gia tích cực của các chủ thể tham gia sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong quản lý ATTP các loại SPCN; (iii) Đảm bảo sự đồng bộ và không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của bộ máy QLNN về ATTP từ Trung ương đến địa phương về chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất và chất lượng của SPCN; (iv) tăng cường xã hội hóa, nâng cao vai trò trách nhiệm cơ sở sản xuất-kinh doanh bảo đảm ATTP.

Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà (2016), trong nghiên cứu *“Đổi mới thể chế chính sách quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam”* đã nhận định rằng: Đến năm 2016 Việt Nam mới chỉ hợp chuẩn được khoảng 65% các quy định về ATTP của Codex. Điều này có nghĩa là vẫn còn một khối lượng lớn các quy chuẩn của Việt Nam bị lạc hậu vừa không được các nước chấp thuận vừa không bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Điều này cho thấy sự khó khăn của xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn thịt, nhất là để đáp ứng thị trường quốc tế.

Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2016) trong báo cáo *“Hành động để người dân được sử dụng nông sản thực phẩm an toàn”* đã phản ánh nội dung quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn hiện nay còn nhiều bất cập và đề xuất “khung pháp luật về ATTP” cần đầy đủ, đồng bộ ở cả 3 cấp độ: Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của thực phẩm đảm bảo an toàn để phục vụ cho công tác QLNN về ATTP.

Hoạt động hỗ trợ của FAO cho Việt Nam về QLNN đối với ATTP gồm: xây dựng văn bản pháp luật, chiến lược, kế hoạch hành động, cơ chế chính sách,

bộ máy chính quyền cũng như TC sản phẩm nông nghiệp, quy trình QL chất lượng và ATTP, giới thiệu và tuân thủ TC và thông lệ quốc tế trong đó SPCN được chú trọng. Nhờ đó, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành QĐ số 147/2008/QĐ-TTg quy định lộ trình Việt Nam thực hiện các cam kết về vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật, như hài hoà các TC vệ sinh ATTP và kiểm dịch động thực vật theo Codex Alimentarius, của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) và của Ủy ban về các biện pháp SPS. Quyết định này đặt ra mục tiêu đánh giá rủi ro và thực thi các biện pháp kiểm soát chất lượng, ATTP và xây dựng năng lực thể chế, thông báo tiêu chuẩn đã quốc tế hóa.

1.1.2.2. Nội dung xây dựng chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợi tại hộ gia đình

Buchanan R.(2011) trong nghiên cứu *Chuyển từ quản lý mối nguy sang quản lý rủi ro đối với vi sinh vật ATTP để thúc đẩy sức khỏe cộng đồng và minh bạch thương mại*, đã cho rằng: “Chính sách bảo đảm ATTP là trọng tâm của chính sách phát triển ngành chăn nuôi do các chính phủ đưa ra và thực hiện trong nhiều thập kỷ vừa qua ở các quốc gia trên thế giới”, cần triển khai các Chương trình để các bên liên quan cùng phải chịu trách nhiệm về ATTP từ cung ứng giống vật nuôi, thức ăn tới chăm sóc, giết mổ, chế biến và tiêu thụ SPCN bảo đảm được yêu cầu về ATTP theo pháp luật.

Giang Hương và Phạm Văn Hùng (2023), phân tích thực trạng lợi ích kinh tế và khó khăn trong liên kết CNL thịt của các hộ nông dân tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Kết quả nghiên cứu cho thấy bao gồm ở các hộ nông dân CNL thịt liên kết theo cả hình thức chính thức và phi chính thức nên cần liên kết hoạt động mua bán con giống, mua chung thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, vay vốn và tiêu thụ sản phẩm. Hộ chăn nuôi liên kết chính thức với nhau bằng việc tham gia hợp tác xã, để giảm giá đầu vào, được tham gia tập huấn và chia sẻ thông tin, tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi tăng cường các điều kiện đảm bảo ATTP trong CNL. Để làm được việc này, nhà nước cần phải tăng cường xây dựng và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ.

1.1.2.3. Nội dung xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợi tại hộ gia đình

Năm 2003, các tổ chức FAO và WHO đã nghiên cứu và đưa ra bản hướng dẫn công tác QLNN về ATTP đối với SPCN cho các quốc gia với 5 thành phần

chính gồm: Luật ATTP; Bộ máy QLNN về ATTP; giám sát kiểm tra ATTP; Dịch vụ phân tích an toàn thực phẩm; Dịch vụ thông tin, truyền thông và giáo dục, đào tạo về ATTP. Theo bản hướng dẫn này, thì bộ máy QLNN về ATTP có thể tổ chức theo 3 mô hình sau, đó là: (i) Mô hình bộ máy đa cơ quan nhà nước cùng tham gia quản lý ATTP (nhiều cơ quan nhà nước cùng tham gia quản lý an toàn thực phẩm); (ii) Mô hình bộ máy một cơ quan thực hiện QLNN về an toàn thực phẩm; (iii) Mô hình bộ máy hỗn hợp cơ quan nhà nước và các tổ chức phi nhà nước cùng tham gia quản lý ATTP ở từng cấp hành chính và từng địa bàn.

Năm 2016 Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà, trong nghiên cứu về *“Đổi mới thể chế chính sách quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam”* đã cho rằng: “Bộ máy quản lý ATTP đối với SPCN phải được bố trí đồng bộ bám theo quá trình sản xuất-chế biến-tiêu thụ SPCN; cần được phân công QLATTP đối với toàn bộ các hoạt động của Chuỗi cung ứng SPCN gồm: đầu vào chăn nuôi, giết mổ, chế biến, bảo quản, vận chuyển SPCN (kể cả nhập khẩu)”.

Các tác giả Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Văn Hùng, Ninh Xuân Trung (2016) trong nghiên cứu: *“Các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ xảy ra dịch bệnh trong chăn nuôi lợn ở tỉnh Hưng Yên”* cho rằng: “Chăn nuôi lợn ở Hưng Yên thường xuyên bị mắc nhiều bệnh như viêm phổi, sốt, tai xanh, phù đầu và tụ huyết trùng... bệnh tiêu chảy là phổ biến nhất. Các yếu tố khiến lợn bệnh và chết bao gồm quy mô chăn nuôi, mật độ chăn nuôi, chất lượng dịch vụ thú y, việc cách ly đàn lợn, vệ sinh chuồng nuôi và nguồn gốc con giống. Để giảm thiểu rủi ro và thiệt hại do dịch bệnh gây ra, chính quyền địa phương cần có các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thú y và quy hoạch tổng thể phát triển chăn nuôi ở địa phương; người chăn nuôi cần làm tốt cách ly đàn lợn, vệ sinh chuồng trại và nên chủ động con giống lợn”.

Giang Hương và Phạm Văn Hùng (2023) công bố nghiên cứu *“Phân tích thực trạng lợi ích kinh tế và khó khăn trong liên kết chăn nuôi lợn thịt của các hộ nông dân tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên”*. Nghiên cứu này đề cập vấn đề thực hiện VietGAP trong CNL thịt, được coi là có ưu thế khi tạo ra sản phẩm an toàn là xu thế phát triển của thế giới. Từ đó các tác giả đã chỉ ra 03 nhóm yếu tố ảnh hưởng tới quyết định của HGĐ CNL theo quy trình VietGAP gồm: (i). Kinh

nghiệm CNL có sẵn; (ii). Chủ hộ được tập huấn kiến thức mới về CNL; (iii). Tiếp cận dịch vụ thú y tại chỗ ảnh hưởng đến quyết định CNL. Nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp theo 04 nhóm yếu tố này: từ SX tới thị trường, gồm tập huấn kỹ thuật, nâng cao khả năng dịch vụ thú y, năng lực người chăn nuôi.

1.1.2.4. Nội dung thanh tra và kiểm tra về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợi tại hộ gia đình

Đỗ Hoàng Toàn và cộng sự (2017) cho rằng, thanh tra, kiểm tra và giám sát là những hoạt động của kiểm soát sự phát triển, là những hoạt động của Nhà nước nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc, đổ vỡ, khó khăn cũng như những cơ hội cho phát triển.

FAO (2015), đã đưa ra một số khuyến cáo về các nội dung và nguyên tắc của QLNN về ATTP ở mỗi quốc gia trong điều kiện hội nhập quốc tế cần triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý ATTP theo chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi; Phát huy tối đa năng lực vai trò của các cơ quan Chính phủ trong quản lý ATTP và huy động sự tham gia của người của toàn chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi; giám sát, phân tích đánh giá mức độ các nguy cơ mất ATTP trong CN; yêu cầu các tác nhân trong chuỗi cung ứng sản phẩm CN cùng tham gia giám sát các nguy cơ gây mất ATTP; đánh giá định kỳ các ảnh hưởng của pháp luật tới kết quả QLNN về ATTP. FAO cũng khuyến cáo từng quốc gia nên địa phương hóa các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy tắc quản lý ATTP do FAO đưa ra cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

Theo Helander (2009), Chính phủ Hoa Kỳ đã áp dụng quản lý ATTP theo HACCP trong sản xuất-tiêu thụ các loại thịt và thủy sản dựa trên phân tích nguy cơ mất ATTP và điểm tới hạn (HACCP), bao gồm các công việc chính sau: Phân tích các nguy cơ theo từng khâu của chuỗi cung ứng SPCN; Xác định các điểm yếu hay xảy ra mất ATTP để theo dõi; Xác định các ngưỡng (mức) kiểm soát tại các điểm cần theo dõi; Xây dựng hệ thống công cụ theo dõi kiểm soát; Tiến hành các điều chỉnh cho các điểm yếu đã được kiểm soát để hạn chế rủi ro có thể xảy ra; Thực hành ghi chép kiểm tra sự vận hành của hệ thống theo dõi, kiểm soát.

Nguyễn Văn Phơ và cộng sự (2019) đã khảo sát thực trạng CNL theo hướng ATTP ở huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh nhằm đề xuất các giải pháp

tăng cường CNL theo hướng an toàn thực phẩm nhằm khắc phục các thực hành có nguy cơ ảnh hưởng đến việc lây lan dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Trong các giải pháp, tác giả có đề xuất tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm thay đổi hành vi ứng xử với lợn bệnh.

Các tác giả Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Văn Hùng, Ninh Xuân Trung (2016) cho rằng: Các yếu tố khiến lợn bệnh và chết bao gồm quy mô chăn nuôi, mật độ chăn nuôi, chất lượng dịch vụ thú y, việc cách ly đàn lợn, vệ sinh chuồng nuôi và nguồn gốc con giống. Để giảm thiểu rủi ro dịch bệnh và thiệt hại do dịch bệnh gây ra, chính quyền địa phương cần có các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thú y và quy hoạch tổng thể phát triển chăn nuôi ở địa phương để phát hiện xử lý các sự cố ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.

Đào Đức Huân (2009), trong đề tài khoa học về *“Lý luận thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện QLNN về chất lượng vệ sinh ATTP nông sản ở vùng Đồng bằng Sông Hồng”*, đã sử dụng phương pháp khảo sát, điều tra các đối tượng tham gia sản xuất nông sản tại Hà Nội, Nam Định, Hải Dương để thu thập thông tin sơ cấp về tình hình ATTP và QLNN đối với ATTP ở vùng ĐBSH. Kết quả nghiên cứu đề tài đã làm rõ các bất cập yếu kém của QLNN về VSATTP trong sản xuất nông nghiệp ở vùng ĐBSH hiện nay: công tác thanh tra, kiểm tra VS và ATTP bị cắt khúc, đứt đoạn; Chế tài xử lý vi phạm về VS và ATTP chưa đạt yêu cầu răn đe; Chưa tổ chức cơ quan giám sát VS và ATTP tại các nơi sản xuất.

Cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, Bộ NN&PTNT (2012), trong tài liệu *“Quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực trạng và giải pháp”*, đưa ra định hướng bảo đảm sự đồng bộ, không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của bộ máy QLNN về ATTP từ Trung ương đến địa phương; tăng cường xã hội hóa và nâng cao vai trò trách nhiệm của các cơ sở sản xuất-kinh doanh trong đảm bảo ATTP.

1.1.3. Tổng quan các công trình về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Giang Hương và Phạm Văn Hùng (2023) công bố nghiên cứu *“Phân tích thực trạng lợi ích kinh tế và khó khăn trong liên kết chăn nuôi lợn thịt của các hộ nông dân tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên”* cho rằng có nhiều yếu tố ảnh

hưởng tới quản lý nhà nước có liên quan đến chăn nuôi lợn tại hộ gia đình, trong đó có 2 nhóm yếu tố. Yếu tố từ phía đặc điểm hộ chăn nuôi như kinh nghiệm sẵn có của hộ; mức độ các hộ được tập huấn đào tạo; năng lực của hộ chăn nuôi. Yếu tố từ phía nhà nước như mức độ sẵn có của hạ tầng dịch vụ thú y; nguồn lực tài chính tổ chức các hoạt động quản lý chăn nuôi.

Nguyễn Văn Phơ (2022) trong luận án *"Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng an toàn thực phẩm tại tỉnh Bắc Ninh"* cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi lợn theo hướng an toàn thực phẩm, trong đó nhóm từ phía nhà nước có các yếu tố như chất lượng và nguồn lực thực hiện quy hoạch chăn nuôi, chính sách thúc đẩy chăn nuôi; chất lượng của các quy định về ATTP trong chăn nuôi và quản lý thị trường; mạng lưới quản lý dịch bệnh và công tác thú y. Nhóm từ hộ chăn nuôi có các yếu tố như nguồn lực của hộ chăn nuôi, kỹ năng quản lý môi trường chăn nuôi của hộ. Nhóm từ bên cung cấp gồm có đặc điểm của các cơ sở cung cấp lợn giống, thức ăn; các yêu cầu và thị hiếu người tiêu dùng.

Nguyễn Ngọc Xuân (2015) trong luận án *"Nghiên cứu phát triển chăn nuôi lợn theo quy trình ViệtGAP tại thành phố Hà Nội"* cho rằng, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước trong phát triển chăn nuôi theo hướng VietGAP và an toàn thực phẩm, đó là có các yếu tố liên quan đến chất lượng và sự đầy đủ của các quy định pháp luật của nhà nước về ATVSTP trong chăn nuôi; nguồn lực phục vụ chăn nuôi của hộ; năng lực liên kết trong chăn nuôi giữa hộ và các chủ thể khác; kỹ thuật chăn nuôi của hộ; các yêu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng.

Phạm Thị Thanh Thảo (2019) trong luận án *"Nghiên cứu thực trạng và giải pháp chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại Lâm Đồng"* cho rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong đó có chia thành một số nhóm yếu tố như nguồn lực của nhà nước trong việc tổ chức các hoạt động về vệ sinh an toàn thực phẩm; đặc điểm của hộ chăn nuôi; đặc điểm và áp lực của người tiêu thụ sản phẩm thịt lợn.

1.1.4. Kết quả nghiên cứu được kế thừa trong luận án

1) Vấn đề QLNN về ATTP trong chăn nuôi nói chung và CNL nói riêng

là rất cần thiết và cần được tăng cường trong quá trình ngành chăn nuôi hội nhập sâu, rộng vào thương mại toàn cầu do các Hiệp định FTAs tạo ra. QLNN về ATTP trong chăn nuôi có ý nghĩa tích cực đồng thời đối với cả người chăn nuôi (bảo đảm tiêu thụ ổn định sản phẩm làm ra) và người tiêu dùng SPCN (bảo đảm sức khỏe), từ đó giúp ngành chăn nuôi phát triển bền vững. Vì vậy Chính phủ các quốc gia đều chú trọng tới QLNN về ATTP trong chăn nuôi.

2) Chủ thể quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình là các cơ quan, tổ chức nhà nước. Với vị trí là chủ thể quản lý ATTP, Nhà nước giữ vai trò chủ động, định hướng, hướng dẫn các tác nhân tham gia chuỗi SPCN thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong chăn nuôi lợn. Nói cách khác, Nhà nước sử dụng các công cụ để thúc đẩy tính kiến tạo, tính thúc đẩy và tính tuân thủ của các hộ gia đình chăn nuôi lợn để họ thực thi các biện pháp bảo đảm ATTP theo quy định của pháp luật.

3) Đối tượng bị quản lý trong lĩnh vực ATTP là các hộ gia đình chăn nuôi lợn. Khi đó, các hộ chăn nuôi lợn phải có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP đối với hoạt động chăn nuôi trong từng khâu như cung ứng đầu vào, chăm sóc vật nuôi và tiêu thụ vật nuôi (xuất chuồng); đồng thời chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan, tổ chức thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm.

4) Các nội dung (công việc) của QLNN về ATTP trong CN lợn khá đa dạng, có thể nhóm lại thành 4 hoạt động chính đó là: ban hành văn bản pháp luật quy định về ATTP; ban hành chính sách hỗ trợ thúc đẩy các hộ chăn nuôi lợn thực hiện tốt hơn các quy định pháp luật về ATTP; xây dựng bộ máy quản lý nhà nước thực thi hiệu quả quản lý ATTP trong chăn nuôi phù hợp với điều kiện chăn nuôi; kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định pháp luật và chính sách về ATTP của các hộ chăn nuôi lợn.

5) Các nghiên cứu trước đây xác định có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ATTP và quản lý nhà nước về ATTP trong CN lợn tại hộ gia đình, từ các yếu tố này có thể chia làm 3 nhóm, đó là: Nhóm thuộc về đặc điểm của khối cơ quan nhà nước (chủ thể quản lý); nhóm thuộc về đặc điểm hộ chăn nuôi (đối tượng bị quản lý); và nhóm đặc điểm người tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi (yêu cầu của thị trường tiêu thụ).

1.1.5. Khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1) Các công trình nghiên cứu trước về an toàn thực phẩm thường nghiên cứu các yếu tố trực tiếp gây mất an toàn cho thực phẩm, ít có công trình nào nghiên cứu ATP theo hướng tiếp cận từ xa, từ công đoạn đầu tiên hình thành nên thực phẩm đó là giai đoạn chăn nuôi lợn ở hộ gia đình. Cùng với đó, khi nghiên cứu các hoạt động chăn nuôi có thể gây mất ATTP, các công trình nghiên cứu trước thường chỉ nghiên cứu một vài hoạt động, chưa có nhiều công trình đề cập một cách toàn diện cả 4 hoạt động chăn nuôi của hộ gia đình có thể gây mất ATTP là hoạt động chuẩn bị chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi; chuẩn bị nguồn thức ăn và phối trộn thức ăn; quản lý dịch bệnh và công tác thú y; đến hoạt động tiêu thụ lợn hơi (xuất chuồng).

2) Hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn, quản lý nhà nước trong chăn nuôi lợn. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam có đầy đủ cùng lúc cả 4 nội dung chủ đạo của quản lý nhà nước, gồm: việc xây dựng khuôn khổ pháp luật; xây dựng chính sách hỗ trợ; xây dựng bộ máy quản lý; và kiểm tra, giám sát về ATTP.

3) Các công trình nghiên cứu về an toàn thực phẩm hoặc quản lý nhà nước về ATTP thực phẩm trong chăn nuôi lợn trước đây thường được nghiên cứu đơn lẻ theo từng địa phương hoặc từng vùng, chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách đồng bộ cả 4 nội dung chủ đạo của quản lý nhà nước trên phạm vi cả nước.

4) Các công trình nghiên cứu có liên quan đến an toàn thực phẩm và quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trước đây đã được tổ chức nghiên cứu nhiều năm về trước, chưa có nghiên cứu nào gắn với bối cảnh mới khi cả nước tổ chức hiện thực hóa Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

1.2. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Đánh giá về tình hình chăn nuôi, thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình để đề xuất bổ sung, hoàn thiện

giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình, từ đó góp phần bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng và góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển theo hướng bền vững.

1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.

2) Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam.

3) Đề xuất giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam.

1.2.3. Phạm vi nghiên cứu

1.2.3.1. Về nội dung nghiên cứu

Về chủ thể quản lý và đối tượng bị quản lý: Chủ thể quản lý là cơ quan nhà nước có liên quan đến QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình từ Trung ương đến địa phương; đối tượng bị quản lý là các hộ gia đình chăn nuôi lợn (lợn thịt hơi) ở Việt Nam.

Nội dung quản lý nhà nước: Tập trung nghiên cứu 4 nội dung chủ yếu của quản lý nhà nước, gồm: xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP; xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích thực hiện các quy định pháp luật về ATTP; xây dựng bộ máy quản lý các hoạt động về ATTP; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ về ATTP trong chăn nuôi lợn.

Phạm vi quản lý nhà nước: Tập trung vào 4 hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình có liên quan nhiều đến khả năng làm mất ATTP gồm: xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi; sử dụng thức ăn (nguyên liệu, chất phụ gia và phối trộn); chăm sóc thú y (sử dụng kháng sinh, hóa chất trong phòng và chữa bệnh); tiêu thụ sản phẩm (xuất chuồng, bán lợn hơi ra thị trường trước giết mổ).

1.2.3.2. Phạm vi về không gian nghiên cứu

Nghiên cứu QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình trên phạm vi cả nước; trong đó tập trung điều tra thu thập số liệu tại 4 địa phương

gồm: tỉnh Thái Bình và TP Hà Nội (đại diện cho miền Bắc); tỉnh Quảng Nam (đại diện cho miền Trung); tỉnh Đồng Nai (đại diện cho miền Nam).

1.2.3.3. Phạm vi về thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng QLNN về ATTP trong CNL tại các hộ gia trong giai đoạn 2016 - 2022; đề xuất bổ sung, hoàn thiện giải pháp nhằm tăng cường QLNN về ATTP trong CNL tại HGD cho giai đoạn đến năm 2030.

1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu

1) Các vấn đề về bản chất, vai trò, đặc điểm, các nội dung và yếu tố ảnh hưởng tới QLNN về ATTP trong CNL tại HGD là gì?

2) Thực trạng triển khai các nội dung QLNN về ATTP trong CNL tại HGD ở Việt Nam đã diễn ra thế nào trong giai đoạn 2016-2022, các kết quả, hạn chế là gì?

3) Các giải pháp nào cần áp dụng để phát huy kết quả, khắc phục hạn chế giúp tăng cường QLNN về ATTP trong CNL tại HGD đến 2030?

1.3. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.3.1. Cách tiếp cận và khung phân tích

1.3.1.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

1) Cách tiếp cận theo nội dung của quản lý

Quản lý nhà nước được hiểu là nhà nước tổ chức các hoạt động của mình để điều chỉnh đối tượng bị quản lý theo một mục tiêu đã đề ra trước. Trong đó, các hoạt động điều chỉnh còn được gọi là các nội dung quản lý. Các nội dung của QLNN khá đa dạng tùy theo cách phân loại và mục tiêu phân loại. Cách phân loại theo vĩ mô (kinh tế tổng hợp), nội dung quản lý nhà nước thường được phân theo 4 nội dung cơ bản. Vì thế, cách tiếp cận theo nội dung của quản lý sẽ giúp cho luận án tổ chức đánh giá, phát hiện vấn đề và xử lý vấn đề theo các nội dung cơ bản của quản lý, đó là: xây dựng khuôn khổ pháp luật (các quy định có tính bắt buộc phải thực hiện); xây dựng chính sách hỗ trợ để các đối tượng bị quản lý triển khai các hoạt động để tuân thủ các quy định pháp luật; xây dựng bộ máy để quản lý các hoạt động theo các quy định pháp luật; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và chính sách hỗ trợ của đối tượng bị quản lý có liên quan đến ATTP trong CNL tại HGD. Cách tiếp cận này còn giúp luận án nhận diện rõ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo đảm ATTP trong CNL mà HGD phải

thực hiện và quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước liên quan phải thực hiện để làm tốt công tác QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ.

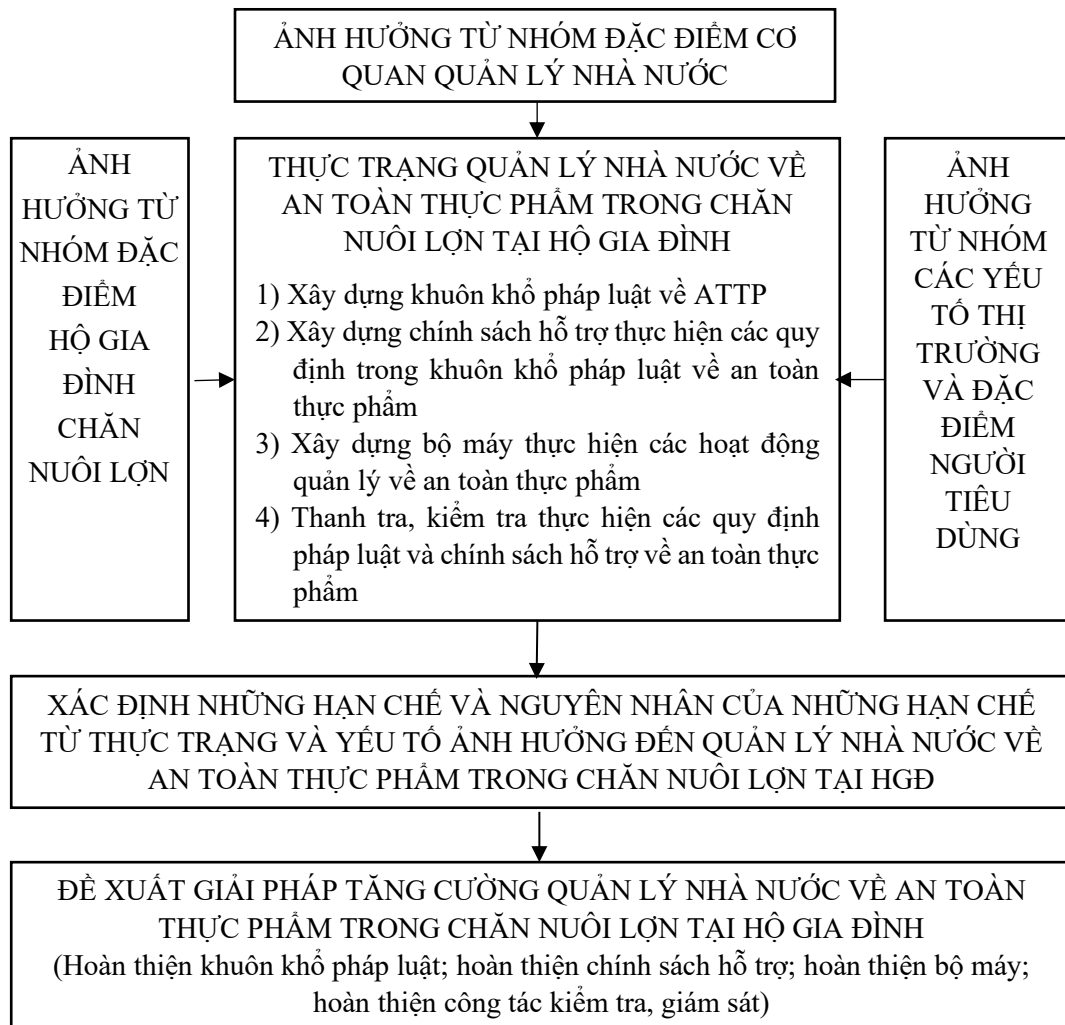
2) Cách tiếp cận theo quy trình chăn nuôi của đối tượng bị quản lý

Các hoạt động CNL tại HGĐ khá đa dạng; các hoạt động này đều ẩn chứa các mối nguy cơ có thể làm mất ATTP, vì thế để đảm bảo không bị mất ATTP thì quản lý nhà nước phải quản lý từng hoạt động theo cả quy trình chăn nuôi. Vì thế, cách tiếp cận theo chu trình hoạt động giúp thuận lợi hơn trong việc xác định được các nội dung (công việc) cụ thể mà HGĐ cần thực hiện, nhà nước phải quản lý để các nguy cơ làm mất ATTP ít xảy ra nhất. Các hoạt động này được phân thành 4 nhóm chính, gồm: 1) Xây dựng chuồng trại và hạ tầng bảo đảm ATTP cho CNL tại HGĐ; 2) Lựa chọn và phối trộn nguyên liệu làm thức ăn để sử dụng nuôi dưỡng lợn bảo đảm ATTP; 3) Chăm sóc thú y, sử dụng kháng sinh, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn; 4) Tiêu thụ lợn hơi (xuất chuồng) bảo đảm ATTP ở các HGĐ. Trên cơ sở 4 hoạt động trên, luận án làm rõ các công việc cụ thể của QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ mà các cơ quan nhà nước liên quan cần thực hiện. Từ đó, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ.

1.3.1.2. Khung phân tích vấn đề nghiên cứu

Quản lý nhà nước về ATTP trong CNL tại HGĐ được phản ánh qua các hoạt động của nhà nước nhằm định hướng, thúc đẩy và bắt buộc các hộ gia đình chăn nuôi lợn phải tuân thủ các quy định để không gây ra các tiềm ẩn làm mất ATTP khi lợn được chuyển sang giai đoạn giết mổ bán cho người tiêu dùng làm thực phẩm. Kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, các hoạt động của nhà nước khá đa dạng, nhưng đối với quản lý về ATTP trong CNL thường có 4 hoạt động chủ lực đó là xây dựng khuôn khổ pháp luật (các quy định có tính bắt buộc phải thực hiện); xây dựng chính sách hỗ trợ để các đối tượng bị quản lý triển khai các hoạt động để tuân thủ các quy định pháp luật; xây dựng bộ máy để quản lý các hoạt động theo các quy định pháp luật; kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật và chính sách hỗ trợ của đối tượng bị quản lý. Các hoạt động quản lý này mà phù hợp thì kết quả QLNN được đánh giá là tốt, nghĩa là các tiềm ẩn gây mất ATTP trong thịt lợn khi được giết mổ sẽ trong ngưỡng cho phép, không làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Tuy nhiên, tổ chức các hoạt động quản lý nhà nước phù hợp đến đâu còn phụ thuộc vào các yếu tố ảnh hưởng bên ngoài; các yếu tố ảnh hưởng mà thuận lợi thì các hoạt động quản lý nhà nước được triển khai thuận lợi, mang lại kết quả quản lý tốt nhất, tối ưu nhất.



Hình 1.1: Khung phân tích quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Nguồn: Tự tổng hợp và xây dựng dựa trên các công trình nghiên cứu khác

Ngược lại, cũng cùng một cách tổ chức triển khai hoạt động quản lý nhà nước nhưng yếu tố ảnh hưởng không thuận lợi thì hiệu quả của quản lý cũng bị ảnh hưởng. Qua tổng quan các công trình nghiên cứu, yếu tố ảnh hưởng đến ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình khá nhiều, trong đó có 3 nhóm chính đó là: nhóm thuộc đặc điểm của cơ quan nhà nước; nhóm thuộc đặc điểm hộ chăn nuôi; và nhóm thuộc các yếu tố thị trường và đặc điểm người tiêu dùng (thị trường tiêu thụ).

Qua đó cho thấy, khi nghiên cứu quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình trước hết phải xác định được những bất cập, vướng mắc trong 4 hoạt động của quản lý nhà nước; đồng thời phân tích 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quản lý, tức đi tìm nguyên nhân của những bất cập, vướng mắc của quản lý nhà nước để đề xuất giải pháp bổ sung, hoàn thiện các nội dung quản lý nhà nước được tốt hơn. Các nội dung này được mô tả như Hình 1.1.

1.3.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

1.3.2.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu thứ cấp

Thông tin, số liệu thứ cấp là loại hình thông tin của các tổ chức, cá nhân đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và đã được các tổ chức, cá nhân đảm bảo mức độ tin cậy. Thông tin, số liệu thứ cấp giúp làm rõ các nội dung đánh giá thực trạng về QLNN, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về ATTP trong CN lợn ở HGĐ. Trong phạm vi luận án, nguồn thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn cơ bản sau:

1) Thu thập có chọn lọc các thông tin về cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn từ các tài liệu khoa học (sách, tạp chí, luận án, bài báo khoa học) công bố ở trong, ngoài nước liên quan đến QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn nói chung và chăn nuôi lợn tại HGĐ nói riêng.

2) Thu thập và khảo cứu các tài liệu, báo cáo của cơ quan, tổ chức thực hiện QLNN về ATTT ở Trung ương như: Bộ NN&PTNT (gồm: Cục Quản lý chất lượng NLTS; Cục Chế biến thương mại NLS và nghề muối; Cục Thú y; Cục Chăn nuôi; Trung tâm Khuyến nông quốc gia); Bộ Công Thương (Vụ thị trường trong nước); Bộ Y tế (Cục ATTP); Tổng cục Thống kê. Cùng với đó là các báo cáo của các sở; UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan; các Chi cục có liên quan thuộc Sở NN&PTN tại 4 địa phương chọn điểm nghiên cứu là Hà Nội, Thái Bình, Quảng Nam và Đồng Nai.

3) Hệ thống các văn bản pháp quy (quy định pháp luật) và chính sách hỗ trợ có liên quan đến ATTP trong CN lợn tại HGĐ được các cơ quan nhà nước ban hành như Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành và HĐND, UBND các cấp của 4 địa phương chọn điểm nghiên cứu.

1.3.2.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp qua điều tra hộ gia đình

1) Chọn điểm điều tra

Để làm rõ được thực trạng QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ ở Việt Nam và để có những quan sát, khảo sát thực tế tại một số địa phương, cụ thể là 04 địa phương gồm: Thái Bình, Quảng Nam, Đồng Nai và Hà Nội. Mỗi tỉnh, thành phố chọn 2 huyện để điều tra. Việc lựa chọn 4 địa phương này dựa trên cơ sở góp ý, tư vấn của các chuyên gia của Bộ NN&PTNT (Cục Chăn nuôi, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Thanh tra bộ...) mang tính đại diện cho 03 miền (Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam) ở nước ta. Lý do cụ thể chọn 4 địa phương này như sau:

- Thành phố Hà Nội: là một bức tranh đa dạng nhiều màu sắc về hoạt động CNL với tổng đàn lợn thịt thuộc nhóm lớn nhất cả nước (1.261,2 nghìn con) với 100.376 hộ chăn nuôi lợn (Tổng cục Thống kê, 2023). Thành phố có nhiều chính sách và nguồn lực hỗ trợ về vốn, kỹ thuật nhưng vẫn còn đến trên 61% các hộ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phân tán (Cục Chăn nuôi 2023). Hà Nội là địa phương đại diện cho sự đa dạng, phức tạp trong hoạt động sản xuất CNL thịt tại Việt Nam, với sự pha trộn giữa sản xuất hàng hóa quy mô lớn và sản xuất tự cung, tự cấp quy mô nhỏ; cùng với đó là một trong những thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lớn, nơi diễn ra các hoạt động vận chuyển, tập kết lợn xuất chuồng trước giết mổ lớn nhất Miền Bắc và cả nước, có thị trường tiêu dùng đứng hàng đầu cả nước và khu vực.

- Tỉnh Thái Bình: hiện nay tổng đàn lợn của tỉnh khoảng 591,8 nghìn con với khoảng 43.206 hộ chăn nuôi lợn (Tổng cục Thống kê, 2023). Thái Bình là địa phương đứng thứ 6 cả nước, đứng thứ 2 Đồng bằng sông Hồng về quy mô đàn lợn. Tỷ lệ hộ chăn nuôi quy mô nhỏ giảm, hộ nuôi quy mô lớn tăng mạnh vì thế có thể xem Thái Bình là địa phương đại diện cho nhóm tỉnh đang có sự chuyển đổi mạnh mẽ từ chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ sang chăn nuôi quy mô lớn.

- Tỉnh Quảng Nam: Hiện nay, tổng đàn lợn của tỉnh khoảng 293,2 nghìn con với 60.119 hộ chăn nuôi lợn (Tổng cục Thống kê, 2023). Qua đó cho thấy, tổng đàn thì ít nhưng số hộ chăn nuôi lại rất nhiều. Nên có thể xem tỉnh Quảng Nam đại diện cho các tỉnh đang sản xuất lợn thịt theo hướng truyền thống, tăng gia, xóa đói giảm nghèo, sản xuất nhỏ lẻ.

- Tỉnh Đồng Nai: Hiện nay, tổng đàn lợn của tỉnh là 2.154,5 nghìn con nhưng chỉ có khoảng 11.807 hộ chăn nuôi lợn (Tổng cục Thống kê, 2023). Qua đó cho thấy, tổng đàn lợn thì rất lớn (lớn nhất cả nước) trong khi số hộ chăn nuôi lại rất ít. Nên có thể xem tỉnh Đồng Nai là địa phương đại diện cho nhóm các tỉnh đang sản xuất lợn hàng hóa chăn nuôi công nghiệp, công nghệ cao tổ chức sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi khép kín an toàn... nhưng được phát triển từ nền tảng chăn nuôi HGD trước đây.

2) Chọn đối tượng điều tra và phương pháp điều tra

Tại các địa phương chọn điểm nghiên cứu, luận án đã tổ chức điều tra các hộ chăn nuôi lợn để ghi nhận thông tin phản ánh của họ về các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình. Cách thức điều tra là điều tra có sử dụng bảng hỏi. Số lượng hộ được chọn để điều tra được xác định bằng phương pháp của Taro Yamane. Theo Taro Yamane, số lượng đơn vị mẫu cần điều tra được xác định bằng công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \cdot e^2}$$

Trong đó: n: Số đơn vị cần lấy để điều tra

N: Số đơn vị trong tổng thể

e: Là mức độ sai số mong muốn

Hiện nay, tổng số hộ chăn nuôi lợn của 4 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn làm địa bàn điều tra là 214.596 hộ. Với số lượng hộ nuôi như hiện nay, áp dụng theo công thức chọn mẫu của Taro Yamane, với độ tin cậy từ 93% đến 95% (tức mức độ sai số mong muốn tương ứng 0,07 và 0,05) thì số lượng hộ cần phải điều tra tối thiểu là từ 203 đến 399 hộ. Trên cơ sở này, trong phạm vi luận án, tổng số hộ chăn nuôi đã được điều tra là 420 hộ (nhiều hơn số lượng yêu cầu tối thiểu). Số hộ điều tra này được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ hộ chăn nuôi hiện có theo từng địa phương (Bảng 1.1). Trong đó, Thành phố Hà Nội có số hộ chăn nuôi nhiều (chiếm 46,4%) nên số hộ chọn điều tra nhiều nhất (195 hộ, tương đương 46,4% tổng mẫu cần điều tra); còn tỉnh Đồng Nai có ít hộ chăn nuôi hơn nên số lượng hộ chọn điều tra cũng ít (chỉ 23 hộ). Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn để điều tra, NCS đã căn cứ vào quy mô đàn lợn nuôi tại các huyện và sự gợi ý của Sở NN&PTNT từng tỉnh để chọn 2 huyện đại diện; mỗi huyện điều tra 50% số mẫu cần điều tra trên

địa bàn mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cụ thể, tại Hà Nội chọn 2 huyện là Đông Anh và Sóc Sơn; tại tỉnh Thái Bình chọn 2 huyện là Đông Hưng và Kiến Xương; tại Quảng Nam chọn 2 huyện là Duy Xuyên và Đại Lộc; tại Đồng Nai chọn 2 huyện là Cẩm Mỹ và Xuân Lộc. Việc lựa chọn từng hộ để điều tra được sử dụng theo phương pháp chọn ngẫu nhiên, thuận tiện.

Bảng 1.1: Số lượng hộ chăn nuôi đã điều tra tại 4 tỉnh, thành phố

TT	Tên địa phương	Tổng số hộ nuôi lợn		Tổng số hộ điều tra	
		SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Hà Nội	99.508	46,4	195	46,4
2	Thái Bình	43.026	20,0	84	20,0
3	Quảng Nam	60.268	28,1	118	28,1
4	Đồng Nai	11.794	5,5	23	5,5
	Tổng	214.596	100	420	100

Nguồn: Số hộ chăn nuôi lấy từ Tổng cục Thống kê 2023

3) Nội dung điều tra

Hộ CNL là đối tượng chịu QLNN về ATTP trong đề tài Luận án này. Vì vậy, kết quả điều tra thực trạng bảo đảm ATTP trong CNL ở các HGĐ tại 4 tỉnh, thành phố lựa chọn sẽ phản ánh thực trạng kết quả QLNN về ATTP trong CNL hiện nay. Theo đó, nội dung điều tra các hộ gia đình CNL tập trung vào 4 nội dung liên quan tới QLNN về ATTP gồm: (1) Các quy định pháp luật về ATTP áp dụng trong CNL mà các hộ gia đình phải tuân thủ; (2) Các chính sách hỗ trợ đã ban hành mà các HGĐ đã tiếp cận và được thụ hưởng để thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP áp dụng trong CNL; (3) Các ý kiến, đánh giá của HGĐ về tổ chức và hoạt động của bộ máy, nhân lực thực hiện quản lý ATTP trong CNL; (4) Đánh giá của HGĐ về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về bảo đảm ATTP được áp dụng trong CNL tại HGĐ (nội dung tại Phụ lục 1).

4) Thời gian tổ chức điều tra

Thời gian điều tra các HGĐ được thực hiện trong năm 2022. Tại các địa phương, tác giả luận án điều tra thông qua gửi phiếu điều tra và phỏng vấn sâu.

1.3.2.3. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp qua phỏng vấn sâu

1) Đối tượng và phương pháp phỏng vấn sâu

Đối tượng phỏng vấn sâu chủ yếu là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước đang làm việc tại các cơ quan Trung ương và cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện quản lý ATTP trong CN nói chung, CNL tại HGĐ nói riêng. Đồng thời, phỏng vấn một số chuyên gia, nhà khoa học có hiểu biết sâu về ATTP và QLNN trong CNL.

Bảng 1.2: Số lượng cán bộ trong các cơ quan Nhà nước đã phỏng vấn sâu

TT	Đối tượng phỏng vấn	Số lượng (người)
1	Cán bộ quản lý, nhà khoa học ở Trung ương	12
2	Cán bộ quản lý cấp tỉnh	8
3	Cán bộ quản lý cấp huyện, xã	20
	Tổng	40

Nguồn: Tổng hợp từ các đợt phỏng vấn sâu của NCS, năm 2022

Cách thức phỏng vấn được thực hiện theo dạng đối thoại trực tiếp theo hình thức hỏi - đáp các thông tin theo Bảng hỏi bán cấu trúc với các câu hỏi đóng và mở. Tổng số cán bộ chuyên gia, cán bộ quản lý từ cơ quan Trung ương đến cấp xã đã phỏng vấn sâu là 40 người (Bảng 1.2).

2) Nội dung phỏng vấn sâu

Nội dung phỏng vấn sâu chủ yếu tập trung vào làm rõ ý kiến đánh giá của họ về các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ; những thuận lợi, khó khăn trong QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ; ghi nhận những kiến nghị đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ đến năm 2030 (chi tiết tại Phụ lục 2).

3) Thời gian thực hiện phỏng vấn sâu

Việc phỏng vấn các công chức nhà nước, chuyên gia và nhà khoa học ở Trung ương và các tỉnh được thực hiện ở nhiều thời điểm khác nhau, thông qua các đợt công tác, khảo sát, hội nghị, hội thảo. Thời điểm phỏng vấn thực hiện phổ biến vào năm 2022.

1.3.3. Phương pháp phân tích thông tin, số liệu

1.3.3.1. Phương pháp mô tả và diễn giải logic

Để trình bày các nội dung về cơ sở lý luận của đề tài Luận án các vấn đề có mối quan hệ biện chứng và theo quy luật khách quan là: ATTP trong khâu quy hoạch, thiết kế, xây dựng, sửa dụng chuồng trại, hạ tầng sẽ đảm bảo cho

các khâu bảo quản và phối trộn thức ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng và vận chuyển xuất chuồng; ATTP trong khâu cung ứng thức ăn, thuốc thú y và vật tư khác sẽ đảm bảo cho ATTP trong khâu nuôi dưỡng lợn tại HGĐ; ATTP trong nuôi dưỡng lợn sẽ đảm bảo ATTP trong vận chuyển tiêu thụ và các khâu tiếp theo.

1.3.3.2. Phương pháp phân tích so sánh trường hợp

Sử dụng nhằm so sánh các trường hợp thành công và chưa thành công của QLNN về ATTP trong chăn nuôi từ đó nhận diện được các nguyên nhân thành công và chưa thành công của QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ ở Việt Nam giai đoạn 2016-202.

1.3.4.3. Phương pháp phân tích thống kê

Sử dụng để đánh giá thực trạng kết quả QLNN về ATTP trong CN lợn dựa trên kết quả điều tra ý kiến đánh giá của các tác nhân là chủ thể QLNN về ATTP (Bộ máy QLNN) và các tác nhân là khách thể của QLNN về ATTP (hộ gia đình CNL và người tiêu thụ lợn) được điều tra theo tỷ lệ có ý kiến đánh giá. Tỷ lệ các mức đánh giá sẽ được sử dụng để đưa ra những nhận định có tính đại diện cho vấn đề nghiên cứu.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.1.1. Chăn nuôi lợn

Chu Tiến Quang và Đinh Xuân Nghiêm (2015) cho rằng “Chăn nuôi là một ngành sản xuất vật chất đặc thù, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, bởi nó là một trong ngành sản xuất vật chất quan trọng của xã hội loài người”. Theo đó, chăn nuôi được hiểu là ngành sản phẩm, chứ không đơn thuần chỉ là các hoạt động sản xuất mang tính “phụ” hay “bổ sung” cho ngành trồng trọt của nông nghiệp”. Theo thời gian, ngành chăn nuôi được hiểu là quá trình tạo ra một hoặc một số sản phẩm từ vật nuôi và thể hiện là một chuỗi khép kín các hoạt động có quan hệ móc xích với nhau từ sản xuất đến chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm cuối cùng của chuỗi. Sự thay đổi của một hoặc một số tác nhân ở khâu nào đó của chuỗi sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến hoạt động của tác nhân ở các khâu khác và tới kết quả của toàn chuỗi. Luật Chăn nuôi của Việt Nam (số 12/2018/QH-14) đưa ra một số thuật ngữ liên quan đến “chăn nuôi” như sau: “Chăn nuôi là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực: tạo giống vật nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi, tạo điều kiện cho vật nuôi phát triển, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi; Hoạt động chăn nuôi gồm nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi và hoạt động khác có liên quan đến vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi phục vụ mục đích làm thực phẩm, khai thác sức kéo, làm cảnh hoặc mục đích khác của con người... Vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi...”.

Từ các quan điểm của các tác giả và khái niệm trong Luật Chăn nuôi 2018, trong phạm vi luận án, *chăn nuôi lợn thịt được hiểu là một ngành kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp chuyên nuôi dưỡng lợn để lấy thịt và thực phẩm phái sinh phục vụ lợi ích của con người.*

2.1.1.2. An toàn thực phẩm trong chăn nuôi

Hội tiêu chuẩn Pháp (AFNOR) đưa ra khái niệm “Chất lượng thực phẩm” với ý nghĩa là mức độ đáp ứng (thoả mãn) nhu cầu của người tiêu dùng của một loại thực phẩm nào đó. Chất lượng thực phẩm là tổng hợp các yếu tố về: dinh dưỡng, văn hoá, thương mại theo đánh giá của người tiêu dùng (Casabianca, 1996). Theo Liên minh Châu Âu (Casabianca, 1996), an toàn thực phẩm là những qui định về đặc tính sản phẩm trong mức độ an toàn đối với người sử dụng. ATTP có hai mức độ: (i) Mức độ nhà sản xuất, phân phối: mỗi nhà sản xuất phân phối có thể đều có qui định về vệ sinh ATTP cho sản phẩm của mình. (ii) Mức độ nhà nước: Ở cấp độ quốc gia, các qui định ATTP căn cứ vào mức độ an toàn của sản phẩm đối với người sử dụng. Những qui định này, có những chỉ tiêu mang tính tiêu chuẩn, mang tính bắt buộc đối với các nhà sản xuất, chế biến, phân phối (Casabianca, 1996). FAO định nghĩa “An toàn thực phẩm (Food Safety)” theo nghĩa rộng có thể bao hàm cả vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, thuật ngữ “ATTP” hay “bảo đảm ATTP” dùng để nghiên cứu, đánh giá về những vấn đề liên quan tới CLTP trên khía cạnh an toàn. Các khái niệm trên đây đều phản ánh “An toàn thực phẩm” là sự bảo đảm về chất lượng, vệ sinh và tính ATTP đối với người tiêu dùng. Ấn phẩm “*Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về ATTP*” của (Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, 2012) đã khẳng định: “ATTP là một khía cạnh của chất lượng thực phẩm” và viện dẫn tiêu chuẩn TCVN 5814-1994 IS/DIS 8042 nói về khái niệm chất lượng: “Là tập hợp các đặc tính của sản phẩm, tạo cho sản phẩm khả năng thoả mãn những nhu cầu cụ thể hoặc tiềm ẩn của người tiêu dùng. Khái niệm “chất lượng thực phẩm” bao gồm các yếu tố: tính kinh tế (hàm lượng thành phần, ghi nhãn, nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng...); tính khả dụng (giá trị dinh dưỡng, màu sắc, mùi vị...) và tính an toàn (các mối nguy cơ vật lý, hóa học, sinh học gây mất an toàn). Vì vậy, ATTP là thuộc tính “an toàn” của chất lượng thực phẩm. Luật An toàn thực phẩm 2010 của Việt Nam định nghĩa: “ATTP là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người”. Ở Việt Nam hiện nay vẫn quen dùng thuật ngữ đầy đủ là “vệ sinh ATTP” với ý nghĩa kết hợp cả hai yếu tố vệ sinh và an toàn vì trên thực tế rất khó tách biệt các yếu tố này khi nói về chất lượng sản phẩm thực phẩm. Nói cách khác, mỗi loại thực phẩm đều phải

đảm bảo cả hai yêu cầu là vệ sinh và an toàn. Theo đó, thực phẩm được sản xuất và tiêu thụ trên thị trường phải đảm bảo không gây hại đến sức khỏe, tính mạng người sử dụng nó. Theo Lê Thị Hồng Hảo (2020) cho rằng, ATTP là giới hạn tối đa các chất được phép tồn dư trong thịt gồm: thuốc thú y, hóa chất bảo vệ thực vật, các kim loại nặng, các loại vi sinh vật có thể gây bệnh cho người.

Từ những quan điểm trên, trong phạm vi Luận án: *An toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn là cách thức nuôi lợn không tồn dư các chất độc hại hoặc chứa mầm bệnh làm ảnh hưởng xấu tới sức khỏe, tính mạng con người khi sử dụng thịt lợn và các phụ phẩm phái sinh khi lợn được giết, mổ làm thực phẩm.*

2.1.1.3. Quản lý nhà nước

Theo Mai Hữu Khuê (2003), hoạt động quản lý nhà nước được hình thành khi lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, xã hội dần có sự phân chia thành các giai cấp và đối kháng giai cấp cũng bắt đầu xuất hiện. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội, một dạng quản lý đặc biệt để xã hội vận hành theo mục đích, định hướng của giai cấp thống trị, lúc này hoạt động quản lý của nhà nước xuất hiện, đồng thời xuất hiện khái niệm QLNN. Theo Phan Huy Đường (2010) cho rằng, QLNN là sự quản lý xã hội bằng quyền lực và ý chí của nhà nước, thông qua bộ máy nhà nước làm thành hệ thống tổ chức điều khiển quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội nhất định trong thời gian nhất định.

Theo đó, trong phạm vi Luận án: *Quản lý nhà nước là Nhà nước sử dụng quyền lực của mình theo quy định pháp luật để can thiệp, điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của từng các nhân trong xã hội nhằm hướng đến mục tiêu nhất định đề ra trước.*

2.1.1.4. Hộ gia đình và chăn nuôi tại hộ gia đình

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải thích “Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của luật này”. Theo Luật Dân sự Việt Nam năm 2015: “Hộ gia đình là tổ chức không có tư cách pháp nhân trong các quan hệ dân sự, trường hợp hộ gia đình tham gia các quan hệ dân sự thì các thành viên của hộ gia đình là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”. Trong tác phẩm “Kinh tế nông dân: Phát triển kinh tế hộ gia đình” thì Frank Ellis (1998) cho rằng, hộ gia đình

là một nhóm người cùng chung sở hữu, chung quyền lợi, cùng một hoàn cảnh, tự tìm kiếm sinh kế dựa vào hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp làm ra với trình độ công nghệ đơn giản, không hoàn chỉnh, nổi truyền từ đời này qua đời khác.

Theo Luật Chăn nuôi 2018, “Chăn nuôi nông hộ là hình thức tổ chức hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình”.

Từ các quan điểm của các tác giả và quy định pháp luật về chăn nuôi trên đây, trong phạm vi Luận án: *Chăn nuôi lợn tại hộ gia đình là việc các thành viên trong cùng một gia đình tự tổ chức nuôi lợn tại hộ gia đình để có sản phẩm là lợn hơi mang bán hoặc giết mổ cung cấp ra thị trường hoặc sử dụng trong gia đình.*

2.1.1.5. Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Henson và Caswell (1999) cho rằng, chính phủ các quốc gia đang phát triển phải điều tiết ngành công nghiệp thực phẩm bằng cách thiết lập các chuẩn mực tối thiểu về ATTP mà các công ty nhà nước và tư nhân sản xuất thực phẩm đều phải đáp ứng trước khi họ bán sản phẩm ra thị trường, từ đó các quy định về ATTP của nhà nước được thực hiện và thực phẩm làm ra ở các quốc gia này bảo đảm an toàn. Các quy định của nhà nước về ATTP đặt ra yêu cầu về trách nhiệm của các nhà chăn nuôi đối với bảo đảm ATTP trong quá trình tiêu thụ trên thị trường. Sự hiểu biết đầy đủ của người chăn nuôi về pháp luật ATTP là điều kiện rất cần thiết để họ tự giác thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong sản xuất, tiêu thụ các loại thực phẩm. Gorter, Swinnen (1994) trong nghiên cứu về “*Chính sách kinh tế trong chính sách chăn nuôi trang trại*” đã giải thích QLNN về ATTP là sự can thiệp của chính phủ vào thị trường các sản phẩm chăn nuôi (SPCN) phục vụ người tiêu dùng trong xã hội với mục đích ban đầu nhằm khắc phục những vướng mắc của quan hệ cung-cầu trên thị trường sản phẩm này, sau đó tiến tới xử lý các vấn đề không an toàn của SPCN nhằm bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và giảm thiểu những tác động có hại tới sức khỏe của người dân trong xã hội do tiêu dùng SPCN không an toàn.

Từ việc luận giải các khái niệm về “chăn nuôi”, “an toàn thực phẩm trong chăn nuôi”, “chăn nuôi HGD” và “quản lý nhà nước về ATTP”, trong phạm vi Luận án: *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ*

gia đình là việc Nhà nước sử dụng quyền lực và công cụ của mình để can thiệp vào hoạt động chăn nuôi lợn do các hộ gia đình thực hiện nhằm giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn thực phẩm trong quá trình chăn nuôi.

2.1.2. Mối quan hệ giữa các hoạt động chăn nuôi lợn tại hộ gia đình với các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm

2.1.2.1. Xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn với việc bảo đảm an toàn thực phẩm

Chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi (chuồng nuôi, khu bảo quản, chế biến thức ăn, cách ly, hệ thống vệ sinh phòng dịch, xử lý môi trường; các thiết bị, máy móc, quạt thông gió, sấy ẩm, làm mát, máng ăn, máng uống...) là nơi các HGĐ tổ chức nuôi lợn từ khi còn nhỏ (con giống) đến khi tiêu thụ (xuất chuồng). Theo nghiên cứu của Liên minh Nông nghiệp, hệ thống chuồng trại chăn nuôi có mối quan hệ rất chặt chẽ với mức độ ATTP. Cụ thể, HGĐ chăn nuôi lợn sử dụng các hệ thống chuồng nuôi tốt, dựa trên thực hành chăn nuôi tốt (GAP), hợp vệ sinh sẽ giúp cho vật nuôi chống đỡ được với bệnh, dịch. Trong trường hợp ngược lại, HGĐ nuôi lợn sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ gây mất ATTP, đó là trong chuồng nuôi lợn luôn chứa các mầm bệnh là các nhóm vi sinh vật, độc tố từ nấm mốc, hoặc các tác nhân vật lý, hoá học khác từ môi trường lan truyền, xâm nhập vào chuồng nuôi rồi xâm nhiễm, tấn công vào các cá thể lợn và gây bệnh hoặc ủ bệnh, tồn dư độc tố trong cơ thể lợn, từ đó gây mất ATTP và gây hại cho sức khỏe của người sử dụng thịt lợn nhiễm các loại bệnh hoặc độc tố này.

Với đặc điểm là hộ nông dân nên các HGĐ chăn nuôi lợn thường yếu kém về kiến thức thiết kế, xây dựng chuồng trại và các hạ tầng phục vụ chăn nuôi theo yêu cầu ATTP, an toàn sinh học. Cùng với đó là sự hạn hẹp về nguồn lực tài chính và mặt bằng xây dựng nên họ thường đầu tư không đồng bộ, không đầy đủ các loại hạ tầng cần thiết và sử dụng các loại vật liệu thô sơ, không đủ điều kiện khống chế các tác động bất lợi của thời tiết, khí hậu, các tác nhân nguy hại gây dịch, bệnh. Hậu quả của chuồng trại kém chất lượng, hệ thống xử lý chất thải, vệ sinh phòng dịch không có hoặc không đạt tiêu chuẩn sẽ dễ phát sinh dịch, bệnh và xâm nhiễm tác nhân từ môi trường tại nơi chăn nuôi, từ đó tăng các rủi ro, nguy cơ mất ATTP trong khâu chăn nuôi.

2.1.2.2. Phối trộn, chế biến và sử dụng thức ăn với việc bảo đảm an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Phối trộn, chế biến và sử dụng thức ăn (gồm cả hoạt động cung cấp nước uống) là hoạt động nuôi dưỡng để lợn tăng trọng và phát triển. Việc phối trộn, chế biến, sử dụng thức ăn và nước uống phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của lợn thì lợn phát triển tốt, khỏe mạnh. Nhưng cũng từ hoạt động này, nếu làm không tốt sẽ là phương thức lây nhiễm các loại vi khuẩn và nấm mốc (thường là yếu tố ngoài ý muốn của HGĐ), cũng như cung cấp các độc tố (chủ yếu khi HGĐ sử dụng các chất cấm thúc đẩy tăng trọng hoặc kháng sinh phòng bệnh cho lợn trộn với thức ăn, nước uống) từ đó tạo tồn dư gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng. Chính vì thế, Ủy ban Châu Âu (2000) coi việc kiểm soát các mối nguy trong thức ăn và phối trộn thức ăn trong chăn nuôi là một trong các yêu cầu quan trọng bảo đảm cho chăn nuôi lợn đạt ATTP. Việc kiểm soát này càng phải đặt ra khi chăn nuôi lợn dưới hình thức tại các hộ gia đình, bởi vì trình độ và phương thức chăn nuôi lợn ở các HGĐ thường lạc hậu, ít được quan tâm đến ATTP. Các HGĐ chăn nuôi lợn thường sử dụng các loại thức ăn thừa tại nhà hoặc thu lượm từ các nhà hàng kinh doanh ăn uống và các nguồn khác tại nơi sinh sống nên không được bảo quản đúng cách, chứa nhiều vi sinh vật và các chất gây bệnh khi HGĐ cho lợn ăn trực tiếp mà không qua chế biến, xử lý loại trừ các vi sinh vật, chất có hại. Đặc biệt hơn, nhiều HGĐ vì mục tiêu lợi nhuận đã phối trộn thức ăn có sử dụng các chất tăng trọng, chất tạo nạc nên gây ra các nguy cơ mất ATTP rất cao. Vì thế, khi quản lý tốt khâu chuẩn bị và phối trộn, sử dụng thức ăn trong quá trình nuôi dưỡng vật nuôi sẽ góp phần bảo đảm được ATTP trong chăn nuôi.

2.1.2.3. Chăm sóc thú y, sử dụng thuốc, hóa chất trong phòng, chữa bệnh cho lợn với việc bảo đảm an toàn thực phẩm

Việc sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong phòng, điều trị các loại bệnh phát sinh trong quá trình chăm sóc lợn tại các HGĐ chăn nuôi là cần thiết nhằm bảo đảm cho lợn tăng trưởng, phát triển đúng khả năng sinh học tự nhiên và người chăn nuôi đạt kết quả mong muốn. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăm sóc lợn không đúng kỹ thuật sẽ gây tác hại đối với sức khỏe người tiêu dùng, do sự tồn dư của chúng trong thịt lợn và phụ phẩm sau

giết mổ, nghĩa là thịt lợn và phụ phẩm không ATTP. Việc sử dụng thuốc thú y và các loại kháng sinh trong chăn nuôi lợn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan. Các mối nguy về mất ATTP phát sinh từ lạm dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn thường được đánh giá là cao nhất, trong đó, có việc sử dụng thuốc thú y và hóa chất với mục đích kép, vừa phòng bệnh vừa kích thích tăng trưởng đã gây mất ATTP và ảnh hưởng xấu tới khỏe người tiêu dùng thịt lợn và phụ phẩm. Vì vậy, việc sử dụng thuốc thú y, hóa chất trong phòng, chữa bệnh và kích thích lợn tăng trưởng đúng quy định của pháp luật liên quan là yêu cầu gắt gao đối với người CN nói chung và HGD chăn nuôi lợn nói riêng nhằm bảo đảm ATTP.

2.1.2.4. Hình thức tiêu thụ lợn xuất chuồng với việc bảo đảm an toàn thực phẩm

Hình thức tiêu thụ lợn sau nuôi dưỡng (xuất chuồng) của các HGD khá đa dạng, nhưng thường tập trung vào một số hình thức. *Thứ nhất*, HGD tự giết mổ lợn và bán thịt lợn cùng các phụ phẩm của lợn ra thị trường. *Thứ hai*, HGD vận chuyển lợn xuất chuồng (lợn sống) và bán tại nơi giết mổ. *Thứ ba*, HGD bán lợn sống cho thương lái (người mua lợn) tại chuồng của gia đình và thương lái vận chuyển, mang đi giết mổ. Các hình thức tiêu thụ lợn sống trên đây có ảnh hưởng khác nhau đến việc bảo đảm ATTP của thịt lợn sau giết mổ. Ở hình thức tiêu thụ lợn thứ nhất thì nguy cơ mất ATTP là rất cao, bởi vì việc giết mổ lợn tại HGD thường không được kiểm soát về các điều kiện bảo đảm ATTP so với các cơ sở giết mổ lợn chuyên nghiệp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép. Ở hình thức tiêu thụ lợn thứ hai thì nguy cơ mất ATTP được xem là thấp hơn, vì lợn được mổ tại cơ sở chuyên nghiệp, nhưng nguy cơ mất ATTP vẫn có thể nảy sinh trong quá trình vận chuyển, tùy thuộc vào phương tiện, thời gian và cách thức vận chuyển có làm cho lợn bị tổn thương, nhiễm bệnh và gây mất ATTP cho thịt lợn sau giết mổ. Ở hình thức tiêu thụ lợn thứ ba thì nguy cơ mất ATTP phụ thuộc vào phương tiện và cách thức vận chuyển lợn của tác nhân thương lái. Qua đó cho thấy, HGD tiêu thụ lợn xuất chuồng theo bất kỳ hình thức nào cũng tiềm ẩn nguy cơ mất ATTP. Vì vậy, việc quản lý các HGD khi họ tiêu thụ lợn là rất quan trọng, quản lý tốt sẽ góp phần hạn chế tiềm ẩn nguy cơ mất ATTP trong chuỗi thực phẩm từ chăn nuôi lợn và kiểm soát lây lan bệnh, dịch từ vận chuyển.

2.1.3. Đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

2.1.3.1. Đặc điểm của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Đặc điểm “chuỗi” của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình thường có tính liên kết thành "chuỗi". Đặc điểm này bắt nguồn từ hoạt động chăn nuôi lợn phải trải qua nhiều khâu (công đoạn) nối tiếp nhau mới tạo ra sản phẩm thịt phục vụ người tiêu dùng sau này. Các công đoạn của chăn nuôi tại HGD thường bao gồm từ việc xây dựng chuồng trại; chọn giống, cung cấp thức ăn; chăm sóc thú y, phòng, chống dịch, bệnh; đến việc tiêu thụ lợn hơi khi xuất chuồng. Như vậy, chuỗi hoạt động chăn nuôi lợn tại HGD là giai đoạn đầu của chuỗi thực phẩm là thịt lợn. Tuy nhiên, chuỗi hoạt động chăn nuôi tại HGD lại có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát các nguy cơ gây mất ATTP, vì các hoạt động này không tốt sẽ hình thành nhiều dịch, bệnh và tồn dư kháng sinh, chất độc hại trong sản phẩm thịt lợn sau này. Theo đó, QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGD cũng mang đặc điểm “chuỗi”, nghĩa là các hoạt động quản lý ATTP của cơ quan nhà nước phải được triển khai tại mỗi khâu của toàn “chuỗi” bảo đảm phát hiện sớm, chính xác các nguy cơ gây mất ATTP và đưa ra giải pháp ngăn ngừa và xử lý hữu hiệu.

2) Đặc điểm “sinh học” của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Đặc điểm này bắt nguồn từ đối tượng của chăn nuôi lợn là sinh vật sống, có đặc điểm riêng về sinh trưởng, phát triển trong môi trường tự nhiên, sinh thái thích hợp và dễ nảy sinh các bệnh dịch khác nhau khi chúng được nuôi trong môi trường hoặc thức ăn không phù hợp. Người chăn nuôi lợn buộc phải đáp ứng đúng những đòi hỏi của lợn về môi trường, thức ăn, nước uống theo từng thời gian sinh trưởng để lợn phát triển theo đúng khả năng sinh học, từ đó cho sản phẩm với chất lượng cao và bảo đảm ATTP. Đây là vấn đề khó khăn đối với người chăn nuôi, nhất là đối với các HGD. QLNN về ATTP phải bám sát các đặc điểm sinh học của lợn trong quá trình sinh trưởng để hướng dẫn,

giám sát HGĐ chăn nuôi lợn thực hiện các biện pháp nuôi dưỡng lợn phù hợp, không làm phát sinh các rủi ro gây hại tới chất lượng thịt lợn và không bảo đảm ATTP. Nói cách khác, công tác QLNN về ATTP phải phù hợp đặc điểm “sinh học” của chăn nuôi lợn nhằm giúp người chăn nuôi đạt kết quả cao và hạn chế tối đa các nguy cơ gây mất ATTP. Đặc điểm này rất quan trọng mà cơ quan QLNN về ATTP cần quan tâm.

3) Đặc điểm “đa dạng” của tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm để thích ứng với các hình thức chăn nuôi lợn khác nhau tại hộ gia đình

Đặc điểm này phản ánh tính “đa dạng” của các hình thức chăn nuôi lợn tại HGĐ. Theo đó, tổ chức bộ máy QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ cũng phải đa dạng để phù hợp với từng hình thức CNL tại HGĐ, từ đó bảo đảm quản lý được HGĐ thực hiện ATTP trong các hình thức chăn nuôi lợn khác nhau. Cụ thể: (1). Nếu các HGĐ chăn nuôi lợn có quy mô nhỏ, phân bố rải rác ở các địa bàn khác nhau thì bộ máy QLNN về ATTP sẽ mang đặc điểm phân tán. (2). Nếu HGĐ chăn nuôi lợn bao gồm các khu chăn nuôi tập trung hoặc phân bố tập trung ở một số địa bàn nhất định thì bộ máy QLNN về ATTP sẽ mang đặc điểm tập trung tại các địa bàn và các khu chăn nuôi tập trung. (3). Nếu HGĐ chăn nuôi lợn diễn ra theo hình thức vừa phân tán, vừa tập trung thì bộ máy QLNN về ATTP sẽ mang đặc điểm vừa tập trung, vừa phân tán theo các hình thức CNL của HGĐ. Như vậy, việc tổ chức bộ máy QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ phải phù hợp với từng loại hình HGĐ chăn nuôi lợn ở từng địa phương. Nếu áp dụng dập khuôn một kiểu tổ chức bộ máy QLNN về ATTP cho tất cả các hình thức CNL tại HGĐ thì kết quả sẽ không thể đạt được theo mong muốn.

2.1.3.2. Vai trò của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Góp phần đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng sản phẩm thịt lợn

Sản phẩm từ CNL từ lâu đã là nguồn thực phẩm động vật chủ yếu phục vụ đời sống của con người, đặc biệt là ở những nước có truyền thống sử dụng thịt lợn. Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu sử dụng lương thực, ngũ cốc của con người ngày một giảm và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm động vật, trong đó có thịt lợn ngày một tăng. Nhu cầu tiêu dùng thịt lợn tăng đã thúc đẩy chăn

nuôi lợn phát triển nhanh, nhưng đồng thời lại nảy sinh vấn đề thịt lợn không bảo đảm ATTP và ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của người tiêu dùng. Trong khi đó, ở các nước đang phát triển thì chăn nuôi lợn ở HGĐ vẫn là nguồn cung chính cho thị trường, phần lớn thịt lợn bán trên thị trường đều xuất phát từ các HGĐ chăn nuôi. Để hạn chế và loại bỏ tình trạng CNL không ATTP thì Nhà nước phải can thiệp bằng quyền lực của mình buộc người CNL phải thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong chăn nuôi lợn trước khi đưa ra tiêu thụ trên thị trường. Từ đó, vai trò của QLNN về ATTP trong CNL nói chung và CNL tại HGĐ nói riêng ngày càng trở nên quan trọng đối với bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng thịt lợn để tăng sức lao động xã hội, tăng tuổi thọ người dân và giảm các chi phí y tế về xử lý các vụ ngộ độc do tiêu dùng thực phẩm thịt lợn không an toàn.

2) Góp phần ổn định việc làm, thu nhập cho hộ chăn nuôi lợn

Thu nhập từ CNL thường chiếm tỷ trọng khá lớn về vốn đầu tư và thu nhập của HGĐ. Đối với các HGĐ chăn nuôi lợn quy mô trang trại thì vốn đầu tư và thu nhập càng cao. Trong trường hợp xảy ra mất ATTP thì HGĐ chăn nuôi lợn sẽ bị giảm khối lượng tiêu thụ (do người tiêu dùng không mua thịt lợn ngộ độc), dẫn tới thiệt hại vốn đã đầu tư và giảm hoặc mất hẳn thu nhập (trường hợp xảy ra dịch bệnh phải tiêu hủy cả đàn lợn đang nuôi) và HGĐ chăn nuôi sẽ lâm vào tình trạng khó khăn, phá sản, không có hoặc không đủ thu nhập để chi tiêu vào các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Nếu hoạt động QLNN về ATTP trong CNL tốt, không để xảy ra các nguy cơ, rủi ro mất ATTP dẫn đến các thiệt hại về kinh tế như trên phân tích thì công ăn, việc làm và thu nhập của HGĐ được giữ ổn định, bền vững. Như vậy, QLNN về ATTP trong CNL của HGĐ có vai trò rất to lớn đối với việc làm, thu nhập của HGĐ. Vì lẽ đó, tăng cường QLNN về ATTP trong CNL góp phần duy trì việc làm, thu nhập ổn định cho HGĐ CNL và tạo điều kiện cho HGĐ tích lũy kinh tế để tăng đàn và mở rộng quy mô CNL lâu dài, bền vững, hỗ trợ giải quyết các vấn đề khác về dân sinh, tích lũy và phát triển của hộ gia đình.

3) Góp phần phát triển bền vững ngành chăn nuôi lợn

Để phát triển bền vững một ngành sản phẩm nào đó thì điều kiện cần là thị trường tiêu dùng sản phẩm đó phải ổn định và tăng lên theo thời gian. Để

có thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định và tăng lên thì người sản xuất phải không ngừng thay đổi công dụng của sản phẩm theo hướng nâng cao chất lượng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Trong thị trường thực phẩm hiện nay, nhu cầu của người tiêu dùng đang thay đổi theo hướng giảm số lượng và tăng chất lượng. Một trong những tiêu chí về chất lượng là thực phẩm phải đáp ứng các chỉ tiêu về bảo đảm ATTP thì người tiêu dùng mới duy trì và tăng sử dụng. Vì thế, QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn nói chung và tại HGĐ nói riêng đạt kết quả tốt sẽ có vai trò quan trọng giúp toàn ngành chăn nuôi đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng không chỉ trong nước và cả nước ngoài, từ đó duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ lợn và giúp chăn nuôi lợn phát triển bền vững. Từ đó đóng góp vào phát triển bền vững toàn ngành chăn nuôi và nông nghiệp nói chung.

2.1.4. Nội dung nghiên cứu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

2.1.4.1. Nghiên cứu xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2016) cho rằng, khuôn khổ pháp luật là tập hợp các quy định pháp lý thuộc thẩm quyền của Nhà nước buộc các chủ thể phải tuân thủ. Nó thường được thể hiện dưới dạng các văn bản pháp luật như luật và pháp lệnh của Quốc hội; nghị định của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định, thông tư của các Bộ, ngành. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thế giới (FAO, 2015) cho rằng, hệ thống các văn bản pháp luật về ATTP là tập hợp các quy định về định mức, tiêu chuẩn, bộ máy tổ chức và quy tắc vận hành hoạt động quản lý ATTP là căn cứ để các chủ thể chăn nuôi có nghĩa vụ phải thực hiện và là căn cứ pháp lý để các cơ quan nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm nếu không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ. Khuôn khổ pháp luật về ATTP trong CN lợn tại HGĐ bao gồm các yêu cầu bắt buộc các HGĐ phải tuân thủ tại các hoạt động trong quá trình nuôi dưỡng và tiêu thụ lợn.

Theo đó, nghiên cứu khuôn khổ pháp luật về ATTP trong CN lợn tại HGĐ là nghiên cứu các quy định có tính bắt buộc của Nhà nước về ATTP có liên quan đến các hoạt động chăn nuôi lợn tại các HGĐ để nghiêm cấm, ngăn

ngừa các hoạt động có thể gây ra các tiềm ẩn làm mất ATTP trong suốt quá trình nuôi dưỡng lợn tại các HGD. Khuôn khổ pháp luật mà đầy đủ, bao phủ được càng nhiều các vấn đề có thể gây mất ATTP trong chăn nuôi lợn tại các HGD, đồng thời chế tài xử phạt khi bị vi phạm càng có tính răn đe thì nguy cơ mất ATTP sẽ giảm và ngược lại. Các hoạt động chăn nuôi lợn ở HGD khá đa dạng và biến động theo thời gian, do đó khuôn khổ pháp luật luôn phải điều chỉnh cho phù hợp. Do đó, khi nghiên cứu khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGD là nghiên cứu tính đầy đủ của các quy định và chế tài xử phạt của các quy định để từ đó kiến nghị giải pháp hoàn thiện hơn các quy định pháp luật hướng đến ngăn chặn, phòng ngừa các hoạt động trong quá trình chăn nuôi có thể tạo ra các nguy cơ gây mất ATTP.

2.1.4.2. Nghiên cứu về chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăn nuôi lợn thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm

Theo Vũ Cao Đàm (2016), chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hóa mà chủ thể quyền lực đưa ra tạo sự ưu đãi cho một hoặc một nhóm xã hội để khuyến khích họ, định hướng họ hoạt động nhằm thực hiện một ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội. Theo Robert L. Buchanan (2011), nội dung của chính sách hỗ trợ người chăn nuôi thực hiện pháp luật về ATTP đề cập toàn diện các hỗ trợ về năng lực và nguồn lực cho HGD chăn nuôi thực hiện ATTP trong tất cả các khâu từ nuôi dưỡng đến tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Qua đó có thể thấy, chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăn nuôi lợn thực hiện các quy định pháp luật về ATTP là những ưu đãi của nhà nước tạo ra ưu đãi để khuyến khích các hộ gia đình thực hiện tốt các quy định pháp luật trong các khâu chăn nuôi để đảm bảo ATTP. Chính sách hỗ trợ thường chứa đựng 2 nội dung quan trọng đó là loại hình hỗ trợ và mức hỗ trợ của từng loại hình. Loại hình hỗ trợ càng phù hợp với nhu cầu của HGD và mức hỗ trợ của từng loại hình càng cao thì càng khuyến khích các HGD tuân thủ các quy định pháp luật, nếu không sẽ ngược lại. Chính sách hỗ trợ các HGD tuân thủ các quy định pháp luật thường cung cấp cho các HGD các điều kiện cần thiết để họ thực thi các quy định về ATTP; các hỗ trợ thường tập trung vào hỗ trợ nâng cao nhận thức pháp luật; hỗ trợ vốn, khoa học kỹ thuật, hỗ trợ vật tư y tế và thuốc thú y. Do mục đích của Nhà nước và nhu cầu của các HGD chăn nuôi

lợn luôn thay đổi theo thời gian nên chính sách hỗ trợ cũng phải thay đổi cho phù hợp. Theo Đào Thế Anh và Nguyễn Thị Hà (2016), để thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi lợn, Nhà nước luôn phải rà soát các văn bản chính sách, làm rõ cách tiếp cận kết hợp các cơ chế: sàng lọc, bắt buộc, khuyến khích và “tự nguyện” để tăng tính tự nguyện và trách nhiệm của các HGD tham gia vào việc đảm bảo ATTP trong chăn nuôi lợn.

Theo đó, khi nghiên cứu chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăn nuôi lợn thực hiện các quy định pháp luật về ATTP là việc rà soát toàn bộ các văn bản chính sách, xác định và đánh giá tính đầy đủ của các loại hình hỗ trợ và mức độ hỗ trợ của từng loại hình cho từng công đoạn chăn nuôi để xác định những hạn chế, vướng mắc và đề xuất giải pháp điều chỉnh hoàn thiện cả về hình thức hỗ trợ và mức độ hỗ trợ nhằm thúc đẩy tốt hơn trách nhiệm, sự quan tâm và hành động của HGD trong việc triển khai các yêu cầu của pháp luật về ATTP trong từng hoạt động chăn nuôi của mình.

2.1.4.3. Nghiên cứu nội dung xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Theo Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2016), bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là một chỉnh thể các bộ phận trong cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước có chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ khác nhau, có quan hệ ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, được bố trí thành cấp và khâu để thực hiện chức năng nhất định của quản lý nhà nước về kinh tế nhằm đạt mục tiêu đã đặt ra. Qua đó cho thấy, bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước có chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ khác nhau, có quan hệ ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, được bố trí thành cấp và khâu để thực hiện các hoạt động có liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGD.

Theo đó, nghiên cứu về bộ máy quản lý nhà nước về ATTP trong CN lợn tại HGD là nghiên cứu về chức năng, về quyền hạn và nhiệm vụ cũng như nghiên cứu về các cấp, các khâu của bộ máy. Bộ máy này được tổ chức càng gần, càng sát với các đối tượng bị quản lý và có cơ cấu gọn nhẹ, chức năng được quy định rõ ràng thì năng lực quản lý sẽ đạt cao nhất. Đồng thời số lượng, trình độ chuyên môn và điều kiện làm việc của nhân lực trong Bộ máy thực

hiện QLNN về ATTP càng ổn định, chuyên nghiệp và đồng đều thì kết quả quản lý ATTP sẽ càng cao. Nghiên cứu bộ máy giúp cho việc nhận diện các hạn chế, các bất cập trong bộ máy để đề xuất các giải pháp hoàn thiện bộ máy, từ đó góp phần thực hiện tốt hơn các hoạt động để ngăn chặn các nguy cơ gây mất ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGĐ những năm tới.

2.1.4.4. Nghiên cứu nội dung thanh tra, kiểm tra và giám sát về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Theo Đỗ Hoàng Toàn và cộng sự (2017), thanh tra và kiểm tra là những hoạt động của kiểm soát sự phát triển, là những hoạt động của Nhà nước nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc, đổ vỡ, vướng mắc, khó khăn đang cản trở phát triển. Qua đó có thể hiểu, thanh tra, kiểm tra và giám sát về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình là những hoạt động của Nhà nước nhằm kịp thời phát hiện ra những vướng mắc, khó khăn và bất cập trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định pháp luật về ATTP trong CNL tại các HGĐ. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát mà đầy đủ, nội dung mà toàn diện, hình thức phù hợp thì việc xác định những vướng mắc, khó khăn và bất cập càng được toàn diện.

Theo đó, nghiên cứu hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát là nghiên cứu về mức độ, nội dung, hình thức của các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát và kết quả thanh, kiểm tra, giám sát để xác định những bất cập trong công tác QLNN và chấp hành, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện trong giai đoạn tới.

2.1.5. Tiêu chí đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

2.1.5.1. Tiêu chí đánh giá nội dung xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Các tiêu chí định lượng gồm: (i) Giới hạn về số lượng, thể loại các chất có hại tới sức khỏe của người tiêu dùng được phép tồn dư trong thịt và phụ phẩm mà HGĐ chăn nuôi lợn phải thực hiện gồm 04 nhóm là: thuốc thú y; hóa chất bảo vệ thực vật; kim loại nặng; vi sinh vật có hại đã được quy định pháp luật liên quan. (ii). Các quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước các cấp phải thực hiện nhằm quản lý ATTP đối với HGĐ chăn nuôi lợn gồm: quy hoạch nơi chăn nuôi

lợn; quy cách chuồng trại, cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi lợn; phối trộn, sử dụng thức ăn; chăm sóc thú y, sử dụng thuốc và kháng sinh, hoá chất; tiêu thụ lợn xuất chuồng.

2) Các tiêu chí định tính gồm: i). Mức độ “Hiểu rõ” của HGĐ về các quy định pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn. Đo lường tiêu chí này theo 03 mức: *“Biết và hiểu nội dung”*; *“Biết nhưng không hiểu nội dung”*; *“Không biết và không tìm hiểu”*. ii). Mức độ rõ ràng của các quy định pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn của các quy định về ATTP mà các hộ chăn nuôi phải tuân thủ, thực hiện. Đo lường tiêu chí này theo 3 mức: *“Rõ ràng”*; *“Rõ ràng một phần”*; *“Không rõ ràng”*. iii). Mức độ đầy đủ của các quy định pháp luật về ATTP. Đo lường tiêu chí này theo 3 mức: *“Đầy đủ”*; *“Đầy đủ một phần”*; *“Không đầy đủ”*. iv). Mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP của HGĐ chăn nuôi lợn. Đo lường tiêu chí này theo 3 mức: *“Tuân thủ đầy đủ”*; *“Tuân thủ một phần”*; *“Không tuân thủ”*.

Các tiêu chí định lượng và định tính trên đây giúp cho việc nhận diện và đánh giá được các mức độ về: i) Tính đầy đủ, toàn diện của pháp luật về điều kiện bảo đảm ATTP mà các HGĐ chăn nuôi lợn phải thực hiện; ii). Tính rõ ràng của các quy định về trách nhiệm của các cơ quan QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGĐ phải thực hiện; iii). Các hạn chế, bất cập của nội dung văn bản pháp luật về ATTP so với điều kiện thực tiễn chăn nuôi lợn của HGĐ hiện nay. Trên cơ sở đó, Luận án đề xuất kiến nghị khắc phục các bất cập của nội dung văn bản pháp luật và các hạn chế, yếu kém trong thực hiện.

2.1.5.2. Tiêu chí đánh giá nội dung xây dựng chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăn nuôi lợn thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm

1) Các tiêu chí định lượng gồm: (i). Số lượng, cấp độ văn bản quy định về quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển CNL có nội dung áp dụng cho CNL tại HGĐ theo hướng bảo đảm ATTP. ii). Số lượng, cấp độ văn bản quy định về chính sách đầu tư công vào thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển chăn nuôi lợn có nội dung áp dụng cho CNL tại HGĐ theo hướng bảo đảm ATTP; iii). Số lượng, cấp độ văn bản quy định về chính sách hỗ trợ pháp lý-kinh tế nhằm thúc đẩy HGĐ chăn nuôi lợn thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP.

2) Các tiêu chí định tính gồm: i). Mức độ nhận biết và khả năng tiếp cận chính sách của HGD chăn nuôi lợn; đo lường tiêu chí này theo 3 mức: “*Biết và tiếp cận đầy đủ*”; “*Biết và tiếp cận một phần*”; “*Biết, nhưng không tiếp cận được*”. ii). Mức độ kịp thời trong việc ban hành, thực hiện chính sách hỗ trợ; đo lường tiêu chí này theo 3 mức: “*Rất kịp thời*”; “*Kịp thời*”; “*Không kịp thời*”. iii). Mức độ hỗ trợ của chính sách; đo lường theo 3 mức: “*Hỗ trợ nhiều*”; “*Hỗ trợ một phần*”; “*Hỗ trợ rất ít*”.

Các tiêu chí định lượng, định tính trên đây giúp luận án nhận diện và đánh giá được: (i). Thực trạng tính đầy đủ và toàn diện của các văn bản chính sách thuộc 03 nhóm: Định hướng, Đầu tư công, Hỗ trợ pháp lý-kinh tế cho HGD chăn nuôi lợn trong thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP; (ii). Các bất cập về nội dung văn bản chính sách hỗ trợ HGD thực hiện pháp luật về ATTP. Trên cơ sở đó, Luận án đề xuất các kiến nghị khắc phục các hạn chế, bất cập của 03 nhóm chính sách này.

2.1.5.3. Tiêu chí đánh giá nội dung xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Các tiêu chí định lượng gồm: (i) Số lượng các cấp trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. (ii) Số lượng các đơn vị, cơ quan nhà nước trong cùng một cấp bộ máy; (iii) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy quản lý nhà nước.

2) Các tiêu chí định tính gồm: (i) đánh giá mức độ tin gọn của bộ máy; đánh giá theo 3 mức "Rất tinh gọn", "Tinh gọn" và "Không tin gọn". (ii) đánh giá trình độ, thái độ của cán bộ, công chức và viên chức trong bộ máy; đánh giá theo 3 mức: "Tốt", "Trung bình", và "Chưa tốt".

Các tiêu chí định lượng và định tính trên đây giúp Luận án nhận diện được những thành công, đặc biệt là những bất cập, hạn chế về cơ cấu bộ máy và nguồn nhân lực trong bộ máy để từ đó đề xuất các giải pháp kiện toàn bộ máy và nhân lực trong bộ máy nhằm thực hiện tốt hơn các hoạt động có liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình trong giai đoạn tới.

2.1.5.4. Tiêu chí đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Các tiêu chí định lượng gồm: (i) Số lượng (lần) các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát HGD chăn nuôi lợn thực hiện pháp luật về ATTP trong 01

năm; (ii) Số lượng HGD chăn nuôi lợn được thanh tra, kiểm tra, giá sát về thực hiện pháp luật ATTP trong 01 năm trên địa bàn tỉnh, huyện (quận), xã (phường); (iii). Số lượng HGD chăn nuôi lợn bị phát hiện vi phạm pháp luật về ATTP và bị xử lý theo pháp luật về ATTP trong 01 năm.

2) Các tiêu chí định tính gồm: (i) Hình thức tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát HGD chăn nuôi lợn thực hiện pháp luật về ATTP: Đo lường tiêu chí này theo 3 mức: *“Phù hợp”*, *“Phù hợp một phần”*, *“Chưa phù hợp”* với thực tiễn hoạt động CNL tại HGD. (ii) Nội dung kiểm tra ATTP tại HGD chăn nuôi lợn. Đo lường tiêu chí này với 3 mức độ: *“Tốt”*, *“Bình thường”*, *“Chưa tốt”*. (iii) Mức xử phạt các vi phạm pháp luật về ATTP áp dụng trong CNL tại HGD. Đo lường tiêu chí này theo 3 mức: *“Rất thỏa đáng”*, *“Thỏa đáng”*, *“Không thỏa đáng”*.

Các tiêu chí định lượng và định tính giúp luận án nhận diện được: (i). Tác động tích cực và chưa tích cực của hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý các HGD vi phạm pháp luật về ATTP; (ii). Các thành công, chưa thành công của hoạt động kiểm tra và xử lý các HGD vi phạm pháp luật về ATTP của cơ quan QLNN về ATTP. Trên cơ sở đó Luận án kiến nghị hoàn thiện các mức xử phạt nhằm tăng cường tác động tích cực của biện pháp xử phạt và phát huy các thành công, khắc phục các điểm chưa thành công của công tác QLNN về ATTP trong CNL tại HGD những năm tới.

2.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

2.1.6.1. Các yếu tố từ đặc điểm cơ quan quản lý

1) Sự quan tâm trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo

Quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình chỉ là một bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước của một quốc gia. Vì thế, nó bị chi phối bởi sự quan tâm của Lãnh đạo cấp trên. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo cấp trên mà kịp thời, hiệu quả thì quản lý nhà nước trong lĩnh vực ATTP mang lại hiệu quả cao, kết quả là các nguy cơ gây mất ATTP trong chăn nuôi lợn ở HGD sẽ giảm dần, thậm chí không còn nữa. Ngược lại, nếu sự chỉ đạo, lãnh đạo mà không kịp thời, không hiệu quả thì các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP không đầy đủ, không đồng bộ kéo theo kết quả là các nguy cơ gây mất ATTP trong chăn nuôi lợn ở HGD khó được kiểm soát.

2) Mức độ đảm bảo số lượng và chất lượng công chức thực hiện quản lý nhà nước

Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (công chức, viên chức) thực thi QLNN về ATTP là yếu tố nội sinh có ảnh hưởng quyết định tới kết quả QLNN về ATTP trong CNL tại HGD, bởi chính nguồn nhân lực này là chủ thể thực thi các hoạt động QLNN về ATTP. Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của bộ máy này sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới kết quả thực thi các nhiệm vụ QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn thịt tùy thuộc vào tính hợp lý/không hợp lý của bộ máy và số lượng, chất lượng nhân lực của bộ máy đó. Nếu bộ máy được tổ chức hợp lý và số lượng, chất lượng nhân lực của bộ máy QLNN về ATTP đáp ứng tốt các yêu cầu thực thi nhiệm vụ thì kết quả QLNN về ATTP trong CNL tại HGD sẽ đạt yêu cầu mong muốn, ngược lại nếu không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra, nghĩa là tổ chức bộ máy không phù hợp và năng lực quản lý ATTP của nhân lực không giải quyết tốt những vấn đề gây mất ATTP phát sinh trong thực tiễn CNL tại HGD thì kết quả QLNN về ATTP trong CNL tại HGD sẽ không đạt yêu cầu mong muốn.

Từ đó, để công tác QLNN về ATTP trong toàn bộ quá trình CNL tại HGD luôn đạt kết quả mong đợi thì công tác cán bộ, cụ thể là việc bố trí đủ số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thực thi QLNN về ATTP phải luôn đáp ứng các yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với quản lý ATTP trong CNL tại HGD trong từng tình huống nảy sinh để xử lý kịp thời, chính xác các nguy cơ gây mất ATTP trong CNL tại HGD trong suốt quá trình sản xuất và tiêu thụ.

3) Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính phục vụ quản lý nhà nước

Yếu tố này phản ánh sự đáp ứng của các điều kiện (phương tiện) vật chất, tài chính theo yêu cầu vận hành của bộ máy QLNN về ATTP ở Trung ương và địa phương. Trong trường hợp các điều kiện vật chất, tài chính cần thiết (tối thiểu) phục vụ triển khai các hoạt động QLNN về ATTP trong CNL tại HGD không đáp ứng yêu cầu thì kết quả QLNN về ATTP sẽ không thể đạt kết quả mong muốn. Do vậy, chủ thể quản lý cần xác định rõ, chi tiết nhu cầu về các điều kiện vật chất, tài chính cần thiết để bảo đảm triển khai thành công các hoạt động QLNN về ATTP, từ đó đầu tư đầy đủ các điều kiện vật chất, tài chính để bảo đảm đáp ứng yêu cầu các hoạt động quản lý cần triển khai như xây dựng

khuôn khổ pháp luật, các tiêu chuẩn ATTP; thực hiện hỗ trợ theo các chính sách đã ban hành; xây dựng hạ tầng và chi phí cho bộ máy quản lý; tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát. Nếu các nguồn lực vật chất và tài chính là sẵn sàng, đầy đủ đáp ứng các yêu cầu thì hoạt động QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ sẽ có đủ điều kiện đạt kết quả mong muốn. Trong trường hợp ngược lại, kết quả QLNN về ATTP sẽ không đạt mong đợi.

Trình bày trên cho thấy, yếu tố “Sự sẵn sàng của các điều kiện vật chất, tài chính phục vụ QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ” tuy không trực tiếp quyết định kết quả QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ. Nhưng yếu tố này liên quan tới nhiều loại nguồn lực vật chất, tài chính phục vụ trực tiếp, gián tiếp cho công tác QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ. Vì vậy, chủ thể quản lý cần quan tâm và chú trọng chăm lo đầy đủ, đồng bộ các nguồn lực này để bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của CNL tại HGĐ bảo đảm ATTP. Từ đó đảm bảo cho công tác QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ thu được kết quả mong muốn.

2.1.6.2. Các yếu tố từ đặc điểm hộ gia đình chăn nuôi lợn

Đặc điểm về hiểu biết, nhận thức và năng lực tài chính của hộ gia đình chăn nuôi lợn cũng như sự phân bố nơi sinh sống của các hộ gia đình chăn nuôi lợn có ảnh hưởng khá lớn đến việc tuân thủ thực hiện các quy định, các hướng dẫn của Nhà nước về ATTP. Các đặc điểm này quyết định đến tuân thủ các quy định về ATTP trong các hoạt động chăn nuôi từ việc bố trí vị trí chuồng nuôi, xây dựng chuồng nuôi; hạ tầng phục vụ nuôi (bơm nước, máy làm mát, thông khí...); đến việc mua giống lợn, chuẩn bị thức ăn, chăm sóc thú y và tiêu thụ lợn xuất chuồng. Hộ gia đình chăn nuôi càng đa dạng về đặc điểm thì cách thức tổ chức chăn nuôi ở hộ càng đa dạng. Chăn nuôi càng đa dạng thì quản lý nhà nước về ATTP càng khó khăn hơn. Cụ thể:

1) Sự hiểu biết và nhận thức của hộ chăn nuôi lợn mà tốt thì việc tự giác tuân thủ các yêu cầu của Nhà nước về ATTP càng cao (không sử dụng kháng sinh trái phép, không sử dụng thuốc tăng trọng, né trách, đối phó với công tác thanh, kiểm tra, giám sát của nhà nước), từ đó các khó khăn và trở ngại đối với chủ thể QLNN về ATTP sẽ giảm và ngược lại. Chính vì vậy, Chủ thể quản lý phải nắm bắt đầy đủ suy nghĩ và hành vi của các khách thể này để định hướng và thúc đẩy họ tự giác thực thi các biện pháp đảm bảo ATTP trong hoạt động CNL, từ đó giúp cho công tác QLNN về ATTP thành công.

2) Nguồn lực tài chính của hộ quyết định đến việc đầu tư xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ nuôi lợn; cũng như lựa chọn nguồn thức ăn; lựa chọn các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh và chữa bệnh khi lợn bị bệnh. Khi các hộ gia đình có nguồn lực tài chính tốt thì các hoạt động chăn nuôi được thực hiện tốt, từ đó giảm thiểu được các yếu tố gây ảnh hưởng đến ATTP đặc biệt là việc sử dụng thức ăn sạch, hạn chế phát sinh dịch bệnh.

3) Đặc điểm phân bố dân cư của các HGD quyết định đến vị trí xây dựng chuồng trại phục vụ chăn nuôi. Đặc điểm chăn nuôi ở HGD là các chuồng nuôi lợn thường gắn liền với nơi ở của gia đình. Vì thế, nếu gia đình ở nơi rộng rãi, thoáng thì việc xây dựng chuồng nuôi cũng xa nơi ở, từ đó giúp cho việc ngăn ngừa nguồn lây bệnh cho lợn được thuận lợi, khi đó lợn nuôi ít bị dịch bệnh, ít phải sử dụng kháng sinh, hoá chất cho phòng và điều trị. Điều này làm cho các yếu tố tiềm ẩn gây mất ATTP giảm, từ đó giúp QLNN về ATTP thuận lợi hơn.

2.1.6.3. Các yếu tố từ thị trường và đặc điểm người tiêu dùng

Mục đích cao nhất của chăn nuôi lợn là phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng về thực phẩm từ CNL có nhiều dinh dưỡng tốt cho sức khỏe, chứ không chỉ thu lợi nhuận. Bởi nếu người tiêu dùng tẩy chay không sử dụng sản phẩm từ CNL vì lý do không an toàn cho sức khỏe, thì những người chăn nuôi lợn thịt sẽ không có thị trường tiêu thụ và sẽ rơi vào tình trạng ế thừa và phá sản.

Do vậy, đòi hỏi của người tiêu dùng đối với chăn nuôi lợn thịt bảo đảm ATTP là chính đáng, được pháp luật bảo hộ và người chăn nuôi lợn thịt phải tôn trọng và đáp ứng. Trong trường hợp người chăn nuôi lợn thịt đáp ứng đúng yêu cầu của người tiêu dùng thì sẽ tạo ra mối quan hệ bền vững với người tiêu dùng trong chăn nuôi lợn thịt. Trong trường hợp ngược lại mối quan hệ này sẽ bị đứt gãy và quá trình chăn nuôi lợn thịt sẽ không bền vững. Tuy nhiên, không phải tất cả những người tham gia chăn nuôi lợn đều thấu hiểu điều này, hoặc hiểu nhưng không thực hiện do chạy theo mục tiêu lợi nhuận cho bản thân và không đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

Do vậy, trách nhiệm của QLNN về ATTP trong CNL tại HGD là thúc đẩy người chăn nuôi phải thực hiện tốt các biện pháp ATTP để đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng trong chăn nuôi lợn đảm bảo an toàn cho sức khỏe của họ. Theo đó, Nhà nước sử dụng quyền lực của mình để hướng dẫn, hỗ trợ người

chăn nuôi lợn thịt thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm ATTP trong các hoạt động chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để hướng tới đạt yêu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu thường có những yêu cầu cao hơn, nhất là khi thực hiện các cam kết quốc tế về ATTP trong chăn nuôi.

Như vậy, “Các yếu tố thị trường và đặc điểm của người tiêu dùng đối với ATTP” ảnh hưởng mạnh tới QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ theo cách (cơ chế) tạo áp lực đối với các cơ quan QLNN về ATTP phải hướng dẫn, hỗ trợ người chăn nuôi lợn thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong các hoạt động chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm mà họ thực hiện.

2.2. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

2.2.1. Kinh nghiệm một số quốc gia trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi

2.2.1.1. Kinh nghiệm về ban hành văn bản và thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

a) Kinh nghiệm của Pháp: Pháp luật về ATTP của Pháp dựa trên cơ sở pháp luật chung của các nước trong Khối EU do Ủy ban Châu Âu (EC) ban hành quy định thực hiện thống nhất quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP). Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt bao gồm các nguyên tắc nhằm bảo đảm: môi trường sản xuất sạch, an toàn cho thực phẩm không chứa các tác nhân gây bệnh như chất độc sinh học (vi khuẩn, nấm, virus, ký sinh trùng); hóa chất độc hại (thuốc, kháng sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, nitrat...); đồng thời sản phẩm được bảo đảm an toàn từ cơ sở chăn nuôi đến người tiêu dùng cuối cùng. Nội dung GAP bao gồm: lựa chọn địa điểm sản xuất; sử dụng giống; sử dụng thức ăn, thuốc kháng sinh; vận chuyển; giết mổ; sơ chế, chế biến phân phối... phải tuân thủ các quy định bảo đảm ATTP cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Các nhà sản xuất, tiêu thụ thực phẩm ở các siêu thị ở Châu Âu phải chứng minh được sản phẩm của họ đã sản xuất theo quy trình GAP quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Đồng thời, thực hiện truy suất nguồn gốc lương thực, thực phẩm theo quy định của EC. Theo đó, cá nhân, tổ chức muốn xuất khẩu thực phẩm vào EU phải ghi rõ các thông tin cơ bản về

nơi sản xuất của thực phẩm và đảm bảo ATTP theo quy định của Hội đồng mã sản phẩm thống nhất Châu Âu (EAN.UCC). Tất cả các chủ thể tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm đều phải áp dụng các tiêu chuẩn chung về truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

b) Kinh nghiệm của Canada: Canada thực hiện QLNN về ATTP trong chăn nuôi trên quan điểm cả Chính phủ, nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng đều cùng có vai trò trách nhiệm tham gia quản lý chất lượng và ATTP. Trong đó, Chính phủ chịu trách nhiệm cao nhất về ATTP nhằm bảo vệ sức khỏe cho tất cả người dân Canada và phân công các cơ quan liên quan thực hiện trách nhiệm quản lý ATTP trong chăn nuôi. Cụ thể, trách nhiệm quản lý chất lượng và ATTP của các sản phẩm chăn nuôi trong toàn quốc được thực thi bởi các cơ quan thuộc Bộ Y tế theo các tiêu chuẩn ATTP do chính Bộ này ban hành. Các quy định pháp luật về ATTP được thực thi hữu hiệu thông qua phạt tiền hoặc bỏ tù những cá nhân, tổ chức chăn nuôi không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của luật ATTP. Đạo luật về ATTP cho người dân Canada (Safe Food for Canadian ACT-SFCA) đã được Quốc hội Canada thông qua và được phê chuẩn vào tháng 11 năm 2012. Đạo luật này tạo cơ sở pháp lý để đơn giản hóa và hợp nhất 03 đạo luật về CFIA và 13 đạo luật có liên quan trong một đạo luật duy nhất về thanh tra thực phẩm, áp dụng chung cho tất cả các loại thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu và chế biến tại Canada. Đạo luật về Thực phẩm và Dược phẩm (Food & Drugs Act –FDA) đối với thực phẩm tiêu thụ tại Canada và các đạo luật liên quan đến kiểm dịch động, thực vật và hoạt động kiểm tra, kiểm soát ATTP của Cơ quan Kiểm tra thực phẩm Canada (CFIA) vẫn tiếp tục được áp dụng.

c) Kinh nghiệm của Trung Quốc: Chính phủ ban hành pháp luật quy định tiêu chuẩn cụ thể về ATTP cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương để phục vụ cho QLNN về ATTP. Nếu năm 2012, Trung Quốc có 1.070 tiêu chuẩn thực phẩm quốc gia và 1.164 tiêu chuẩn thực phẩm cấp ngành (Chung&Wong, 2013), thì năm 2015 đã tăng lên hơn 3.000 tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành thực phẩm được ban hành. Các văn bản pháp luật chính bao gồm: *Thứ nhất, Luật “An toàn thực phẩm”*. Luật này quy định: (i). Các hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với những đối tượng vi phạm ATTP; (ii) Tăng cường các biện pháp giám sát chất lượng thực phẩm; (iii). Cấm sử dụng các hóa chất và phụ

gia gây cho thực phẩm không an toàn; (iv). Nhà sản xuất phải ghi đầy đủ các chất phụ gia đã sử dụng trên nhãn sản phẩm; (v). Cẩm nhà sản xuất thực phẩm chức năng quảng cáo hiệu quả chữa bệnh của sản phẩm. Người tiêu dùng được bồi thường số tiền cao gấp 10 lần số tiền họ bỏ ra khi mua phải thực phẩm kém chất lượng trên thị trường. Thứ hai, *Luật “Giám sát tiêu chuẩn quốc gia trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm”*. Đã chuẩn hóa các công đoạn sản xuất-tiêu thụ thực phẩm và kiểm soát các hành vi bất hợp pháp trong toàn bộ chuỗi cung ứng đầu vào-chế biến-tiêu thụ thực phẩm. Cụ thể, Tổng cục Giám sát, Thanh tra và Kiểm dịch chất lượng thực phẩm soạn thảo các quy định mới về bảo đảm ATTP trong chuỗi sản xuất- chế biến-buôn bán thực phẩm thay thế các quy định giám sát do một số cơ quan chính phủ thực hiện riêng lẻ trước kia.

d) *Kinh nghiệm của Thái Lan*: Đã xây dựng Chiến lược kiểm soát ATTP dựa trên cách tiếp cận “nhận diện và phân tích các nguy cơ gây mất ATTP” trong quá trình sản xuất-chế biến-tiêu thụ thực phẩm kết hợp giữa HACCP (cho sơ chế, chế biến) và GAP (cho sản xuất). Trên cơ sở Chiến lược này, Chính phủ Thái Lan đưa ra các chương trình, kế hoạch thực hiện ATTP cho từng giai đoạn. Các văn bản pháp luật về ATTP được soạn thảo dựa trên các tiêu chuẩn của quốc tế, chỉ những trường hợp quốc tế không quy định thì Thái Lan mới áp dụng tiêu chuẩn quốc gia. Nhờ quốc tế hóa trong xây dựng và ban hành pháp luật về ATTP nên các văn bản pháp luật về ATTP của Thái Lan có giá trị thực thi lâu dài, chẳng hạn như Bộ luật về ngư nghiệp được ban hành từ năm 1947, nhưng vẫn có giá trị áp dụng cho tới ngày nay và tiếp tục trong tương lai.

2.2.1.2. Kinh nghiệm xây dựng các chính sách hỗ trợ các chủ thể chăn nuôi thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi

a) *Kinh nghiệm của Canada*: Để hỗ trợ các chủ thể chăn nuôi thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, Canada đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau như: Thứ nhất, *Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, trang thiết bị giám sát ATTP*. Cơ quan Kiểm tra Thực phẩm Canada (CFIA) là cơ quan chức năng chuyên ngành lớn nhất Canada trong các lĩnh vực kiểm soát an toàn thực phẩm, kiểm dịch động, thực vật nhằm bảo vệ sức khỏe người dân, môi trường và nền kinh tế, được đại diện cho nhà nước đã đầu tư đồng bộ hệ thống các phòng thí nghiệm phục vụ việc phân tích, đánh giá chất lượng và

ATTP để thực thi việc kiểm soát chất lượng và ATTP. CFIA trực tiếp quản lý và vận hành 15 phòng thí nghiệm với đầy đủ trang thiết bị và khả năng phân tích hầu hết các loại thực phẩm nói chung, nông sản nói riêng theo các chỉ tiêu do Bộ Y tế ban hành. Thứ hai, *Chính sách đào tạo nguồn nhân lực QLNN về ATTP*. Cơ quan CFIA có nguồn nhân lực khoảng 7.000 nhân viên đang làm việc trong 4 trung tâm, 18 cơ quan vùng, 185 văn phòng địa phương, bao phủ cả nước và quản lý thống nhất các hoạt động của các chi nhánh, văn phòng ở các địa phương về trình tự, thủ tục, phương pháp kiểm tra chất lượng và ATTP được đào tạo thành thạo về thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng và ATTP đối với từng loại sản phẩm động vật (thịt bò, lợn, gia cầm tươi và chế biến) và sản phẩm thực vật (rau, quả tươi và chế biến). Bộ Y tế Canada có lực lượng chuyên soạn thảo các quy định về ngưỡng giới hạn tồn dư hóa chất trong thực phẩm được đào tạo ở trình độ chuyên môn cao. Thứ ba, *Chính sách thông tin, truyền thông phục vụ QLNN về ATTP*: (i) Công tác phổ biến, thông tin tuyên truyền về ATTP được triển khai bằng nhiều cách khác nhau do CFIA, HC và PHAC thực hiện và cập nhật tình hình về ATTP trong nước từng thời điểm để thông tin tới người sản xuất, người tiêu dùng thực phẩm. (ii) Việc thu thập thông tin về các mối nguy mất ATTP xảy ra ở các cộng đồng dân cư do PHAC thực hiện và chuyển tới cho HC và CFIA điều tra nguyên nhân, từ đó giám sát ATTP và làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chuẩn về ATTP do Bộ Y tế ban hành. (iii) Hàng năm PHAC còn tiến hành các đợt kiểm tra, lấy mẫu hoặc các cuộc điều tra cơ bản (độc lập với CFIA) để xem xét mức độ tuân thủ các quy định về ATTP của người sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm trên thị trường.

b) Kinh nghiệm của Trung Quốc: Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ người sản xuất-chế biến-tiêu thụ thực phẩm bảo đảm an toàn gồm: (i) *Chính sách đầu tư hạ tầng trong các khâu sản xuất-chế biến, vận chuyển và thương mại hóa thực phẩm bảo đảm ATTP*. Trong kế hoạch 5 năm 2005-2010 Chính phủ Trung Quốc đã chi 1 tỷ USD để đầu tư hạ tầng tại các khâu sản xuất-chế biến, vận chuyển và thương mại hóa thực phẩm nhằm bảo đảm ATTP. Trong đó, có đầu tư xây các phòng xét nghiệm hiện đại tại nơi tiêu thụ để phục vụ xét nghiệm nhanh các loại thực phẩm nghi ngờ không đảm bảo an toàn; (ii) *Chính sách truyền thông về ATTP*. Chính phủ thường xuyên truyền thông về ATTP

rộng rãi khắp cả nước, đặc biệt tại nông thôn nơi có đến 60% dân số Trung Quốc đang sinh sống nhằm khắc phục tình trạng yếu kém nhận thức của người dân về ATTP ở nông thôn gây mất ATTP và cản trở các nỗ lực của Chính phủ trong quản lý về ATTP dẫn đến xảy ra các vụ mất ATTP nguy hiểm như đại dịch COVID-19 tại Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc vừa qua. Trong thực hiện truyền thông về ATTP, Chính phủ Trung Quốc đã ban bố lệnh cấm sử dụng 5 loại thuốc trừ sâu; Bộ NN đã đưa vào danh sách đen các công ty sản xuất những loại hóa chất này và phát động truyền thông về chủ đề “Giáo dục nông dân sử dụng đúng các loại thuốc trừ sâu”.

c) Kinh nghiệm của Thái Lan: Để hỗ trợ cho các chủ thể chăn nuôi tuân thủ các quy định ATTP, Thái Lan đã xây dựng một số chính sách, điển hình như: Thứ nhất, *Chính sách đầu tư hạ tầng phục quản lý chất lượng và ATTP thực phẩm.* Từ năm 2009 đến nay, liên tục tăng vốn đầu tư và thúc đẩy khu vực tư nhân cùng nhà nước đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm và trang bị các công cụ, thiết bị hiện đại phục vụ phân tích, kiểm nghiệm chất lượng và tiêu chuẩn an toàn các loại thực phẩm tiêu thụ trên thị trường. Thứ hai, *Chính sách đào tạo, phát triển nhân lực tham gia QLNN về ATTP.* Để thực hiện tốt Hiệp định SPS do WTO đặt ra, Thái Lan đã: Tổ chức và cung cấp kinh phí triển khai Chương trình quốc gia về đào tạo, tập huấn cho nhân viên QLNN về ATTP từ trung ương và địa phương các kiến thức quản lý chất lượng và ATTP trình độ quốc gia và quốc tế; Tổ chức và cấp kinh phí đào tạo người sản xuất, chế biến, tiêu thụ thực phẩm các kiến thức; Tổ chức và cấp kinh phí cho các lớp đào tạo cán bộ kiểm toán chính thức các hoạt động sản xuất, chế biến theo hệ thống tiêu chuẩn ISO 62; Tổ chức và cấp kinh phí đào tạo đội ngũ nhân viên kỹ thuật phân tích và quản lý phòng thí nghiệm chất lượng theo ISO 17.025; Tổ chức và cấp kinh phí đào tạo khả năng phân tích các hóa chất độc hại cho các cán bộ làm việc tại các cảng xuất nhập khẩu; Tổ chức và cấp kinh phí đào tạo nhân viên đánh giá vệ sinh thực phẩm tươi sống tại chợ dân sinh và tại các quầy bán lẻ nội địa; Tổ chức các khóa đào tạo về phân tích, đánh giá, quản lý và thông tin về rủi ro ATTP dựa trên nghiên cứu các mối nguy về vi trùng và hóa chất có hại trong thực phẩm có nguy cơ gây bệnh từ các vi sinh vật. Thứ ba, *Chính sách hỗ trợ hình thành các tổ chức kiểm soát ATTP có chuyên môn cao như:* (1) Viện dinh dưỡng - Đại học Mahidol

(INMU) được tôn vinh là “Trung tâm phát triển và áp dụng các kiến thức mới” về cải thiện CLTP, đảm bảo an toàn, bổ dưỡng. INMU được WHO lựa chọn là Trung tâm Hợp tác dinh dưỡng cộng đồng, ATTP, có kinh nghiệm đào tạo ATTP, y tế và lĩnh vực khác; (2). Khoa Thú Y, Đại học Chulalongkorn được WHO xác định là “Trung tâm xuất sắc trong lĩnh vực kháng sinh”; (3). Các phòng thí nghiệm của Cục Chăn nuôi (Phòng thú y) và Sở Khoa học y tế Thái Lan được chỉ định tham gia dự án thành lập “Phòng thí nghiệm tham khảo cho ASEAN” (ARL) cung cấp dịch vụ tư vấn cho các nước thành viên ASEAN và được JICA lựa chọn là địa điểm tổ chức các khóa đào tạo kiến thức về “Tăng cường VSATTP” cho cán bộ QLNN làm nhiệm vụ kiểm soát ATTP cho các nước Đông Nam Á gồm: Myanmar, Lào, Campuchia và Việt Nam. Thứ tư, *Chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức sản xuất, tiêu thụ thực phẩm chủ động và tự giác sử dụng các dịch vụ kiểm soát ATTP của Nhà nước với các tiêu chuẩn quốc tế về CLTP; về kiểm dịch động vật (OIE); về bảo vệ thực vật (IPPC)*. Để thực hiện ATTP theo chuẩn quốc tế, Chính phủ Thái kêu gọi người sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (GAP), thực hành quản lý tốt (GMP), áp dụng hệ thống phân tích mối nguy hiểm và điểm tới hạn (HACCP) là những thực hành chủ yếu đảm bảo ATTP. Bộ NN và HTX phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế để thực hiện chu đáo các nhiệm vụ kiểm soát ATTP đối với các chuỗi thực phẩm từ sản xuất tới tiêu dùng.

2.2.1.3. Kinh nghiệm tổ chức bộ máy, nguồn lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn

a) *Kinh nghiệm của Cộng hoà Pháp*: Việc thực thi chức năng QLNN về ATTP tại Pháp được giao cho 4 cơ quan: Tổng cục thực phẩm (DGAL); Tổng cục cạnh tranh tiêu dùng và chống gian lận (DGCCRF); Tổng cục Y tế (DGS); Cơ quan cảnh báo về an toàn thực phẩm (ANSES). Các cơ quan này cùng phối hợp để thực hiện QLNN về ATTP thông qua hai chức năng chính là: *Thứ nhất*, ban hành và thực hiện chính sách thúc đẩy các chủ thể sản xuất, chế biến, tiêu thụ thực phẩm để thực hiện các biện pháp đảm bảo ATTP nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn do nhà nước ban hành. *Thứ hai*, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP của chủ thể sản xuất, chế biến, tiêu thụ thực phẩm. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ 04 cơ quan nêu trên như sau: (i) *Tổng cục Thực phẩm (DGAL)*: DGAL trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Thủy sản đảm bảo

ATTP trong ngành nông nghiệp và thực phẩm. Thực hiện quản lý về bảo vệ thực vật, động vật, hệ thống chất lượng của hàng hóa thực phẩm ở tất cả các khâu của chuỗi cung ứng: sản xuất, chế biến, vận chuyển tiêu thụ lương thực, thực phẩm; thực hiện quảng bá các mô hình quản lý an toàn thực phẩm tốt và tham gia các hoạt động quốc tế của Ủy ban thường trực Liên minh Châu Âu (CPCASA) về chuỗi sản phẩm thực phẩm động vật an toàn. (ii) *Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận (DGCCRF)*: DGCCRF trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Thủy sản, có chức năng đảm bảo điều phối thị trường nhằm tạo môi trường cạnh tranh cởi mở, trung thực và hướng tới bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Tổng cục tập trung quản lý về: thành phần thực phẩm, chất phụ gia, quy trình chế biến, quy cách dán nhãn, cách thực hành thương mại...và dịch vụ khác. (iii) *Tổng cục Y tế (DGS)*: DGS trực thuộc Bộ Y tế, có chức năng can thiệp vào tất cả các lĩnh vực liên quan đến sức khỏe cộng đồng, quản lý các mối nguy về ATTP trong thực phẩm và nguồn nước sinh hoạt. Tổng cục thực hiện các cuộc kiểm tra về tính an toàn của nguồn nước và ATTP của các loại thực phẩm, truy tìm các chất gây ngộ độc thực phẩm. (iv) *Cơ quan cảnh báo về an toàn thực phẩm (ANSES)*: Cơ quan này có mạng lưới 11 Phòng thí nghiệm phân tích tại 10 điểm trên địa bàn cả nước, được trang bị các thiết bị hiện đại nhất và đủ nguồn nhân lực triển khai các nhiệm vụ được giao.

b) *Kinh nghiệm của Canada*: Luật pháp Canada quy định: (i) *Bộ Y tế*, là cơ quan nhà nước duy nhất có chức năng thiết lập các tiêu chuẩn chính sách về chất lượng dinh dưỡng và ATTP của tất cả các loại thực phẩm trên thị trường ở Canada. Bộ Y tế là cơ quan đưa ra ngưỡng tối đa các chất phụ gia được sử dụng trong chế biến thực phẩm và quy định các loại thuốc BVTV, thuốc thú y được sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi. Trong Bộ Y tế có 3 cơ quan liên quan đến ATTP đó là: Cơ quan giám sát chất lượng và ATTP (CFIA); Cơ quan Sức khỏe Cộng đồng (PHAC); Cơ quan Quản lý dịch hại (PMRA). (ii) *Cơ quan giám sát chất lượng và an toàn thực phẩm (CFIA)*. CFIA thực thi quyền kiểm tra, giám sát tối cao về chất lượng và ATTP. Cơ quan này có quyền thu hồi tất cả các loại thực phẩm không an toàn bao gồm cả thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu nếu không đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng và ATTP do Bộ Y tế ban hành. CFIA kiểm tra sự tuân thủ các quy định về ATTP của nhà sản

xuất, nhà nhập khẩu thực phẩm và hướng dẫn thực thi sự tuân thủ đó. CFIA lấy mẫu kiểm tra dư lượng các loại hoá chất trong thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu trên toàn quốc nhằm đảm bảo ATTP theo Luật Thực phẩm và Dược phẩm. Công tác đánh giá chất lượng và ATTP của sản phẩm ở Canada được thực hiện dựa trên các bằng chứng khoa học về rủi ro an toàn thực phẩm (risk-based approach). (iii) *Cơ quan cảnh báo an toàn thực phẩm Canada (PHAC)*. PHAC hoạt động độc lập, có chức năng thu thập thông tin cảnh báo mức độ ATTP cho người dân Canada, đồng thời xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng thực phẩm an toàn. Mọi thông tin về tình hình chất lượng và ATTP được cơ quan này công bố công khai, minh bạch và nhất quán. Thông qua đó, các nhà sản xuất và người tiêu dùng có căn cứ để thống nhất được với nhau về tình trạng chất lượng và ATTP của sản phẩm đưa ra tiêu thụ trên thị trường. Hai cơ quan CFIA và PHAC cùng cung cấp các thông tin về: tình hình kiểm soát CLSP và ATTP; mức độ tuân thủ các quy định về ATTP của các nhà sản xuất chế biến tiêu thụ thực phẩm; các thông tin liên quan đến sự bùng phát dịch bệnh các rủi ro thực phẩm... nhằm giúp Bộ Y tế kịp thời điều chỉnh các chính sách và biện pháp xử lý cho phù hợp. Việc để 2 cơ quan nhà nước cùng công bố thông tin về tình hình chất lượng sản phẩm và ATTP nhằm tạo sự tin cậy của các thông tin về chất lượng và ATTP trong xã hội. (iv) *Cơ quan Quản lý dịch hại (PMRA)*. PMRA có chức năng cấp giấy phép cho các loại hoá chất nông nghiệp được sử dụng và thiết lập các ngưỡng giới hạn cho phép tồn dư hoá chất trong thực phẩm (gọi là MRLs), ngưỡng này được ban hành áp dụng cho cả thực phẩm nhập khẩu và sản xuất trong nước.

c) *Kinh nghiệm của Trung Quốc*: Chính phủ phân công trách nhiệm QLNN về ATTP cho khoảng 05 cơ quan trực thuộc bao gồm: (i). Bộ Y tế (Cục Thực phẩm và Dược phẩm Nhà nước); (ii). Bộ Nông nghiệp (Cục quản lý Công nghiệp và Thương mại nhà nước; Tổng cục giám sát chất lượng, Thanh tra và Kiểm dịch thực vật); (iii). Bộ Thương mại; (iv). Bộ Khoa học và Công nghệ; (v). Viện Quốc gia về dinh dưỡng và ATTP. Hoạt động QLNN về ATTP của 05 cơ quan trên thể hiện sự chồng chéo, không rõ ràng theo ngành và theo lãnh thổ. Để khắc phục tình trạng này, Chính phủ Trung Quốc đã thành lập “Hội đồng chỉ đạo quốc gia về chất lượng và ATTP” trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp

của một Phó thủ tướng Chính phủ. Hội đồng này chịu trách nhiệm ban hành tất cả các quy định và chế tài về chất lượng, ATTP áp dụng trong các ngành, lĩnh vực sản xuất-chế biến-tiêu thụ thực phẩm.

d) Kinh nghiệm của Thái Lan: Chính phủ Thái Lan tổ chức hệ thống bộ máy QLNN về ATTP theo hệ thống liên ngành 04 Bộ (Y tế, Nông nghiệp và HTX, Nội vụ và Công nghiệp) và các tỉnh trong cả nước. Trong đó, Ủy ban chiến lược sức khỏe, do Bộ trưởng Y tế làm Chủ tịch, là cơ quan nắm quyền điều hành tập trung cao nhất. Cách tập trung quyền lực QLNN về ATTP vào Bộ Y tế Thái Lan đã tạo nên tính nhất quán trong triển khai các hoạt động QLNN về ATTP ở các ngành sản phẩm và ở các địa phương. Cụ thể về chức năng của các cơ quan này như sau: (i) *Ủy ban chiến lược sức khỏe (Bộ Y tế).* Bộ Y tế thành lập “Ủy ban chiến lược sức khỏe”, Chủ tịch là Bộ trưởng Bộ Y tế, có trọng trách cao nhất trong thực hiện QLNN về ATTP các loại TP. Ủy ban này phối hợp Ủy ban thực phẩm quốc gia thực hiện điều phối tất cả các hoạt động kiểm tra, giám sát ATTP trong cả nước. (ii) *Ủy ban thực phẩm quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và HTX và các Bộ có liên quan (Nội vụ, Công nghiệp, Thương mại).* Ủy ban thực phẩm quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và HTX Thái Lan cùng các cơ quan khác thuộc Bộ Nội vụ, Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại cùng thành lập ra “Ủy ban thực phẩm quốc gia” và phối hợp với Chính quyền các tỉnh, thành phố hình thành nên các “Ủy ban hợp tác ATTP của chính quyền địa phương” thực hiện QLNN về ATTP trên địa bàn từng tỉnh trên cơ sở kiểm soát ATTP tất cả các hoạt động sản xuất-chế biến-tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. (iii) *Trung tâm điều hành ATTP.* Trung tâm này do Ủy ban chiến lược sức khỏe thành lập, với thành viên là đại diện các cơ quan: Cục y tế (DOH); Viện nghiên cứu hệ thống y tế (HSRI); Cục Xúc tiến dịch vụ Y tế (DHP); Ban Quản lý thực phẩm, dược phẩm (FDA); Cục Khoa học dược phẩm (DMSc); Tổ chức dược phẩm Trung ương (GPO). Trung tâm này có chức năng phối hợp với Ủy ban Thực phẩm quốc gia trực tiếp triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của luật ATTP tại các ngành và địa phương.

2.2.1.4. Kinh nghiệm về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn

a) Kinh nghiệm của Pháp: Hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp

luật về ATTP được giao cho Cơ quan cảnh báo về ATTP (ANSES). Cơ quan này có mạng lưới 11 Phòng thí nghiệm phân tích về nguy cơ mất ATTP tại 10 điểm trên địa bàn cả nước, các phòng thí nghiệm được đầu tư các thiết bị hiện đại nhất và đủ nguồn nhân lực để triển khai các nhiệm vụ được giao về kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về ATTP ở từng địa phương.

b) Kinh nghiệm của Canada: Bộ Y tế là cơ quan thống nhất xây dựng các quy định nhà nước về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và ATTP. Thành lập cơ quan QLNN về chất lượng và ATTP, thống nhất kiểm soát chất lượng và ATTP các hàng hóa thực phẩm ở Canada (CFIA). CFIA có quyền lực lớn và độc lập cao trong kiểm soát chất lượng và ATTP và báo cáo trực tiếp cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp của Canada những vấn đề phải xử lý về chất lượng và ATTP hàng hóa nông sản, nhưng không chịu sự chỉ đạo của Bộ này. CFIA lấy mẫu kiểm tra dư lượng các loại hoá chất trong thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu trên toàn quốc nhằm đảm bảo ATTP theo Luật thực phẩm và dược phẩm. Công tác đánh giá chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm ở Canada được thực hiện dựa trên các bằng chứng khoa học về rủi ro an toàn thực phẩm (risk-based approach).

c) Kinh nghiệm của Trung Quốc: Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn ATTP trong từng ngành, lĩnh vực. Chính phủ thành lập mạng lưới cơ quan chuyên thực hiện kiểm tra, phân tích ATTP từ trung ương tới địa phương. Ngay từ năm 2007 đã có 4.000 phòng thí nghiệm phân tích ATTP, trong đó có 50 trung tâm quốc gia của nhà nước và 35 phòng thí nghiệm trọng điểm. Hiện nay đang tiếp tục thành lập 320 trung tâm cấp quốc gia và 1.800 trung tâm cấp địa phương chuyên về kiểm tra, phân tích ATTP, nhưng vẫn chưa đáp ứng được tình trạng không ATTP xảy ra theo thời gian. Tại các cửa khẩu, các lô hàng hoá nông sản, thực phẩm nhập khẩu phải trải qua kiểm tra về nguồn gốc, xuất xứ, kiểm dịch, quy cách... theo các chỉ số về ATTP do các Trung tâm phân tích ATTP thực hiện đối với từng từng lô hàng. Nếu đáp ứng yêu cầu khi đó hàng hoá được thông quan. Đặc biệt đối với hàng hoá là thực phẩm chăn nuôi, trong đó có lợn và sản phẩm thịt lợn được kiểm tra chặt chẽ về ATTP.

d) Kinh nghiệm của Thái Lan: Chính phủ quan tâm đầu tư hình thành

mạng lưới các phòng thí nghiệm để kiểm tra, phân tích các chỉ số đánh giá mức độ ATTP của các loại TP phục vụ công tác QLNN về ATTP. Các Phòng thí nghiệm được xây dựng tại các cảng để phục vụ kiểm tra, giám sát chặt chẽ các loại thực phẩm thô và chế biến nhập khẩu hàng ngày nhằm phát hiện, xử lý việc nhập khẩu các loại thực phẩm không an toàn hoặc không đạt chất lượng cho tiêu dùng. Đồng thời ngăn chặn, giảm thiểu hành vi nhập khẩu các loại thuốc thú y, dược phẩm và các loại hóa chất cấm nhập khẩu. Chính phủ thành lập các đơn vị di động thực hiện kiểm tra thực phẩm theo các chuỗi sản phẩm nông sản với đầy đủ trang thiết bị phát hiện nguy cơ mất ATTP.

2.2.2. Hàm ý từ kinh nghiệm được rút ra ở các quốc gia trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng cho chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam

2.2.2.1. Hàm ý cho việc xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

(1) Tư duy quản lý ATTP cần theo phương thức giám sát ở từng công đoạn của chuỗi giá trị, thay vì hậu kiểm; dựa vào phân tích nguy cơ và bằng chứng khoa học để lường hết các mối nguy cơ về ATTP ở từng công đoạn và tránh việc vô đoán, áp đặt mối nguy gây mất ATTP và nguyên nhân gây ra các mối nguy nhằm tối đa hóa hiệu quả trong việc giải quyết các khu vực có nguy cơ mất ATTP cao trong chuỗi CNL tại HGD.

(2) Trách nhiệm của các HGD chăn nuôi lợn và các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất cung ứng đầu vào-chăn nuôi-tiêu thụ lợn, sản phẩm CNL làm thực phẩm cùng phải thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP trong hoạt động của mình.

(3) Khuôn khổ pháp luật quản lý ATTP áp dụng trong CNL tại HGD cần hoàn thiện theo chuỗi sản xuất-tiêu thụ bao gồm: cung ứng các đầu vào; nuôi dưỡng và chăm sóc lợn; vận chuyển lợn xuất chuồng; mổ xẻ, tiêu thụ thịt và các phụ phẩm của lợn đã mổ xẻ trên thị trường.

(4) Việc xây dựng khuôn khổ pháp luật cần được chuẩn hóa quốc tế, những chuẩn hóa quốc tế thì vận dụng và áp dụng trực tiếp; chỉ những quy định gì mà quốc tế chưa có thì xây dựng bổ sung; tăng tính chi tiết, cụ thể theo từng đối tượng áp dụng, giảm lượng văn bản quy định chung.

(5) Trách nhiệm truyền thông, phổ biến pháp luật về ATTP tới các hộ chăn nuôi lợn giữ vai trò rất quan trọng (họ có biết, có nắm chắc thì họ mới tuân thủ tốt), có tính quyết định nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP.

2.2.2.2. Hàm ý cho việc xây dựng chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăn nuôi lợn thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm

(1) Loại hình chính sách cần được bao phủ đầy đủ theo nhu cầu của hộ gia đình trong từng hoạt động của chăn nuôi từ việc xây dựng chuồng trại; phối trộn thức ăn phục vụ nuôi dưỡng; sử dụng thuốc thú y và kháng sinh hóa chất; đến xuất chuồng tiêu thụ lợn.

(2) Mức độ hỗ trợ của các chính sách cần được nâng cao cho phù hợp với mức độ đầu tư trong chăn nuôi lợn ở hộ, hiện nay các hộ đang chuyển dịch dần từ nuôi nhỏ lẻ sang nuôi quy mô lớn, chuyển đổi phương thức chăn nuôi và áp dụng khoa học, công nghệ vào quá trình chăn nuôi.

(3) Thúc đẩy sự tham gia của các lực lượng xã hội khác nhau vào phòng ngừa các nguy cơ gây mất ATTP trong chuỗi CNL tại HGD để có thêm nguồn nhân lực và tài chính.

(4) Mở rộng hỗ trợ các hoạt động kiểm nghiệm, tư vấn và chứng nhận về ATTP các địa bàn diễn ra hoạt động sản xuất vật tư đầu vào-chăn nuôi-tiêu thụ sản phẩm CNL tại HGD làm thực phẩm có sự tham gia của tổ chức bảo vệ người tiêu dùng, tổ chức đoàn thể...

(5) Hỗ trợ người sản xuất, cung ứng đầu vào-chăn nuôi-tiêu thụ sản phẩm CNL làm TP áp dụng công nghệ: thông tin; bảo vệ hàng hóa TP; bảo đảm an toàn (xuất sứ nguồn gốc, địa lý, chip điện tử, tem, nhãn, vân tay...).

2.2.2.3. Hàm ý cho việc xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

(1) Hạn chế tối đa tình trạng phân tán, chồng chéo, mâu thuẫn trong tổ chức bộ máy QLNN về ATTP theo hình thức nhiều Bộ, ngành khác nhau cùng tham gia;

(2) Xác định Bộ Y tế là cơ quan chủ trì xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng và ATTP của các loại hàng hóa phục vụ chăn nuôi, thực phẩm từ CN, trong đó có các sản phẩm theo chuỗi CNL tại HGD.

(3) Hoạt động của cơ quan QLNN về chất lượng và ATTP phải được

bảo đảm tính độc lập trong việc kiểm tra chất lượng và ATTP các hàng hóa thực phẩm, không bị chi phối bởi các Bộ, ngành và chịu sự chỉ đạo trực tiếp một Phó Thủ tướng Chính phủ về xử lý các vấn đề liên quan tới chất lượng và ATTP của hàng hóa thực phẩm.

(4) Cơ quan QLNN về chất lượng và ATTP có cơ cấu tinh gọn, chuyên nghiệp, trách nhiệm cao, thực thi minh bạch pháp luật về ATTP. Tuyển chọn, đào tạo nhân lực kỹ càng, bài bản, thường xuyên đánh giá, sát hạch nhằm bảo đảm chất lượng và năng lực thực hiện trách nhiệm cá nhân trong bộ máy.

(5) Mở rộng sự tham gia của các chuyên gia, người có chuyên môn cao về sản xuất-tiêu thụ hàng hóa bảo đảm ATTP vào các hoạt động đánh giá và quản lý các nguy cơ, rủi ro gây mất ATTP trong chuỗi sản xuất-tiêu thụ lợn thịt hàng năm, trong đó có lợn được nuôi từ hộ gia đình.

2.2.2.4. Hàm ý cho việc kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

(1) Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát thường xuyên các chủ thể sản xuất-tiêu thụ vật tư, hàng hóa, thức ăn chăn nuôi, thực phẩm có nhiều nguy cơ gây mất ATTP trong chuỗi CNL tại HGD, trong đó chú trọng giám sát CNL tại các HGD quy mô nhỏ, phân tán ở các địa bàn có mức độ ô nhiễm môi trường cao) bằng các phương pháp khoa học dự báo nhằm nhận diện, thống kê và chuẩn đoán các HGD có nguy cơ cao mất ATTP để đưa ra biện pháp cảnh báo giúp các HGD này phòng ngừa, xử lý kịp thời diễn biến xấu về mất ATTP trong chăn nuôi lợn.

(2) Kiểm tra, xử lý nghiêm các chủ thể chăn nuôi lợn, trong đó có HGD dễ xảy ra mất ATTP, an toàn sinh học, gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đã được cảnh báo và phổ biến tới các chủ thể CNL lân cận về nguyên nhân và lý do dẫn đến các mối nguy trên trong CNL để cùng rút kinh nghiệm và tự giác ngăn chặn các nguy cơ gây mất ATTP.

(3) Truyền thông chính xác, cụ thể và rõ ràng tới các chủ thể và HGD chăn nuôi lợn trên cùng địa bàn xảy ra mất ATTP về hành vi vi phạm pháp luật ATTP và mức xử phạt phải chấp nhận nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tự giác của các chủ thể và HGD liên quan, giảm thiểu rủi ro lan rộng nguy cơ mất ATTP trên diện rộng.

(4) Đề cao vai trò, ý nghĩa của các biện pháp phòng ngừa mất ATTP hơn các biện pháp xử lý hậu quả để xảy mất ATTP và khắc phục sự cố ATTP trong và từ quá trình CNL tại HGD bằng các bằng chứng thực tế minh họa để tối đa hóa hiệu quả QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn tại HGD.

(5) Tăng cường vai trò của chủ thể CNL tại HGD cùng tham gia giám sát ATTP và quản lý các mối nguy cơ về ATTP; phát huy vai trò giám sát, kiểm tra nội bộ, chủ động phát hiện nguồn bệnh, nguy cơ gây mất ATTP, giảm thiểu sử dụng các chất cấm, chất độc hại trong quá trình CNL tại HGD.

(6) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và nhân lực cho hệ thống các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP cùng với tăng cường năng lực cho hệ thống các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm dịch, dự báo, xét nghiệm trọng điểm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển từ thực tiễn, kịp thời nắm bắt, giám sát, kiểm soát, ngăn chặn xử lý, khắc phục các sự cố và vi phạm về ATTP.

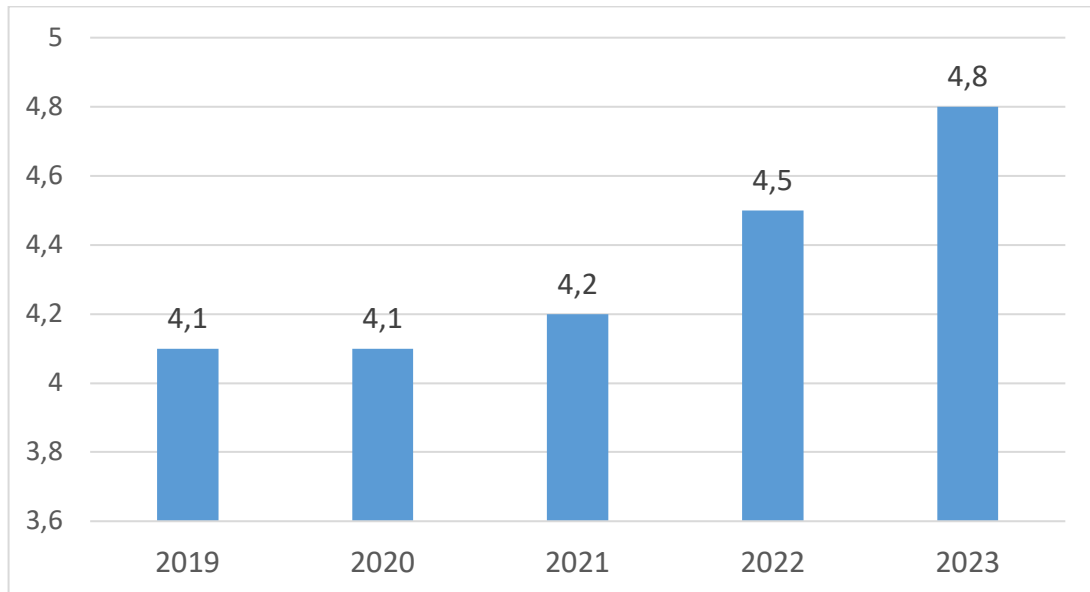
Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

3.1.1. Quy mô và xu hướng phát triển của chăn nuôi lợn ở Việt Nam

Chăn nuôi lợn là một trong những hoạt động chủ lực của ngành chăn nuôi ở Việt Nam và đang có xu hướng phát triển mạnh hơn theo thời gian. Tại thời điểm năm 2023, cả nước có khoảng 25,5 triệu con lợn, gồm cả lợn thịt, lợn nái, lợn đực giống (Tổng cục Thống kê, 2023). Trong đó số lượng lợn thịt là 21,7 triệu con, chiếm khoảng 88,2% (Cục Chăn nuôi, 2023). Với số lượng lợn thịt này, đang tạo nên khoảng 4,8 triệu tấn thịt lợn hơi xuất chuồng. Nhờ có hoạt động chăn nuôi phát triển nên sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng luôn tăng, trong giai đoạn 2019 - 2023, trung bình mỗi năm tăng 4,5% (Hình 3.1).

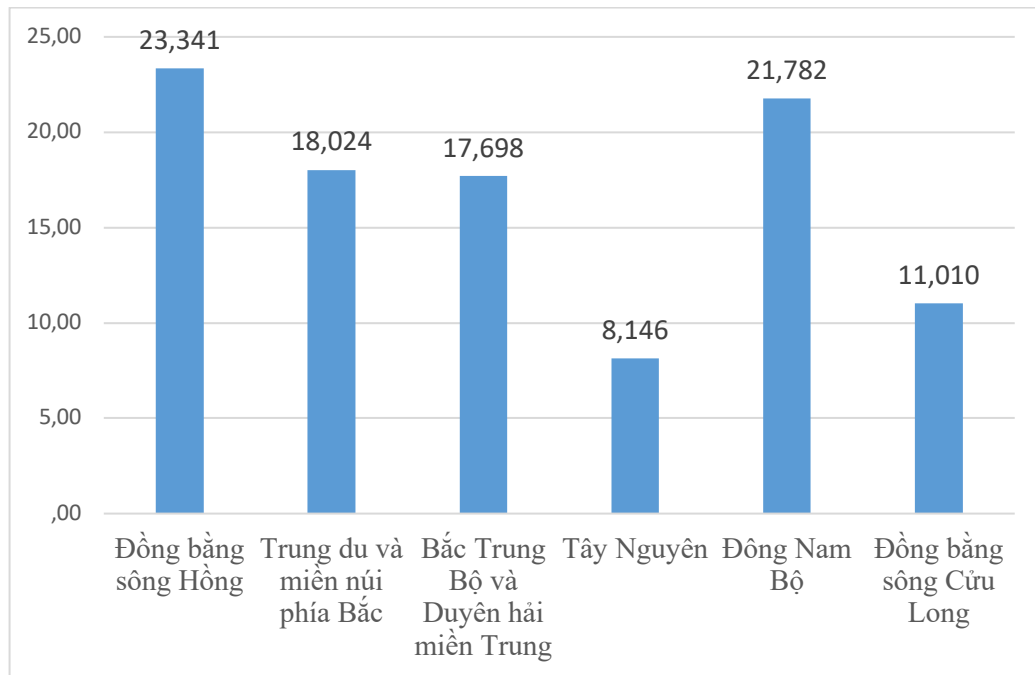


Hình 3.1: Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả nước (triệu tấn)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023

Hoạt động chăn nuôi lợn thịt diễn ra trên khắp cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung nhiều nhất là ở các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, sau đó đến các tỉnh vùng Đông Nam bộ; khu vực nuôi ít nhất là

vùng Tây Nguyên. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhờ có số lượng nuôi nhiều, trọng lượng lợn xuất chuồng lớn, nên tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2023 tại vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm 23,3% tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng của cả nước, Vùng Đông Nam Bộ chiếm 21,7%, còn vùng Tây Nguyên chỉ chiếm khoảng 8,1% (Hình 3.2). Qua đó cho thấy, thực phẩm là thịt lợn của Việt Nam đang được chăn nuôi chủ yếu từ 2 vùng trọng điểm là Vùng Đồng bằng Sông Hồng và Vùng Đông Nam Bộ; sau đó đến Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



Hình 3.2: Cơ cấu sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2023 (%)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023

3.1.2. Tình hình chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam

Hiện nay, nước ta có nhiều chủ thể tổ chức chăn nuôi lợn, tuy nhiên chăn nuôi ở các hộ gia đình vẫn là chủ yếu. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2023), tại thời điểm năm 2023, cả nước có 21,7 triệu con lợn thịt, trong đó nuôi tại các hộ gia đình chiếm 88,4%; số còn lại 11,6% do các thành phần kinh tế khác nuôi, cụ thể: Nhà nước chiếm 0,4%; kinh tế tập thể chiếm 0,7% và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 10,5% (Bảng 3.1).

Bảng 3.1. Số lượng lợn thịt cả nước nuôi trong các hộ gia đình và các thành phần kinh tế khác

TT	Thành phần nuôi	SL (con)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	86.587	0,4
2	Tập thể	146.924	0,7
3	Hộ gia đình	19.252.939	88,5
4	Vốn đầu tư nước ngoài	2.275.292	10,5
	Tổng	21.761.742	100

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023

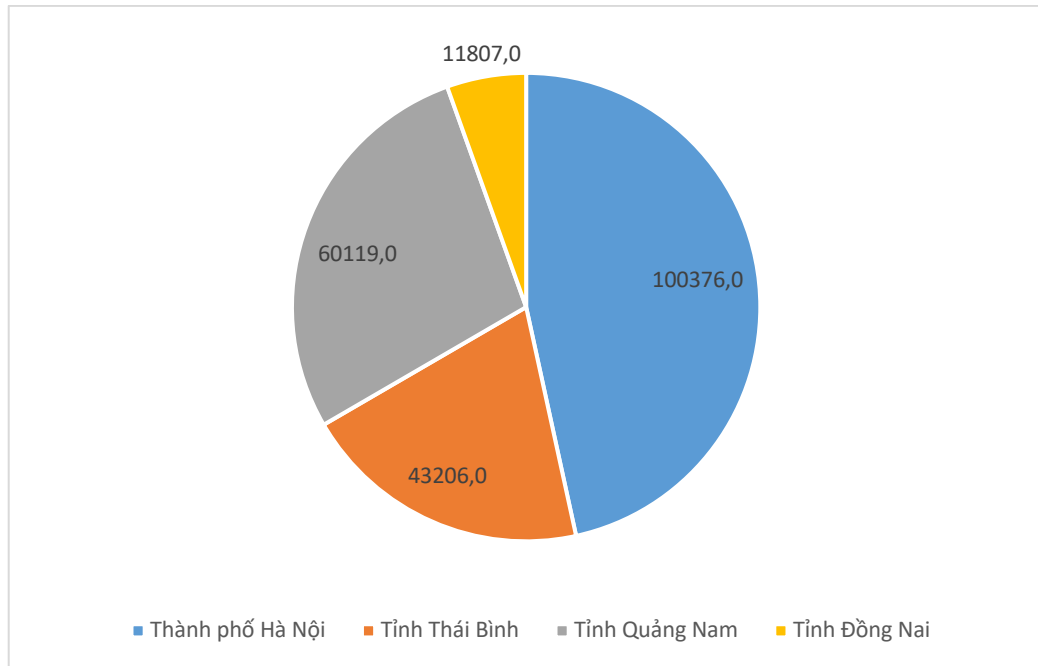
Năng lực chăn nuôi của từng hộ gia đình là khác nhau nên quy mô nuôi lợn cũng khác nhau, có hộ nuôi chỉ dưới 10 con, trong khi có hộ nuôi trên 300 con. Theo số liệu của Cục Chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và PTNT, năm 2023, cả nước hiện có 2,3 triệu hộ nuôi lợn; trong đó số hộ nuôi từ 1 đến 9 con là chủ yếu với 1,9 triệu hộ, chiếm khoảng 83,6%; số hộ nuôi từ 100 con trở lên chỉ có 12,6 nghìn hộ, chiếm khoảng 0,6% (Bảng 3.2). So sánh 3 năm gần đây, cơ cấu hộ theo quy mô đàn nuôi không có nhiều thay đổi, vẫn như năm 2023. Qua đó cho thấy, chăn nuôi lợn ở hộ gia đình chủ yếu là nuôi quy mô nhỏ; các hộ thường nuôi 2 lứa lợn trong một năm, mỗi lứa từ 4 -5 con.

Bảng 3.2: Số lượng hộ chăn nuôi lợn thịt phân theo quy mô đàn nuôi

TT	Quy mô đàn nuôi	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		SL (hộ)	TL (%)	SL (hộ)	TL (%)	SL (hộ)	TL (%)
1	Nuôi từ 1 - 9 con	1,897.1	83.3	1,982.5	83.6	1,944.2	83.6
2	Nuôi từ 10 - 29 con	313.7	13.8	320.3	13.5	314.1	13.5
3	Nuôi từ 30 - 99 con	55.3	2.4	57.0	2.4	56.1	2.4
4	Nuôi từ 100 - 199 con	6.5	0.3	6.5	0.3	6.4	0.3
5	Nuôi từ 200 - 299 con	1.6	0.1	1.8	0.1	1.6	0.1
6	Nuôi từ 300 con trở lên	4.4	0.2	4.5	0.2	4.4	0.2
	Tổng	2,278.7	100	2,372.5	100	2,326.8	100

Nguồn: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2024

Tại 4 tỉnh/thành khảo sát, tình hình chăn nuôi lợn tại hộ gia đình được thể hiện tại Hình 3.3.



Hình 3.3: Số lượng hộ chăn nuôi lợn tại 04 tỉnh khảo sát năm 2023

Nguồn: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2024

Theo Hình 3.3, số hộ chăn nuôi tại Hà Nội có gần 100.376 hộ, lớn nhất so trong 04 địa phương khảo sát và với các địa phương khu vực Đồng bằng Sông Hồng, chiếm 4,2% so với số hộ chăn nuôi lợn cả nước; kể đến là tỉnh Quảng nam có 60.119 hộ chiếm 2,5% ; Thái Bình có 43.206 hộ chiếm 1,8%; tỉnh Đồng Nai có 11.807 hộ chiếm 0,49% so với số hộ chăn nuôi lợn cả nước.

3.1.3. Thực trạng đóng góp của chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.1.3.1. Góp phần làm tăng thu nhập cho hộ gia đình

Các hộ gia đình chăn nuôi lợn hiện nay ở Việt Nam có khá nhiều sinh kế đóng góp tạo nên thu nhập cho hộ, trong đó có hoạt động chăn nuôi lợn thịt. Mức độ đóng góp của chăn nuôi lợn trong thu nhập của hộ phụ thuộc vào quy mô đàn nuôi, thời điểm chăn nuôi và vùng chăn nuôi. Theo Cục chăn nuôi (2024), tại thời điểm năm 2024, với giá bán 64.200 nghìn đồng/kg, người chăn nuôi có lời khoảng 1,2 triệu đồng/con lợn thịt. Còn theo cách tính của Hội Chăn nuôi Việt Nam (2024), cũng trong năm 2024, khi giá bán biến động từ 65.000 đồng - 68.000 đồng/kg, người chăn nuôi đạt lợi nhuận từ 1,5 - 2 triệu đồng/con lợn thịt khi bán ra thị trường. Hiện nay, phần lớn các hộ chăn nuôi với quy mô

đàn là từ 1 - 9 con lợn thịt. Như vậy, mỗi hộ có thể lời từ 2,4 - 36 triệu đồng/năm (tính với mức nuôi trung bình 2 lứa/năm). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân của 1 người tại thời điểm năm 2024 ở khu vực nông thôn là 4,1 triệu đồng/người/tháng. Mỗi hộ nông dân hiện nay, trung bình có khoảng 3,6 người; như vậy tổng thu nhập bình quân một năm của hộ gia đình ở nông thôn hiện nay khoảng 177,1 triệu đồng/năm. Như vậy, thu nhập từ chăn nuôi lợn thịt đang chiếm từ 1,5 - 20,3% trong tổng thu nhập của hộ gia đình chăn nuôi lợn (mức ít hay nhiều phụ thuộc vào quy mô nuôi của từng hộ). Đây là nguồn thu khá tốt cho các hộ gia đình chăn nuôi lợn ở nông thôn hiện nay.

3.1.3.2. Góp phần tận dụng sản phẩm từ trồng trọt, chế biến nông sản ở hộ gia đình

Hộ gia đình tận dụng nguồn thức ăn từ hệ sinh thái ngành nông nghiệp để chăn nuôi lợn giúp giảm chi phí mua thức ăn chăn nuôi từ đó làm tăng tích lũy và hiệu quả nông nghiệp, góp phần giảm nhập khẩu nguyên liệu và thịt từ thị trường nước ngoài. Trong cán cân thương mại thịt, Việt Nam vẫn là nước nhập siêu thịt và phụ phẩm từ thịt với kim ngạch nhập khẩu trong năm 2023 gấp 11 lần so với xuất khẩu. Tổng nhu cầu thức ăn tinh (ngô, khô dầu đậu tương, cám, bột cá...) của toàn ngành chăn nuôi của Việt Nam khoảng 33 triệu tấn/năm, chủ yếu dùng cho chăn nuôi lợn trong khi trong khi nước ta chỉ cung cấp được khoảng 35% tổng nhu cầu, tương đương 13 triệu tấn/năm (Cục Chăn nuôi, 2023). Theo các nghiên cứu Viện Chăn nuôi thực hiện đã chứng minh thóc, gạo có thể thay thế một phần ngô làm thức ăn chăn nuôi mà không ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng chăn nuôi. Ngoài ra, Việt Nam cũng có một số sản phẩm, phụ phẩm từ quá trình sơ chế biến nông lâm thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm (xay xát, mỡ cá, bột cá, bột xương, khoai, sắn...) và các ngành nghề chế biến thực phẩm khác như bã bia, bã đậu, bã rượu... làm TACN (Cục Chăn nuôi 2023). Chăn nuôi lợn hộ gia đình là hình thức giúp hộ giảm chi phí mua thức ăn công nghiệp, chế biến sẵn cho lợn, vì khả năng tận dụng các phụ phẩm, sản phẩm chế biến làm thức ăn cho lợn cao. Sử dụng thức ăn, chi phí thức ăn bình quân ở hộ chiếm 89,3% ở mức tiêu tốn thức ăn (FCR) là 2,7kg/1kg tăng trọng (Viện Chăn nuôi, 2023).

3.1.3.3. Góp phần hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình

Theo Báo cáo của Cục Chăn nuôi, trong năm 2022, chất thải chăn nuôi tăng lên 81,8 triệu tấn/năm, chăn nuôi lợn tạo ra lượng phân lớn nhất (chiếm 44,9%). Do đó, hoạt động chăn nuôi lợn ngoài việc tạo thêm thu nhập trực tiếp cho các hộ gia đình, nó còn góp phần hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình như cung cấp chất thải làm phân bón, cung cấp chất thải làm khí bioga phục vụ đun nấu và chiếu sáng. Theo số liệu của Cục Chăn nuôi từ tổng hợp báo cáo của các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/TP tính đến 15/7/2022, hiện nay có tới trên 505.579 hộ đang sử dụng chất thải từ chăn nuôi lợn để ủ phân bón cho cây trồng. Cùng với đó có gần 900.000 hộ gia đình đã sử dụng công trình HDPE (bể khí Biogas từ chất thải nuôi lợn) để chuyển chất thải từ chăn nuôi lợn sang làm chất đun nấu và thắp sáng hàng ngày phục vụ sinh hoạt gia đình (Bảng 3.3).

Bảng 3.3. Mức độ áp dụng các phương pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn thịt

TT	Phương pháp xử lý	Hộ nuôi quy mô trang trại	Hộ nuôi quy mô nhỏ hơn trang trại (hộ)
1	Công trình HDPE	1.318	909.111
2	Ủ làm phân bón	1.418	505.579

Nguồn: Tổng hợp của Cục Chăn nuôi từ của 63 tỉnh, thành phố, năm 2022

3.1.3.4. Góp phần sử dụng lao động và tăng tài sản tích lũy của hộ gia đình

Đối với HGĐ, nuôi lợn còn là mô hình được hàng triệu hộ khắp các vùng, miền trên cả nước lựa chọn. Bởi mô hình này còn đem lại lợi ích cho hộ về giá trị tích lũy tài sản và tận dụng được lợi thế lao động tại chỗ ở hộ gia đình. Chăn nuôi lợn tạo ra việc làm cho một số người đã quá tuổi lao động, về hưu hoặc đang trong độ tuổi lao động nhưng không thể làm việc trong các nhà máy, hay ngành nghề, địa phương khác. Theo số liệu điều tra của Trung tâm Phát triển nông thôn (2017), số lao động trung bình trong hộ chăn nuôi lợn là 02 người và ít có sự thay đổi, tương đương mức bình quân trung của cả ngành chăn nuôi. Lao động CNL tại HGĐ sử dụng chủ yếu có trình độ từ cấp 3 (THPT) trở xuống (84,7%). Như vậy, ước tính cả nước có trên 4 triệu lao động CNL tại HGĐ.

3.2. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH VỚI VIỆC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM Ở VIỆT NAM

3.2.1. Xây dựng chuồng nuôi và hạ tầng phục vụ nuôi lợn tại hộ gia đình với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm

Chuồng trại CNL ở HGD còn nhiều hình thức khác nhau, do tập quán, điều kiện kinh tế, vùng, miền, kỹ thuật, vật tư xây dựng và không có quy định pháp luật bắt buộc nên rất đa dạng về quy cách (Bảng 3.4).

Chuồng xây dựng kiên cố gặp nhiều ở các HGD có điều kiện kinh tế, chăn nuôi lâu dài; chuồng bán kiên cố, là mô hình kết hợp giữa xây dựng bằng vật liệu bền với vật liệu có tính ổn định, bền vững hạn chế; chuồng tạm được xây dựng tại vị trí không ổn định, tạm thời, chủ yếu để che nắng, mưa trú ẩn cho lợn.

Bảng 3.4: Thực trạng về hình thức chuồng nuôi lợn tại hộ gia đình

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Tính kiên cố của chuồng nuôi (n = 420)	100
	Chuồng xây dựng kiên cố	60,2
	Chuồng xây dựng bán kiên cố	19,7
	Chuồng tạm	8,5
	Thả rông, bán thả rông	11,6
2	Mức độ xa khu dân cư, nơi ở (n=420)	100
	Hoàn toàn tách biệt khu dân cư, nơi ở	8,2
	Gần nơi dân cư, nơi ở	91,8
3	Xử lý chất thải (n = 420)	100
	Độc lập bên ngoài chuồng nuôi	35,6
	Tại chuồng nuôi	64,4

Nguồn: Tổng hợp của NCS qua kết quả khảo sát, năm 2022

Theo kết quả điều tra 420 HGD trong phạm vi luận án, tỷ lệ hộ còn sử dụng chuồng bán kiên cố vẫn chiếm 19,7%; thậm chí vẫn còn 20,1% hộ sử dụng chuồng tạm và thả rông. Vị trí xây dựng các chuồng nuôi lợn hiện nay chủ

yếu nằm gần nơi dân cư, thậm chí ở ngay khu gia đình sinh sống, tỷ lệ này đang chiếm tới 91,8%. Cùng với đó, phần lớn các hộ chưa có hệ thống xử lý chất thải tách biệt, mà phần lớn vẫn xử lý ngay tại chuồng nuôi (chiếm 64,4%).

Cùng với việc xây dựng chuồng nuôi, hệ thống trang thiết bị phục vụ CN (khu phối trộn TACN, máy nghiền, máy thái; máng ăn, uống; thiết bị thông gió, hồ khử trùng, lưới ngăn côn trùng; khu bảo quản thuốc, dự trữ nguyên liệu và thức ăn cho lợn) ở các hộ vẫn chưa được đầu tư nhiều. Theo kết quả khảo sát 420 HGD trong phạm vi luận án, có khá ít hộ đầu tư thiết bị phục vụ CN có tính hiện đại. Cụ thể, chỉ 17% số hộ điều tra có hồ khử trùng ở cổng khu nuôi hoặc cửa ra vào chuồng nuôi, 27,5% hộ có hệ thống lưới ngăn côn trùng, 50,2% hộ có thiết bị thông gió, làm mát (Bảng 3.5).

Bảng 3.5: Tỷ lệ hộ gia đình đầu tư hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn

TT	Các hạng mục hạ tầng phục vụ chăn nuôi (n=420)	Tỷ lệ (%)
1	Máng ăn, máng uống, dụng cụ chăm sóc, vệ sinh	100
2	Thiết bị thông gió, làm mát	50,2
3	Hồ khử trùng ở cổng trại, cửa ra vào chuồng	17
4	Hệ thống lưới ngăn côn trùng	27,5
5	Khu bảo quản thuốc, nguyên liệu, thức ăn riêng	40,7
6	Khu phối trộn, chế biến thức ăn riêng	50,2

Nguồn: Tổng hợp của NCS qua khảo sát, năm 2022

Theo ý kiến của 40 chuyên gia và các nhà quản lý khi được phỏng vấn, 60,5% cho rằng, chuồng nuôi và các trang thiết bị phục vụ chăn nuôi có vai trò rất quan trọng trong việc góp phần bảo đảm ATTP trong chăn nuôi. Bởi vì, khi chuồng nuôi tốt, các trang thiết bị hiện đại sẽ làm cho vật nuôi tăng trưởng tốt, bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, từ đó hạn chế được nhiều ảnh hưởng gây ra các mối nguy làm mất ATTP. Với cách thức xây dựng chuồng nuôi và hạ tầng phục vụ chăn nuôi hiện nay, bản thân người chăn nuôi cũng cảm nhận được nguy cơ có thể làm mất ATTP. Cụ thể, khi được hỏi "*Cách thức xây dựng chuồng nuôi và mức đầu tư trang thiết bị cho nuôi lợn như hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm*", kết quả cho thấy đa số hộ chăn nuôi (74,2%) đồng ý với nhận định này.

3.2.2. Hoạt động phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn tại hộ gia đình với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm

Thức ăn dùng trong CNL ở HGĐ hiện nay, thường từ 2 nguồn là thức ăn công nghiệp và thức ăn do tự gia đình chuẩn bị. Trong đó có hộ sử dụng nguồn thức ăn công nghiệp là chính, nhưng cũng có hộ sử dụng thức ăn do gia đình chuẩn bị là chính. Cụ thể:

- *Sử dụng thức ăn công nghiệp là chủ yếu*: kết quả khảo sát 420 hộ CNL trong phạm vi luận án, có 285 hộ sử dụng thức ăn công nghiệp là chủ yếu để nuôi lợn. Trong đó, có 48,5 % số hộ thường mua TACN của các tập đoàn, công ty có hương hiệu để nuôi lợn (nguồn có kiểm soát ATTP); số còn lại là sử dụng từ các nguồn khác nhau với nguy cơ mất an toàn cao như nguồn từ các hộ gia đình trong xã tự phối trộn, chiếm 30,2% (Bảng 3.6).

Bảng 3.6: Nguồn thức ăn công nghiệp các hộ gia đình mua chăn nuôi lợn

TT	Nguồn mua thức ăn công nghiệp (n = 285)	Tỷ lệ (%)
1	SPTACN của tập đoàn, công ty lớn có thương hiệu	48,5
2	SPTACN uy tín nổi tiếng trong vùng	10,2
3	SPTA của CSSX có uy tín tại huyện, xã	11,1
4	TA hỗn hợp của CS, HGĐ tại địa phương phối trộn	30,2
	Tổng	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát, năm 2022

Các hộ mua thức ăn công nghiệp có thương hiệu không nhiều bởi vì giá thành thường cao, trong khi năng lực tài chính của hộ còn hạn chế.

- *Sử dụng thức ăn tự nhiên là chủ yếu*: Thức ăn tự nhiên phục vụ nuôi lợn là loại thức ăn chủ yếu do gia đình tự chế biến với nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau, được tận dụng bởi nguồn sẵn có, từ ngũ cốc, phụ phẩm, kết hợp với rau, củ, cây có sẵn thêm với nguyên liệu, phụ gia được mua trộn thành TA cho lợn. Một số hộ tận dụng bã rượu, bã đậu, bã bia, phụ phẩm xay sát, chế biến. Trong số những hộ tự túc TA chăn nuôi lợn trong phạm vi điều tra (135 hộ), có 64,4% hộ tự tăng gia, sản xuất và chế biến; đặc biệt vẫn có 9,6% số hộ dùng nguồn TA thu nhặt ngoài tự nhiên (như bèo tây, khoai nước, rau cỏ...) và 5,9% số hộ thu nhặt TA thừa từ các cửa hàng, quán ăn, bếp ăn tập thể (Bảng 3.7). Lợn nuôi bán tự nhiên tự tìm kiếm thức ăn trong khu vực (khoanh thả) và được bổ sung TA tận dụng.

Bảng 3.7: Nguồn thức ăn tự nhiên phối trộn chăn nuôi lợn

TT	Nguồn mua thức ăn tự nhiên (n = 135)	Tỷ lệ, %
1	Sản phẩm do gia đình sản xuất, trồng, chế biến	64,4
2	Nguyên liệu mua ngoài chợ, đại lý, mua trong cộng đồng dân cư	20,1
3	Thu nhặt rau, củ từ nguồn thiên nhiên	9,6
4	Thu nhặt thức ăn thừa của nhà hàng, quán ăn, bếp ăn tập thể	5,9
	Tổng	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát, năm 2022

Trong CNL tại HGD ở các địa phương, việc trộn thêm các chất "bổ sung" là chất dinh dưỡng, chất tăng trọng, thậm chí cả chất tạo nạc vào thức ăn CNL đang rất phổ biến với nguồn cung nguyên liệu tiếp cận khá dễ dàng bởi hệ thống dịch vụ, vận chuyển, cung ứng đến tận HGD. Theo số liệu khảo sát, có 89,2% số HGD CNL có sử dụng các chất bổ sung có thành phần là các chất dinh dưỡng, vitamin tổng hợp; có 74,4% số hộ có bổ sung chất tăng trọng, chất tạo nạc; chỉ 6,2% số hộ trong tổng 420 hộ chăn nuôi lợn là không dùng chất bổ sung (Bảng 3.8). Những hộ không bổ sung thêm chất dinh dưỡng, tăng trọng cũng như chất tạo nạc là vì lý do tăng chi phí, nên không mua để bổ sung trộn thức ăn cho lợn. Hoặc họ chăn nuôi với mục đích tận dụng thức ăn có sẵn, tự cung, tự cấp thịt sạch, không vì tăng năng suất, sản lượng CNL cao.

Bảng 3.8: Tỷ lệ hộ sử dụng chất bổ sung vào thức ăn cho lợn

TT	Hình thức bổ sung thức ăn cho lợn (n =420)	Tỷ lệ (%)
1	Chỉ bổ sung chất dinh dưỡng, vitamin tổng hợp	89,2
2	Bổ sung chất tăng trọng, chất tạo nạc	74,4
3	Không bổ sung bất cứ chất gì	6,2

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát, năm 2022

Nguồn thức ăn, cách thức chăn nuôi lợn có mối quan hệ trực tiếp và có tính quyết định đến việc bảo đảm ATTP khi lợn được bán cho đơn vị giết mổ.

Khi thức ăn tốt, nguồn chất "bổ sung" được kiểm soát thì các nguy cơ làm mất ATTP khi lợn được giết mổ sẽ hạn chế. Theo kết quả phỏng vấn 40 chuyên gia, nhà quản lý cho thấy, 95,5% ý kiến cho rằng: *“Nguồn thức ăn và nguyên liệu phối trộn thức ăn đang là yếu tố rất quan trọng, có tính then chốt trong việc bảo đảm ATTP”*. Thực tế, qua thanh kiểm tra thịt lợn cho thấy, có nhiều nguy cơ mất ATTP được phát hiện rất đáng lo ngại xuất phát từ hoạt động phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn tại hộ gia đình. Có nhiều hộ đã bất chấp khuyến cáo nên đã sử dụng chất tăng trọng, chất tạo nạc như Clenbuterol, Ractopamin, Cysteamin... được trộn trong thức ăn, nước uống trong quá trình nuôi dưỡng lợn (Báo Lao động, 2015). Thách thức này gây khó khăn cho việc ngăn chặn các nguy cơ gây mất ATTP theo quy định của pháp luật trong nước mà còn không theo nguyên tắc đảm bảo tính an toàn thức ăn chăn nuôi về *"Thực hành tốt cho lĩnh vực thức ăn chăn nuôi - Thực hiện Quy tắc thực hành Codex Alimentarius về chăn nuôi động vật tốt"* của FAO (2022). Không chỉ qua công tác thanh tra, kiểm tra cũng như ý kiến của nhà quản lý, nhà khoa học mà ngay cả sự quan sát của các hộ chăn nuôi họ cũng đang lo ngại việc sử dụng thức ăn hiện nay có nguy cơ làm mất ATTP. Cụ thể, khi được hỏi các hộ chăn nuôi với câu hỏi *"Cách thức phối trộn thức ăn nuôi lợn hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm"*, kết quả 89,8% hộ CNL đồng ý với nhận định này.

3.2.3. Chăm sóc thú y cho lợn với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm

Chăm sóc thú y là việc áp dụng các biện pháp, trong đó có sử dụng các loại vắc-xin, thuốc, kháng sinh, hóa chất cho việc phòng và chữa bệnh cho lợn trong quá trình chăn nuôi tại các hộ gia đình. Trong suốt quá trình sinh trưởng, lợn dễ bị mắc các loại dịch bệnh khác nhau. Vì thế, việc sử dụng vắc xin, chế phẩm sinh học để phòng bệnh; sử dụng thuốc thú y, kháng sinh để điều trị; dùng hóa chất diệt côn trùng, ngấm nhám, khử trùng, vệ sinh môi trường, bảo đảm an toàn sinh học là rất quan trọng, được HGĐ thường xuyên sử dụng. Tuy nhiên, thực hiện không đúng cách có thể phát sinh các mối nguy mới về ATTP. Thuốc thú y, kháng sinh, vắc xin, hoá chất phòng trị bệnh là những chất có khả năng tồn dư, là những tác nhân gây lên những bệnh trên người khi sử dụng sản phẩm chăn nuôi lợn làm thực phẩm có tồn dư các chất này.

Bảng 3.9: Một số hình thức sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

TT	Hình thức sử dụng (n = 420)	Tỷ lệ (%)
1	Sử dụng vắc xin, chế phẩm sinh học phòng, điều trị	100
2	Sử dụng thuốc thú ý, kháng sinh, biệt dược	80,8
3	Dùng hóa chất vệ sinh môi trường chuồng nuôi	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả NCS điều tra, năm 2022

Hiện nay phần lớn các hộ chăn nuôi lợn đều có sử dụng các loại thuốc, hóa chất để phòng và chữa bệnh cho lợn. Tuy mức độ dùng thuốc và hóa chất có khác nhau. Theo kết quả điều tra 420 hộ chăn nuôi cho thấy, 100% các hộ gia đình có sử dụng hóa chất để vệ sinh môi trường chuồng nuôi; từ 80,8% đến 100% hộ chăn nuôi có sử dụng vắc-xin, thuốc kháng sinh để phòng, chữa bệnh cho lợn (Bảng 3.9).

Cách thức sử dụng thuốc thú ý ở các hộ gia đình khá đa dạng, trong đó chỉ có khoảng 10,2% là mời cán bộ thú y đến khám và điều trị; còn phần lớn là tự mua thuốc về điều trị (70,8%), hoặc kết hợp cả việc tự điều trị và mời cán bộ thú y khi cần (Bảng 3.10).

Bảng 3.10: Cách dùng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

TT	Cách thức sử dụng (n=420)	Tỷ lệ (%)
1	Mời cán bộ thú y đến khám và điều trị	10,2
2	Tự mua thuốc về điều trị, nhờ người có kinh nghiệm	70,8
3	Kết hợp mời cán bộ thú y và tự mua thuốc điều trị	19,0
	Tổng	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát, năm 2022

Hoạt động chăm sóc thú y phụ thuộc nhiều vào nhận thức của hộ gia đình chăn nuôi lợn cũng như mức độ sẵn có và chất lượng dịch vụ thú y trên địa bàn hộ gia đình sinh sống. Đối với chăn nuôi hộ gia đình, các hộ nhận thức khá đơn giản về phòng và chữa bệnh cho lợn. Không như CNL ở trang trại lớn, doanh

nghiệp, hợp tác xã các thành viên có nhận thức về ATTP đồng đều hơn do được tập huấn, đào tạo chuyên nghiệp hơn so với lao động tại HGD. Hộ gia đình chỉ nhờ đến cán bộ thú y khi lợn bị dịch bệnh lớn, còn lại là họ tự điều trị. Chính vì thực trạng phần lớn các hộ tự dùng thuốc, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn (70,8%) nên nguy cơ làm mất ATTP càng lớn, vì họ thường sử dụng không đúng thuốc, không đúng liều lượng, thậm chí còn sử dụng những thuốc không được phép sử dụng trong chăn nuôi.

Điều này chính các HGD chăn nuôi cũng đang lo ngại, khi được hỏi các hộ CNL với câu hỏi "*Cách sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn như hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm?*", kết quả 94,5% hộ chăn nuôi đồng ý với nhận định này. Cũng chính vì thế, khi đặt ra câu hỏi: "*Có nên hạn chế sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn*" thì có tới 97,7% cán bộ và 68,2% hộ chăn nuôi "Đồng ý" là nên hạn chế sử dụng thuốc thú y, hóa chất (Bảng 3.11).

Bảng 3.11: Quan điểm về hạn chế sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn hộ gia đình tại địa bàn điều tra

TT	Đối tượng	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Còn băn khoăn (%)	Không trả lời (%)
1	Cán bộ quản lý và chuyên gia (N=40)	97,7	0	2,3	0
2	Hộ chăn nuôi lợn (N=420)	68,2	0	17,7	14,1

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát năm 2022

3.2.4. Hoạt động tiêu thụ lợn hơi với yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm

Hình thức tiêu thụ lợn hơi ở các HGD hiện nay khá đa dạng. Theo kết quả điều tra thuộc phạm vi luận án, tiêu thụ lợn (TTL) hơi ở các HGD phụ thuộc nhiều vào thương lái, chiếm tới 95% (Bảng 3.12).

Các thương lái (thu gom cá thể) đến từng HGD chăn nuôi để thu mua lợn thịt xuất chuồng; sau đó vận chuyển đến nơi tiêu thụ (là những cơ sở thu gom trước giết mổ, hoặc điểm giao nhận lợn hơi) bằng phương tiện chuyên dụng với số lượng lớn, hoặc bằng xe tải nhỏ, xe máy, xe thô sơ tự chế nên việc kiểm dịch

động vật thường không đảm bảo. Theo quy định, lợn xuất chuồng (LXC) vận chuyển ra địa bàn tỉnh/thành phố phải khai báo với Cơ quan Thú y địa phương để thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, phương tiện vận chuyển động vật. Tuy nhiên, công tác này chỉ thực hiện được khi có các chốt trạm được lập vào thời điểm có dịch, hoặc tại nơi tiêu thụ LXC là điểm đến của cơ sở giết mổ, chợ đầu mối có Ban quản lý hoạt động. Theo khảo sát, vì nhiều lý do, số lượng lợn ít, bán lẻ nên không thực hiện khai báo kiểm dịch và thực hiện các biện pháp vệ sinh theo quy định đối với LXC và phương tiện vận chuyển. Tại các điểm tiêu thụ (những cơ sở giết mổ nhỏ lẻ), thường không có lực lượng thú y địa phương chốt trực, nên không có người thực hiện kiểm dịch lợn và phương tiện đến; đồng thời không được kiểm soát ATTP lợn tiêu thụ. Theo cơ quan chức năng, nguyên nhân của tình trạng trên là do cơ sở tiêu thụ, giết mổ hoạt động thất thường, không đăng ký kinh doanh, lực lượng thú y thiếu, chế tài còn yếu, nhu cầu tồn tại của những cơ sở này chưa được quan tâm thay thế bằng mô hình khác (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2023).

Bảng 3.12: Hình thức bán lợn hơi ở các hộ gia đình

TT	Hình thức bán (n=420)	Tỷ lệ (%)
1	Thương lái mua lợn tại chuồng, vận chuyển, bán cho chủ lò mổ địa phương hoặc tỉnh khác (buôn lợn hơi).	60,2
2	Gia đình tự vận chuyển lợn bán cho thương lái nơi tập kết.	4,3
3	Thương lái mua lợn tại chuồng, vận chuyển, thuê giết mổ, tự bán sản phẩm tại địa phương (bán lẻ thịt lợn và sản phẩm phụ).	22,3
4	Thương lái mua lợn tại chuồng, giết mổ tại hộ chăn nuôi, bán sản phẩm tại địa phương (bán lẻ thịt lợn và sản phẩm phụ).	7,2
5	Hộ tự giết mổ, bán thịt cho thương lái, hoặc tự bán thịt ở chợ, bán rong, giao nhà hàng tại địa phương và ngoài tỉnh.	5,0
	Tổng	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát năm 2022

Theo Bộ NN&PTNT (2023), việc quản lý thương lái TTL là cần thiết, nhưng rất khó khăn, vì họ không đăng ký kinh doanh, không cố định địa điểm, đặc biệt là chưa có khuôn khổ pháp luật rõ ràng cho hoạt động thương lái

TTLXC tự do. Mặt khác, chế tài xử lý vi phạm chưa đủ mạnh, nên ở khâu TTLXC tiềm ẩn nhiều rủi ro bệnh dịch và gây mất ATTP rất cao. Nhiều địa phương không có địa điểm chuyên dùng để tổ chức các hoạt động mua bán LXC (chợ, hay nơi để tập kết, giao dịch, mua, bán, đấu giá LXC) trước khi chuyển đến nơi giết mổ. Nghĩa là, giao dịch mua, bán lợn thịt sống ở nơi không phù hợp với hạ tầng đủ điều kiện thực hiện các biện pháp QLNN theo các quy định bảo đảm ATTP, dịch bệnh và phúc lợi động vật. Đây là điểm còn khuyết trong quy hoạch, đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ QLNN về ATTP tại các địa phương. Cách thức tiêu thụ lợn hơn của các hộ gia đình hiện nay cũng tiềm ẩn nguy cơ mất ATTP nhưng không nhiều hộ lo ngại so với khâu chuẩn bị chuồng trại, phối trộn thức ăn hoặc công tác thú y. Khi được hỏi "*Cách thức thu mua và vận chuyển tiêu thụ lợn hơi như hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm*", thì chỉ có 63,5% hộ chăn nuôi đồng ý với nhận định này (lo ngại về thực trạng này); trong khi tỷ lệ hộ lo ngại mất ATTP ở các khâu khác trong chăn nuôi gây nên là từ 74,2% - 94,5%.

3.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

3.3.1. Xây dựng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.1.1. Ban hành văn bản quy định pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn là những quy định của Nhà nước bắt buộc các hộ chăn nuôi lợn, các đơn vị, tổ chức có liên quan phải tuân thủ. Thời gian vừa qua, thực hiện chức năng QLNN về ATTP trong chăn nuôi, Nhà nước đã ban hành những quy định pháp luật quy định về ATTP trong CNL tại HGD. Qua rà soát, đến hết tháng 12/2023, có 207 văn bản quy phạm pháp luật quy định các nội dung có liên quan đến ATTP áp dụng cho CN và CNL tại HGD (*Chi tiết tên một số văn bản nêu tại Phụ lục 3*). Trong số các văn bản này được chia thành 3 nhóm chủ đạo. Việc phân nhóm các văn bản đã ban hành có ý nghĩa xem xét tính đồng bộ trong thể chế hoá các chủ trương của Đảng và cụ thể hoá của các cơ quan nhà nước nhằm đưa các luật vào cuộc sống.

Bảng 3.13: Ban hành văn bản quy định pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

TT	Nhóm văn bản	Số lượng
1	Thuộc thẩm quyền của Quốc hội ban hành	10
2	Thuộc thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành	27
3	Thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành	170
	Tổng	207

Nguồn: Tổng hợp từ hệ thống văn bản pháp luật trên trang thông tin điện tử của Chính phủ và các Bộ, ngành đến hết tháng 12 năm 2023.

- *Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội*: Nhóm này có 10 văn bản quy định trực tiếp hoặc liên quan đến ATTP áp dụng trong CNL tại HGD, như: Luật An toàn thực phẩm năm 2010 (sửa đổi năm 2018); Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Thú y năm 2015; Luật Chăn nuôi năm 2018.

Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ: Nhóm này có 27 văn bản như: Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 22/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030.

Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ và cơ quan ngang Bộ: Nhóm này có 170 văn bản như các Thông tư: số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm; số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm; số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh

thú y; số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN và PTNT ban hành Danh mục Thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam; số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ NN và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, đáng chú ý là Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ NN và PTNT, bởi vì Thông tư này có nội dung chuyên biệt QLNN về ATTP áp dụng chung cho các loại hình sản xuất, chăn nuôi (khâu đầu của sản xuất thực phẩm) trong đó HGĐ chăn nuôi lợn là đối tượng bắt buộc phải thực hiện.

3.3.1.2. Nội dung các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) *Nội dung quy định về chuồng nuôi và hạ tầng phục vụ chăn nuôi.* Nội dung quy định điều kiện chuồng nuôi, hạ tầng phục vụ chăn nuôi đáp ứng yêu cầu về ATTP áp dụng trong CNL tại HGĐ được quy định bởi nhiều văn bản, cho thấy chuồng trại, hạ tầng phục vụ chăn nuôi đang được quy định các nội dung chủ yếu sau:

Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 56, khoản 2, Điều 57 của Luật Chăn nuôi. Như về vị trí “*Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người*”. Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/11/2019 “Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi” quy định: “*Các cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ, trong đó có HGĐ phải giữ khoảng cách từ trại chăn nuôi đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 100 mét; đến trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét*”; và quy định khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau “*tối thiểu là 50 mét*”.

Về vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, Luật Chăn nuôi quy định: “*Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh*

phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường". Tương tự, Thông tư số 18/2023/TH-BNNPTNT quy định: "*Định kỳ HGĐ phải thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng nuôi và các dụng cụ sử dụng trong CNL; thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi và vệ sinh phòng dịch, thu gom, xử lý phân, nước thải, xác vật nuôi và chất thải khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo môi trường*".

Về tiêu chuẩn, quy cách các trang thiết bị, máy móc, phương tiện và quy trình vận hành phải đúng nguyên tắc bảo đảm phòng chống dịch bệnh, an toàn sinh học, đáp ứng các yêu cầu về ATTP theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2) *Nội dung những quy định về phối trộn, sử dụng thức ăn và nuôi dưỡng.* Qua rà soát văn bản QPPL có liên quan đến ATTP áp dụng trong CNL tại HGĐ, Nhà nước đặt ra các quy định cơ bản sau:

Cấm sử dụng các chất trong "*Danh mục chất cấm sử dụng trong chăn nuôi*" được công bố công khai để phối trộn vào thức ăn để chăn nuôi lợn.

Cấm sử dụng các hormone kích thích sinh trưởng, kích thích cho lợn tăng trọng lượng nhanh, tạo nạc. Trong Danh mục các hóa chất bị cấm sử dụng trong chăn nuôi của Bộ NN&PTNT, có 7 hợp chất thuộc nhóm chất β 2-agonist bao gồm: Carbuterol, Cimaterol, Clenbuterol, Fenoterol, Ractopamine, Salbutamol và Terbutaline. Phổ biến là các chất Clenbuterol, Salbutamol và Ractopamine, trong đó Clenbuterol là chất nguy hiểm nhất.

Thực hiện các điều kiện về tiêu chuẩn kỹ thuật thức ăn; sử dụng chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi; chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát và chịu chế tài xử lý các vi phạm quy định về sử dụng thức ăn...

3) *Nội dung quy định về chăm sóc thú y, sử dụng thuốc thú y, kháng sinh và hóa chất.* Qua rà soát văn bản QPPL liên quan đến ATTP trong chăn nuôi và áp dụng trong CNL tại HGĐ, để đảm bảo ATTP trong chăn nuôi nội dung chăm sóc thú y, sử dụng thuốc, hoá chất có những quy định cơ bản sau:

Chấp hành đúng Danh mục thuốc thú y, hóa chất trong phòng, chữa bệnh được phép lưu hành, sử dụng và quy định điều kiện sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ (gồm cả xuất, nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm vắc xin, thuốc, hoá chất)

trong CNL). Tuân thủ quy định về theo dõi, giám sát các hoạt động chăn nuôi như: lập sổ ghi chép sử dụng thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ CN. Trong phòng trị dịch, bệnh phải tuân thủ các quy định về thú y và bảo đảm ATTP; không được sử dụng thuốc, hoá chất trong danh mục cấm; không tự ý dùng kháng sinh, thuốc chữa bệnh trộn trong TACN cho lợn giai đoạn trưởng thành. Quy định về thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh (KS), pháp luật đang quy định: Lợn ở giai đoạn con non được sử dụng TACN chứa KS để phòng bệnh khi lợn con có khối lượng đến 25kg hoặc từ sơ sinh đến 60 ngày tuổi; chỉ được sử dụng KS trong sản xuất TA hỗn hợp hoàn chỉnh cho gia súc, gia cầm và TA tinh cho gia súc ăn cỏ.

Thực hiện quy định về thời gian phải ngừng sử dụng thuốc trước khi giết mổ phải theo quy định của các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định cụ thể khác cho từng loại thuốc, kháng sinh.

Phải thực hiện tiêm phòng cho gia súc theo quy định pháp luật, nhất là đối với bệnh nguy hiểm, bệnh lây giữa vật nuôi với người và động vật khác.

Phải thực hiện khai báo tình hình dịch, bệnh trên đàn vật nuôi, triệt để áp dụng các biện pháp theo hướng dẫn khi có bệnh dịch nguy hiểm. Tại khoản 2 Điều 7, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT quy định khi phát hiện (lợn) bị dịch bệnh, hộ gia đình phải có trách nhiệm báo cáo với nhân viên thú y cấp xã; nhân viên thú y cấp xã có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch xã và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

4) *Nội dung quy định về hoạt động tiêu thụ lợn thịt xuất chuồng.* Tiêu thụ lợn xuất chuồng là việc các HGD bán lợn còn sống (lợn hơi) sau thời gian nuôi dưỡng (xuất chuồng). Qua rà soát văn bản QPPL có liên quan đến ATTP áp dụng trong chăn nuôi, Nhà nước quy định một số nội dung chính về bán lợn thịt khi xuất chuồng, cụ thể là: Đối xử nhân đạo với vật nuôi khi nuôi dưỡng, trong bắt, nhốt, vận chuyển, giết mổ, nghiên cứu khoa học... Khai báo với cơ quan kiểm dịch động vật, kiểm tra vệ sinh thú y theo trình tự, thủ tục quy định về tiêu thụ lợn; Xác định xuất xứ, bảo đảm truy xuất được nơi nuôi dưỡng lợn; Mua - bán lợn tại vùng công bố có dịch bệnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y; Quy định về kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch, yêu cầu kỹ thuật

nơi tập kết, nuôi dưỡng lợn khi vận chuyển, buôn bán trước khi giết mổ.

Nhiều quy định khác về trách nhiệm của các bên có liên quan đến hoạt động kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh đối với vật nuôi, phương tiện, hồ sơ giấy tờ sử dụng thuốc, vắc xin, hành trình vận chuyển lợn từ nơi xuất chuồng đến nơi tiêu thụ, nơi tập trung lợn trước giết mổ...

3.3.1.3. Đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Đánh giá mức độ hiểu biết của hộ gia đình về những quy định pháp luật an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn

Hiểu biết các quy định pháp luật có vai trò quan trọng trong tổ chức thực thi, đưa pháp luật vào thực tiễn. Việc hiểu biết pháp luật về ATTP áp dụng trong CNL tại HGD phụ thuộc nhiều vào công tác tuyên truyền của Nhà nước và ý thức tìm hiểu pháp luật của các HGD. Hộ gia đình CNL được biết, tiếp cận, tìm hiểu đầy đủ nội dung các quy định pháp luật liên quan đến công việc của họ thì sẽ giúp cho họ có trách nhiệm tuân thủ được tốt hơn. Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ hộ cho rằng mình biết và tìm hiểu kỹ nội dung các quy định pháp luật còn rất ít, chỉ từ 1,5% - 19,3% (tùy thuộc vào từng hoạt động của chăn nuôi); tỷ lệ có biết nhưng không hiểu kỹ chiếm từ 57,4% đến 84,3%; đặc biệt tỷ lệ hộ không biết, không tìm hiểu đang chiếm tới 13,1% đến 23,3% (Bảng 3.14).

Bảng 3.14: Mức độ hiểu biết của hộ gia đình về pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn

TT	Vấn đề được quy định	Biết và tìm hiểu nội dung (%)	Biết và không hiểu kỹ (%)	Không biết, không tìm hiểu (%)	Tổng (n=420)
1	Chuồng trại, hạ tầng nuôi	6,2	79,0	14,8	100
2	Phối trộn thức ăn nuôi lợn	19,3	57,4	23,3	100
3	Sử dụng thuốc thú ý, hóa chất	1,5	82,8	15,7	100
4	Hình thức bán lợn xuất chuồng	2,6	84,3	13,1	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua khảo sát, năm 2022

2) Đánh giá về mức độ rõ ràng của các quy định pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Việc xem xét đến mức độ rõ ràng của các quy định pháp luật có ý nghĩa xác định sự chặt chẽ, chính xác của pháp luật. Các nội dung và hình thức văn bản quy định càng rõ ràng thì sự chặt chẽ, chính xác của pháp luật càng cao, khả năng áp dụng càng chuẩn xác và ngược lại. Qua rà soát hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn với 207 văn bản cho thấy, đến nay chưa có văn bản pháp luật riêng quy định đầy đủ và có hệ thống về ATTP ở các khâu trong cả quá trình CNL tại HGĐ. Các quy định về ATTP trong CN lợn hiện đang nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau trong hệ thống văn bản pháp luật về ATTP dùng chung cho chăn nuôi. Chính vì thế, các nội dung, các yêu cầu về ATTP trong CN lợn tại hộ gia đình là chưa thực sự rõ ràng, khó tra cứu để thực thi. Điều này cũng phù hợp với nhận định của các hộ chăn nuôi lợn và các chuyên gia, cán bộ QLNN ở Trung ương và tại 4 tỉnh điều tra. Cụ thể, theo kết quả điều tra 420 hộ CNL, chỉ có dưới 10% số hộ cho rằng khuôn khổ pháp luật về ATTP trong CNL tại các hộ gia đình là rõ ràng; số còn lại tới 64,9% đến 84,9% cho rằng chỉ rõ ràng một phần; đặc biệt có từ 13,1% đến 25,2% hộ cho rằng khuôn khổ pháp luật về ATTP hiện nay là không rõ ràng, khó tìm kiếm (Bảng 3.15).

Bảng 3.15: Đánh giá mức độ rõ ràng của pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn của hộ gia đình

TT	Vấn đề được quy định	Rõ ràng (%)	Rõ ràng một phần (%)	Không rõ ràng (%)	Tổng (n=420)
1	Chuồng trại, hạ tầng nuôi lợn	2,0	84,9	13,1	100
2	Phối trộn thức ăn nuôi lợn	9,8	64,9	25,2	100
3	Sử dụng thuốc thú ý, hóa chất	0	84,9	15,1	100
4	Hình thức bán lợn xuất chuồng	1,3	84,9	13,8	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua khảo sát, năm 2022

Kết quả phỏng vấn 40 chuyên gia, cán bộ quản lý cũng cho thấy, phần lớn cán bộ được hỏi (chiếm 78,9%) cho rằng các quy định pháp luật hiện nay là không rõ ràng hoặc mới rõ ràng một phần. Tổng hợp ý kiến phản ánh cho thấy: “*Các quy định pháp luật hiện nay là đầy đủ được một số lĩnh vực nhưng khi áp dụng phải tổng hợp có hệ thống vì thường xuyên bị sửa đổi, bổ sung,*

chưa tập trung bằng một vài văn bản riêng quy định về ATTP cho chăn nuôi nói chung và CNL nói riêng. Đối với CNL tại HGD lại càng khó vận dụng, vì khó biết đầy đủ tên các văn bản chứ chưa nói đến nội dung quy định trong các văn bản”. Phản ánh ở khía cạnh khác: “Những quy định pháp luật và chế tài trong CNL còn thiếu, nhất là chưa có khuôn khổ riêng về bảo đảm ATTP, bảo vệ môi trường trong CNL tại HGD, phải áp dụng chung nên chưa phù hợp với đặc điểm CNL tại HGD”.

3) *Đánh giá về mức độ đầy đủ của các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình*

Ý nghĩa của việc xem xét mức độ đầy đủ quy định pháp luật ATTP áp dụng trong CNL tại HGD là giúp người CNL lường và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về ATTP trong hoạt động CNL, chấp hành các nội dung theo quy định được dễ dàng, đồng thời, thể hiện sự bao phủ pháp luật được chi tiết đến các khâu và đối tượng CNL. Ở nhóm tiêu chí này có 3 mức đo lường là: “Đầy đủ”; “Đầy đủ một phần”; “Không đầy đủ”. Đầy đủ một phần nghĩa là trong 4 hoạt động của chăn nuôi lợn thì có 1 hoạt động trở lên đã có quy định pháp luật rõ ràng về ATTP. Theo đánh giá của các hộ gia đình, có 70,3% đến 82,3% cho rằng các quy định pháp luật về ATTP trong chăn nuôi lợn ở hộ gia đình hiện nay mới đầy đủ một phần (Bảng 1.16).

Bảng 3.16: Đánh giá của hộ gia đình về mức độ đầy đủ của pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn

TT	Vấn đề được quy định	Đầy đủ các phần (%)	Đầy đủ một phần (%)	Không đầy đủ (%)	Tổng (n=420)
1	Chuồng trại, hạ tầng nuôi lợn	14,1	70,5	15,4	100
2	Phối trộn sử dụng TA cho lợn	9,5	75,1	15,4	100
3	Sử dụng thuốc thú y, hóa chất	4,3	82,3	13,4	100
4	Hình thức bán lợn	8,2	70,3	21,5	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua khảo sát, năm 2022

Thậm chí có tới 13,4% đến 21,5% số hộ còn cho rằng khuôn khổ pháp luật hiện nay là không đầy đủ. Nhất là các quy định về sử dụng thuốc thú y, hoá chất là chưa đầy đủ nhất vì có tỷ lệ hộ đánh giá không đầy đủ hoặc chỉ mới đầy đủ một phần cao nhất (lên tới 95,7%).

Theo kết quả khảo sát 40 chuyên gia và cán bộ QLNN ở Trung ương và tại 4 địa phương cho thấy, hiện có tới 75,4% người được hỏi cho rằng, khuôn khổ pháp luật hiện nay là không đầy đủ hoặc chỉ đầy đủ một phần. Tổng hợp ý kiến phản ánh của những cán bộ quản lý: “*Xét trên một khía cạnh nào đó, khuôn khổ pháp luật quy định về ATTP trong chăn nuôi lợn hiện nay vẫn còn chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các hoạt động của chăn nuôi. Tuy nhiên, khi Luật Thú y và Luật Chăn nuôi ra đời đã bổ sung những quy định cụ thể, sát thực hơn tạo hành lang pháp lý cơ bản về ATTP phù hợp với đặc điểm chăn nuôi trong nước, hướng tới tương thích, tiệm cận với thông lệ, luật pháp quốc tế*”.

4) *Đánh giá về mức độ tuân thủ của các hộ gia đình đối với pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình*

Tuân thủ pháp luật ATTP áp dụng trong CNL tại HGD là việc các HGD chấp hành các quy định do Nhà nước đưa ra buộc các hộ phải theo để áp dụng vào thực tiễn hoạt động CNL. Với ý nghĩa này, tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thế giới (FAO) đã đưa ra thông điệp rằng, hệ thống các văn bản pháp quy về ATTP, bao gồm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, bộ máy tổ chức và quy tắc vận hành hoạt động quản lý ATTP là căn cứ để các cơ quan nhà nước các cấp và các chủ thể (doanh nghiệp, HGD, HTX) chăn nuôi có nghĩa vụ phải thực hiện. Nếu không thực hiện sẽ bị phạt.

Bảng 3.17: Đánh giá của hộ chăn nuôi về mức độ tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến ATTP trong chăn nuôi lợn

TT	Vấn đề được quy định	Tuân thủ đủ (%)	Tuân thủ một phần (%)	Không tuân thủ (%)	Tổng (n=420)
1	Chuồng trại hạ tầng nuôi lợn	13,1	76,4	10,5	100
2	Phối trộn thức ăn nuôi lợn	18,9	65,4	15,7	100
3	Sử dụng thuốc thú y, hóa chất	15,9	30,7	53,4	100
4	Hình thức bán lợn xuất chuồng	13,4	81,6	4,9	100

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát, năm 2022

Về mức độ tuân thủ của các HGD đối với pháp luật ATTP trong CNL, được đánh giá ở 3 mức là: “Tuân thủ tất cả”; “Tuân thủ một phần”; “Không tuân thủ”. Kết quả điều tra 420 hộ CNL tại 4 địa phương cho thấy, tỷ lệ hộ tuân thủ

đầy đủ còn thấp (chỉ chiếm từ 13,1% đến 24,9%); còn lại phần lớn vẫn là chỉ tuân thủ một phần hoặc không tuân thủ (Bảng 3.17). Thực tế, ở nhiều địa phương, do đặc điểm và điều kiện kinh tế của các hộ còn khó khăn nên nhiều hộ biết về điều kiện chuồng trại, nguồn nước, xử lý chất thải, sử dụng hoá chất, phối trộn thức ăn thế nào là tốt, là theo “thực hành sản xuất tốt -GAP” nhưng không được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Vì thế tỷ lệ tuân thủ các quy định trong xây dựng chuồng trại và phối trộn thức ăn và sử dụng thuốc thú y, hoá chất có tỷ lệ không tuân thủ cao nhất (từ 15,7% đến 53,4%).

Liên quan đến trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng thuốc thú y, hoá chất trong CNL của HGD, phỏng vấn sâu cán bộ thú y tại Thái Bình được phản ánh: *“Cách sử dụng hoá chất, thuốc thú y trong phòng và chữa bệnh cho lợn của HGD hiện nay phổ biến là theo kinh nghiệm, dân gian và công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan thú ý ở cơ sở cũng còn có mức độ nên tình trạng HGD không tuân thủ pháp luật về ATTP trong sử dụng thuốc thú y vẫn còn nhiều”*. Cùng với đó, phỏng vấn sâu về hoạt động phối trộn và sử dụng thức ăn cho lợn tại HGD, một cán bộ tại Quảng Nam phản ánh: *“Các HGD đã mua nguyên liệu từ những cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, rồi trộn chung với thức ăn truyền thống. Dẫn tới tình trạng phổ biến hiện nay là HGD sử dụng các loại thức ăn truyền thống phối trộn với thức ăn công nghiệp chưa được kiểm định về ATTP”*.

Kết quả phỏng vấn còn cho thấy, các HGD đã phối trộn nhiều loại kháng sinh và các chất kích thích tăng trưởng, tạo nạc vào thức ăn, nước uống cho lợn còn phổ biến như: như Sabutamol, Clenbuterol, Rectopamin, Cysteamin... là những chất mà Bộ NN&PTNT đã đưa vào Danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi. Việc sử dụng thuốc thú y của HGD để điều trị, phòng bệnh theo nhiều cách và nhiều loại khác nhau, như vắc xin, kháng sinh, chế phẩm sinh học; sử dụng hoá chất để tiêu diệt, xua đuổi côn trùng, sinh vật gặm nhấm; sử dụng chất khử trùng để diệt các vi sinh vật có hại, làm sạch môi trường, trung gian truyền dịch bệnh vào lợn. Chính vì việc đa dạng cách sử dụng đã làm cho nguy cơ mất ATTP trong chăn nuôi cũng như việc tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP của các hộ CN lợn cũng khó khăn hơn. Có ý kiến còn cho biết: *“Hiện nay, nhiều HGD biết sử dụng hoá chất, kháng sinh và chất tăng trọng, chất tạo nạc đã bị*

cấm nhưng họ không tuân thủ mà vẫn sử dụng trong chăn nuôi”. Theo ý kiến của một cán bộ Trạm Thú y, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai: “Việc phối kết hợp nhiều loại kháng sinh trong cùng sản phẩm thuốc điều trị còn rất phổ biến. Bên cạnh kháng sinh thì chất kích thích sinh trưởng, chất tạo nạc... là những chất mặc dù Bộ NN&PTNT đã cho vào Danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi, nhưng vẫn thường được bán trá hình dưới dạng các gói nhỏ, hộ gia đình trộn vào thức ăn, nước uống cho lợn. Những chất này thường được nhập khẩu từ nước ngoài, được các hộ kinh doanh đóng thành những gói nhỏ, bán cho người chăn nuôi lợn”. Theo ông Nguyễn Thanh Sơn, Chủ tịch Hiệp hội chăn nuôi Việt Nam (VIPA), hiện nay có đến 100% số cơ sở CNL có sử dụng kháng sinh để phòng và điều trị bệnh cho lợn, trong đó 68% số cơ sở sử dụng TACN có chứa kháng sinh để phòng bệnh và kích thích tăng trưởng và khoảng 24% số cơ sở tự trộn kháng sinh vào TA tại nhà để phòng bệnh và kích thích lợn tăng trưởng (Báo Tuổi trẻ, 2023).

Trong tiêu thụ lợn xuất chuồng vẫn còn một tỷ lệ lớn không tuân thủ và chỉ tuân thủ một phần (trên 86%). HGD vẫn thực hiện giết mổ lợn tại nhà, nơi không được phép để tiêu thụ thịt và phụ phẩm, không thông qua kiểm dịch động vật của cơ quan thú y địa phương, gây ô nhiễm môi trường và không bảo đảm ATTP cho thịt lợn tự giết mổ, đồng thời gây căng thẳng cho đàn lợn đang nuôi trong HGD và lợn của các HGD xung quanh. Trong hoạt động vận chuyển, buôn bán lợn xuất chuồng, nhiều hành vi như: dùng thuốc ngủ tiêm cho lợn khi vận chuyển, cưỡng bức lợn uống nước với mục đích tăng cân, vỗ béo lợn bằng thuốc tăng trọng trước giết mổ... Tình trạng này nếu không được kiểm soát và xử lý rốt ráo, có thể sẽ tăng lên.

Việc dẫn đến mức độ không tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP trong CNL ở các HGD và vận chuyển, buôn bán lợn còn cao là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nguyên nhân chính vẫn là điều kiện kinh tế hộ chưa cao; khả năng nhận thức pháp luật của các hộ còn thấp; hoạt động chăn nuôi dễ bị chi phối bởi lối sống, phong tục tập quán, kinh nghiệm chăn nuôi tạo ra những điểm không đồng nhất trong thực hiện pháp luật nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Song song với đó, một bộ phận còn cố tình vi phạm tìm kiếm lợi nhuận qua cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm các hành

vi mà pháp luật đã nghiêm cấm. Khi nêu nhận định trên, cán bộ thú y tại huyện Đông Anh, Hà Nội đồng tình và phản ánh: “*Đôi khi cũng vì ham lợi nhuận và cạnh tranh, người chăn nuôi có chủ động mua các loại thức ăn bổ sung, thuốc tăng trọng có thành phần chất cấm, gây độc hại, tác động xấu tới sức khỏe cho người tiêu dùng sử dụng trong chăn nuôi lợn*”.

3.3.2. Xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.2.1. Ban hành văn bản chính sách hỗ trợ thực hiện quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Qua rà soát cho thấy, hiện nay có khoảng 36 văn bản liên quan có nội dung hỗ trợ, khuyến khích chủ thể chăn nuôi, trong đó có CNL tại HGĐ nhằm cải thiện điều kiện chăn nuôi đáp ứng các yêu cầu về ATTP (*chi tiết tên các văn bản nêu tại Phụ lục 3*). Trong đó, chia thành 3 nhóm như sau:

- *Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội*: Nhóm này khoảng 08 văn bản, như: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật An toàn thực phẩm năm 2010 (sửa đổi năm 2018); Luật Thú y năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước 2015; Luật Chăn nuôi năm 2018; Luật Đầu tư công 2019, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật Đất đai 2024. Các văn bản này có nội dung cam kết của Nhà nước về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển bao gồm nhóm hộ CNL. Đồng thời, các Luật trên cũng quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan trong hoạt động hỗ trợ các chủ thể kinh tế, trong đó có đối tượng HGĐ, nhằm thực hiện chủ trương, định hướng, pháp luật về ATTP.

- *Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ*: Nhóm này có khoảng 13 văn bản, như: Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi hộ gia đình 2015 – 2020; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 22/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Quyết định số 1520/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 06/10/2020 phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 106/2024/NĐ-CP, ngày 01/8/2024 quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- *Nhóm văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ và cơ quan ngang Bộ*: Nhóm này có 15 văn bản, như các Thông tư: Số 24/2013/TT-BYT, ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế quy định về “Mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm”; số 50/2016/TT-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm; số 10/2016/TT-BNNPTNT, ngày 01/6/2016 của Bộ NN&PTNT về ban hành “Danh mục Thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam”; số 09/2016/TT-BNNPTNT, ngày 01/6/2016 quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y”; số 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 quy định về “Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn”...

Bảng 3.18: Ban hành văn bản chính sách liên quan đến hỗ trợ thực hiện an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

TT	Nhóm văn bản	Số lượng
1	Thuộc thẩm quyền của Quốc hội	8
2	Thuộc thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ	13
3	Thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ	15
	Tổng	36

Nguồn: tổng hợp từ trang thông tin điện tử của Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ đến tháng 12 năm 2023.

3.3.2.2. Nội dung một số chính sách hỗ trợ chủ yếu thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng cho chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) *Nội dung hỗ trợ chuồng trại, hạ tầng áp dụng cho chăn nuôi lợn tại hộ gia đình*. Vấn đề này, Nhà nước đang quy định một số nội dung hỗ trợ chủ yếu như sau:

Hỗ trợ mặt bằng xây dựng chuồng và hạ tầng chăn nuôi: Luật Đất đai năm 2013 và 2024 quy định đối tượng HGD chăn nuôi, bao gồm cả CNL được hưởng các chính sách hỗ trợ mặt bằng để xây dựng chuồng nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, cụ thể là: Hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi cho những đối tượng di dời; hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di

dồi; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở; hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

Về hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi, Nghị định 106/2024/NĐ-CP, ngày 01/08/2024 về quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi có hỗ trợ với cơ sở chăn nuôi nói chung. Tuy nhiên, đối tượng thụ hưởng là tổ chức, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp có hoạt động chăn nuôi. Đối tượng là hộ gia đình chăn nuôi không được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị định 106/2024/NĐ-CP.

Về chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, chuồng trại đáp ứng tiêu chuẩn ATTP: đến nay, chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể với đối tượng là HGĐ CNL.

2) *Nội dung chính sách hỗ trợ phối trộn, sử dụng thức ăn áp dụng đối với hộ gia đình chăn nuôi lợn.* Vấn đề này, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đang có một số nội dung như sau:

Về hỗ trợ cho phối trộn thức ăn thủ công trong chăn nuôi: Nghị định 39/2017/NĐ-CP và Nghị định 100/2017/NĐ-CP là cơ sở pháp lý quan trọng để điều chỉnh chính sách hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, mua bán, nhập khẩu, khảo nghiệm TACN và đã có quy định ưu đãi cho hoạt động phối trộn TACN thủ công. Tuy nhiên, về đối tượng được hỗ trợ các văn bản chưa quy định rõ ràng. Riêng HGĐ chăn nuôi và CNL chưa được quy định là đối tượng được thụ hưởng hỗ trợ trong các văn bản này.

Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay tín dụng đối với HGĐ CNL: Hiện chưa có điều khoản cụ thể áp dụng đối với đối tượng HGĐ CNL. Chỉ có chính sách ưu đãi lãi suất đối với dự án đầu tư sản xuất TACN công nghiệp.

Chính sách hỗ trợ tín dụng cho vay không thế chấp: Được quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 để tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong hoạt động sản xuất thức ăn, chăn nuôi, thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Quy định này cho phép cá nhân, HGĐ... được vay không có tài sản bảo đảm theo 8 mức với lãi suất do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận phù hợp với từng thời kỳ. Tuy nhiên, về đối tượng HGĐ CNL quy định không rõ ràng.

Tại Nghị định 17/VBHN-NHNN, ngày 25/9/2018 về chính sách tín dụng

phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, đối tượng hộ gia đình được vay vốn trong trường hợp các thành viên uỷ quyền cho người đại diện thực hiện giao dịch vay vốn. Tuy nhiên, “lĩnh vực cho vay” không được quy định rõ ràng: “Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.” Về mức cho vay đối với hộ gia đình: trong khoảng 100 triệu đồng đối với hộ cư trú ngoài địa bàn nông thôn; 200 triệu đồng đối với hộ trong địa bàn nông thôn.

3) *Nội dung chính sách hỗ trợ chăm sóc thú y, vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ môi trường áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình.* Vấn đề này, Nhà nước đang thực hiện các nội dung hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ bảo đảm an toàn môi trường chăn nuôi: Luật Chăn nuôi năm 2018 đã quy định về các chính sách hỗ trợ về bảo đảm an toàn môi trường cho hoạt động chăn nuôi, trong đó có CNL tại HGD, gồm: hỗ trợ các điều kiện hạ tầng của cơ sở chăn nuôi; hỗ trợ xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi. Sau 06 năm Luật Chăn nuôi ra đời, đến ngày 01/8/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 106/2024/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, trong đó có: “khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi” (Điều 10). Nghị định 106/2024/NĐ-CP quy định: “*Nội dung và mức hỗ trợ: a) Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ); b) Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 07 triệu đồng/công trình (chăn nuôi nông hộ); c) Hỗ trợ không quá 30% chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 20 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ)*”. Tuy nhiên, Nghị định 106/2024/NĐ-CP cũng quy định về điều kiện được thụ hưởng phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật Chăn nuôi: “*Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người...*” và những điều kiện phức tạp khác mà HGD CNL rất khó đáp ứng để tiếp cận chính sách này. Tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 30/9/2014 của Thủ tướng CP về “Chính sách hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, bảo vệ môi trường bảo đảm an toàn dịch bệnh, ATTP” quy định hỗ

trợ cho các dự án phát triển chăn nuôi được địa phương công nhận. Đối tượng được hưởng chính sách là các HGD trực tiếp CNL, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các DN. Đến nay, chưa có văn bản dưới Luật cụ thể hoá các chính sách về bảo vệ môi trường cho lĩnh vực chăn nuôi, trong đó có CNL tại HGD nhằm hỗ trợ cho việc bảo đảm ATTP.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả CN nông hộ: Hỗ trợ chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh, ATTP và áp dụng công nghệ cao; áp dụng quy trình giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm dự báo nguy cơ phát sinh dịch bệnh, phát hiện và xử lý kịp thời khi dịch mới phát sinh ở diện hẹp; xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi trong điều kiện biến đổi khí hậu; xử lý chất thải CN.

Về chính sách hỗ trợ tiêm phòng, công tác phòng chống dịch bệnh: Được quy định khá chi tiết, cụ thể. Tại Điều 1 Quyết định số 1442/QĐ-TTg, ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Hỗ trợ trực tiếp cho các chủ chăn nuôi (bao gồm hộ gia đình...) có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức tương đương 70% giá trị gia súc, gia cầm thương phẩm của người sản xuất bán trên thị trường*”. Mức hỗ trợ: “38.000 đồng/kg đối với lợn”. Quy định trong Quyết định cũng hỗ trợ công người trực tiếp tiêm phòng vắc xin cho một lần tiêm: “2.000 đồng/con lợn. Hỗ trợ cán bộ thú y và những người trực tiếp chống dịch, phun hoá chất khử trùng tiêu độc và phục vụ tại các chốt kiểm dịch, mức tối đa là 100.000 đồng/người đối với ngày làm việc và 200.000 đồng/người đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết”.

Chính sách hỗ trợ giảm thiệt hại trong chăn nuôi do dịch bệnh: Nhà nước còn bảo đảm kinh phí từ ngân sách để hỗ trợ: “*kinh phí phòng, chống dịch kể từ ngày có quyết định công bố dịch đến khi có quyết định công bố hết dịch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Đối với trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm (chưa đủ điều kiện công bố dịch) theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch từ ngân sách nhà nước cho phù hợp*”. Kế tiếp, Nghị định 02/2017/NĐ-CP, ngày 09/01/2017 có quy định hỗ trợ giống vật nuôi, hoặc một phần chi phí

sản xuất ban đầu để phục hồi sản xuất do dịch bệnh nguy hiểm, được công bố theo quy định pháp luật thú y. Đối tượng được thụ hưởng khá đa dạng, trong đó có “Hộ nông dân” chăn nuôi lợn khi: *“Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch...”*. Hoặc thiệt hại do dịch bệnh: *“Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức hỗ trợ cụ thể như sau: Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với lợn”*.

Một số chính sách hỗ trợ khác đã được triển khai có tác động gián tiếp đến CNL tại HGD khá hiệu quả là: Chính sách hỗ trợ đầu tư ưu đãi theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và được kế tiếp bởi Nghị định 57/2018/NĐ-CP có tác động mạnh ở các lĩnh vực: Sản xuất nguyên liệu và thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi; Dịch vụ thú y ở vùng nông thôn; Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước; Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp...

Chính sách hỗ trợ chăm sóc thú y, quản lý phòng trừ dịch bệnh nhằm bảo đảm an toàn dịch bệnh, ATTP trong chăn nuôi đã hỗ trợ tới hàng triệu hộ gia đình chăn nuôi; là nhóm chính sách có tính ưu việt, đa mục tiêu; được kế thừa trong nhiều thập niên liên tục. Tác động của những chính sách này, không những để bảo vệ đàn vật nuôi mà đã là bộ phận quan trọng trong nhóm chính sách phòng chống bệnh lây giữa người và động vật, bảo đảm ATTP, bảo đảm an ninh dinh dưỡng, an sinh xã hội, đã có tác động tích cực, có hiệu quả và được đánh giá cao ở nước ta. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ CN và CNL chưa có hệ thống văn bản riêng, nên những hỗ trợ thực hiện ATTP trong CNL tại HGD chưa có quy định riêng, còn phân tán ở nhiều cấp và hình thức văn bản khác nhau nên khó vận dụng, khó tiếp cận, chưa bảo đảm tính đầy đủ, rõ ràng, kịp thời. Vì vậy, cần được bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới theo hướng tập trung về hình thức văn bản và nội dung quy định hỗ trợ cho các chủ thể được cụ thể hơn, rõ ràng hơn, trong đó có hộ gia đình, HGD chăn nuôi lợn và các đối tượng chăn nuôi khác phù hợp với đặc điểm của từng loại hình, loài vật, địa bàn chăn nuôi, chủ thể chăn nuôi và theo chuỗi sản phẩm.

4) Chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích trong tiêu thụ sản phẩm bảo đảm ATTP áp dụng cho chăn nuôi lợn tại hộ gia đình. Qua rà soát, đến nay

chưa có văn bản riêng và những quy định cụ thể, rõ ràng về chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích HGD CNL thực hiện các quy định ATTP trong tiêu thụ lợn xuất chuồng (lợn hơi). Tuy nhiên, một số chính sách hỗ trợ khác có tác động gián tiếp đến HGD CNL thực hiện các quy định về ATTP trong tiêu thụ lợn xuất chuồng, như: Hỗ trợ về tư vấn thủ tục hành chính, đào tạo; hỗ trợ liên kết chuỗi sản phẩm chăn nuôi lợn; hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, trong đó có hỗ trợ chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi nói chung có tác động đến thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình. Cụ thể, tại Điều 6 (Nghị định số 106/2024/NĐ/CP, ngày 01/8/2024) quy định đối tượng được hỗ trợ là: “Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi”. Nội dung và mức hỗ trợ: “a) Hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí xây dựng kho lạnh bảo quản sản phẩm thịt gia súc, gia cầm; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/kho lạnh. b) Hỗ trợ không quá 30% tổng chi phí về quảng bá thương hiệu sản phẩm; mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án. c) Hỗ trợ không quá 30% tổng chi phí về đào tạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án”. Điều kiện được hỗ trợ: “a) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. b) Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ. c) Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và nghiệm thu kết quả đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. d) Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện”. Theo cơ chế hỗ trợ trên, HGD CNL khó có thể trực tiếp tiếp cận được chính sách, vì khả năng xây dựng, triển khai các dự án nhất là dự án phát triển thị trường còn rất hạn chế. Tuy nhiên, HGD CNL khi đã đủ điều kiện để tham gia vào chuỗi liên kết sản phẩm chăn nuôi thì sẽ nhận được sự tác động tích cực từ các đối tác và hoạt động quản trị nội bộ.

3.3.2.3. Đánh giá thực trạng chính sách hỗ trợ thực hiện quy định về toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Đánh giá khả năng tiếp cận chính sách của hộ chăn nuôi

Trong thực hiện chính sách hỗ trợ, khả năng tiếp cận của đối tượng thụ

hưởng với chính sách có ý nghĩa quyết định chính sách có tác động đến đích nhằm và vào thực tiễn hay không. Thực trạng này được đo lường với 3 tiêu chí: “Biết và tiếp cận đầy đủ”; “Biết và tiếp cận một phần” (chỉ được một số chính sách); “Không biết hoặc biết nhưng không tiếp cận được”. Các tiêu chí này phản ánh các mức độ tiếp cận của HGD tới các hỗ trợ của Nhà nước để tuân thủ pháp luật về ATTP ở 04 hoạt động: xây dựng chuồng, hạ tầng CNL; phối trộn, sử dụng TA cho lợn; chăm sóc thú y, sử dụng hoá chất; tiêu thụ sản phẩm.

Kết quả điều tra tại 04 tỉnh/TP được tổng hợp tại (Bảng 3.19) cho thấy: Về tiêu chí “Tiếp cận đầy đủ các CS hỗ trợ”: tỷ lệ bình quân ở khoảng 25%, trong đó CS hỗ trợ phối trộn, sử dụng thức ăn ở mức 36,7 % và CS hỗ trợ tiêu thụ lợn xuất chuồng chỉ 19,7%.

Bảng 3.19. Mức độ biết và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ của hộ chăn nuôi lợn tại gia đình

TT	Nhóm chính sách hỗ trợ	Biết, tiếp cận đầy đủ (%)	Biết, tiếp cận một phần (%)	Không biết, hoặc biết nhưng không tiếp cận được (%)	Tổng (N=420)
1	Chuồng trại, hạ tầng, máy móc	45,2	39,3	15,5	100
2	Phối trộn sử dụng TA nuôi lợn	36,7	52,8	10,5	100
3	Chăm sóc thú y, bảo vệ MT	48,5	46,2	5,3	100
4	Tiêu thụ lợn xuất chuồng	19,7	66,2	14,1	100

Nguồn: Kết quả khảo sát HGD chăn nuôi lợn, năm 2022

Về tiêu chí “Tiếp cận một phần các CS hỗ trợ” chiếm đa số, trong đó cao nhất là CS hỗ trợ tiêu thụ lợn xuất chuồng (66,2%), thấp nhất CS hỗ trợ xây dựng chuồng, hạ tầng chăn nuôi lợn (39,3%). Về tiêu chí “Không tiếp cận được các CS hỗ trợ”: Tỷ lệ cao nhất là CS hỗ trợ xây dựng chuồng, hạ tầng CNL (15,4%); thấp nhất là CS hỗ trợ sử dụng thuốc thú y, bảo vệ môi trường (5,2%). Trong 3 tiêu chí đưa ra, tính bình quân chung cả 04 hoạt động cho kết quả là: tiêu chí “Tiếp cận một phần” chiếm tỷ lệ 51,1% (cao nhất); “Tiếp cận đầy đủ” 36,9%; “Không tiếp cận được” là 11,3%. Kết quả đánh giá này phản ánh rằng, các cơ quan thực thi CS cần nỗ lực hỗ trợ các HGD đang “Tiếp cận một phần”

các CS hỗ trợ để thúc đẩy hộ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ATTP. Đồng thời tìm hiểu các lý do dẫn đến còn tồn tại 11,3 % HGD chưa tiếp cận được các CS hỗ trợ để có giải pháp khắc phục.

Phòng vấn HGD tại các địa bàn 04 tỉnh điều tra cho kết quả về các lý do dẫn đến HGD chưa tiếp cận được các CS hỗ trợ của Nhà nước gồm: i). Chưa tiếp cận được CS hỗ trợ đất đai để xây dựng chuồng và hạ tầng CNL đáp ứng yêu cầu vệ sinh ATTP do việc quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất vào chăn nuôi chưa được thực hiện; ii). Chưa tiếp cận được CS hỗ trợ vay tín dụng để đầu tư xây chuồng, các hạ tầng CNL do các tổ chức tín dụng thương mại không sẵn sàng cho HGD vay vốn vào mục đích xây chuồng và mua sắm trang thiết bị chăn nuôi; iii). Chưa tiếp cận được CS hỗ trợ về thủ tục hành chính kiểm dịch, xác nhận ATTP lợn xuất chuồng và phương tiện vận chuyển của cơ quan chức năng do HGD ngại sự phức tạp rườm rà, mất thời gian, làm chậm trễ quá trình tiêu thụ lợn. iv). Chưa tiếp cận được các CS do HGD không phải là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, phương án SXKD của HGD không khả thi; v) chưa tiếp cận được các CS hỗ trợ do chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP của các đối tượng tham gia CNL chưa nghiêm khắc và các cơ quan QLNN về ATTP ở các địa phương chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm mà không bị xử lý kịp thời để nhiều năm mà chưa được khắc phục.

Khi phỏng vấn 40 chuyên gia, cán bộ quản lý về chính sách hỗ trợ đất đai, được biết: Việc quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chăn nuôi đáp ứng điều kiện vệ sinh phòng dịch, phòng ngừa các nguy cơ mất ATTP vẫn rất khó khăn. Nhiều HGD muốn tiếp cận nguồn vốn xây chuồng trại CNL, nhưng không đáp ứng được điều kiện để vay từ các quỹ và ngân hàng. Ngoài những khó khăn trên, HGD còn gặp những rào cản về đối tượng cho vay (không phải pháp nhân, hoặc cá nhân; tài sản là chung của hộ), thủ tục hành chính phức tạp, trình độ lập phương án sản xuất kinh doanh và vay vốn hạn chế nên khó để được tiếp cận vốn, nguồn lực hỗ trợ.

Cũng từ kết quả phỏng vấn 40 chuyên gia và cán bộ QLNN ở Trung ương và 4 địa phương cho thấy: Việc tổ chức thực hiện chính sách phát triển hoạt động thú y bảo vệ vật nuôi ở nước ta được Đảng, Nhà nước rất quan tâm. Hằng năm, Nhà nước bố trí dòng ngân sách tương đối ổn định, bảo đảm cung cấp

dịch vụ công cơ bản đến tận người chăn nuôi; chi ngân sách cho công tiêm và hỗ trợ một phần vắc xin tiêm cho đàn vật nuôi trên toàn quốc phòng những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; tổ chức, huy động cả hệ thống chính trị tham gia chống các bệnh Lở mồm long móng, Tai xanh, Dịch tả lợn Châu Phi... trên đàn lợn. Để người dân ổn định sinh kế, Nhà nước còn chi từ ngân sách hỗ trợ tiêu huỷ lợn nhiễm bệnh buộc phải tiêu huỷ như đối với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Bệnh Tai xanh; hỗ trợ người tham gia chống dịch. Ngoài ra, HGĐ được cấp miễn phí hoá chất vệ sinh môi trường, khử trùng, và một số trang thiết bị, vật tư phòng dịch khác khi có dịch nguy hiểm xảy ra; hỗ trợ khuyến khích xã hội hoá, huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia vào công tác bảo vệ động vật và phát triển chăn nuôi nhằm bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm và an ninh dinh dưỡng, an ninh lương thực.

2) Đánh giá về tính kịp thời ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Đánh giá hiệu lực trong ban hành và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ HGĐ CNL chấp hành các quy định ATTP, “Tính kịp thời” có ý nghĩa phản ánh Chính sách hỗ trợ thực hiện ATTP áp dụng trong CNL càng đến nhanh tới đối tượng thụ hưởng thì càng phát huy được sức mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các hộ chăn nuôi. Đồng thời, cũng giúp đánh giá việc bám sát thực tiễn trong hoạch định và khả năng triển khai, thực hiện chính sách của các cơ quan quản lý các cấp. Thực trạng này được đánh giá theo 03 tiêu chí: “Rất kịp thời”; “Kịp thời” và “Không kịp thời”. Kết quả điều tra các HGĐ đang CNL tại 04 tỉnh/TP được tổng hợp (Bảng 3.20) như sau: (i) Về tiêu chí “Rất kịp thời” của các CS hỗ trợ có tỷ lệ HGĐ đồng tình thấp: từ 34,4% về CS hỗ trợ “Sử dụng thuốc thú ý, bảo vệ MT”, giảm xuống 11,1 % về CS hỗ trợ về CS hỗ trợ “Tiêu thụ lợn xuất chuồng”. (ii) Tiêu chí “Kịp thời” của các CS hỗ trợ cũng có tỷ lệ HGĐ đồng tình không cao: cao nhất từ 35,1% về CS hỗ trợ “Xây dựng chuồng, hạ tầng CNL”. (iii) Tiêu chí “Không kịp thời” của các CS hỗ trợ có tỷ lệ HGĐ đồng tình cao: 64,4% về CS hỗ trợ “Tiêu thụ lợn xuất chuồng”, giảm xuống 43,3% về CS hỗ trợ “Phối trộn và sử dụng thức ăn nuôi lợn”, 40% về CS hỗ trợ “Xây dựng chuồng, hạ tầng CNL” và 39,3% về CS hỗ trợ “Sử dụng thuốc thú ý, bảo vệ môi trường”.

Bảng 3.20: Đánh giá của hộ gia đình về tính kịp thời của chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định ở các khâu trong chăn nuôi lợn

TT	Nhóm chính sách	Rất kịp thời (%)	Kịp thời (%)	Không kịp thời (%)
1	Chuồng trại, hạ tầng, máy móc (n=355)	24,9	35,1	40,0
2	Phối trộn thức ăn nuôi lợn (n = 376)	27,2	29,5	43,3
3	Chăm sóc, thuốc thú ý, bảo vệ MT (n = 398)	34,4	26,2	39,3
4	Hỗ trợ tiêu thụ lợn xuất chuồng (n = 361)	11,1	24,3	64,6

Nguồn: Tổng hợp qua khảo sát, năm 2022

Trong 3 mức độ đưa ra, tính bình quân chung cả 04 hoạt động cho kết quả như sau: Mức độ “Rất kịp thời” được 24,4% HGD lựa chọn; Mức độ “Kịp thời” được 28,8% HGD lựa chọn và Mức độ “Không kịp thời” được 46,8% HGD lựa chọn. Như vậy, còn trên 76% số hộ chưa được đáp ứng nhanh các yêu cầu hỗ trợ. Kết quả này phản ánh tính kịp thời trong thực thi các CS hỗ trợ HGD tuân thủ pháp luật về ATTP còn thấp, dẫn đến việc tuân thủ pháp luật về ATTP của các HGD chưa đạt yêu cầu mong muốn, vì vậy các cơ quan thực thi CS hỗ trợ ở các địa phương cần chú trọng thực thi kịp thời các CS hỗ trợ HGD tuân thủ pháp luật về ATTP trong cả 04 hoạt động CNL. Trên cơ sở đó thúc đẩy HGD tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP.

Báo cáo định hướng chính sách chăn nuôi trong bối cảnh hiện nay (Ban Kinh tế Trung ương, 2022) cho rằng: “*Chính sách hỗ trợ quản lý dịch bệnh là chính sách cơ bản trong nông nghiệp, có ảnh hưởng đến điều hành chính sách vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội cả nước và địa phương, tác động tới chỉ số giá tiêu dùng (CPI)*”. Cũng từ Báo cáo đánh giá: “*Giá thịt lợn tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân vì hầu hết người dân còn dùng thịt lợn hằng ngày. Nếu dịch bệnh liên tiếp xảy ra, nguồn cung thịt lợn mất cân đối, giá thịt lợn tăng cao, ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống người chăn nuôi và người tiêu dùng. Nên nhóm chính sách hỗ trợ quản lý dịch bệnh vừa là chính sách phát triển CN, phát triển kinh tế và bảo đảm ATTP, nên luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, giữ ổn định nguồn chi thường xuyên từ ngân sách Trung ương và địa phương. Đây là chính sách đa mục tiêu, đa lợi ích, bảo vệ CN, phòng*

chống bệnh lây giữa người và động vật, bảo vệ môi trường, thực hiện phúc lợi động vật, hài hòa với các quy định quốc tế, ổn định an sinh, sinh kế của người dân, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, khó khăn, hướng tới bảo đảm ATTP, bảo đảm an ninh dinh dưỡng, chất lượng giống nòi dân tộc Việt Nam”.

Về chính sách hỗ trợ cung ứng, sử dụng thức ăn chăn nuôi, có đến 80% số chuyên gia khẳng định: *“Chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định về tiêu thụ lợn xuất chuồng (thủ tục và hoạt động kiểm dịch, kiểm soát ATTP lợn xuất chuồng và phương tiện vận chuyển tiêu thụ của cơ quan chức năng...) là “không kịp thời”, “khó thực hiện”.* Khi hỏi lý do về tình trạng này, phần nhiều các chuyên gia cho rằng: *“Thủ tục hành chính chậm thay đổi, còn rườm rà, chặt chẽ nên HGD CNL không muốn thực hiện các biện pháp kiểm dịch, khai báo kiểm dịch, đôi khi cũng vì số lượng tiêu thụ lợn xuất chuồng ít”.* Khi phỏng vấn về “tính kịp thời” trong kiểm tra ATTP các lô lợn xuất chuồng, phần lớn các ý kiến từ cơ quan Thú y ở 04 địa phương được hỏi cho rằng: Do không có đủ nguồn lực tài chính, phương tiện, dụng cụ kỹ thuật để thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nghiệp vụ kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y và ATTP để cấp giấy kiểm dịch cho một đàn lợn khi xuất chuồng; ở cấp cơ sở bình quân mỗi xã chỉ có từ 1-2 cán bộ thú y hoạt động bán chuyên trách, không được giao thẩm quyền kiểm tra, cấp giấy phép kiểm dịch động vật, ATTP cho lô lợn xuất chuồng và phương tiện vận chuyển. Các chuyên gia cho biết thêm: Có nhiều nơi còn CNL tại HGD, nhưng đa số không tự giác khai báo kiểm dịch, trừ một số hộ chăn nuôi chuyên nghiệp cần Giấy kiểm dịch để vận chuyển ra ngoại tỉnh tiêu thụ. Cùng những lý do trên, chế tài xử lý chưa rõ ràng khi các bên có nghĩa vụ nhưng không thực hiện, nên chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn và HGD không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm nhưng không bị xử lý. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm, khắc phục rất đụng chạm, vướng mắc.

3) Đánh giá về mức độ hỗ trợ thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Tiêu chí này nói nên Nhà nước coi trọng quản lý ATTP từ gốc, ngay từ giai đoạn đầu lợn còn ở công đoạn chăn nuôi ở hộ. Nếu “Mức hỗ trợ” nhiều thì các HGD càng có điều kiện để thực hiện đúng các quy định về ATTP, từ đó giúp giảm các lỗi, hành vi vi phạm việc đảm bảo ATTP trong CNL được tốt

hơn. Thực trạng này được đánh giá theo 03 tiêu chí: “Hỗ trợ nhiều”; “Hỗ trợ một phần”; “Không hỗ trợ” từng hoạt động CNL tại HGD. Kết quả điều tra các HGD đang CNL tại 04 tỉnh/TP cho kết quả tại Bảng 3.21.

Bảng 3.21: Đánh giá của hộ gia đình chăn nuôi lợn về mức độ hỗ trợ (%)

TT	Nhóm chính sách hỗ trợ	Hỗ trợ nhiều	Hỗ trợ một phần	Không hỗ trợ
1	Chuồng trại, hạ tầng, máy móc (n=355)	15,4	12,1	72,5
2	Phối trộn thức ăn nuôi lợn (n = 376)	12,8	15,1	72,1
3	Chăm sóc, thuốc thú y, bảo vệ MT (n = 398)	18	23,6	58,4
4	Hỗ trợ tiêu thụ lợn xuất chuồng (n = 361)	5,6	33,1	61,3

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát năm 2022

Thực tế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho CNL tại HGD nói chung và cho thực hiện ATTP đang ở mức rất thấp hoặc không hỗ trợ. Kết quả điều tra phản ánh mức độ “Không hỗ trợ” của chính sách khá cao: 72,5% đối với “Xây dựng chuồng, hạ tầng CNL”, 72,1% đối với “Phối trộn, sử dụng thức ăn nuôi lợn”, 61,3 % đối với “Tiêu thụ lợn xuất chuồng” và 58,4% đối với “Sử dụng thuốc thú y, bảo vệ môi trường” (Bảng 3.21). Bình quân tỷ lệ HGD lựa chọn mức hỗ trợ cho cả 04 hoạt động là: 12,8% đối với “Hỗ trợ nhiều”, đối với mức “Hỗ trợ một phần” là 21,0 %, và đối với mức “Không hỗ trợ” là 66,1%. Kết quả này cho thấy rằng, đa số HGD đã lựa chọn mức “Không hỗ trợ”, nói cách khác là trong thực tế còn bộ phận lớn các HGD chưa được hưởng lợi từ CS hỗ trợ tuân thủ pháp luật về ATTP trong cả 04 hoạt động CNL mà HGD thực hiện. Từ đó gợi ý rằng, việc thực thi các CS hỗ trợ các HGD đang CNL tuân thủ pháp luật về ATTP cần được xem xét để làm tốt hơn. Đặc biệt là các CS hỗ trợ về “Xây dựng chuồng, hạ tầng CNL” và “Phối trộn, sử dụng thức ăn nuôi lợn” đang có tỷ lệ trên 70 % HGD cho rằng chưa được hỗ trợ, nên cần sớm được khắc phục.

Với thực trạng thực thi các CS hỗ trợ CNL tại HGD như trên đã dẫn đến các thực tế sau: Phần lớn chuồng và các hạ tầng phục vụ CNL tại HGD không đảm bảo về khoảng cách và tiêu chuẩn an toàn sinh học; cơ sở tập kết chờ giết

mổ tập trung ở các tỉnh Phía Bắc chưa bảo đảm ATTP, nhưng chậm được cải thiện. Các vấn đề này cần được xem xét, làm rõ trong quy hoạch quỹ đất cho xây dựng công trình, hạ tầng chăn nuôi bảo đảm ATTP tại HGD và Danh mục các HGD đang CNL cần được ưu tiên nhận hỗ trợ.

Kết quả khảo sát phản ánh thực tế CNL tại HGD về tình trạng hạ tầng chăn nuôi không đảm bảo khoảng cách, không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn sinh học; nơi buôn bán, cơ sở tập kết lợn chờ giết mổ chưa được bảo đảm, nhưng chậm được cải thiện, nhất là tại các tỉnh phía Bắc. Phần lớn các chuyên gia và cán bộ quản lý cho rằng: *“Để tồn tại tình trạng này do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân về quy hoạch và vốn đầu tư ban đầu, dành quỹ đất cho xây dựng công trình, hạ tầng chăn nuôi bảo đảm ATTP còn thiếu được quan tâm từ Nhà nước. Ngoài ra, năng lực tài chính, vốn đối ứng của đa số các HGD còn rất hạn chế; danh mục nhóm hoạt động cần được hỗ trợ và đối tượng được nhận hỗ trợ như hiện nay chưa đầy đủ theo chuỗi sản phẩm; mức hỗ trợ chưa đủ mạnh tạo động lực thực hiện các biện pháp bảo đảm ATTP trong CNL tại HGD và hoạt động giết mổ động vật”*.

Đánh giá về mức hỗ trợ nói chung cho CNL HGD, các chuyên gia phản ánh rằng, do đối tượng này ít được quan đến, nên ít chính sách đến HGD, nên mức hỗ trợ cũng không được xem xét vì không có đối tượng chính sách. Ý kiến này cũng phù hợp với nhận định của Bộ Nông nghiệp và PTTN (2022), khi Bộ cho rằng hệ thống chính sách hỗ trợ, khuyến khích trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi (công nghiệp) được ban hành khá đầy đủ, cơ bản đã được thường xuyên bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý thực tiễn chăn nuôi. Nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích nâng cao chất lượng giống vật nuôi, TACN, chuyển đổi phương thức chăn nuôi. Tuy nhiên, đối tượng hỗ trợ chủ yếu là chăn nuôi ở các doanh nghiệp, ở HTX còn ở quy mô hộ gia đình lại chưa nhiều. Về những chính sách cụ thể, một cán bộ Sở NN&PTNT TP.Hà Nội phản ánh: *“Các quy định tại Luật đất đai và các quy định ở các văn bản khác có thể thấy rằng, chính sách hỗ trợ đất đai để HGD có mặt bằng xây dựng chuồng và hạ tầng chăn nuôi lợn không dễ thực hiện vì quỹ đất nhà rồi ở các địa phương có chăn nuôi lợn rất hạn chế, ngay cả khi Luật Chăn nuôi đã quy định về việc phải di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư và có Quy hoạch đất đai. Các hỗ*

trợ về tài chính, vật chất để HGĐ xây dựng chuồng và hạ tầng phục vụ chăn nuôi hiện nay cũng không dễ dàng, vì quy định của văn bản chính sách chưa cụ thể. Dẫn tới thực tế là các HGĐ vẫn rất khó khăn tiếp cận và hưởng lợi chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng và các hạ tầng phục vụ chăn nuôi theo yêu cầu bảo đảm ATTP”. Cũng nói về những hỗ trợ của nhà nước, khi phỏng vấn các cán bộ xây dựng chính sách của Cục Chăn nuôi và của Trung tâm khuyến nông Quốc gia thì được phản ánh và đưa ra so sánh sự hỗ trợ của Nhà nước giữa các đối tượng: “Với các DN chăn nuôi, thì văn bản chính sách hỗ trợ, ưu đãi DN đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi rất đa dạng, phong phú. Cụ thể ND số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 thay thế ND số 210/2013/ND-CP đã quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Nhà nước giành cho các DN đầu tư vào hoạt động chăn nuôi. Tuy nhiên, đối tượng HGĐ CNL chưa được quan tâm nhiều, ví dụ có 10/19 hoạt động liên quan tới chăn nuôi nói chung và CNL nói riêng mà DN được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu về ATTP, nhưng HGĐ thì không được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi này nên phải chịu thua thiệt rất nhiều so với DN về hưởng lợi chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư chuồng và hạ tầng phục vụ chăn nuôi nói chung và chăn nuôi lợn nói riêng”.

Qua thực trạng này cho thấy, hiện nay chưa có văn bản có nội dung quy định riêng hỗ trợ, khuyến khích người CNL tại HGĐ thực hiện các quy định về ATTP trong tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương phát triển và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi ATTP, sản xuất sản phẩm xanh, truy xuất nguồn gốc.

3.3.3. Xây dựng bộ máy quản lý các hoạt động an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.3.1. Thực trạng tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực

3.3.3.1.1. Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước

Hệ thống bộ máy các cơ quan tham gia QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ gồm nhiều cơ quan thuộc ngành dọc của Bộ NN và PTNT và chính quyền các cấp. Trực tiếp tại Bộ NN và PTNT có 02 Cục chủ trì những nhiệm vụ được phân công cụ thể theo chuyên môn gồm: (1) Cục Thú y và (2) Cục Chăn nuôi.

Bên cạnh đó, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, nay là Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (hợp nhất với Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản từ năm 2023); Thanh tra Bộ NN và PTNT, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, các Vụ, Cục, cơ quan khác có liên quan. Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có vai trò chủ trì tham mưu và tổ chức một số hoạt động trong khuôn khổ pháp luật về ATTP thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản, trong đó có CNL nói chung và CNL tại HGĐ. Thanh tra Bộ quản lý nhà nước và tham gia hoạt động thanh tra chuyên ngành ATTP. Cục Thú y thuộc Bộ NN và PTNT có chức năng tham mưu và tổ chức thực thi pháp luật QLNN về ATTP trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thuốc thú y trên toàn quốc (Chính phủ, 2016). Cục Chăn nuôi theo chức năng nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm tham mưu và thực thi QLNN về ATTP trong các lĩnh vực phát triển chăn nuôi, như quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chuồng trại, hạ tầng chăn nuôi, quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi, bảo đảm về ATTP trong chăn nuôi, bao gồm CNL tại HGĐ.

Các cơ quan tham gia QLNN về ATTP như trên hình thành hệ thống bộ máy theo nguyên tắc được Luật An toàn thực phẩm 2018 quy định. Theo đó, mô hình này còn phù hợp với đặc điểm CNL rất đa dạng, chủ yếu hoạt động ở địa bàn cơ sở, có nhiều khâu, nhằm phát huy năng lực chuyên sâu của mỗi cơ quan, đáp ứng yêu cầu về việc bố trí bộ máy phải đủ ở các khâu theo chuỗi chăn nuôi, trong đó có hình thức CNL tại HGĐ. Việc bố trí bộ máy và nhân lực cho công tác QLNN về ATTP với cơ cấu như trên cho thấy không có hệ thống bộ máy riêng biệt cho QLNN về ATTP trong chăn nuôi và CNL tại HGĐ. Chỉ bố trí là những bộ phận hợp thành trong tổ chức bộ máy chung thuộc từng cơ quan, nhân lực được định biên trong những cơ quan QLNN chuyên ngành chuyên sâu, không có tổ chức riêng biệt, độc lập (ví dụ như Phòng quản lý ATTP), cụ thể như sau:

- *Tại cấp Trung ương:* Trách nhiệm QLNN về ATTP trong các lĩnh vực của SXKD nông nghiệp, phân phối lương thực thực phẩm, các hoạt động ăn

uồng xã hội được giao cho Bộ NN & PTNT, Bộ Y tế và Bộ Công Thương cùng phối hợp thực hiện (liên ngành). Các cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm QLNN về ATTP trong chăn nuôi được giao cho các Cục: Chăn nuôi; Thú y; Chất lượng-chế biến-phát triển thị trường; Thanh tra Bộ.

- *Tại cấp tỉnh*: Trách nhiệm QLNN về ATTP trong chăn nuôi trên địa bàn tỉnh được giao cho Sở NN&PTNT, trong đó có các Chi cục: Chăn nuôi, Thú y, Quản lý chất lượng và Thanh tra Sở NN&PTNT. Riêng TP. Hồ Chí Minh từ ngày 19/9/2023 cùng với Sở NN&PTNT đã tổ chức cơ quan độc lập QLNN về ATTP là Sở An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh. Đây là địa phương duy nhất thành lập cơ quan cấp tỉnh thực hiện QLNN về ATTP (Sở ATTP). Các chức năng, quyền hạn QLNN về ATTP, trong đó có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật ra khỏi địa bàn thành phố của Sở ATTP được chuyển từ Sở NN & PTNT TP Hồ Chí Minh sang (ViệtNamnets ngày 19/9/2023).

- *Tại cấp huyện và tương đương*: Trách nhiệm QLNN về ATTP trong chăn nuôi trên địa bàn được giao cho Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế (tùy từng nơi) và đơn vị liên quan.

- *Tại cấp xã và tương đương*: Trách nhiệm QLNN về ATTP trong chăn nuôi trên địa bàn được giao cho một cán bộ bán chuyên trách do trong biên chế nhân lực cấp xã không bố trí cán bộ chuyên trách QLNN về ATTP trong CNL nói chung và CNL tại HGD nói riêng.

Việc tổ chức bộ theo 04 cấp quản lý ATTP trong CNL tại HGD hiện nay là phù hợp với thực tiễn bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Tuy nhiên, càng xuống cấp cơ sở thì bộ máy QLNN về ATTP càng thu gọn và quyền năng hành pháp cũng thu hẹp theo, dẫn tới năng lực QLNN về ATTP tại cấp xã và tương đương chưa đáp ứng được yêu cầu về: tính liên tục, tính bao quát và tính hiệu lực trong QLNN về ATTP nói chung và trong CNL tại HGD nói riêng. Từ đó được đánh giá là chưa đủ năng lực QLNN về ATTP.

3.3.3.1.2. *Thực trạng bố trí nguồn nhân lực thực hiện quản lý nhà nước*

(1) Nhân lực ở các cơ quan Trung ương

Nhân lực tham gia QLNN về ATTP trong CNL tại HGD ở các cơ quan ở Trung ương nằm trong hệ thống nhân lực thực hiện QLNN về ATTP các

ngành sản phẩm trong nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ NN&PTNT, trực tiếp thuộc 03 chuyên ngành: Thú y; Chăn nuôi; Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (nay là Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) thuộc Bộ NN &PTNT. Trong đó tổng nhân lực của: (i) Cục Thú y là 646 người, bố trí ở 10 đơn vị cấp phòng; 07 Chi cục Thú y tại 07 vùng kinh tế và 03 Chi cục Kiểm dịch động vật vùng; 05 Trung tâm chuyên ngành các Trạm kiểm dịch động vật tại cửa khẩu quốc tế biên giới, hải cảng, sân bay lớn. Hiện nay, Cục đang triển khai đề án sắp xếp lại tổ chức và nhân lực để hoàn thành trong năm 2024. (ii) Cục Chăn nuôi có 60 người, bố trí ở các đơn vị: Phòng Thức ăn chăn nuôi; Phòng Chăn nuôi gia súc lớn; * Phòng Chăn nuôi gia súc nhỏ; * Phòng Chăn nuôi gia cầm; * Phòng Thanh tra pháp chế; * Phòng Kế hoạch và những đơn vị liên quan đến hoạt động khảo kiểm nghiệm. (ii) Cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có tổng số 470 nhân lực, trong đó có 60 Công chức, 200 Viên chức và 210 lao động hợp đồng. Được bố trí ở 10 đơn vị cấp phòng và các cơ quan nối dài đóng tại các vùng. Từ ngày 05/5/2023, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã hợp nhất với Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản và đổi tên là “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường”.

(2) *Nhân lực ở các cơ quan cấp tỉnh*: Nhân lực thuộc biên chế của các Sở NN và PTNT. Đến nay, cả nước có 63 Sở NN và PTNT thuộc cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, riêng TP. Hồ Chí Minh đã thành lập thêm Sở ATTP từ tháng 9 năm 2023. Từ thời điểm đó nhân lực quản lý ATTP trong nông nghiệp được chuyển từ các đơn vị của Sở NN&PTNT sang Sở ATTP Thành phố. Tại 62 tỉnh/thành khác vẫn duy trì bộ máy Sở NN và PTNT có trách nhiệm QLNN về ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm cả CNL tại HGD. Nhân lực tham gia quản lý ATTP tập trung ở 03 chuyên ngành: Thú y; Chăn nuôi; và Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Cụ thể như sau: i) Nhân lực của 63 cơ quan Chi cục Thú y cấp tỉnh với tổng số 3.673 người, bình quân 1 Chi cục Thú y có gần 60 người; ii) nhân lực bình quân của 61/63 Chi cục quản lý chất lượng, chế biến và thị trường nông lâm thủy sản cấp tỉnh là 07 người/ 01 Chi cục.

(3) *Nhân lực ở cấp huyện và tương đương*: Nhân lực thực hiện QLNN về ATTP ở cấp huyện được bố trí chủ yếu ở: i) các Trạm Thú y hoặc Trạm

Chăn nuôi Thú y thuộc Chi cục Thú y cấp tỉnh. Tổng biên chế của các Trạm thú ý cấp huyện và tương đương cả nước là 4.014, bình quân 01 huyện có từ 5-7 biên chế chính thức. ii) các Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế) thuộc UBND cấp huyện và tương đương kiêm nhiệm vụ QLNN về ATTP.

(4) *Nhân lực QLNN về ATTP ở cấp xã và tương đương*: Nhân lực thú y thuộc hệ thống thú y Nhà nước ở cấp xã với tổng số 20.676 người, bình quân 01 xã có từ 1 - 2 người. Tuy nhiên, không bố trí nhân lực chuyên theo dõi về ATTP trong chăn nuôi, mà sử dụng nhân lực của cơ quan khuyến nông hoặc nhân lực của Ban thú y xã, hoặc nhân lực của Ban Y tế -ATTP cấp xã.

3.3.3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức bộ máy và nhân lực tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.3.2.1. Đánh giá về bộ máy quản lý nhà nước

Để đánh giá về mức độ “Tinh gọn” của bộ máy QLNN về ATTP trong CNL hiện nay. Luận án đưa ra 03 tiêu chí: “Rất tinh gọn”; “Tinh gọn”; “Không tinh gọn”. Đối tượng được lấy ý kiến đánh giá là các công chức đang hoạt động trong lĩnh vực QLNN về ATTP trong CNL.

Bảng 3.22: Đánh giá của công chức về tính “Tinh gọn” của bộ máy QLNN về ATTP trong CNL tại HGD (đơn vị %, n=40)

TT	Cấp bộ máy quản lý	Rất tinh gọn	Tinh gọn	Không tinh gọn	Tổng (n=40)
1	Cấp tỉnh	9,8	20,0	70,2	100
2	Cấp huyện	15,4	3,5	81,0	100
3	Cấp xã	12,5	37,0	50,5	100

Nguồn: Kết quả điều tra chuyên gia và cán bộ, năm 2022

Kết quả điều tra các công chức đang làm việc tại các cơ quan QLNN về ATTP được tổng hợp ở (Bảng 3.22) cho thấy ý kiến lựa chọn (đánh giá) các tiêu chí như sau: Có 9,8% công chức cấp tỉnh, 15,4% công chức cấp huyện và 12,5% công chức cấp xã chọn tiêu chí “Rất tinh gọn”. Bình quân cả 03 cấp có 12,6% công chức lựa chọn tiêu chí này. Có 20% công chức tỉnh, 3,6% công chức huyện và 37,0% công chức xã lựa chọn tiêu chí “Tinh gọn”. Bình quân

chung cả 03 cấp có 20,2% công chức đã lựa chọn tiêu chí này. Có 70,2% công chức tỉnh, 81,0 % công chức huyện và 50,5% công chức xã lựa chọn tiêu chí “Không tinh gọn”. Bình quân chung cả 03 cấp có 67,2% công chức đã lựa chọn tiêu chí này. Qua đó cho thấy, đa số ý kiến của công chức ở cả 03 cấp đánh giá về bộ máy QLNN về ATTP hiện nay chưa “Không tinh gọn”. Tỷ lệ đánh giá “Rất tinh gọn” và “Tinh gọn” chỉ đạt 32,8 %, trong đó “Rất tinh gọn” đạt 12,6%. Như vậy, bộ máy QLNN về ATTP cần được nâng cao tính “Tinh gọn”, nghĩa là cần nâng tập trung đầu mối các cơ quan quản lý ở Trung ương, đồng thời hoàn thiện thêm về phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong thực thi pháp luật về ATTP để nâng cao hiệu lực và kết quả hoạt động.

Từ thực trạng bộ máy (nêu tại Mục 3.3.3.1.1) và kết quả đánh giá bộ phận này cho thấy, hệ thống các cơ quan tham gia QLNN về ATTP nói chung, trong CNL tại HGĐ nói riêng rất phức tạp, gồm nhiều cơ quan, nhiều tầng nấc tạo ra sự đan xen ngang, dọc trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ cho cấp xã và thôn bản nơi diễn ra các hoạt động CNL tại HGĐ. Với đặc điểm đó, rất khó phân công “Rõ ràng” cụ thể trách nhiệm giữa các cơ quan cùng cấp và giữa các cơ quan khác cấp làm ảnh hưởng tới mức độ phục vụ của bộ máy. Phân công như hiện nay, giúp phát huy được sở trường chuyên môn sẵn có của hệ thống bộ máy, nhưng cũng gây ra sự chồng chéo ở một số cấp, nhân lực bố trí không ưu tiên cho cấp cơ sở nơi diễn ra các hoạt động CNL và các vi phạm ATTP trong CNL tại HGĐ diễn ra, nên một số nhiệm vụ không triển khai đến người chăn nuôi, hoặc còn bỏ trống, hoặc làm không triệt để, hiệu quả không cao.

3.3.3.2.2. Đánh giá về nhân lực tham gia trong bộ máy quản lý nhà nước

Nhân lực là người trực tiếp tạo ra các hoạt động quản lý, quyết định đến tính hiệu quả của QLNN về ATTP trong CNL ở HGĐ. Nhân lực đủ về số lượng, bố trí hợp lý, thái độ phục vụ tốt thì hiệu quả QLNN được nâng cao, ngược lại hiệu quả QLNN sẽ thấp. Hiện nay, số lượng nhân lực tham gia trực tiếp và gián tiếp QLNN về ATTP trong CNL ở HGĐ tương đối đồng cả ở cấp Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, dưới góc độ QLNN về ATTP ở HGĐ thì việc bố trí nhân lực hiện nay đang rất bất cập. Bất cập thể hiện ở chỗ, đối với CNL ở HGĐ thì diễn ra ở các xóm, thôn, bản, làng thuộc cấp xã, ở các địa phương nhưng nhân lực bố trí ở cấp xã, cấp huyện lại rất ít, thậm chí không có người chuyên

trách; trong khi đó, ở cấp Trung ương lại nhiều. Cụ thể, như đã nêu ở phần thực trạng nhân lực tham gia QNLN ở trên cho thấy, hiện nay ở cấp xã không bố trí nhân lực chuyên theo dõi về ATTP trong chăn nuôi, mà sử dụng nhân lực của cơ quan khuyến nông hoặc nhân lực của Ban Thú y xã, hoặc nhân lực của Ban Y tế - ATTP cấp xã. Kết quả phỏng vấn 40 chuyên gia và công chức cũng cho thấy, 89,9% số cán bộ được hỏi đều cho rằng, việc bố trí cán bộ hiện nay là chưa phù hợp, chưa tập trung vào những trách nhiệm quan trọng liên quan trực tiếp đến quản lý ATTP trong CNL tại HGĐ; thừa nhân lực ở khâu trung gian mà thiếu nhân lực làm việc ở thực địa gắn với những hoạt động CNL của HGĐ, dẫn tới tình trạng chung hiện nay là nơi cần nhân lực để thực hiện các hoạt động quản lý về ATTP thì bố trí rất ít người. Qua những phân tích trên, cho thấy: *Mô hình tổ chức và nhân lực bố trí như hiện nay có hình “kim tự tháp ngược”*. Ở cấp cơ sở nơi trực tiếp tiếp xúc, làm việc QLNN về ATTP thì nhân lực rất hạn chế, khó đảm bảo được nhiệm vụ. Điển hình, trong thực hiện Thông tư 17 (2018) của Bộ NN&PTNT về ký và theo dõi thực hiện cam kết đã ký về bảo đảm ATTP của HGĐ trong CNL được giao về cấp cơ sở thực hiện, nhưng thực tế thiếu nhân lực nên chưa thực hiện được các quy định của Thông tư này.

3.3.4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.4.1. Thực trạng bộ máy và kết quả tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

3.3.4.1.1. Thực trạng bộ máy thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát

Thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP là hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được giao thực hiện các chức năng về thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực ATTP. Hoạt động thanh tra, kiểm tra ATTP được thực hiện bởi cơ quan được giao thẩm quyền, có chức năng thanh tra, kiểm tra theo pháp luật. Cụ thể:

Ở cấp Trung ương, chức năng trên thuộc Bộ NN và PTNT, do 02 lực lượng thanh tra chuyên ngành thực hiện gồm: Thanh tra Bộ (35 biên chế); và “Bộ phận được giao thực hiện thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành”. Bộ phận này được Chính phủ giao cho các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ NN&PTNT (bình quân 04-05 biên chế/Cục). Cụ thể là Cục Thú y, Cục Chăn nuôi, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có “Bộ phận được giao

chức năng thanh tra chuyên ngành” và có “Công chức được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành” trong đó bao gồm cả thẩm quyền được thực hiện thanh tra ATTP trong phạm vi thuộc phạm vi do Cục chuyên ngành quản lý liên quan đến việc chấp hành pháp luật ATTP trong chăn nuôi.

Ở cấp địa phương: lực lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP trong hoạt động chăn nuôi được giao cho các đơn vị thuộc Sở NN&PTN thực hiện theo phân công QLNN gồm các chuyên ngành: Thú y, Chăn nuôi, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, trong đó có đối tượng là CNL tại HGD. Tại các Sở NN&PTNT của 63 tỉnh, thành phố có tổng 118 biên chế cán bộ Thanh tra (Thanh tra viên...) thuộc bộ phận Thanh tra Sở có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo pháp luật. Ngoài ra, còn lực lượng là “Công chức được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành” tại các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở NN&PTNT các tỉnh cũng được giao chức năng thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý ATTP trong chăn nuôi chung và trong CNL ở HGD.

Về hoạt động giám sát ATTP là hoạt động của các cơ quan nhà nước, được tổ chức bởi cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì. Lực lượng thực hiện là những công chức của cơ quan hoặc phối hợp với những lực lượng khác, bao gồm cả lực lượng của cơ quan có chức năng “thanh tra, kiểm tra chuyên ngành”. Giám sát ATTP được thực hiện thường xuyên, định kỳ, đột xuất nhằm giúp cơ quan QLNN về ATTP đánh giá kết quả chấp hành các tiêu chuẩn về ATTP.

3.3.4.1.2. Khái quát kết quả hoạt động thanh tra và kiểm tra

a) Thực trạng hoạt động thanh, kiểm tra chung cả nước

Theo báo cáo của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và PTNT (2022), hàng năm Thanh tra Bộ và các Cục thực hiện chức năng QLNN về ATTP có sự chủ trì, phối hợp tổ chức các đợt thanh tra và kiểm tra, cụ thể như sau:

- Về hoạt động thanh tra: Trong năm 2022, Thanh tra Bộ và các Cục QLNN chuyên ngành thuộc Bộ đã thực hiện tổng số 91 cuộc thanh tra, trong đó 78 cuộc thanh tra, kiểm tra về ATTP. Riêng cơ quan Thanh tra Bộ đã thực hiện 20 cuộc còn lại 71 cuộc do các Cục chuyên ngành thực hiện tại các: cơ quan, doanh nghiệp, HGD trong lĩnh vực chăn nuôi. Nội dung: liên quan tới

việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ATTP, chất lượng sản phẩm trong chăn nuôi, thú y, chế biến và tiêu thụ lợn xuất chuồng.

- Về hoạt động kiểm tra tuân thủ pháp luật ATTP trong CNL của các HGD. Trong năm 2022, Cục Chăn nuôi đã tiến hành 11 cuộc kiểm tra 66 tổ chức, cá nhân. Theo nội dung báo cáo, đã phát hiện 22 tổ chức, cá nhân, trong đó có không có HGD được kiểm tra, nên không phát hiện vi phạm pháp luật về ATTP. Quyết định xử phạt hành chính tổng số tiền là 408,0 triệu đồng, không có HGD trong danh mục bị phạt. Cục Thú y đã tiến hành kiểm tra 19 tổ chức, cá nhân và phát hiện 05 tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về ATTP, trong đó không có HGD được nhắc đến. Xử phạt hành chính tổng số tiền là 122,6 triệu đồng (trong đó không có HGD bị phạt); * Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản tiến hành 14 cuộc kiểm tra 24 tổ chức, cá nhân, phát hiện 12 tổ chức, cá nhân vi phạm. Xử phạt hành chính tổng số tiền là 221,5 triệu đồng. Các vi phạm thường được phát hiện trong thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP là: trong nước tiểu lợn xuất chuồng có chất Salbutamol, là một loại thuốc bị cấm sử dụng trong CN vì rất nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng người sử dụng thực phẩm từ SPCNL. Những chất tạo nạc khác như Clenbuterol, Ractopamin, Cysteamin... được trộn trong thức ăn, nước uống trong quá trình nuôi dưỡng. Thanh tra Bộ NN&PTNT đã phát hiện lợn bị tiêm thuốc ngủ khi xuất chuồng chuyển đến TP. Hồ Chí Minh. Các nguy cơ mất ATTP do lạm dụng thuốc thú y, kháng sinh, chất tăng trọng trong CNL tại nhiều địa phương vẫn diễn ra. Kháng sinh sử dụng trong CNL ở các hộ được ghi nhận có 17 loại. Việc lạm dụng, phối hợp kháng sinh, liều lượng, thời gian ngừng thuốc sai quy định, không chỉ định, chủ yếu dựa vào khuyến cáo của các công ty sản xuất thuốc, kinh nghiệm của người CN còn khá phổ biến. Báo cáo của Cục Thú y (2022), kết quả giám sát ở Trung ương và địa phương cho thấy, thịt gia súc, gia cầm nhìn chung ở trong nước có tỷ lệ ô nhiễm vi sinh vật khá cao. Các mối nguy ATTP ô nhiễm vào thân thịt trực tiếp hoặc gián tiếp trước, trong quá trình chăn nuôi, vận chuyển và khi giết mổ. Nguyên nhân, do điều kiện vệ sinh, ATTP ở các khâu không bảo đảm yêu cầu; người sản xuất, chăn nuôi, vận chuyển, tiêu thụ lợn không được trang bị đầy đủ về kiến thức, bảo hộ lao động; trang thiết bị, dụng cụ chăm sóc, phương tiện vận chuyển không đảm bảo vệ sinh thú y và ATTP. Trong các năm 2016-2022, Cục Thú y giám sát

lợn tiêu thụ ở 189 cơ sở tập trung trước khi giết mổ và 149 cơ sở kinh doanh trên địa bàn toàn quốc, với tổng số 10.688 lượt mẫu phân tích. Riêng năm 2022, tỷ lệ mẫu không đạt yêu cầu đối với chỉ tiêu vi sinh vật là 21,05% (160/760) (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023).

b) Thực trạng hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát tại các tỉnh điều tra

Theo kết quả khảo sát tại 4 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi luận án cho thấy, các địa phương này đều có tổ chức các hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát hàng năm. Kết quả thực hiện tại các địa phương này được khái quát như sau:

Tại Quảng Nam, thực hiện việc giám sát, kiểm tra sau cam kết, UBND tỉnh hằng năm chỉ đạo tổ chức thực hiện và định kỳ trước ngày 15 hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo về UBND tỉnh qua Sở NN&PTNT (năm 2023, UBND tỉnh ban hành Công văn số 273/UBND-KTN ngày 13/01/2023). Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp Phòng NN&PTNT/Kinh tế cấp huyện, UBND cấp xã từ ngày 28/02/2023 đến ngày 07/3/2023 tổ chức kiểm tra một số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Kết thúc, đoàn kiểm tra chưa phát hiện sử dụng chất cấm Salbutamol. Qua hoạt động kiểm tra đã tuyên truyền đến người chăn nuôi về những nguy hại của việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi đối với sức khỏe cộng đồng và quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; hướng dẫn chấp hành pháp luật điều kiện ATTP trong chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật.

Tại tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 4 năm 2023 UBND ban hành Kế hoạch 99/KH-UBND về việc triển khai tổng kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh (2023) hiện có 22.298 cơ sở chăn nuôi hộ nhỏ lẻ với 2 loại vật nuôi chủ lực là lợn (heo) và gà; tổng đàn lợn là 2,5 triệu con với 9.832 cơ sở CNL nông hộ (Cục Chăn nuôi, 2023). Tỉnh đã tuyên truyền 100% các hộ (9.832 hộ) CNL và có 9.500 /9.832 cơ sở ký cam kết sản xuất an toàn, đạt 96,6%; tiến hành kiểm tra 9.832 cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tại Hà Nội, theo Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản Hà Nội, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc ban hành Quy định, phân công, phân cấp QLNN về ATTP trên địa bàn thành phố. Các quận, huyện, thị xã đã ký cam kết

được 187.875/198.108 đạt 94,8%. Các xã, phường, thị trấn đã giao cán bộ chăn nuôi, thú y... tuyên truyền, phổ biến, giám sát, hậu kiểm các nội dung đã ký kết; Tuyên truyền việc ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi đạt 100% các hộ.

Tại Thái Bình, thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTN, UBND tỉnh ban hành Quyết định 03/2021/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 3 năm 2021 “Quy định, phân công, phân cấp QLNN về ATTP trên địa bàn tỉnh”, phân công UBND cấp xã hướng dẫn ký cam kết; kiểm tra việc thực hiện cam kết sau cam kết. Thái Bình có 2.390 trang trại chăn nuôi, gồm: 1.380 trang trại lợn, 545 trang trại tổng hợp (có nuôi lợn) và 250.000 HGD CNL... đã có 250.000/250.000 hộ (đạt 100%) được tuyên truyền việc ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và có 236.890/250.000 HGD chăn nuôi lợn ký cam kết sản xuất an toàn (đạt 94,75%).

Qua kết quả khảo sát ở Thái Bình, Hà Nội, Quảng Nam và Đồng Nai cho thấy các xã, phường, thị trấn đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các hoạt động có liên quan đến thanh kiểm tra, giám sát ATTP trong CNL, trong đó có đối tượng là các HGD, nhất là việc ký cam kết thực hiện ATTP theo nội dung như Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai còn nhiều vướng mắc. Hầu hết các hộ chỉ khai báo và ký cam kết một số lần, vì nhiều lý do sau đó không thực hiện được. Giải thích về hiện tượng này, các chuyên gia và người trong cơ quan chức năng cho biết nguyên nhân là do: *Việc này đúng ra phải được làm thường xuyên vì chu kỳ CNL ngắn, lợn được nhập mới và xuất chuồng thường xuyên. Tuy nhiên, các địa phương không có nguồn kinh phí điều tra, theo dõi giám sát, ngay cả tiền mua giấy, bút, lập bảng thống kê cũng không có. Trong khi đó, cán bộ ở cấp cơ sở, thôn, bản gần đây được giao rất nhiều việc liên quan đến xây dựng, duy trì danh hiệu Nông thôn mới đã đạt được. Số người làm việc ở thôn thường không có lương, nhiệm vụ được giao không kèm theo kinh phí, nên rất khó thực hiện. Về phía hộ gia đình CNL thì ngại khai báo vì nhiều lý do, nên việc ký cam kết những đàn lợn được nhập chuồng mới thường không được thực hiện ở các hộ chăn nuôi.*

Sau hơn 5 năm thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT, qua kết quả khảo sát cho thấy rằng: Nên tiếp tục đăng ký và ký cam kết theo nội dung

Thông tư này, vừa giúp đảm bảo chăn nuôi an toàn và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người chăn nuôi. Vì vậy, Nhà nước cần phải có nguồn kinh phí ổn định để thực hiện điều tra, rà soát định kỳ các hộ có chăn nuôi; thường xuyên loại bỏ hoặc bổ sung danh sách các đối tượng phải ký cam kết theo biến động thực hàng tháng, hàng quý thì việc làm đạt hiệu quả mong muốn. Song song với đó cũng cần bổ sung kinh phí hoạt động, nhân lực, trang thiết bị cho công tác kiểm tra, giám nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của Thông tư. Mặt khác, cần phải xem bản ký cam kết và thực hiện ký cam kết ATTP trong chăn nuôi là điều kiện cần thiết khi lưu thông sản phẩm chăn nuôi. Sử dụng các ứng dụng trên mạng xã hội để tạo nhóm đăng ký và theo dõi giúp giảm thủ tục và chi phí.

3.3.4.2. Đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy định an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

1) Về “Mức độ” tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy định an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn ở hộ gia đình

Tác động tích cực của hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đến việc chấp hành các quy định về ATTP của HGD chăn nuôi lợn phụ thuộc vào số lượng (lần) hay “Mức độ” và quy mô tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát trực tiếp đến các hộ gia đình chăn nuôi. Nếu tổ chức được nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát hiệu quả thì thông tin phục vụ cho quản lý ATTP càng phong phú, sát thực tế, hộ chăn nuôi được hiểu rõ hơn các quy định và thực hiện các quy định càng được nhiều. Tuy nhiên, thực tế việc tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát tới các HGD chưa được nhiều. Hoạt động của các cơ quan với HGD chăn nuôi lợn thường là khi có các đợt dịch bệnh trên lợn xảy ra, hoặc theo chuyên đề khuyến nông, nghiên cứu tham quan điển hình tiên tiến, mô hình mới trong chăn nuôi có nội dung giống với hoạt động kiểm tra bảo đảm an toàn phòng tránh dịch bệnh và ATTP. Một cán bộ ở Trạm Thú ý huyện Sóc Sơn, Hà Nội cho biết: “*Do kiểm tra, giám sát không thường xuyên, đôi lúc còn đại khái/nể nang (đối với cán bộ). Người sản xuất không tuân thủ quy định của pháp luật (về khai báo dịch bệnh, nguồn gốc sản phẩm...*”. Theo kết quả điều tra 420 hộ chăn nuôi cho thấy chỉ có 73 hộ, chiếm 17,4 % số hộ được điều tra đã từng được đón đoàn của các cơ quan Nhà nước đến gia đình trong vòng 5 năm trở lại đây. Các hoạt động thanh kiểm tra, giám sát chủ yếu

là do lực lượng của cơ quan thú y phối hợp với cán bộ cấp thôn, xã khi có dịch bệnh hoặc làm thủ tục phục vụ công tác kiểm dịch động vật chung chung. Còn hoạt động kiểm tra việc thực hiện các quy định về chăn nuôi chỉ là mục đích thứ yếu, nội dung không rõ ràng. Qua đó cho thấy, việc tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát về ATTP trong chăn nuôi HGĐ hiện nay là rất ít, mà tập trung cho kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất chăn nuôi lớn, có cấp giấy chứng nhận ATTP, hoặc an toàn dịch bệnh, VietGAP... còn các HGĐ chăn nuôi lợn nhỏ thì chưa được quan tâm thực hiện được. Qua rà soát các báo cáo ngành thú y, chăn nuôi và thanh tra thì nhận thấy: Chưa có số liệu được báo cáo từ các địa phương đề cập đến thanh tra, kiểm tra ATTP với đối tượng là HGĐ CNL.

2) *Đánh giá về “Hình thức” và “Nội dung” tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm trong chăn nuôi ở hộ gia đình*

Theo pháp luật thanh tra và pháp luật ATTP, hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như tổ chức thành đoàn độc lập, một cơ quan chủ trì; đoàn hỗn hợp do nhiều cơ quan cùng thực hiện; đoàn chủ động theo kế hoạch; và đoàn đột xuất (còn phụ thuộc vào tính chất, yêu cầu của quản lý). Hiện nay, trong thực tiễn các cơ quan chuyên ngành chưa tổ chức riêng các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP thuộc chuyên ngành quản lý với đối tượng là HGĐ CNL. Theo Thông tư 17/2018-TT/BNNT, hoạt động kiểm tra, giám sát ATTP tại các hộ gia đình được lồng ghép với kiểm tra, giám sát chuyên môn khác như đăng ký cam kết về ATTP. Công tác này đang được giao cho cấp cơ sở, gắn với việc tổ chức ký cam kết, theo dõi sau cam kết về điều kiện ATTP ở các cơ sở CNL tại HGĐ. Chính vì chưa được tổ chức độc lập, chủ yếu là lồng ghép nên các HGĐ chăn nuôi lợn cho rằng hình thức này là chưa phù hợp. Cụ thể, khi được hỏi *“Ông/bà cảm nhận như thế nào về hình thức tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhà nước đối với việc tuân thủ ATTP trong CNL ở các HGĐ hiện nay?”*. Kết quả, đại đa số (80,3%) các HGĐ đã được tiếp đón các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát cho rằng hình thức tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát hiện nay là chưa phù hợp; chỉ có 10,2% cho là đã phù hợp (Bảng 3.24).

Bảng 3.23: Đánh giá của hộ về hình thức và nội dung các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các điều kiện ATTP

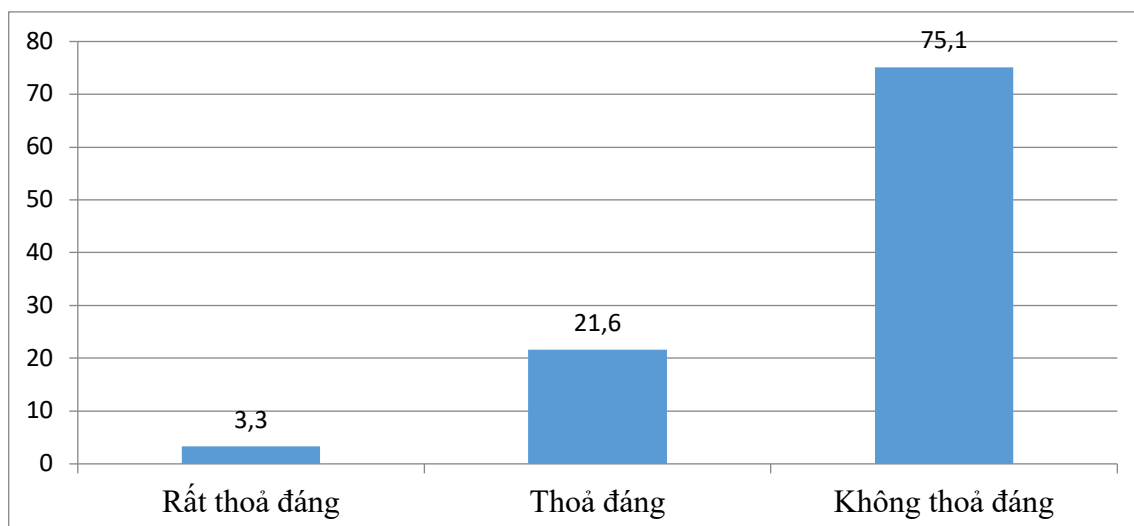
TT	Chỉ tiêu	Đánh giá (%)
1	Đánh giá về hình thức tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát (n = 73)	100
	- Phù hợp	10,2
	- Phù hợp một phần	9,5
	- Chưa phù hợp	80,3
2	Đánh giá về nội dung tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát (n = 73)	100
	- Tốt	20,3
	- Bình thường	13,1
	- Chưa tốt	66,6

Nguồn: NCS tổng hợp qua kết quả khảo sát năm 2022

Cùng với hình thức thì nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát rất quan trọng, là tiêu chí thể hiện chất lượng, hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát; phản ánh nội dung các quy định có được rõ ràng, khả thi; có ý nghĩa đánh giá chất lượng ban hành, phổ biến, tổ chức thực hiện văn bản quản lý ATTP của các cơ quan; là “thước đo” việc chấp hành các quy định ATTP của HGD áp dụng trong CNL. Nội dung mà “rõ ràng” và “sát thực tế” giúp xác định mức độ tuân thủ pháp luật về ATTP áp dụng cho đối tượng chính xác, việc tuân thủ được tốt hơn. Tuy nhiên, qua phản ánh của 73 hộ gia đình trong tổng số 420 hộ gia đình CNL được điều tra cho thấy, chỉ có 20,3% HGD đánh giá là nội dung kiểm tra là tốt, giúp cho hộ hiểu hơn, chuẩn bị tốt hơn cho việc thực hiện ATTP trong chăn nuôi; số còn lại khoảng 79,7% đánh giá là bình thường hoặc chưa tốt (Bảng 3.23).

3) Đánh giá về “Mức xử phạt” đối với các hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Mức xử phạt là mức độ được áp dụng đối với đối tượng mắc các hành vi vi phạm pháp luật mà phải chịu hình phạt (hành chính, kinh tế...) ở các mức độ nghiêm khắc khác nhau (cao hay thấp), nên rất quan trọng và có tính quyết định đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP trong CNL của HGD. Mức xử phạt càng nghiêm khắc thì tính răn đe càng cao và tác động đến tính chủ động tuân thủ luật pháp của các chủ thể càng cao và ngược lại.



Hình 3.4: Đánh giá của chuyên gia và công chức về mức xử phạt khi vi phạm ATTP đối với hộ CNL tại HGD (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát chuyên gia, công chức ở 4 địa phương năm 2022

Đánh giá về “Mức xử phạt” hiện nay, các chuyên gia, nhà quản lý được tham vấn đại đa số cho rằng chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi cố ý vi phạm. Cụ thể, theo kết quả điều tra 40 chuyên gia và công chức ở Bộ NN&PTNT và 4 địa phương cho thấy, phần lớn người được hỏi (75,4%) cho rằng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm về ATTP trong CNL hiện nay là không thoả đáng nên thiếu tính răn đe, nhất là trong lĩnh vực chăm sóc thú y, sử dụng thuốc kháng sinh (Hình 3.4).

3.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

3.4.1. Những kết quả đạt được

1) Đối với nội dung xây dựng khuôn khổ pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Hệ thống văn bản QLNN về ATTP áp dụng trong CNL tại HGD nằm trong hệ thống văn bản chung QLNN về ATTP; hiện nay hệ thống văn bản quy định bao quát tương đối đầy đủ các công đoạn thuộc nội dung QLNN về ATTP trong lĩnh vực chăn nuôi. Các quy định được cập nhật thường xuyên, kịp thời được bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý tương đối đồng bộ, là cơ sở quan trọng cho các cơ quan, Bộ, ngành, chính quyền các cấp và các chủ thể

trong chuỗi CNL thực hiện bảo đảm ATTP. Hệ thống khuôn khổ pháp lý QLNN về ATTP cơ bản phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về ATTP.

Công tác ban hành văn bản được đổi mới, gắn với công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn giúp các đối tượng tiếp cận, tìm hiểu các quy định về ATTP áp dụng trong CNL tại HGD được thuận lợi, từng bước nâng cao nhận thức và ý thức tự giác thực hiện quy định ATTP.

2) Đối với nội dung xây dựng chính sách hỗ trợ thực hiện pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Chính sách hỗ trợ được hình thành nhằm khuyến khích phát triển về số lượng và nâng cao điều kiện CNL nhằm đáp ứng yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn của sản phẩm CNL bảo đảm ATTP.

Hệ thống chính sách hỗ trợ thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào các khâu trong chuỗi chăn nuôi lợn đã giúp hình thành ngành công nghiệp chế biến, sản xuất vật tư đầu vào như TACN, giống, thuốc thú y, thiết bị, máy móc... cơ bản đáp ứng nhu cầu ngành CNL theo hướng hiện đại, bền vững, chăn nuôi an toàn, kiểm soát dịch bệnh, hạn chế các rủi ro, nguy cơ... làm tiền đề cho nâng cao chất lượng và ATTP sản phẩm chăn nuôi lợn.

Chính sách hỗ trợ trực tiếp vào nâng cao hiệu quả chăn nuôi, thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, ATTP... là những chính sách cơ bản trong hệ thống chính sách phát triển nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm ngành chăn nuôi; có tác động tích cực đến chuyển đổi mô hình chăn nuôi theo hướng bảo đảm ATTP góp phần nâng cao cạnh tranh của sản phẩm, trong đó có CNL tại HGD.

Chính sách hỗ trợ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh có những quy định đặc thù với đối tượng CNL tại HGD, nhất là ở vùng khó khăn, đồng bào các dân tộc thiểu số.

Một số chính sách nổi trội giúp phát triển chăn nuôi lợn theo hướng bảo đảm ATTP và bảo vệ môi trường đã được Chính phủ ban hành (mới), như: Chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho chăn nuôi theo quy mô tập trung, chăn nuôi quy mô lớn; hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi không phù hợp; hỗ trợ liên kết chuỗi sản phẩm chăn nuôi; hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ, bảo quản, chế biến... có tác động tích cực thúc đẩy sự chuyển dịch từ nuôi tang gia

ở hộ gia đình sang nuôi quy mô lớn ở hộ gia đình có áp dụng công nghệ hiện đại bảo đảm ATTP và bảo vệ môi trường và tham gia chuỗi giá trị chăn nuôi.

Các chính sách hỗ trợ ngày càng mở rộng đối tượng, danh mục được hỗ trợ ngày càng rõ ràng, cụ thể, dễ tiếp cận hơn, dễ thực thi hơn, giúp bảo vệ, phát triển ngành chăn nuôi lợn trong đó có CNL tại HGĐ. HGĐ cùng các đối tượng khác ngày càng được quan tâm hỗ trợ bởi các chính sách, sẽ có tác động tích cực tới các hoạt động chọn giống tốt, lựa chọn TACN an toàn, xây dựng chuồng trại, nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị, thuốc thú y, hoá chất phòng chống dịch bệnh, phương tiện vận chuyển ngày càng đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh, ATTP chuỗi sản phẩm chăn nuôi lợn.

3) Đối với nội dung tổ chức bộ máy và nhân lực tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn ở hộ gia đình

Bộ máy QLNN về ATTP đối với CNL tại HGĐ nằm trong hệ thống bộ máy QLNN về ATTP chung của hệ thống nông nghiệp; với mô hình “nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý” theo quy định tại Luật ATTP, Luật Thú y; được tổ chức theo 04 cấp, gồm cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở. Riêng TP. Hồ Chí Minh, từ tháng 9 năm 2023 thành lập thêm “Sở An toàn thực phẩm Thành phố” và bỏ mô hình thí điểm “Ban An toàn thực phẩm Thành phố”. Đây là địa phương đi đầu tổ chức theo mô hình “Một đầu mối quản lý ATTP” được định hướng tại Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về “*Tăng cường bảo đảm an ninh, ATTP trong tình hình mới*”. Một số ít tỉnh thí điểm mô hình tổ chức “Ban ATTP” ở cấp tỉnh, song vẫn duy trì mô hình chung QLNN về ATTP thành lập theo Luật ATTP, Luật Thú y.

Từ khi Luật ATTP có hiệu lực, việc phân công, phân cấp quản lý ATTP ngày càng rõ ràng, cụ thể, cơ bản phủ kín các khâu cần thiết trong chuỗi hoạt động CNL tại HGĐ. Nhà nước luôn duy trì hệ thống hệ thống Thú y (công) đi kèm với hệ thống dịch vụ công và chính sách hỗ trợ CNL tại HGĐ là những công cụ hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh bảo vệ và phát triển chăn nuôi, bảo đảm an ninh, ATTP, ngăn ngừa những bệnh từ thực phẩm và bệnh lây giữa người với động vật.

Giữa các cơ quan tham gia QLNN về ATTP có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và ở từng cấp trong chuỗi CNL góp phần tích cực thực hiện QLNN

về ATTP trong CNL tại HGĐ.

Nhà nước không ngừng tăng cường nguồn lực nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống bộ máy QLNN về ATTP; sắp xếp bộ máy, bố trí nhân lực, ưu tiên vốn đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho công tác QLNN về ATTP; đầu tư nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ lấy mẫu, bảo quản mẫu, thiết lập hệ thống phân tích, kiểm nghiệm, xét nghiệm, chẩn đoán phục vụ chuyên môn cho công tác QLNN; đầu tư cho công tác khuyến nông, tuyên truyền, truyền thông tới HGĐ CNL.

Đội ngũ công chức được bố trí phù hợp ở cấp Trung ương và ở những địa phương có mức độ chăn nuôi tập trung cao. Lực lượng Thú y giữ vai trò chủ đạo, có số lượng đông đảo được bố trí theo 04 cấp, có chuyên môn sâu và hiểu biết về công tác bảo đảm ATTP trong lĩnh vực chăn nuôi, trong đó có CNL tại HGĐ.

4) Đối với nội dung kiểm tra, giám sát các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi tại hộ gia đình

Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP do các cơ quan Nhà nước được giao thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục, nội dung, hình thức hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy định ATTP được pháp luật quy định rõ về thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đến các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương, cơ sở.

Cơ quan có chức năng thanh tra ATTP (chung) và trong CNL được thực hiện được giao theo thẩm quyền trong hệ thống các cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT (cấp Trung ương) và cấp Sở NN&PTNT (thuộc tỉnh) và UBND cấp huyện thực hiện.

Trách nhiệm kiểm tra, giám sát ATTP trong đó có CNL tại HGĐ thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan QLNN về Thú y, Chăn nuôi, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản và chính quyền địa phương các cấp thực hiện theo lĩnh vực và phạm vi được phân công quản lý.

Quy định về việc lập kế hoạch, nội dung, hình thức, thẩm quyền trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát chuyên ngành về bảo đảm ATTP ở các cơ quan được ban hành đầy đủ, đồng bộ, có sự chỉ đạo thống nhất, tập trung, tương đối phù hợp với từng đối tượng, trong đó có CNL tại HGĐ.

Các hình thức kiểm tra, giám sát, xử lý được quy định đa dạng, cơ bản

phù hợp với nhóm ngành hàng nông nghiệp. Sự phối hợp tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát tại địa phương có nhiều chuyển biến, nhất là trong quản lý thuốc thú y, TACN, vận chuyển và giết mổ lợn thịt, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong chuỗi chăn nuôi, giúp tăng cường hiệu lực quản lý ATTP và chấn chỉnh hoạt động của các cơ quan Nhà nước liên quan trong việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP trong chăn nuôi và CNL tại HGĐ.

Việc lập danh sách, tổ chức ký cam kết và kiểm tra sau cam kết thực hiện quy định về điều kiện chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn tại Thông tư 17/2018/TT/BNNT của Bộ NN và PTNT “*Quy định phương thức QL điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở SXKD NLSTS không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN và PTNT*” tại các địa phương bước đầu được cụ thể hoá bằng văn bản chỉ đạo của địa phương, được triển khai trong thực tiễn, tạo chuyển biến trong nhận thức, ý thức trách nhiệm thực hiện quy định về điều kiện chăn nuôi an toàn trong CNL tại HGĐ. Kết quả sau hơn 05 năm thực hiện Thông tư 17 và các văn bản liên quan bước đầu tác động đến việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP cho hàng triệu HGĐ chăn nuôi lợn ở các địa phương trên cả nước.

3.4.2. Những bất cập, hạn chế

1) Đối với nội dung xây dựng khuôn khổ pháp luật an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Việc ban hành các quy định pháp luật chung QLNN về ATTP có lúc còn chậm, nên còn thiếu đồng bộ, thể chế chưa đầy đủ các chủ trương của Đảng, các cam kết quốc tế về ATTP đối với sản phẩm chăn nuôi, bảo vệ môi trường. Cụ thể, khung pháp lý về di dời cơ sở chăn nuôi, bảo vệ môi trường chăn nuôi... trong đó có CNL tại HGĐ ban hành chậm sau 6 năm thực hiện các quy định trên của Luật Chăn nuôi.

Chưa có khuôn khổ pháp luật riêng cho QLNN về ATTP đối với CNL và hình thức CNL tại HGĐ. Một số quy định quy ở các khâu còn áp dụng chung cho nhiều đối tượng và chủ thể chăn nuôi khác nhau, nên chưa rõ ràng ở từng khâu và từng chủ thể cụ thể, khó áp dụng và trường hợp CNL tại HGĐ, là đối

tượng có điều kiện chăn nuôi lạc hậu, nguy cơ mất ATTP cao, số chủ thể nhiều, nhận thức còn hạn chế, khó kiểm soát nên rất cần được quan tâm quản lý.

2) Xây dựng chính sách hỗ trợ thực hiện quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Nhiều chính sách có trong chủ trương của Đảng, Nhà nước nhưng chậm hoặc không được triển khai. Một số chính sách được ban hành chưa đi kèm với kế hoạch đảm bảo nguồn lực thực hiện ổn định theo mục tiêu đề ra.

Cơ chế phân bổ nguồn lực thực hiện các chính sách được quy định giống nhau giữa tỉnh/TP, không phân biệt giữa các tỉnh có nguồn ngân sách tự chủ với các tỉnh còn do Trung ương điều tiết khi hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch bệnh, thể hiện sự thiếu sự linh hoạt trong tập trung nguồn lực hỗ trợ địa phương còn khó khăn trong lúc có dịch xảy ra. Được biết Thái Bình gặp nhiều khó khăn trong cân đối nguồn kinh phí từ nguồn dự phòng để hỗ trợ tiêu huỷ lợn trên địa bàn tỉnh khi đàn lợn bị mắc Dịch tả lợn Châu Phi.

Một số chính sách hỗ trợ quan trọng nhằm thúc đẩy các mô hình chăn nuôi theo chuỗi được hỗ trợ đồng bộ theo chu trình chăn nuôi có kiểm soát ATTP, theo hướng an toàn, bền vững, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học nói chung và với đối tượng CNL ở HGD chưa được quan tâm ban hành. Một số chính sách đã có nhưng điều kiện được thụ hưởng còn bị giàng buộc bởi nhiều quy định khác nhau và thủ tục thực hiện còn rườm rà như: chính sách hỗ trợ vốn; chính sách cho thuê đất xây dựng chuồng trại, trồng nguyên liệu làm thức ăn; chính sách phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi... đại đa số các HGD CNL không thể đáp ứng điều kiện tiếp cận chính sách hỗ trợ.

Đến thời điểm hiện nay, chưa có chính sách hỗ trợ đặc thù cho đối tượng CNL tại HGD thực hiện các biện pháp đổi mới công nghệ về chuồng trại (nuôi khép kín, xây dựng kiên cố, di dời sang vị trí phù hợp quy định...), bảo vệ môi trường, phát triển thị trường, bảo quản chế biến thức ăn chăn nuôi, chăm sóc thú thú, vận chuyển tiêu thụ lợn xuất chuồng,... gắn với việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn bảo đảm ATTP trong chuỗi sản phẩm chăn nuôi lợn.

3) Xây dựng bộ máy và nhân lực trong bộ máy quản lý nhà nước về an

toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Mô hình tổ chức bộ máy QLNN về ATTP chung và trong CNL tại HGĐ hiện nay được tổ chức và bố trí nhân lực chưa hợp lý: chưa quan tâm, dành sự ưu tiên cho cấp cơ sở nên chưa phù hợp với thực tiễn nhiều địa phương, nhất là ở cấp xã ở những địa phương còn nhiều HGĐ CNL phân tán, nhỏ lẻ, nơi trực tiếp sản xuất, phát sinh các nguy cơ mất ATTP cho sản phẩm CNL. Như hiện nay, mỗi xã hiện chỉ có 01 – 02 cán bộ chuyên môn theo dõi chung về nông nghiệp, nông thôn và phụ trách nhiều nhiệm vụ khác trong đó có công tác ATTP trong chăn nuôi (thường là cán bộ của lực lượng thú y), không bố trí nhân lực chuyên trách về ATTP.

Một số nhiệm vụ phân công chưa phù hợp, còn có sự chồng chéo, hoặc bỏ sót ở một số khâu trong chuỗi CNL tại HGĐ nhất là ở cấp cơ sở. Tại địa phương, một cán bộ Phòng Nông nghiệp của cấp huyện và cán bộ chuyên môn thuộc UBND xã cùng phải báo cáo công tác ATTP gửi nhiều bộ phận khác nhau tới các cơ quan cùng cấp và cấp trên. Trong khi đó, nhiều hoạt động cần triển khai đến hộ chăn nuôi không có lực lượng thực hiện, như việc lập danh sách, hướng dẫn hộ chăn nuôi đăng ký, cam kết thực hiện điều kiện ATTP theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT và các văn bản khác không có lực lượng triển khai, theo dõi, kiểm tra, giám sát sau đăng ký.

Tính chuyên nghiệp về ATTP của lực lượng tham gia quản lý còn hạn chế. Tại các Chi cục Thú y (cấp tỉnh) và các Trạm thú y (cấp huyện) và cấp cơ sở (xã) thiếu công chức chuyên trách có chuyên môn sâu về ATTP, chủ yếu được giao kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên môn về ATTP, nên khả năng tham mưu sâu về ATTP và triển khai công tác quản lý ATTP tại các cơ quan này còn rất hạn chế, mang “màu sắc” chuyên ngành cao mà chưa gắn với sự phức tạp, liên ngành của vấn đề bảo đảm ATTP với sức khỏe con người.

Chế độ, chính sách đãi ngộ và trang bị cho người tham gia QLNN về ATTP chưa phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực ATTP và trong QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ. Hộ có CNL thường xen kẽ với khu dân cư, địa bàn trải rộng, mỗi nguy ATTP phức tạp, năng lực hộ còn yếu kém, tính sinh học, mùa vụ của đối tượng sản xuất... là những tác nhân thường trực gây mất

ATTP, đòi hỏi hoạt động quản lý phải đầu tư nhiều trí lực, sức lực, tâm lực và được trang bị vật lực đầy đủ mới có thể thực hiện nhiệm vụ theo các quy định.

4) Về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Chăn nuôi lợn là ngành sản xuất thực phẩm chủ lực, cung cấp nguyên liệu cho chuỗi thực phẩm sản phẩm từ chăn nuôi lợn. Tuy nhiên, các quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về ATTP trong chăn nuôi nói chung, chăn nuôi lợn nói riêng chưa có khung pháp lý riêng theo chuỗi sản phẩm. Nội dung quy định còn thiếu ở một số lĩnh vực gây vướng mắc cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm ở các khâu của chuỗi hoạt động CNL và CNL tại HGD vốn có đặc điểm về cơ cấu chủ hộ rất đa dạng, hoạt động còn chưa đáp ứng yêu cầu ATTP, nhưng việc ban hành văn bản cho lĩnh vực còn chưa được quan tâm, có những quy định (hướng dẫn, tiêu chuẩn về chuồng trại, thức ăn, thú y, tiêu thụ sản phẩm...) phù hợp với đối tượng sản xuất thực phẩm này.

Việc tổ chức và hoạt động các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc chuyên đề về ATTP của những cơ quan quản lý chuyên ngành tham gia quản lý ATTP tại HGD chăn nuôi lợn trong thời gian qua còn rất hạn chế, không được triển khai, thực hiện bài bản tới hộ CNL tại các địa phương. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các địa phương về thanh tra, kiểm tra, giám sát theo luật định còn nhiều hạn chế, nhất là ở cấp cơ sở. Để tháo gỡ vướng mắc này, cần bổ sung các quy định về thẩm quyền, quy trình, cách thức thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP và thẩm quyền xử lý vi phạm phù hợp với chính quyền địa phương, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động này được thuận lợi, nâng cao hiệu quả QLNN về ATTP ở cơ sở.

Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm ATTP ở lĩnh vực chăn nuôi, đối tượng HGD CNL còn ít được quan tâm, các vi phạm và các mối nguy mất ATTP ít được phát hiện, xử lý tại chỗ. Các đối tượng là doanh nghiệp sản xuất thức ăn, nguyên liệu, vật tư và trang trại chăn nuôi lợn lớn được quan tâm hơn.

Việc xử lý vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP về chuồng trại,

hạ tầng, trang thiết bị, quy trình phòng dịch chung được áp dụng cho CNL tại HGĐ khó thực hiện do đất đai, năng lực tài chính, nhận thức và lập dự án của các hộ còn hạn chế. Pháp luật xử lý vi phạm ATTP trong chăn nuôi chưa cụ thể với đối tượng CNL tại HGĐ; chế tài áp dụng chung cho lĩnh vực chăn nuôi còn nhẹ, lỏng lẻo nhất là với đối với những hành vi cố tình vi phạm. Tuy nhiên, rất khó áp dụng đối với khu vực CNL tại HGĐ vì những đặc điểm về điều kiện chăn nuôi của hộ nông dân có tính đặc thù riêng.

Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra ATTP một số cấp ở địa phương và cơ quan chuyên môn còn chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp trong hoạt động và xử lý các vướng mắc, vi phạm và sự cố về ATTP trong chăn nuôi kịp thời ở cơ sở (còn thiếu những quy định và chế tài về trách nhiệm).

3.4.3. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

3.4.3.1. Nguyên nhân từ đặc điểm cơ quan quản lý

1) Sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên

Nhận thức về vị trí, vai trò và tư duy QLNN về ATTP trong chăn nuôi và đối với CNL tại HGĐ chưa bắt kịp yêu cầu của tình hình, bối cảnh mới.

Mức độ quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, cán bộ quản lý ở một số cơ quan tham gia QLNN về ATTP đối với khu vực CNL tại HGĐ chưa đúng mức.

Quan điểm, định hướng pháp triển đối với khu vực chăn nuôi nông hộ (hộ gia đình) chưa rõ ràng, còn lúng túng trong chỉ đạo nên công tác ban hành các quy định pháp luật, xây dựng chính sách, chế tài xử lý... còn chậm, một số nội dung còn thiếu, một số đã ban hành còn chưa sát từng loại hình chăn nuôi, nhóm vật nuôi, chưa đánh giá hết các nguy cơ mất ATTP và đặc điểm về nhận thức, năng lực của hộ gia đình (trình độ, năng lực còn rất hạn chế, khác biệt).

Nhiều địa phương chưa quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng, hệ sinh thái phát triển CNL an toàn, phát triển vùng CN gắn với phát triển khu tiêu thụ lợn, giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi được kiểm soát ATTP.

2) Nguồn lực tài chính và khả năng tổ chức các hoạt động quản lý

Việc huy động nguồn lực cho triển khai, thực hiện những quy định tại Luật Chăn nuôi 2018 còn chậm, chưa được nhiều, như quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng vùng CNL an toàn gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi; hỗ trợ

mặt bằng đất đai, hạ tầng kỹ thuật, kinh phí di dời cơ sở chăn nuôi đến vị trí mới phù hợp với quy hoạch, quản lý dịch bệnh, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh và chất lượng và ATTP...

Cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho phát triển mô hình CNL ở HGĐ theo hướng ATTP, bền vững xuất xứ địa lý và thị trường tiêu thụ sản phẩm an toàn, cạnh tranh với sản phẩm thông thường triển khai trong thực tiễn chưa được phổ biến, nên sức lan toả nâng cao chất lượng và ATTP còn hạn chế.

Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật, cơ chế, chính sách QLNN về ATTP tới các chủ thể chăn nuôi và hộ gia đình còn chưa cụ thể, chi tiết, đầy đủ ở từng khâu trong chu trình chăn nuôi (vật tư đầu vào, sản xuất, bảo quản, chế biến thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; quy cách chuồng trại; chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh phòng trị bệnh dịch; tiêu thụ sản phẩm...).

Những quy định về xử lý hành vi quảng cáo sản phẩm trên bao bì, mạng xã hội có nội dung sai lệch về sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất cấm bán trá hình, tiêu thụ, buôn bán, sử dụng sản phẩm ẩn chứa nguy cơ mất ATTP trong CNL tại HGĐ chưa được ban hành đầy đủ.

Công tác xây dựng văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và chế tài xử lý các hành vi thủ đoạn vi phạm mới, các nguy cơ mất ATTP mới trong lĩnh vực chăn nuôi nói chung và CNL tại HGĐ còn chưa kịp thời, đồng bộ, đầy đủ. Như về bảo đảm “phúc lợi động vật”, Luật Chăn nuôi đã luật định, nhưng việc cụ thể hoá trong các VBQPPL còn rất hạn chế, nhất là việc xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn về vấn đề này còn rất chậm.

Công tác nghiên cứu đánh giá nguy cơ và xây dựng quy định QL các nguy cơ mới về ATTP trong CNL tại HGĐ còn chậm, chưa được đầu tư đầy đủ, kịp thời. Đến nay, các nguy cơ gây mất ATTP trong CNL tại HGĐ chưa được cập nhật liệt kê để nghiêm cấm, cảnh báo bằng quy định pháp luật áp dụng cho đối tượng này.

Cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ theo hướng khuyến khích cơ cấu lại ngành CNL tại HGĐ bảo đảm ATTP, nâng cao uy tín SPCN. Các chính sách khuyến khích về quy hoạch đất đai, hỗ trợ hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ bảo đảm ATTP hộ gia đình khó tiếp cận do không phải là đối tượng thụ hưởng, hoặc phải kèm theo những điều kiện mà hộ gia đình khó có thể thực hiện được (Nghị định 106/2024/NĐ-CP; Nghị định 17/VBHN-2018).

Nguồn lực thực hiện chính sách còn khó khăn, một số chính sách hỗ trợ có cơ chế đối ứng từ nguồn dự phòng địa phương, nếu địa phương có nguồn dự phòng hạn chế thì rất khó thực hiện (Nghị định 02/2017/NĐ-CP, hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh); mức hỗ trợ đối với HGD thấp (Nghị định 106/2024), phần lớn HGD chăn nuôi lợn không đủ năng lực viết dự án, nguồn lực đối ứng.

Trong những chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP), nguồn vốn hỗ trợ (ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% và vốn doanh nghiệp 40%). Đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp, không hỗ trợ cho các HGD. Nên chưa khuyến khích HGD tham gia đầu tư chuồng trại, chuyển đổi quy mô và mua sắm máy móc đáp ứng điều kiện về ATTP để tham gia chuỗi liên kết do doanh nghiệp dẫn dắt, hoặc tự xây dựng liên kết.

Chủ trương xã hội hoá dịch vụ công về ATTP ở một số khâu thực hiện còn kém hiệu quả; cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ tổ chức, doanh nghiệp, viện, trường tham gia các nghiên cứu về quản lý CNL còn hạn chế. Chưa nhiều nghiên cứu về cải tiến mô hình nhằm tận dụng, phát huy lợi thế của hình thức CNL tại HGD gắn với bảo đảm ATTP trong điều kiện khoa học công nghệ giúp khắc phục các hạn chế của loại hình chăn nuôi này.

Còn thiếu và chậm ban hành một số chính sách hỗ trợ thực hiện các định hướng, giải pháp (phi hành chính) bảo đảm ATTP trong tình hình mới đã làm hạn chế hiệu quả, hiệu lực QLNN về ATTP trong nông nghiệp, trong chăn nuôi, CNL tại HGD và khả năng chấp hành pháp luật ATTP của các chủ thể kinh tế, hộ gia đình. Những chính sách cần được bổ sung, xây dựng mới để hỗ trợ các cơ quan QLNN, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình triển khai chuyển đổi số trong sản xuất nông sản gắn với quản lý ATTP; hỗ trợ để đẩy nhanh quy hoạch và xây dựng khu, vùng, cơ sở chăn nuôi lợn an toàn sinh học, hoặc áp dụng các mô hình chăn nuôi an toàn (như VietGAP, chăn nuôi thông minh, chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, chuồng trại khép kín...); hỗ trợ hộ gia đình trong việc quản lý đăng ký, khai báo chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng vùng nguyên, cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm; hỗ trợ phát triển và quản trị thị trường thực phẩm (thịt lợn) sạch; quảng bá sản phẩm sạch, an toàn; bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nghiệp vụ và trình độ chuyên môn ATTP

cho cán bộ và người dân.

Những quy định pháp luật và chế tài về ATTP, bảo vệ môi trường trong CNL tại HGD chưa có khuôn khổ riêng nên chưa phù hợp với đặc điểm CNL tại HGD và mức độ gia tăng về năng suất, sản lượng, quy mô chăn nuôi. Những hạn chế này đã tồn tại, tích tụ nhiều năm, ô nhiễm môi trường khu vực chăn nuôi, môi trường sống ngày càng làm trầm trọng hơn, làm gia tăng dịch bệnh, nguy cơ mất ATTP trong CNL phát sinh.

3) Mức độ đảm bảo về số lượng, chất lượng và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện quản lý nhà nước

Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tham gia QLNN về ATTP với đối tượng CNL tại HGD chưa đầy đủ, chưa tạo được sức lan toả trong hệ thống chính trị và người dân. Ý thức trách nhiệm, thái độ của cán bộ, viên chức ở một số nơi chưa được nghiêm túc; việc đánh giá, xử lý các vi phạm đối với cơ quan, cán bộ không hoàn thành trách nhiệm chưa được nghiêm và khó khăn.

Việc sắp xếp bộ máy quản lý nông nghiệp ở một số địa phương không theo hướng tăng năng lực cho quản lý dịch bệnh và bảo đảm ATTP (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020).

Hệ thống Thú y Nhà nước, cơ quan giữ vai trò chủ đạo QLNN về ATTP trong chăn nuôi bị xáo trộn về cơ cấu tổ chức và hoạt động, không ổn định, có nhiều mô hình tổ chức, ảnh hưởng tiêu cực đến chăn nuôi và bảo đảm ATTP. Nhân lực còn thiếu, cụ thể: (i) Ở Trung ương thiếu hụt công chức tại các trạm kiểm dịch, nhất là tại cửa khẩu (thuộc thẩm quyền Bộ NN và PTNT quản lý); lực lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm nghiệm, chẩn đoán, xét nghiệm ít so với yêu cầu. (ii) Ở địa phương, sau khi thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) tại các cơ quan thú y, chăn nuôi cấp tỉnh, huyện có nhiều biến đổi. Đến tháng 02/2020, có 07 tỉnh đã sáp nhập Chi cục Thú y với các ngành khác, 01 tỉnh thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, 55 tỉnh có Chi cục Thú y/Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở NN&PTNT. Tổng cán bộ thú y cấp tỉnh là 2.669 người; đã cắt giảm/nghi việc trong năm 2018 và 2019 là 1.004 người; giảm thú y cấp xã đến cấp tỉnh là 6.282 người, ảnh hưởng rất tiêu cực đến công tác phòng, chống dịch bệnh và quản lý

ATTP từ Trung ương đến địa phương.

Hệ thống thú y ở tuyến huyện có nhiều xáo trộn nhất, sáp nhập thú y huyện với trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông,... thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện. Việc này gây ra tình trạng thú y địa phương (cấp huyện, xã) thiếu nhân lực để tham mưu và triển khai không kịp thời, thiếu đồng bộ, không nhất quán nhiều nhiệm vụ phòng chống, giám sát, phát hiện báo cáo nắm bắt thông tin tình dịch bệnh, bảo đảm ATTP ở các HGD chăn nuôi.

Trong thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP, lực lượng được giao tham gia thực hiện còn quá mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng có nơi còn hạn chế, nhiều cán bộ chưa được đào tạo nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên sâu về ATTP đặc biệt là tuyến huyện, xã, thôn, bản.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát ATTP chăn nuôi tại HGD còn chưa hiệu quả do cấp cơ sở, thôn, làng, bản có địa bàn trải rộng, số HGD chăn nuôi còn lớn, lực lượng chuyên ngành sâu ít, chính quyền địa phương không đủ nhân lực có chuyên môn sâu và thẩm quyền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát do chưa được quy định và dành nguồn lực tương xứng với yêu cầu.

3.4.3.2. Nguyên nhân từ đặc điểm hộ gia đình chăn nuôi lợn

Các chủ thể CNL tại HGD phần đông là chăn nuôi nhỏ, phân tán ở các vùng nông thôn khắp cả nước, có thời điểm lên tới trên 7,5 triệu hộ, sản xuất tới 80% sản phẩm của ngành chăn nuôi. Hộ gia đình thường chăn nuôi hỗn hợp nhiều loại gia súc, gia cầm khác nhau ảnh hưởng đến độ bao phủ, tính đầy đủ, đồng bộ trong công tác xây dựng văn bản quản lý và tính khả thi, khả năng áp dụng pháp luật, chính sách trong QLNN về ATTP trong CNL tại HGD.

Chủ thể tham gia CNL tại HGD rất biến động, tăng giảm phụ thuộc vào thị trường và dịch bệnh, khả năng đầu tư nâng cấp chuồng trại CNL đáp ứng yêu cầu ATTP rất khó khăn; kiến thức, khả năng nắm bắt, dự báo thị trường còn rất yếu kém; thị trường TPAT chưa phát triển, lợi nhuận bấp bênh, rủi ro lớn dẫn đến sự tương tác của CQQL với người CNL tại HGD bị hạn chế.

Nhận thức, năng lực của từng thành viên HGD và của cộng đồng về pháp

luật, cơ chế, chính sách bảo đảm ATTP áp dụng vào thực tiễn CNL tại HGD không đồng đều, còn nhiều hạn chế dẫn đến sự phức tạp trong tổ chức thực hiện và tính tự giác, tuân thủ quy định.

Hạ tầng khu vực CNL tại HGD còn lạc hậu, xuất phát điểm thấp, nặng về tận dụng, chuồng nuôi, trang thiết bị, nhà xưởng xây dựng chưa đúng quy cách tiêu chuẩn về không gian, khoảng cách, có hộ còn để lợn thả rông, nuôi chuồng tạm. Năng lực tài chính, đầu tư khu vực HGD thấp; chăn nuôi lợn nông hộ chủ yếu theo phương thức truyền thống, bán truyền thống.

Thói quen lạm dụng thuốc thú y, hóa chất trong nuôi dưỡng, chăm sóc thú y, phòng bệnh, khử trùng, làm sạch môi trường xảy ra tràn lan, nhất là nơi có mật độ chăn nuôi cao, làm giảm các nỗ lực bảo đảm ATTP, gia tăng tồn dư, mất cân bằng hệ sinh thái, phát sinh các mối nguy cơ mới về ATTP trong CNL tại HGD.

Các thành viên HGD chưa nhận thức đầy đủ và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về điều kiện ATTP, truy xuất nguồn gốc; có tình trạng né tránh kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan nhà nước trong sản xuất, lưu thông, sử dụng vật tư, nguyên liệu phục vụ chăn nuôi và trong hoạt động chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn trên thị trường mà phần lớn là từ CNL tại HGD.

3.4.3.3. Nguyên nhân từ yếu tố thị trường và đặc điểm người tiêu dùng

Trong hội nhập, giá nhập khẩu lợn thịt và thực phẩm từ thịt lợn ngày càng cạnh tranh với sản phẩm nội địa ngay tại thị trường trong nước; khi thuế nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi về 0 đến 5% thì các SPCN nhập khẩu sẽ càng rẻ hơn, cạnh tranh gay gắt hơn sẽ tác động đến lựa chọn đầu tư nâng cấp cơ sở chăn nuôi cũ, đổi mới công nghệ ở khu vực CNL tại HGD đáp ứng ATTP.

Các yếu tố thuộc “nhóm thị trường” biến động rất nhanh dưới tác động của cách mạng KH-CN, biến đổi khí hậu, quan hệ thương mại quốc tế khó lường; tạo ra những thách thức vô cùng lớn trong quản lý ATTP.

Trong thương mại quốc tế, việc thực hiện các cam kết quốc tế là yếu tố vừa mang tính chủ quan vừa tính khách quan, tác động đến cả khu vực công và khu vực tư. Khu vực công phải thể chế hóa các quy định cho phù hợp với mức

độ cam kết về ATTP sản phẩm chăn nuôi. Khu vực tư chịu áp lực do phải thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế. Cam kết về ATTP là một cam kết mà các nước tham gia các tổ chức thương mại đa phương, song phương (WTO, TPP, EU, ASIA, FTAs...) cùng phải thực hiện; chất lượng và yêu cầu ATTP sản phẩm chăn nuôi phải tuân thủ các quy định quốc tế. Việt Nam được hưởng ưu đãi về thời gian thực hiện chậm hơn so với các nước khác, không nỗ lực thì thời gian ưu đãi sớm kết thúc, ảnh hưởng tiêu cực tới sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn. Hiện nay, mức độ chất lượng và ATTP của SPCN trong nước còn khoảng cách khá xa so với các thành viên tổ chức thương mại mà Việt Nam tham gia, là thách thức vô cùng lớn đối với công tác QLNN về ATTP sản phẩm chăn nuôi. Nếu thực hiện không thành công các cam kết quốc tế về ATTP sản phẩm chăn nuôi theo các FTAs đưa ra thì sẽ không thể xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi và ngành chăn nuôi sẽ không thể phát triển do nhập khẩu tăng nhanh, chiếm lĩnh thị trường, làm phá sản chăn nuôi Việt Nam.

Nguyên liệu, vật tư đầu vào chăn nuôi, sản xuất TACN an toàn chưa hoàn toàn tự chủ trong nước, phải nhập khẩu, giá thành cao, chất lượng thấp làm gia tăng các vi phạm, mối nguy cơ về ATTP, gây khó khăn cho QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ và các ngành chăn nuôi khác.

Việc quản lý thị trường trong lĩnh vực ATTP còn nhiều bất cập; còn hiện tượng tiếp tay, kiếm lời từ các hộ thương lái lợn, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y cho các vi phạm ATTP trong chuỗi chăn nuôi, như tiêm thuốc ngủ trong vận chuyển, tiêu thụ lợn bệnh, lợn chết, chế biến, kinh doanh thực phẩm từ lợn bệnh, lợn chết... buôn bán, lưu thông chất cấm, nguyên liệu không bảo đảm, không nguồn gốc xuất xứ, phụ gia không thuộc Danh mục cho phép sử dụng.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

4.1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIÊN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Bối cảnh và xu hướng quốc tế

Hội nhập quốc tế là cơ hội chung cho QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ: được tiếp cận với con giống, công nghệ, trang bị kỹ thuật mới hiện đại phù hợp với quy mô, điều kiện kinh tế, tạo động lực đẩy mạnh tái cơ cấu CNL theo hướng ATTP; thị hiếu tiêu dùng thay đổi, nhu cầu và thị trường thực phẩm AT trở thành phổ biến, làm tăng thêm động lực cho các HGĐ thực hiện quy định về ATTP; liên kết quốc tế theo chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu các dòng sản phẩm thịt lợn chất lượng cao, các mối nguy mất ATTP được kiểm soát tốt sẽ trở thành xu hướng tất yếu trong CNL tại HGĐ.

Cơ hội lớn áp dụng KH-CN cho kiểm soát chặt các mối nguy cơ về ATTP và mở rộng mô hình CNL tại HGĐ ngày càng phát triển; những công nghệ hiện đại giúp kiểm soát các mối nguy cơ mất ATTP phù hợp với các loại hình CNL khác nhau kể cả mô nhỏ như CNL tại HGĐ và làm gia tăng chuỗi liên kết thịt lợn từ các HGĐ chăn nuôi có truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kiểm soát ATTP.

Xu hướng gia tăng nhu cầu thực phẩm từ sản phẩm chăn nuôi an toàn. Dự báo tốc độ dân số thế giới trong những năm tới tăng trong mức 1,1 đến 1,2%/năm. Sản xuất lương thực, thực phẩm toàn thế giới sẽ phải đáp ứng cho khoảng 80 triệu người tăng thêm mỗi năm; đến năm 2050 tổng dân số thế giới đạt khoảng trên 10 tỷ người.

Xu hướng toàn cầu hoá thị trường thực phẩm là cơ hội lớn cho tiếp thu công nghệ, kỹ năng quản lý, thúc đẩy nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ của các HGĐ về ATTP trong CNL; chủ nghĩa bảo hộ làm tăng rào cản kỹ thuật sẽ là trở ngại lớn đối với các nước đang phát triển xuất khẩu, trong đó có sản phẩm

CNL, nhưng là cơ hội thúc đẩy kiểm soát về ATTP, bảo vệ môi trường CNL tại HGD tích cực hơn.

Xu hướng tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm CNL an toàn của các công ty đa quốc gia gắn theo mô hình khép kín ở các nước tiêu thụ nhiều thịt lợn phát triển mạnh. Hình thành ngành công nghiệp CNL gắn với sản xuất TACN; chuỗi giá trị (CGT) chăn nuôi khép kín có sự quản lý, giám sát khối lượng, chất lượng, ATTP từ khâu sản phẩm với chiến lược quảng bá nhằm khai thác lợi thế của sản phẩm một cách bền vững. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để CNL tại HGD tái cơ cấu theo hướng liên kết, ứng dụng KH-CN và sản xuất SPCN bảo đảm ATTP theo tiêu chuẩn quốc tế.

Biến đổi khí hậu, khan hiếm tài nguyên và ô nhiễm môi trường được coi là những thách thức chung, trong đó CNL tại HGD không là ngoại lệ và chịu nhiều tác động của rủi ro nhất. Những vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, quá nóng hoặc quá lạnh...), giao thương, du lịch, di cư làm gia tăng dịch bệnh lây lan, gây bất lợi cho kiểm soát ATTP, nhất là HGD có năng lực chống chịu và thích ứng với rủi ro và điều kiện mới còn hạn chế.

4.1.2. Bối cảnh, xu hướng trong nước

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII và những chủ trương của Đảng trong các nhiệm kỳ, đặc biệt là Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” và Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về “*Tăng cường bảo đảm an ninh, ATTP trong tình hình mới*” đã đề ra những định hướng về bảo đảm ATTP trong nông nghiệp, trong chăn nuôi đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước giai đoạn mới và hội nhập quốc tế, các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp quản lý ATTP trong chăn nuôi cần được bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tiễn.

Luật Chăn nuôi 2018, cùng Luật An toàn thực phẩm 2010, Luật Thú y 2015... tạo bước ngoặt mới cho ngành CNL phát triển với nhiều quan điểm, tư duy, tiếp cận mới theo hướng phải đổi mới tư duy quản lý ATTP trong CNL theo tiên bộ và hội nhập quốc tế. Chiến lược phát triển chăn nuôi 2021-2030,

tầm nhìn 2045 được ban hành mở ra những quyết sách phát triển chăn nuôi theo hướng có hiệu quả, bền vững lấy mục tiêu bảo đảm ATTP làm trụ cột, nền tảng cho phát triển chăn nuôi bền vững, hiệu quả.

Thực hiện các cam kết quốc tế (FTAs thế hệ mới; phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu...) tác động toàn diện vào quá trình xây dựng thể chế và hoạt động quản lý ATTP ở nước ta. Định hướng phát triển các ngành kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đã đang được hiện thực hoá tác động mạnh mẽ đến thể chế quản lý ATTP và CNL tại HGĐ.

Tình hình dịch bệnh truyền lây ở người và động vật có diễn biến phức tạp, chi phối hoạt động chăn nuôi truyền thống, đòi hỏi có những tiếp cận mới về định hướng phát triển, chính sách hỗ trợ, đặc biệt là những chính sách về quản lý rủi ro, quản lý các mối nguy cơ ATTP (gồm những mối nguy truyền thống và mối nguy mới về ATTP) xuất hiện trong CNL tại HGĐ.

Sự chuyển dịch thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn an toàn trong nước theo hướng tích cực. Nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm CNL bảo đảm ATTP ở thị trường trong nước tăng theo thu nhập dân cư; tiêu dùng các loại thịt nhiều hơn, thịt lợn sẽ vẫn là lựa chọn cho các bữa ăn thường ngày, làm thay đổi cấu trúc bữa ăn; thực phẩm an toàn sẽ tăng nhanh hơn trong những năm tới, tạo cơ hội lớn cho SPCNL tại HGĐ bảo đảm ATTP được tiêu thụ nhiều hơn.

Trong xu thế hội nhập với thị trường toàn cầu, sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices – GAP) là hướng đi đúng đắn, giúp kiểm soát ATTP hiệu quả CNL tại HGĐ. Bộ NN&PTNT đã ban hành các quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp trong đó có quy trình CNL theo quyết định 2509/QĐ-BNN-CN ngày 22/6/2016 và Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015. Với quy trình này, sẽ giúp người chăn nuôi hỗ trợ kinh nghiệm, tiếp cận các dịch vụ thú y, tài chính. Ngoài ra, để quản lý ATTP trong chăn nuôi HGĐ, Bộ NN và PTNT đã ban hành Thông tư 17 năm 2018; Thông tư 23 năm 2019; và Thông tư 18 năm 2023 cùng với các quy định khác tạo hành lang hướng dẫn HGĐ thực hiện các biện pháp quản lý ATTP trong CNL ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn.

4.1.3. Định hướng tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam

1) Chăn nuôi có vai trò là ngành sản xuất thực phẩm chủ đạo, có vị trí trung tâm kết nối các ngành trong hệ thống nông nghiệp, trong đó có vai trò của khu vực chăn nuôi lợn tại hộ gia đình. Nhà nước cần thể hiện rõ quan điểm về định hướng phát triển cho khu vực chăn nuôi lợn tại hộ gia đình làm cơ sở cho QLNN về quy hoạch, xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách, đặc biệt là về tăng cường cho QLNN về ATTP.

2) QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ trong giai đoạn tới phải bám sát, hướng vào thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng về chăn nuôi bền vững và về an ninh, ATTP trong tình hình mới. Khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách về ATTP áp dụng trong chăn nuôi, CNL tại HGĐ phải hướng tới thúc đẩy chăn nuôi lợn nông hộ chuyển dần từ quy mô nhỏ sang chăn nuôi hộ quy mô lớn và thúc đẩy mạnh mẽ phát triển các mô hình CNL áp dụng khoa học, công nghệ mới phù hợp với quy mô HGĐ gắn với điều kiện kiểm soát ATTP theo tiêu chuẩn quốc tế. QLNN về ATTP cần phải áp dụng đồng bộ các biện pháp, ngoài biện pháp hành chính cần tăng cường áp dụng các biện pháp phi hành chính khác, cần coi công cụ kinh tế là đòn bẩy khuyến khích áp dụng các công cụ mới và khoa học-công nghệ hỗ trợ nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan QLNN về ATTP và quản trị ATTP trong khu vực tư.

3) Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật là nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, hàng đầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ATTP; cần tách bạch rõ nhiệm vụ của Nhà nước và nhiệm vụ của các chủ thể là hộ gia đình chăn nuôi khi xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP. Phải lấy chuẩn quốc tế làm nòng cốt trong xây dựng khuôn khổ pháp luật và cơ chế, chính sách quản lý ATTP, từ đó bổ sung những điều còn thiếu cho phù hợp với bối cảnh mới. Nhà nước chỉ tập trung vào những nhiệm vụ, những hoạt động mà các hộ gia đình chăn nuôi không làm được hoặc làm không hiệu quả. Đổi mới các quy định về ATTP trong CNL phải song hành cùng với việc đổi mới về chính sách hỗ trợ và quản lý rủi ro, nguy cơ mất ATTP và chế tài một cách

đồng bộ, để tăng tính khả thi trong thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ATTP trong CNL tại HGD.

4) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước là một trong những công quản lý cơ bản nhằm khuyến khích, dẫn dắt các hộ chăn nuôi chấp hành, thực hiện tốt hơn các quy định bắt buộc của pháp luật về ATTP và đem lại lợi ích chung là sức khỏe của người dân. Khung chính sách hỗ trợ thực hiện ATTP cần được bao phủ toàn diện đến các đối tượng, nhất là những đối tượng yếu thế, còn chưa được quan tâm đầy đủ, như đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng còn khó khăn, đặc biệt là HGD tham gia trong hệ thống thực phẩm, trong đó có HGD chăn nuôi lợn. Đổi mới phương thức hỗ trợ ATTP theo chuỗi giá trị sản phẩm, linh hoạt trong cơ chế, điều kiện và mức thụ hưởng, để bảo đảm các đối tượng trong cùng hệ sinh thái, chuỗi sản phẩm cùng được tiếp cận các chính sách ưu việt của Nhà nước; bảo đảm nguyên tắc “không bỏ lại ai ở phía sau”, như HGD và hộ tham gia chuỗi thực phẩm chăn nuôi lợn.

5) Tiếp tục hoàn thiện sắp xếp bộ máy quản lý và bố trí nhân lực trong bộ máy các cơ quan tham gia QLNN về ATTP trong CNL tại HGD cần bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm nguyên tắc ưu tiên, hướng về cơ sở, nơi có các hoạt động sản xuất chăn nuôi và các hộ gia đình là đối tượng bị quản lý. Cần linh hoạt trong tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực phù hợp với từng địa phương có đặc điểm địa lý, cơ cấu, phương thức chăn nuôi để phục vụ tốt nhất các hoạt động chăn nuôi bảo đảm ATTP của địa phương. Cần đổi mới cách tiếp cận về nhân lực huy động cho QLNN về ATTP; chất lượng và số lượng nhân lực tham gia QLNN về ATTP cần phải được quan tâm, đáp ứng yêu cầu cao trong bối cảnh mới hiện nay và những năm tới, khi nước ta đã hội nhập sâu, rộng với quốc tế về hệ thống thực phẩm. Thực phẩm từ ngành hàng thịt lợn được xác định là ngành hàng xuất khẩu nhiều hơn sang các thị trường có chuẩn hàng hóa cao hơn và cung ứng cho người tiêu dùng trong nước và đông đảo khách quốc tế đến Việt Nam cũng theo chuẩn quốc tế, nên cần có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phải đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngang bằng với khu vực và quốc tế, nhất là đối với lực lượng ở cơ sở.

6) Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành ATTP trong các chuyên ngành sản xuất nông sản cần được quan tâm, đẩy mạnh trong thời gian tới. Cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động đối với các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành trong hệ thống nông nghiệp, nhất ngành chăn nuôi theo hướng chuyên sâu hơn về bảo đảm ATTP. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực ATTP theo hướng tăng cường về cơ sở, bổ sung quy định về chức năng, thẩm quyền phù hợp để kịp thời phát hiện các lỗ hổng trong QLNN về ATTP và các hành vi vi phạm, sự cố ATTP ngay từ cơ sở, nhất là ở khâu sản xuất, chăn nuôi. Thường xuyên cập nhật những nguy cơ mới, vi phạm mới về ATTP nói chung, trong CNL ở HGĐ nói riêng để kịp thời bổ sung chế định kèm chế tài đồng bộ.

4.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

4.2.1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Hệ thống pháp luật chung QLNN về ATTP có lúc còn chưa đồng bộ, kịp thời; thể chế chưa đầy đủ các chủ trương của Đảng, các cam kết quốc tế về ATTP đối với sản phẩm chăn nuôi, bảo vệ môi trường. Vì thế, trong thời gian tới từng bước thể chế hoá chủ trương của Đảng về phát triển chăn nuôi lợn và đảm bảo ATTP trong chăn nuôi, trọng tâm là Nghị Quyết số nông nghiệp, nông dân và thông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chỉ thị 17-CT/TW ngày 21/10/2022 về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới), đối với hoạt động xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP trong chăn nuôi hộ gia đình cần thực hiện các giải pháp sau:

Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban mới văn bản pháp luật, hướng dẫn, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý QLNN về ATTP đối với ngành chăn

nuôi, chăn nuôi lợn tại hộ gia đình phù hợp với đặc thù là ngành sản xuất chính, cung cấp thực phẩm cơ bản, có mối liên kết hữu cơ với nhiều ngành trong nền kinh tế. Đây là nhiệm vụ trọng tâm thực hiện “*Chiến lược phát triển chăn nuôi cho giai đoạn 2020 – 2030*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bổ sung, hoàn thiện, xây dựng mới những quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo hướng QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ được hình thành theo chuỗi giá trị sản phẩm; tạo hành lang pháp lý mới (hiện đang còn thiếu) cho đổi mới phương thức quản lý theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa vào căn cứ khoa học, phân tích mối nguy cơ về ATTP, chủ động kiểm soát, giám sát ATTP ở từng công đoạn trong chuỗi sản phẩm CNL tại HGĐ.

Xây dựng khuôn khổ pháp luật quản lý cơ sở dữ liệu ATTP trong CNL tại HGĐ: huy động sự tham gia của xã hội ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sự cố, phòng ngừa các mối nguy cơ mất ATTP ở các khâu trong chuỗi CNL tại HGĐ, hài hoà với tiêu chuẩn về thông tin, minh bạch với quốc tế.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quản lý chất lượng vật tư cho CNL, đảm bảo ATTP hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, thuận lợi cho HGĐ và doanh nghiệp đầu tư liên kết phát triển các chuỗi giá trị CNL tại HGĐ chất lượng cao, đảm bảo ATTP.

Hoàn thiện quy định pháp luật, hướng dẫn xây dựng, công nhận cơ sở chăn nuôi lợn và vùng chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh; kiểm soát, phòng chống kháng thuốc sử dụng trong chăn nuôi, nhất là ở CNL tại HGĐ.

4.2.2. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Một số chính sách quan trọng thúc đẩy chăn nuôi theo hướng bền vững, bảo đảm ATTP chưa được bổ sung, ban hành, một số chính sách đã có nhưng thủ tục thực hiện còn rườm rà như: chính sách hỗ trợ vốn; chính sách cho thuê đất xây dựng chuồng trại, trồng nguyên liệu làm thức ăn; chưa có chính sách hỗ trợ đặc thù cho đối tượng CNL tại HGĐ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường gắn với các quy định bảo đảm ATTP trong chuỗi sản phẩm chăn nuôi. Nhiều chính sách có trong chủ trương của Đảng, Nhà nước nhưng chậm

hoặc không được triển khai. Một số chính sách được ban hành chưa đi kèm với kế hoạch đảm bảo nguồn lực thực hiện ổn định theo mục tiêu đề ra. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ thực hiện các quy định về ATTP trong chăn nuôi lợn giai đoạn tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong có có các nội dung sau:

1) Tăng cường hoạt động hỗ trợ hộ gia đình thực hiện tốt các quy định an toàn thực phẩm áp dụng trong chăn nuôi lợn, cụ thể:

Tăng cường sự hỗ trợ HGĐ đầu tư phát triển CNL gắn với đáp ứng điều kiện bảo đảm ATTP và bảo vệ môi trường.

Mở rộng khung hỗ trợ với đối tượng CNL tại HGĐ khuyến khích thực hiện các quy định về ATTP theo chuỗi thực phẩm, kiểm soát đầu vào, được tiếp cận đất đai, nguồn vốn xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng, đầu tư máy móc, xử lý môi trường, chăm sóc thú y, sử dụng hóa chất, thực hiện quy trình nuôi dưỡng, phúc lợi động vật, vận chuyển tiêu thụ, giết mổ, phát triển thị trường TP an toàn, thịt lợn lạnh và truyền thống... theo hướng kiểm soát hiệu quả các nguy cơ mất ATTP từ xa, từ gốc ở các khâu trong CNL tại HGĐ.

Các địa phương tập trung nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước kết hợp với huy động các nguồn lực xã hội chủ động phòng chống dịch bệnh, giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế hiệu quả dịch bệnh thường gặp, nguy hiểm và mới nổi trong CNL tại HGĐ và những mối nguy cơ về ATTP trong chuỗi thực phẩm từ sản phẩm CNL từ HGĐ.

2) Tăng cường mức hỗ trợ để các hộ gia đình chuyển dịch từ chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi an toàn, chuyên nghiệp hơn từ đó giảm các nguy cơ mất an toàn thực phẩm, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách huy động nguồn lực hỗ trợ HGĐ chuyển đổi mô hình CNL bảo đảm ATTP, nhất là ở các vùng nông thôn còn mật độ chăn nuôi lớn, miền núi, biên giới, hải đảo; khuyến khích phát triển CNL đặc hữu, đặc sản theo hướng hàng hóa, cạnh tranh, bền vững, phù hợp lợi thế, tiềm năng của từng vùng, địa phương gắn với bảo đảm ATTP; hỗ trợ những HGĐ chăn nuôi truyền thống, bán hoang dã chuyển sang chăn nuôi có kiểm soát các mối nguy

cơ mất ATTP thông qua việc áp dụng KH-CN triệt để hơn.

Tăng mức hỗ trợ để các HGĐ nâng cấp quy mô CNL, đầu tư xây dựng chuồng trại, hạ tầng phục vụ chăn nuôi; ứng dụng khoa học làm thay đổi cách thức sử dụng thức ăn CNL, chăm sóc thú y, hạn chế sử dụng thuốc, kháng sinh, hoá chất trong nuôi dưỡng, kiểm soát dịch bệnh, vận chuyển tiêu thụ bảo đảm phúc lợi động vật và ATTP.

Thực hiện chính sách bảo hiểm vật nuôi theo hướng bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích được đông đảo HGĐ cùng tham gia, hạn chế thấp nhất rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thị trường... theo nguyên tắc: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần, người chăn nuôi tham gia đóng góp và huy động các nguồn hợp pháp khác.

3) Hỗ trợ phát triển chăn nuôi lợn tại hộ gia đình theo chuỗi, kiểm soát an toàn thực phẩm từ nội bộ, người tiêu thụ trong quá trình chăn nuôi để giảm nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm, cụ thể:

Tổ chức lại CNL gắn với cung cấp vật tư đủ tiêu chuẩn, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi liên kết, chú trọng điểm chợ, trung tâm đầu giá giống vật nuôi, nơi tập kết lợn đưa vào giết mổ đáp ứng các yêu cầu phúc lợi động vật, kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y và ATTP.

Hỗ trợ phát triển trung tâm mua bán, siêu thị, chợ đầu mối, các chương trình bình ổn giá, xúc tiến thương mại, sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm CNL tại HGĐ an toàn; ưu tiên cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho HGĐ chăn nuôi lợn;

Tổ chức thị trường sản phẩm thịt lợn an toàn kèm với phát triển hạ tầng thịt mát, đông lạnh, lập hàng rào kỹ thuật phù hợp và mở rộng hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm CNL bảo đảm ATTP cạnh tranh lành mạnh, minh bạch với những sản phẩm không theo chuỗi ngành hàng chủ lực, phát triển bền vững.

4) Tăng cường chính sách hỗ trợ để hình thành các vùng chăn nuôi lợn tại hộ gia đình mức độ cao về an toàn thực phẩm, cụ thể:

Thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi và Luật Quy hoạch, vùng CNL cần được quy hoạch rõ ràng. Không nhất thiết phải quy hoạch CNL tại HGD độc lập với khu dân cư mà vẫn có thể song trùng trong khu dân cư trên cơ sở áp dụng triệt để tiến bộ khoa học, công nghệ về chuồng trại, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh... để phát huy được nguồn lực đất đai, lao động của hộ và tập quán canh tác, tận dụng nguồn thức ăn, sức lao động hợp lý của người dân, bảo đảm nguồn cung ổn định thị trường tiêu dùng tại chỗ.

Điểm khác biệt trong quy hoạch vùng CNL tại HGD là có hạ tầng dùng chung phục vụ chăn nuôi, như: xử lý chất thải, giao thông, điện, cấp nước sinh hoạt, hỗ trợ y tế và thú y, truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch xuất chuồng, nhập giống... phải được Nhà nước hỗ trợ đầu tư theo hướng hiện đại, đáp ứng điều kiện bảo đảm ATTP và bảo vệ môi trường.

Hỗ trợ vốn, ưu đãi về đất đai khuyến khích hình thành khu vực chăn nuôi an toàn, kết hợp với vận động HGD theo hướng an toàn sinh học, ATTP, bảo vệ môi trường trong khu quy hoạch CNL.

Hỗ trợ vốn vay, lãi suất ưu đãi, tiếp cận đất đai, đầu tư chuồng trại, hạ tầng, trang thiết bị, khoa học, chăm sóc thú y, phòng chống khống chế dịch bệnh, thực hành chăn nuôi tốt (GAP), đảm bảo ATTP trong khu quy hoạch CNL.

4.2.3. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Mô hình tổ chức bộ máy QLNN về ATTP chung và trong CNL tại HGD chưa ưu tiên ở cấp cơ sở, nơi diễn ra các hoạt động và phát sinh các nguy cơ mất ATTP cho sản phẩm chăn nuôi lợn làm thực phẩm. Một số nhiệm vụ phân công chưa phù hợp, còn có sự chồng chéo, hoặc bỏ sót ở một số khâu trong chuỗi CNL tại HGD nhất là ở cấp cơ sở. Để tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, bộ máy quản lý nhà nước về ATTP trong chăn nuôi lợn ở hộ gia đình trong giai đoạn tới cần thực hiện các giải pháp sau:

1) Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực các cơ quan tham gia quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm chung theo mô hình “Một đầu mối”

Phân định rõ chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của các ngành các cấp

trong QLNN về ATTP chung được quy định tại Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y, Luật Chăn nuôi, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Chính quyền địa phương để kiến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với mô hình “Một đầu mối”.

Trong ngắn hạn, cần rà soát việc phân công trách nhiệm giữa các cơ quan trong xây dựng, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động tổ chức bộ máy theo mô hình “Một đầu mối” về các nhiệm vụ trọng tâm sau: xây dựng đề án về tổ chức và hoạt động theo mô hình tổ chức mới; Ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động theo mô hình tổ chức mới; phân công xây dựng TCVN, QCVN về ATTP trong chăn nuôi; quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan có chức năng, thẩm quyền được thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP; quy định về việc sắp xếp tổ chức, hoạt động của các tổ chức tham gia các dịch vụ công về kiểm định, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, công nhận, chứng nhận điều kiện liên quan đến ATTP; xây dựng thể chế phát triển thị trường thương mại sản phẩm chăn nuôi theo thông lệ quốc tế trên cơ sở các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, ATTP từ các hiệp định song phương, đa phương; xây dựng quy định phân công các cơ quan tham gia hoạch định, hướng dẫn, triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bảo đảm ATTP; việc đào tạo nhân lực quản lý và lực lượng lao động; bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi bảo đảm ATTP...

Đổi mới tổ chức và hoạt động hệ thống cơ quan QL ngành chăn nuôi CN theo hướng tích hợp với nhiệm vụ QLNN về ATTP, tích hợp các hoạt động trong kế hoạch bảo đảm hoạt động CNL hiệu quả. Đánh giá, rút kinh nghiệm mô hình của TP. HCM thành lập Sở An toàn thực phẩm để phát huy tính tích cực, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc...xây dựng mô hình phù hợp ở từng địa phương khi được nhân rộng.

Rà soát, sắp xếp lại hệ thống kiểm tra, kiểm soát, giám sát, giám định, kiểm định, chẩn đoán, xét nghiệm theo một đầu mối tránh chồng chéo, gây cản trở sự phát triển, kém hiệu quả trong công tác kiểm soát, kiểm dịch và phòng chống dịch bệnh. Tách chức năng công tác này với chức năng tổ chức sản xuất để làm tốt công tác tổ chức sản xuất theo nhóm sản phẩm có nguồn gốc động

vật, có quy định chức năng, nhiệm vụ giữa NN và khu vực tư, cơ chế, chính sách kêu gọi, khuyến khích sự tham gia của xã hội cung cấp các định vụ này.

2) Kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phù hợp với đặc thù chăn nuôi lợn tại hộ gia đình trong bối cảnh hiện nay

Rà soát về phân công chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tham gia QLNN về ATTP trong CNL tại HGD, tránh chồng chéo, bổ sung phân công nhiệm vụ còn bỏ sót và nâng cao năng lực phối hợp giữa các cơ quan của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan... trong ban hành tiêu chuẩn vật tư, hàng hoá sử dụng trong chăn nuôi - thú y; phát hiện, xử lý sản phẩm và phụ phẩm thịt lợn, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi, chất phụ gia, thuốc, hoá chất, chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, buôn bán sản phẩm chăn nuôi không đảm bảo ATTP, bất hợp pháp.

Kiện toàn bộ máy theo hướng tăng cường năng lực cho lực lượng được phân công trực tiếp với người dân trong quản lý ATTP; đảm bảo tính ổn định cho hệ thống Thú y Nhà nước (Luật Thú y 2015 có quy định về tổ chức hệ thống thú y theo 04 cấp) và Luật An toàn thực phẩm (đưa ra nguyên tắc xây dựng bộ máy theo chức năng đã phân công). Loại bỏ những vướng mắc trong phân cấp, bổ sung nhân lực, kinh phí cho cơ sở chủ động quản lý ATTP trong CNL tại HGD trên địa bàn. Cùng cố năng lực cho hệ thống Thú y Nhà nước theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; kiện toàn hệ thống kiểm dịch động vật thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến các địa phương theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, quản lý theo cách tiếp cận mới “Một sức khỏe” được thế giới thừa nhận.

Bổ sung các quy định về trách nhiệm thực hiện bảo đảm ATTP của mọi công dân khi tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm thực phẩm (người sản xuất, người chế biến, người vận chuyển...) đặc biệt là trong CNL tại HGD. Nghiên cứu đề án bộ máy QLNN về ATTP trong chăn nuôi và chăn nuôi tại HGD, đặc biệt là CNL theo chuỗi và “Một đầu mối”.

3) Tăng cường năng lực cho lực lượng tham gia quản lý nhà nước về an

toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ Thú y cấp xã, phường thực hiện nhiệm vụ kiểm soát dịch bệnh và các mối nguy cơ gây mất ATTP ngay tại xã, thôn, bản có CNL tại HGĐ từ số lượng công chức, viên chức trong bộ máy QLNN về ATTP chung đang khá đông ở nhiều cấp trung gian, theo hướng ưu tiên cho cấp cơ sở.

Sắp xếp hợp lý bộ máy QLNN về ATTP trong CNL trên cơ sở vị trí việc làm đảm bảo có đầu mối và người được giao theo dõi ATP ở các công đoạn trong CNL tại HGĐ thích ứng với mô hình chăn nuôi đa dạng vừa theo quy hoạch tập trung, liên kết, kết hợp với phân tán theo vùng và tại HGĐ bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

Bố trí nhân lực và phân công quản lý những khía cạnh bảo đảm ATTP trong CNL tại HGĐ bền vững, như tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, giảm phát thải, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đa dạng hóa sản phẩm chăn nuôi; đổi xử nhân đạo với vật nuôi.

4) Tăng cường chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy

Tăng cường mức đãi ngộ, chi phí theo thực tế và thời gian làm thêm giờ cho người trực tiếp tham gia các hoạt động thú y, kiểm dịch động vật, kiểm tra vệ sinh thú y, thường xuyên tiếp xúc môi trường độc hại, phức tạp... đi đôi với quy định về trách nhiệm thực hiện hiệu quả quản lý ATTP.

Đào tạo, đào tạo lại cán bộ cấp cơ sở, cán bộ quản lý chất lượng và ATTP về nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền pháp luật, nghiệp vụ chuyên ngành, xử lý các sự cố ATTP trong CNL tại HGĐ.

Tăng cường tập huấn kiến thức thực tế, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ cho đội ngũ quản lý dịch bệnh và ATTP các cấp trong CNL tại HGĐ.

4.2.4. Nâng cao năng lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hộ gia đình

Chưa có hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành riêng về ATTP trong nông nghiệp, trong ngành chăn nuôi và chăn nuôi lợn tại hộ gia đình; Hệ thống thanh tra chuyên ngành có chức năng thanh tra chuyên ngành ATTP còn đứt đoạn, chưa bố trí ưu tiên cho cơ sở. Chế định và chế tài, tiêu chuẩn kỹ thuật về điều kiện bảo đảm ATTP về chuồng trại, hạ tầng, trang thiết bị, quy trình phòng dịch chung được áp dụng cho CNL tại HGĐ còn chưa được ban hành, khó thực hiện do đất đai, năng lực các hộ còn hạn chế. Cùng với đó, một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát ATTP. Pháp luật xử lý vi phạm ATTP trong chăn nuôi chưa cụ thể với đối tượng CNL tại HGĐ; chế tài áp dụng chung còn nhẹ, lỏng lẻo đối với những hành vi cố tình vi phạm, nhưng khó áp dụng đối với khu vực CNL tại HGĐ vì những đặc điểm về điều kiện chăn nuôi của hộ nông dân có tính đặc thù riêng. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu đã tồn tại trong nhiều năm, cần phải được khắc phục để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và bảo đảm các vi phạm pháp luật được xử lý, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP trong chăn nuôi hộ gia đình giai đoạn tới cần:

Bổ sung, hoàn thiện quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ kèm theo chế tài việc chấp hành quy định ATTP trong CN và CNL tại HGĐ; hoàn thiện cơ chế nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và chính quyền cơ sở kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm quy định về điều kiện ATTP trong chăn nuôi. Tăng nguồn lực, bảo đảm điều kiện cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP đột xuất việc sử dụng chất cấm tại cơ sở chăn nuôi, lưu thông thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, kháng sinh, hóa chất giả, kém chất lượng sử dụng trong CN và CNL tại HGĐ.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về xử lý hành chính theo hướng tăng mức xử phạt hành chính những hành vi cố tình vi phạm và truy tố hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định về ATTP gây hậu quả, ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và hạn chế vi phạm. Thường xuyên cập nhật, bổ sung những hành vi phạm mới, những nguy cơ mới để ban hành các

quy định và chế tài xử lý, nhằm ngăn ngừa các sự cố ATTP mới.

Nghiên cứu cơ chế thu chi tài chính hợp lý để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra ATTP; cho phép tạm ứng và thanh toán từ kinh phí xử phạt vi phạm hành chính để xử lý vi phạm ATTP trong chăn nuôi và CNL tại HGD (tiêu hủy thực phẩm không an toàn, thuốc thú y, chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường giả, kém chất lượng, không an toàn...).

Kiến toàn bộ máy các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về ATTP gắn với bộ máy quản lý nhà nước về chuyên ngành để thực hiện thẩm quyền trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư, ATTP đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Rà soát, hoàn thiện phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp, giữa cấp Trung ương và địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát về ATTP trong CNL tại HGD.

Tăng cường số lượng các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng, ATTP trong CNL tại HGD, ngăn ngừa, cảnh báo sớm, từ xa các nguy cơ gây mất ATTP trong các khâu vật tư đầu vào, chuẩn bị chuồng trại, phối trộn TA, chăm sóc thú y, khử trùng môi trường, vận chuyển lợn xuất chuồng.

Quy trình hoá nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chuỗi SPCN trong việc chấp hành quy định điều kiện bảo đảm ATTP trong các khâu chuẩn bị cơ sở vật chất, hạ tầng, chuồng trại, phương tiện, trang bị máy móc, dụng cụ phục vụ chăn nuôi, sử dụng chất cấm, kháng sinh, thuốc thú y, hoá chất, phòng chống dịch, môi trường, phúc lợi động vật, vận chuyển xuất bán lợn...

Rà soát nhu cầu, bổ sung nhân lực QLNN chuyên ngành ATTP có chất lượng nhằm tăng cường công tác QL chuyên ngành gắn với thanh tra, kiểm tra, giám sát; củng cố hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành thú y bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý ATTP trong CNL tại HGD.

Ban hành quy định, hướng dẫn khuyến khích các hình thức kiểm tra, kiểm soát nội bộ và của cộng đồng ở khu vực CNL tại HGD về ATTP; vận

động, tập huấn tự kiểm tra, giám sát ATTP ở các khâu trong CNL tại HGĐ.

4.2.5. Một số giải pháp khác

1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về an toàn thực phẩm và trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Đổi mới công tác tuyên truyền, truyền thông, hướng dẫn pháp luật, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về ATTP; tăng cường các hoạt động truyền thông theo nhóm đối tượng với nội dung, hình thức phù hợp với từng đối tượng thể hiện được những quan điểm, giải pháp trong Chỉ thị 17 của Ban Bí thư và những văn bản mới được cập nhật thường xuyên, liên tục đến các tổ chức, cá nhân tham gia QLNN và hoạt động trong chuỗi CNL tại HGĐ. Thông tin đầy đủ, kịp thời những tiến bộ khoa học về ATTP, những mô hình ứng dụng các phương thức, hình thức chăn nuôi áp dụng các biện pháp, quy trình chăn nuôi bảo đảm ATTP bền vững, đem lại hiệu quả cao. Thường xuyên thông tin về kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP trong CNL tại HGĐ, phê phán những tồn tại, yếu kém, biểu dương các điển hình tiên tiến tạo niềm tin cho người tiêu dùng sản phẩm CNL an toàn. Tuyên truyền trong nhân dân không sử dụng chất cấm trong CN, phát hiện, tố giác, đấu tranh với các đối tượng cố ý buôn bán, sử dụng chất cấm, tiêu thụ lợn bệnh, lợn chết...

2) Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Hoàn thiện khung pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ đồng bộ cả khu vực công (trong hệ thống các cơ quan tham gia QLNN) và các chủ thể kinh tế chuyển đổi số trong ngành CN và CNL tại HGĐ. Chính phủ, bộ, ngành, địa phương cần quy định hạn định nhằm thúc đẩy xây dựng cơ sở dữ liệu về CN liên thông với dữ liệu quản lý an ninh, ATTP chung; hỗ trợ các địa phương thực hiện việc đăng ký, khai báo, cam kết và lập dữ liệu về cơ sở chăn nuôi theo xếp loại về mức độ thực hiện ATTP. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới trong truy xuất nguồn gốc, sản xuất, kinh doanh, quản lý ATTP.

Xây dựng hệ thống báo cáo bệnh online thông qua các app và công nghệ 4.0; hệ thống phản hồi và phản ứng của cơ quan quản lý trong phòng chống dịch bệnh và các mối nguy đến ATTP trong CNL tại HGĐ. Ứng dụng công nghệ mới, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quản lý dữ liệu tập trung, cập nhật theo thời gian thực, phân loại và công bố những cơ sở CNL tại HGĐ vi phạm ATTP và làm tốt; thông tin báo cáo ATTP tập trung, sử dụng duy nhất một mã định danh cho đối tượng cần quản lý; bảo đảm nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở CNL tại HGĐ chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan QLNN.

Hỗ trợ nâng cao năng lực ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là về giống, chế biến, bảo quản TACN, công nghệ mới về chuồng trại thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên đất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, tuần hoàn vào CNL tại HGĐ.

Nâng cao năng suất, chất lượng giống lợn nhập nội, bổ sung các nguồn giống cao sản, giống chất lượng, phục tráng, nhân thuần các giống bản địa có nguồn gen tốt cung cấp vật liệu di truyền để nhân, lai tạo giống thương phẩm có tính thích nghi cao với điều kiện khí hậu, thời tiết phức tạp, chống chịu tốt với bệnh tật, thể lực tốt, nhằm giảm thiểu các mối nguy cơ mất ATTP trong CNL tại HGĐ.

3) Tăng cường hợp tác quốc tế và vai trò của các tổ chức, lĩnh vực liên quan trong bảo đảm an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình

Tăng cường hợp tác, huy động và khai thác có hiệu quả các nguồn lực quốc tế cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản lý về ATTP, phát triển CN, thú y và thương mại về CN, thú y với các nước, vùng lãnh thổ có tiềm năng về KH-CN và thị trường với Việt Nam. Xây dựng các chương trình hài hòa hóa về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm CN của Việt Nam và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng, ATTP các sản phẩm CN trong nước phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, trao đổi thông tin, chuyên gia trong và ngoài nước của OIE, FAO và các tổ chức quốc tế để đào tạo chuyên gia, xây dựng mô hình, tư vấn xây dựng các phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng mạng kết nối trong nước và quốc tế để chia sẻ, cập nhật thông tin về các mối nguy cơ, rủi ro gây mất ATTP, dịch bệnh nhằm phát hiện ngăn ngừa, không chế sớm các bệnh mới nổi, nguy hiểm gây thiệt hại kinh tế. Đồng thời, chủ động, tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường tiên tiến trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo về ATTP để nhanh chóng tiếp cận các chuẩn mực khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực ATTP.

Tổ chức lại sản xuất gắn với phát triển thị trường kinh doanh sản phẩm thịt lợn an toàn. Kiểm soát ATTP ngay từ yếu tố đầu vào trong sản xuất, kinh doanh; liên kết với các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, bảo đảm người dân được cung ứng đủ, tiếp cận và sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, bền vững.

Tăng mức đầu tư cho các hoạt động bảo đảm ATTP trong nông nghiệp, nhất là cho chăn nuôi, coi đây là đầu tư phát triển, đầu tư không hồi tiếc vì mục tiêu bảo vệ sức khỏe người dân, nguồn lực vô hạn cho phát triển đất nước. Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, dịch vụ, hình thành mạng lưới logistics, thương mại điện tử ở nông thôn. Phát huy vai trò của các hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng trong liên kết, hỗ trợ sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm KH-CN ATTP. Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên cung cấp tín dụng cho các hộ sản xuất thực phẩm an toàn, nhất là các hộ nghèo và đối tượng chính sách.

Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước chủ động, tự chủ nghiên cứu, sản xuất các loại vắc xin, chế phẩm thuốc thú y phục vụ kiểm soát, không chế dịch bệnh, dịch bệnh nguy hiểm trong CNL thường gặp như: Lở mồm long móng, Dịch tả lợn châu Phi và các bệnh nguy hiểm mới nổi... các bệnh do vi rút, vi

trùng, xoắn khuẩn, ký sinh trùng lây sang người và các bệnh từ thực phẩm khác.

4) Phát huy vai trò của yếu tố thị trường, đặc điểm người tiêu dùng và áp lực, dư luận từ xã hội

Hài hoà thị trường thương mại thực phẩm trong nước với thị trường khu vực và thị trường thế giới là yêu cầu bức thiết trong thời kỳ hội nhập ở nước ta. Thị trường thực phẩm từ chăn nuôi lợn, chăn nuôi lợn từ HGD cần được quan tâm để không bị tụt hậu hoặc bị loại khỏi thị trường trong bối cảnh này. Do đó cần phải tích cực hoàn thiện thể chế phát triển thị trường thực phẩm an toàn dần hướng tới đồng bộ với các tiêu chuẩn thương mại quốc tế, như quy định bắt buộc sản phẩm thực phẩm hàng hoá lưu thông, buôn bán phải có nguồn gốc, xuất xứ địa lý, công bố mức độ chất lượng và ATTP. Hoàn thiện khung luật pháp, cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thu hút đầu tư trong và ngoài nước phát triển hạ tầng thị trường thực phẩm sạch, thực phẩm chuỗi lạnh phù hợp với các tiêu chuẩn về ATTP trong các hiệp định FTAs và các cam kết quốc tế về thương mại thực phẩm. Cùng với đó, phải hoàn thiện hệ thống quy định và chính sách hỗ trợ trong nước thúc đẩy việc chuyển đổi phương thức sản xuất, chế biến, buôn bán, tiêu thụ vật tư, sản phẩm chăn nuôi lợn theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn thương mại và ATTP quốc tế.

Hoàn thiện quy định và cơ chế vận hành trong việc phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng, của quần chúng nhân dân trong phát hiện, tố giác hành vi vi phạm an ninh, ATTP; tạo dư luận xã hội, người tiêu dùng lên án, tẩy chay các sản phẩm, hàng hoá không đảm bảo ATTP; kịp thời khen thưởng, bảo vệ người tố giác hành vi vi phạm an ninh, ATTP. Đổi mới hình thức vận động người dân nâng cao hiểu biết kiến thức ATTP; tổ chức tham quan học hỏi, nghiên cứu, các mô hình sản xuất an toàn, pháp luật về xử phạt hành chính, truy tố hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định ATTP đối với người tham gia chuỗi SPCN.

Bổ sung các quy định, đổi mới tư duy, cách tiếp cận và cơ chế phù hợp

với tình hình mới nhằm phát huy vai trò của hội nghề nghiệp, hiệp hội ngành hàng nhất là Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng trong truyền truyền, phổ biến, phản biện chính sách, pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng; phát huy vai trò các đoàn chính trị xã hội, quần chúng chủ động, tích cực tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật về bảo đảm ATTP; thông tin các chuỗi cung ứng TP an toàn, chất lượng cao, các cơ sở vi phạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, ATTP tới đoàn viên, hội viên và người dân; tăng cường vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực an ninh, ATTP.

Nâng cao năng lực, vị trí, vai trò của người tiêu dùng trong nhận diện, phân biệt và tiêu thụ thịt lợn an toàn, thực phẩm thịt lợn chuỗi lạnh; hỗ trợ giảm thiểu rủi ro cho các bên tạo thị trường thịt lợn an toàn ổn định.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

1. Kết luận

Luận án đã đạt các mục tiêu đề ra. Những kết quả cơ bản được rút ra là: Hình thức CNL tại HGĐ còn vai trò đóng góp quan trọng cho ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng quốc gia. Tuy nhiên, còn nhiều hạn chế về ATTP, các mối nguy mất ATTP khó kiểm soát, dịch bệnh, thường xuyên xảy ra, áp lực môi trường từ cộng đồng và xã hội, chi phí đầu vào, giá cả đầu ra không ổn định, nhạy cảm với biến động thị trường... gây khó khăn cho công tác QLNN về ATTP.

Luận án sử dụng phương pháp tổng hợp, khảo cứu tài liệu, điều tra khảo sát các chuyên gia, nhà quản lý, nông hộ để đạt được các mục tiêu đề ra.

Luận án đã hệ thống hóa được hệ thống các văn bản quy định về ATTP chăn nuôi lợn thịt và những văn bản quy định việc thực thi trong thực tiễn để đảm bảo các quy định về ATTP chăn nuôi lợn thịt; nêu được các biện pháp nhà nước áp dụng trong thực hiện đảm bảo các quy định về ATTP trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

Luận án đánh giá thực trạng QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ ở Việt Nam, giai đoạn 2016-2022. Đã chỉ ra: Tình hình CNL và CNL tại HGĐ; phân tích, đánh giá các đặc điểm của CNL tại HGĐ với việc bảo đảm ATTP ở 04 hoạt động là (i) xây dựng chuồng trại (chuồng nuôi và các hạ tầng phục vụ CN); (ii) chuẩn bị và phối trộn thức ăn; (iii) sử dụng thuốc thú y, hóa chất phòng và chữa bệnh cho lợn; (iv) tiêu thụ lợn thịt xuất chuồng. Bên cạnh đó, luận án đã đi sâu phân tích thực trạng QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ ở 4 nội dung gồm: Xây dựng khuôn khổ pháp luật về ATTP áp dụng trong CNL tại HGĐ; Xây dựng chính sách hỗ trợ các chủ thể thực hiện các quy định về ATTP áp dụng trong CNL tại HGĐ; tổ chức bộ máy và nhân lực tham gia QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm các quy định QLNN về ATTP áp dụng trong CNL tại HGĐ. Qua đó, luận án rút ra những mặt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế.

Trên cơ sở những bất cập, hạn chế cũng như nhận diện các bối cảnh, xu hướng quốc tế và trong nước tác động đến QLNN về ATTP trong CNL tại HGĐ, qua đó luận án đề xuất 5 định hướng và 05 nhóm giải pháp, trong đó:

(i) Đối với chức năng xây dựng khuôn khổ pháp luật, Nhà nước cần tập trung vào chi tiết hóa các quy định về ATTP trong luật pháp đến 4 hoạt động CNL tại HGĐ về: điều kiện về chuồng trại, cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi; thức ăn và phối trộn thức ăn; chăm sóc thú y, sử dụng kháng sinh, hóa chất, bảo vệ môi trường; vận chuyển tiêu thụ lợn xuất chuồng.

(ii) Đối với chức năng ban hành, hướng dẫn chính sách hỗ trợ, Nhà nước cần tập trung vào hỗ trợ trực tiếp cho các hộ CNL tại HGĐ thực hiện các quy định ATTP. Cùng với đó là thực hiện các chính sách có tính bổ sung là chuyển dịch nhiều hơn các hộ từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi chuyên nghiệp ATTP; chăn nuôi theo chuỗi để tăng áp lực thực hiện ATTP từ nội bộ và người tiêu dùng; hình thành các vùng chăn nuôi quy mô lớn mức cao về ATTP.

(iii) Đối với tổ chức bộ máy, cần tinh gọn ở cấp trung gian (tỉnh, huyện) tăng cường nhân lực cho cấp cơ sở nơi diễn ra các hoạt động CNL tại HGĐ; phân cấp, phân quyền cho chính quyền cơ sở được chủ động kinh phí hoạt động.

(iv) Đối với công tác kiểm tra giám sát, đề nghị tổ chức nhiều hơn các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP ngay tại khu vực, nơi diễn ra các hoạt động CNL tại HGĐ để hiện thực hóa chủ trương đảm bảo ATTP ngay từ nguồn.

(v) Cùng với đó, Nhà nước cần thực hiện một số giải pháp khác để tăng cường QLNN về ATTP đó là đổi mới công tác tuyên truyền; cải cách hành chính, tăng cường áp dụng KHCN vào QLNN; tăng cường hợp tác quốc tế và phát huy vai trò của các tổ chức, ngành có liên quan và giải pháp từ yếu tố thị trường, đặc điểm người tiêu dùng, áp lực của dư luận xã hội.

2. Những hạn chế của luận án

Chăn nuôi lợn là ngành kinh tế kỹ thuật gắn với văn hoá, xã hội, môi

trường sâu đậm khắp các địa bàn nông thôn Việt Nam. Số lượng chủ thể chăn nuôi lợn còn duy trì đến hàng triệu hộ, cung cấp sản phẩm thịt cho thị trường còn chiếm tỷ lệ lớn. Trong CNL còn có nhiều chủ thể chăn nuôi với mục đích khác nhau, diễn ra trên địa bàn toàn quốc, mỗi một vùng, địa phương có kinh nghiệm, phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng nguồn thức ăn và dịch tễ bệnh trên lợn rất khác nhau gồm cả 63 tỉnh thành. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án chỉ nghiên cứu được đối với chủ thể CNL là tại HGĐ, trong phạm vi điều tra chuyên sâu được 4 địa phương đại diện của nghiên cứu để phản ánh cho CNL tại HGĐ cả nước.

3. Kiến nghị cho hướng nghiên cứu tiếp theo

Các nghiên cứu tiếp theo nên tập trung phân tích thêm đối tượng CNL là các doanh nghiệp, HTX, cá nhân để thấy rõ hơn, toàn diện hơn về thực trạng CNL ở Việt Nam cũng như ghi nhận sự phản ánh đa chiều hơn QLNN về ATTP trong CNL ở Việt Nam.

Các nghiên cứu tiếp theo nên nghiên cứu thêm các hoạt động khác trong chuỗi thực phẩm lợn thịt như khâu giết mổ và khâu chế biến và tiêu thụ thịt lợn để làm rõ khoảng trống về ATTP trong chuỗi thịt lợn, từ đó giúp cho thực phẩm lợn thịt đến tay người tiêu dùng được an toàn thực phẩm hơn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Tồn (2019), “*Phòng chống hiệu quả bệnh dịch tả lợn Châu phi và dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, số ra ngày 31/5/2019 (ISSN 2734-9071).
2. Nguyễn Văn Tồn (2020), “*Ổn định và phát triển ngành chăn nuôi, chăn nuôi lợn bền vững trong bối cảnh ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, số ra ngày 21/9/2019 (ISSN 2734-9071).
3. Nguyễn Văn Tồn (2020), “*Phát triển chăn nuôi bền vững ở Việt Nam*”, Tạp chí Gia cầm; số Xuân 2020 (36+37).
4. Nguyễn Văn Tồn (2020), “*Chuẩn mực đạo đức trong sản xuất, buôn bán nông sản thực phẩm*”. Tạp chí Nông thôn mới; số 567-số kỳ 2 tháng 7/2020 (ISSN1859-0195).
5. Nguyễn Văn Tồn (2021), “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: Kinh nghiệm quốc tế và bài học tham khảo cho Việt Nam trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm chăn nuôi*”, Tạp chí Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam; số 60+61/2021 (ISSN 1859-4700).
6. Nguyễn Văn Tồn (2023), “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt ở Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương; số tháng 5 năm 2023 (ISSN0868-3808).
7. Nguyễn Văn Tồn (2023), “*Định hướng bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam; số tháng 7 năm 2023 (ISS 1859-4700).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. ACIAR, 2015. “*Giảm thiểu nguy cơ sức khỏe và tăng cường ATTP trong chuỗi giá trị chăn nuôi lợn quy mô hộ ở Việt Nam*”. ILRI project profile.
2. Báo cáo tổng hợp năm 2017 -2018: “*Thực trạng thực thi các văn bản chính sách phát triển chuỗi NSTPAT và đánh giá tính chồng chéo, tính hiệu lực và hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính sách*”. Đề tài nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và chính sách phát triển bền vững chuỗi NSTP an toàn
3. Bộ Công thương (2016), Bài tham luận “*Quản lý nhà nước với hệ thống phân phối lưu thông thực phẩm an toàn ngành công thương, Hành động để người dân được sử dụng nông sản, thực phẩm an toàn*”, Hà Nội, tr. 23-27.
4. Bộ Công thương, Vụ Thị trường trong nước (2016), “*Hành động để người dân được sử dụng nông sản, thực phẩm an toàn*” Hà Nội.
5. Bộ NN và PTNT (2013), Báo cáo “*Cơ cấu thể chế quản lý ATTP theo chuỗi giá trị*”, Dao The Anh, Le Ba Anh, Nguyen Thi Mai Hien, Nguyen Thi Ha, and Bui Quang Duan.
6. Bộ NN&PTNT (2017), “*Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành thay thế Quyết định 66/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/4/2014) Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y*” chủ biên, Hà Nội.
7. Bộ NN&PTNT Quyết định số 5246/QĐ-BN-TCCB ngày 17/12/2015 “*về việc thành lập Phòng Hợp tác Quốc tế và Truyền thông trực thuộc Cục Thú y*”, chủ biên, Hà Nội.
8. Bộ NN&PTNT, (2008) “*Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) cho rau, quả và chè an toàn tại Việt Nam*. NXB Nông nghiệp.
9. Bộ NN&PTNT (2008) Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN về “*Quy chế Chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn*”.

10. Bộ NN&PTNT, (2009). *“Dự thảo đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đến năm 2015, định hướng đến 2020”*.
11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012), *“Quản lý chất lượng, ATTP trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực trạng và giải pháp”*, Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về ATTP (Tài liệu dùng cho cán bộ tuyên giáo), Nhà xuất bản dân trí, Hà Nội, tr. 64-93.
12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015), *“Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng và công tác thanh tra, kiểm tra năm 2015”*, Hà Nội.
13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015), *“Báo cáo Kết quả công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP 2015, kế hoạch trọng tâm 2016”*, Hà Nội.
14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), *“Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN năm 2017 của Cục Chăn nuôi”*, Hà Nội.
15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *“Báo cáo công tác thanh tra 2018”*, Hà Nội.
16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *“Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành năm 2018 của Cục Chăn nuôi”*, Hà Nội.
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *“Báo cáo số: 2695/QLCL-KH ngày V/v báo cáo công tác bảo đảm ATTP năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm 2019”*.
18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *“Báo cáo tổng kết Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản năm 2018, kế hoạch năm 2019”* (phục vụ Hội nghị tổng kết Ngành Nông nghiệp và PTNT 2018), Hà Nội.
19. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019), *“Báo cáo công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng năm 2019”*, Hà Nội.

20. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019), “*Báo cáo Số: 2356/QLCL-KH ngày 19 tháng 12 năm 2019 về Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản năm 2019, kế hoạch công tác năm 2020*”, Hà Nội.
21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019), “*Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC và PCTN năm 2019 của Cục Chăn nuôi*”, Hà Nội.
22. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), “*Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành năm 2018*”, Hà Nội.
23. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), “*Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra giám sát ATTP năm 2016-2019*”, Hà Nội.
24. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cục Chăn nuôi (2016), “*Báo cáo tổng kết công tác Thanh, kiểm tra năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*”, Hà Nội.
25. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ; (2009), “*Thông tư Liên tịch số 31/2009/TTLT-BNNPTNT-BNV hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản trực thuộc sở nông nghiệp và phát triển nông thôn*”, chủ biên, Hà Nội.
26. Chính phủ (19/4/2017), “*Báo cáo số 143/BC-CP ngày 19/4/2017 tình hình thực thi pháp luật giai đoạn 2011-2016*”, chủ biên, Hà Nội.
27. Chính phủ (2016), “*Nghị định số 35/2016/NĐ-CP Ngày 15/5/2016, quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y*”, chủ biên, Hà Nội.
28. Chính phủ (2017), “*Báo cáo tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý ATTP giai đoạn 2011-2016*”, Chính phủ, chủ biên, Hà Nội, tr. 95.
29. Chính phủ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP (2016), “*Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y*”, Hà Nội.
30. Chu Tiến Quang, (2015) “*Thách thức đối với ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và một số hướng điều chỉnh*”.

31. Cục Chăn nuôi (2023), *Hội nghị: Thực trạng phát triển chăn nuôi lợn và giải pháp phát triển bền vững trong tình hình mới*, Hà Nội, tháng 7 năm 2023
32. Đào Đức Huấn (2009), trong đề tài khoa học về “*Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện QLNN về chất lượng vệ sinh ATTP nông sản ở vùng Đồng bằng Sông Hồng*”
33. Đào Thế Anh và cộng sự, (2013) “*Nghiên cứu thể chế quản lý Nhà nước về vệ sinh ATTP đối với hàng nông sản ở Việt Nam*”. Đề tài cấp Bộ NN&PTNT.
34. Đào Thế Anh (2018) “*Một số vấn đề về phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm của Việt Nam*”.
35. Đào Thế Anh, Hoàng Xuân Trường, Phạm Công Nghiệp, Nguyễn Thị Phương, (2016), “*Hướng dẫn thúc đẩy phát triển liên kết trong sản xuất nông nghiệp*”. CASRAD.
36. Đào Thế Anh, Nguyễn Thị Hà, (2016) “*Đổi mới thể chế chính sách quản lý ATTP ở Việt Nam*”. Trong sách Đào Thế Anh, Phạm Hải Vũ (Đồng chủ biên), ATTP nông sản: “*Một số hiểu biết về sản phẩm, hệ thống sản xuất phân phối và chính sách nhà nước*”. Nxb Nông Nghiệp. 180 trang. ISBN 978-604-60-2358-6.
37. Đào Thế Anh (chủ biên) và cộng sự, (2020) “*Phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn bền vững ở Việt nam*”. Nhà XBNN-Nhà XBXD. 306 trang. ISBN 978-604-82-4306-7.
38. Đinh Văn Thành (2010), trong đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.01.16/06-10 về “*Tăng cường năng lực tham gia của hàng nông sản vào chuỗi giá trị toàn cầu trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, Viện nghiên cứu thương mại*” - Bộ Công thương
39. Gia Cư (2022) *Ngành chăn nuôi đóng góp 25,2% vào GDP nông nghiệp*, truy cập tại trang <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nganh-chan-nuoi-dong-gop-252-vao-gdp-nong-nghiep-113832.html> ngày 15/10/2024.
40. Fahrion A.S và cộng sự (2013), “*Nghiên cứu về nguy cơ mất ATTP trong*

chuỗi giá trị thịt lợn tại Hà Nội ", Tạp chí Y học dự phòng.

41. Fahriona A.S và các cộng sự. (2013), "*Yếu tố nguy cơ thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn tại Hà Nội: Cơ sở cho đánh giá nguy cơ*", Tạp chí Y học dự phòng. XXIII, (140), tr. 18-25.
42. FAO (2015), "*Báo cáo Đánh giá và các đề xuất tăng cường khung pháp lý cho Việt Nam, sắp xếp cấu trúc và thể chế, công tác quản lý và các chiến lược triển khai*". Dự án TCP/VIE/3503 Đánh giá công tác kiểm soát chất lượng và ATTP trong Bộ NN & PTNT–tháng 10 năm 2015, 89 trang.
43. Lê Bá Lịch (2016), "*Chăn nuôi an toàn và Phát triển bền vững, Hành động để người dân được sử dụng nông sản, thực phẩm an toàn*", Hà Nội, tr. 29-38
44. Lê Doãn Diên, (2007) "*Các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP trong xu thế hội nhập*". Kỷ yếu Hội nghị khoa học vệ sinh ATTP lần thứ 4. NXB Y học.
45. Lê Thị Hoa (2020), "*Báo cáo chuyên đề Đánh giá thực trạng và tổ chức hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về chăn nuôi hiện nay – những vấn đề đặt ra và giải pháp trong bối cảnh mới*", chủ biên.
46. Luật An toàn thực phẩm của nước CHND Trung Hoa ngày 28/2/2009.
47. Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Văn Hùng & Ninh Xuân Trung (2016). "*Các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ xảy ra dịch bệnh trong chăn nuôi lợn ở tỉnh Hưng Yên*". Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 229(2): 53-59.
48. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, (2014) "*Nâng cao năng lực cạnh tranh của người chăn nuôi lợn quy mô nhỏ*", Viện Chính sách chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn.
49. Nguyễn Ngọc Xuân (2015). "*Nghiên cứu phát triển chăn nuôi lợn theo quy trình ViệtGAP tại Thành phố Hà Nội*" (Luận án tiến sĩ kinh tế), Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
50. Nguyễn Thị Hà (2014) "*Hệ thống quản lý chất lượng có sự gia: Hướng đi mới cho rau an toàn ở Việt Nam*". Tạp chí khoa học phát triển nông thôn số 12.
51. Nguyễn Thị Hoa Lý (2012) "*Chương trình kiểm soát ATTP đối với thịt*

lợn, thịt gà”.

52. Nguyễn Kiễm (2024) *Chăn nuôi lợn và bài toán phát triển bền vững*, truy cập tại trang <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/chan-nuoi-lon-va-bai-toan-phat-trien-ben-vung-791175> ngày 10/10/2024,
53. Nguyễn Thị Thanh Huyền, (2016), “*Nâng cao giá trị gia tăng hàng rau quả ở Việt Nam*”, Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp, số 4/2016, tr124-132.
54. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2016), “*Thách thức đối với thương mại hành hóa của ngành rau quả Việt Nam khi tham gia TPP*”, Tạp chí công thương, số 2 tháng 2/2016, tr56-61.
55. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2017), “*Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tồn tại trong phát triển sản xuất rau an toàn tại địa bàn Hà Nội*”, Tạp chí công thương, Số 7 tháng 6/2017, tr296-301.
56. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2018), “*Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chuỗi cung ứng rau quả - Bài học cho Việt Nam*”, Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, Số 8(69)/2018, p47-54.
57. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020) “*Phát triển mô hình chuỗi cung ứng theo tiếp 241 cận nâng cao giá trị gia tăng mặt hàng rau quả trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Luận án Tiến sỹ Kinh tế NN, Đại học thương mại.
58. Nguyễn Thị Xuân (2018), “*Nâng cao hiệu lực quản lý ATTP trên cơ sở pháp luật*”, Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử, truy cập ngày 22/6-2018, tại trang web <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nang-cao-hieu-luc-quan-ly-an-toan-thuc-pham-tren-co-so-phap-luat>.
59. Nguyễn Văn Phơ, Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Huyền (2018) “*Thực trạng chăn nuôi lợn theo hướng ATTP ở huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh*”, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2018, 16(10): 924-932
60. Nguyễn Văn Phơ (2022). *Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng an toàn thực phẩm tại tỉnh Bắc Ninh (luận án tiến sỹ kinh tế)*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội: 150 tr.
61. Giang Hương, Phạm Văn Hùng (2023), “*Liên kết trong chăn nuôi lợn thịt*

- của các hộ nông dân tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên*”, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2023, 21(6): 729-738
62. Giang Hương, Phạm Văn Hùng và Nguyễn Thị Lý (2023), “*Yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chăn nuôi lợn theo quy trình VIETGAH của hộ nông dân tại huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên*”, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2023, 21(5): 638-648
 63. Would Bank (2019), “*Quản lý nguy cơ ATTP ở Việt Nam, Những thách thức và cơ hội*”, Would Bank.
 64. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khóa 12 (2010), “*Luật số 55/2010/QH12, Luật An toàn thực phẩm*”, chủ biên, Quốc Hội, Hà Nội.
 65. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khóa 12 (ngày 19 tháng 6 năm 2015), “*Luật Thú y số 79/2015/QH13*” chủ biên, Hà Nội.
 66. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khóa XII (2007), “*Luật số 05/2007/QH12 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*”, Quốc hội, chủ biên, Quốc hội, Hà Nội.
 67. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Khóa XIV (2018), “*Báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về ATTP giai đoạn 2011- 2016*”, Hà Nội.
 68. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khóa XIV (2018), “*Luật số 32/2018/QH14 Luật Chăn nuôi,*” chủ biên, Quốc Hội, Hà Nội.
 69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), “*Luật số 68/2006/QH11, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật*”, chủ biên, Quốc Hội, Hà Nội.
 70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), “*Luật số 56/2010/QH12, Luật Thanh tra*”, chủ biên, Quốc hội, Hà Nội.
 71. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam- Khóa XIII (Ngày 20 tháng 6 năm 2012), “*Luật số 15/2012/QH13; Luật Xử lý vi phạm hành chính*”, chủ biên, Quốc hội, Hà Nội.

72. Bộ NN và PTNT (2013) “*Quyết định 3073/BNNPTNT-CQLCL phê duyệt đề án Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc*”.
73. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – Hồ Chí Minh (1950), Sắc lệnh số 125-SL, ngày 11/7/1950 “*về bài trừ dịch tễ*”.
74. Thủ tướng Chính phủ (2019), “*Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc*”.
75. Hồng Thắm (2023) “*80% người chăn nuôi sử dụng kháng sinh tự phát*”. [www.https:// 80% người chăn nuôi sử dụng kháng sinh tự phát](https://80%ngườichannuôi sử dụng kháng sinh tự phát)” (nongnghiep.vn) truy cập ngày 15/8/2023.
76. Phạm Thị Thanh Thảo (2019), “*Nghiên cứu thực trạng và giải pháp chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại Lâm Đồng*” (Luận án tiến sĩ), Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
77. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2017) “*Sổ tay hướng dẫn sản xuất nông nghiệp*” của Bộ NN và PTNT ban hành kèm QĐ số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21 tháng 11 năm 2017.
78. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thế giới – FAO (2015) “*Đánh giá và các đề xuất tăng cường khung pháp lý cho Việt Nam, sắp xếp cấu trúc và thể chế, công tác quản lý và các chiến lược triển khai*”.
79. Trần Đáng và cộng sự (2007) “*Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức trong quản lý nhà nước về vệ sinh ATTP*” - Kỷ yếu Hội nghị khoa học vệ sinh ATTP lần thứ 4- NXB Y học.
80. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển NN&PTNT (2015), “*Báo cáo “Ngành hàng thịt Việt Nam năm 2014 và triển vọng 2015”*”, Hà Nội.
81. Vũ Tuấn Anh (2016) “*Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm an toàn trong chiến lược phát triển bền vững*”. Viện Kinh tế Việt Nam, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo Nông nghiệp an toàn, 15-7/2016.

82. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2016). Quản lý kinh tế (Giáo trình cao cấp lý luận chính trị. Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, Hà Nội.
83. Vũ Cao Đàm (2011). Khoa học chính sách (Giáo trình). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

B. Tài liệu tiếng nước ngoài

84. Buchanan, R., (2011) “*Moving from hazard-based to risk-based microbial food safety systems to promote public health and foster fair trade practices*”. In book: Emerging and persistent infectious diseases: focus on prevention (pp.61-72). Institute on science for global policy.
85. Casabianca, F., de Sainte Marie, C., Prost, J. A., & Dubeuf, B. (1996, March). “*Involving Farmers in Institutionalization Procedures: The Case of AOC Unions. In Proceedings of the Second European Symposium of the Association of Farming Systems Research and Extension*” (accessed November 19, 2011)
86. Crutchfield, S. R., Buzby, J. C., Roberts, T., Ollinger, M., & Lin, C. T. J. (1997) “*Economic assessment of food safety regulations: The new approach to meat and poultry inspection*” (No. 1473-2016-120749).
87. De Gorter, H., & Swinnen, J. (1995). “*The Economic Polity of Farm Policy: Reply. Journal of Agricultural Economics*”, 46(3), 403-414.
88. Henson, S., & Caswell, J. (1999). “*Food safety regulation: an overview of contemporary issues*”. Food policy, 24(6), 589-603.
89. Behnke, R.H. and Scoones, I. (1993). “*Rethinking range ecology: implications for rangeland management in Africa*”. In: Behnke, R.H. Scoones, I. and Kerven, C. (eds.) Range Ecology at Disequilibrium: New Models of Natural Variability and Pastoral Adaptation in African Savannas. Overseas Development Institute, London.
90. Cooksley D.G., Prinsen J.H., Paton C.J. and Pini J.A. (1991) “*Performance of a beef cattle production system on native pasture using Leucaena leucocephala as a supplement*”. Livestock Production Science, 28, 65-72

91. An, Y. (2018). "*The rise of a risk-based approach to implementing Food Safety Law in China*". In L. Augustin-Jean, & J. Poulain (Eds.). *Risk and food safety in China and Japan: Theoretical perspectives and empirical insights*. New York: Routledge.
92. Augustin-Jean, L. (2018). "*Revisiting Frank Knight: Risks and uncertainties in the context of food safety in Japan after the Fukushima nuclear accident*". In L. Augustin-Jean, & J. Poulain (Eds.). *Risk and food safety in China and Japan: Theoretical perspectives and empirical insights*. New York: Routledge.
93. Balzano, J. (2012). "*China's Food Safety Law: Administrative innovation and institutional design in comparative perspective*". *Asian-Pacific Law and Policy Journal*, 13(2), 23–80.
94. Blockchain Alliance for Food Safety in China (2018). Feb. 12 <https://www.foodengineeringmag.com/articles/97273-blockchain-food-safety-alliance-will-enhance-food-safety-in-china?v=preview>, Accessed date: 19 February 2019.
95. Castellucci, I. (2010). Rule of law with Chinese characteristics. *Annual Survey of International & Comparative Law*, 13(1), 35–92.
96. Chen, X. (2017). A u-turn or just pendulum swing? Tides of bottom-up and top-down reforms in contemporary China. *Journal of Chinese Political Science*, 22, 651–673.
97. Chen, W., & Tan, S. (2018). Impact of social media apps on producer-member relations in China's community supported agriculture. *Canadian Journal of Development Studies*. <https://doi.org/10.1080/02255189.2018.1504203>.
98. Chen, K., Wang, X., & Song, H. Y. (2015). "*Food safety regulatory systems in europe and China: A study of how co-regulation can improve regulatory effectiveness*". *Journal of Integrative Agriculture*, 14(11), 2203–2217.

99. Chung, S., & Wong, C. K. C. (2013). “*Regulatory and policy control on food safety in China*”. *Journal of Epidemiology & Community Health*, 67(6), 476–477.
100. Cody, S. (2018). “*Contending the rural: Food commodities and regimes of value in con- temporary China*”. *Gastronomica: The Journal of Critical Food Studies*, 18(3), 42–53.
101. Connolly, A. J., Luo, L. S., Woolsey, M., Lyons, M., & Phillips-Connolly, K. (2016). “*A blueprint for food safety in China. China Agricultural Economic Review*”, 8(1), 129–147.
102. Ding, J. P., Huang, J. K., Jia, X. P., Bai, J. F., & Boucher, S. (2015). “*Direct farm, pro- duction base, traceability and food safety in China. Journal of Integrative Agriculture*”, 14, 2380–2390.
103. Dong, X., & Li, Z. (2016). “*Food safety issues in China: A case study of the dairy sector*”. *Journal of the Science of Food and Agriculture*, 96(1), 346–352.
104. David, S., Smith, D., Lee, Kyaligonza, J., Mangeni, W., Kimeze, S., Aliguma, S., Lubowa, S. & Nasinyama, G. W. (2010). “*Changing trends in urban agriculture inkampala*”. 2, 28-34.
105. FAO (1996). “*World Food Summit Report: Rome Declaration on World Food Security*”. Rome, Italy: FAO.
106. FAO (2002). “*The state of food insecurity in the world*”. Rome: Food and Agriculture Organization
107. FAO (2009) “*World Food Summit Report: World Summit on Food Security Declaration of the world summit on food security*”. Rome: FAO.
108. Economy, E. (2014). *Environmental governance in China: State control to crisis man- agement*. *Dædalus*, 143(2), 184–197.
109. Edin, M. (2003). “*State capacity and local agent control in China: CCP cadre management from a township perspective*”. *The China Quarterly*, 173, 35–52.

110. Ellis. Frank (1998) *“Peasant Economics: Farm Households and Agricultural Development”*, 2nd edition, Cambridge University Press.
111. Fewsmith, J., & Gao, X. (2014). *“Local governance in China: Incentives and tensions”*. Dædalus, 143(2), 170–183.
112. Geng, S., Liu, X., & Beachy, R. (2015). “New food safety law of China and the special issue on food safety in China”. *Journal of Integrative Agriculture*, 14(11), 2136–2141.
113. Göbel, C. (2011). *“Uneven policy implementation in rural China”*. *The China Journal*, 65, 53–76.
114. Heilmann, S. (2008). *“From local experiments to national policy: The origins of China's distinctive policy process”*. *The China Journal*, 59, 1–30.
- Holtkamp, N., Liu, P., & McGuire, W. (2014). Regional patterns of food safety in China: What can we learn from media data? *China Economic Review*, 30, 459–468.
115. Nawaz M. and Meyer H.H. (1992). *“Performance of Polypay, Coopworth, and crossbred ewes: I. reproduction and lamb production”*. *J.Anim.Sci.*, 70:62-
116. Nawaz M., Naqui M.A. and Jadoon J.K. (1986). *“Evaluation of Rambouillet, Kaghani and crossbred sheep at Jaba sheep farm”*. *Pakistan J. Agric. Res.*, 7(4). 68.
- Otchere E.O. 1984. Traditional cattle production in the sub-humid zone of Nigeria. ILCA/NAPRI Symposium on Livestock Production in the Sub-humid Zone, Kaduna, Nigeria, 1984.
117. Pradhan S.L. (1987). *“Integrated crop and small ruminant systems in Nepal. Small Ruminant Production Systems in South and Southeast Asia”*. IDRC Proceedings of a workshop held in Bogor, October 1986, pp 144-147.
118. Robert Buchanan (2011) *“Moving from Hazard-based to Risk-based Microbial Food Safety Systems to Promote Public Health and Foster Fair Trade Practices”*.

119. Ruthenberg, H. (1980). *"Farming systems in the tropics"*. Clarendon Press. Oxford. 424 p.
120. Thomas, R.J., Lascano, C.E., Sanz, J.I., Ara, M.A., Spain, J.M., Vera, R.R. and Fisher, M.J. (1992). *"The role of pastures in production systems. In: Pastures for the Tropical Lowlands"*. CIAT's Contribution. Cali, Colombia. p 121-144. 72. Trail, J.C.M., Buck N.G, Light, D., Rennie T.W, Rutherford A., Miller M., Pratchett D. and Capper B.S. 1977. Productivity of Africander, Tswana, Tuli and crossbred beef cattle in Botswana, Anim. Prod., 24:57-62.
121. Wilson, T. (1994). *"Integrating livestock and crops for the sustainable use and development of tropical agricultural systems"*. AGSP-FAO.
122. https://snnptnt.quangnam.gov.vn/webcenter/portal/sonnvptnt/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL490379.
123. <https://laodong.vn/xa-hoi/hang-nghin-co-so-chan-nuoi-o-dong-nai-thieu-giay-phep-moi-truong-1252334.lido>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO CÁC NHÀ QUẢN LÝ/CHUYÊN GIA VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI

Xin chào Ông/Bà!

Tôi là Nguyễn Văn Tồn đang là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình ở Việt Nam”. Để có cơ sở khoa học cho việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước (QLNN) về an toàn thực phẩm (ATTP) trong chăn nuôi lợn (CNL) tại hộ gia đình (HGD), tôi rất mong quý ông/bà dành chút thời gian để trả lời các câu hỏi sau đây. Tất cả các câu trả lời chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu và sẽ được giữ bí mật. Mong nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của Ông/Bà.

Mọi thông tin liên lạc, xin quý Ông/ Bà vui lòng liên hệ: Nguyễn Văn Tồn

Điện thoại: 0913315447; hoặc email: tonnguyenvan@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

Trân trọng cảm ơn Ông/Bà !

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị công tác:

2. Tuổi:

3. Trình độ chuyên môn: ☐ Sau ĐH ☐ Đại học, Cao đẳng
☐ Trung cấp ☐ Khác

4. Chuyên ngành đào tạo:

5. Số năm công tác : ☐ Dưới 5 năm ☐ 5- 10 năm ☐ Trên 10 năm

6. Số năm công tác trong lĩnh vực ATTP:

☐ Dưới 5 năm ☐ 5- 10 năm ☐ Trên 10 năm

7. Hình thức làm việc trong lĩnh vực ATTP

☐ Chuyên trách ☐ Kiêm nhiệm

II. NỘI DUNG TRAO ĐỔI, PHÒNG VẤN

Câu 1. Xin ông/bà cho biết tình hình an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình ở địa phương thời gian qua như thế nào?

Câu 2. Theo nhận định của ông bà, chuồng nuôi và cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn có vai trò như thế nào trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn?

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không quan trọng
- ☐ Rất không quan trọng

Câu 3. Theo ông bà cách thức phối trộn, chế biến thức ăn trong chăn nuôi lợn hiện nay ở các hộ gia đình có phải là yếu tố quan trọng tạo ra nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm?

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không quan trọng
- ☐ Rất không quan trọng

Câu 4. Theo ông bà cách thức sử dụng thuốc thú y, hoá chất trong chăn nuôi lợn hiện nay ở các hộ gia đình có phải là yếu tố quan trọng tạo ra nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm?

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không quan trọng
- ☐ Rất không quan trọng

Câu 5. Theo ông bà, có nên hạn chế sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hoá chất trong chăn nuôi lợn?

☐ Đồng ý

☐ Không đồng ý

☐ Không ý kiến

Câu 6. Theo ông bà cách thức bán lợn (xuất chuồng) ở các hộ gia đình hiện nay có phải là yếu tố quan trọng tạo ra nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm?

☐ Rất quan trọng

☐ Quan trọng

☐ Bình thường

☐ Không quan trọng

☐ Rất không quan trọng

Câu 7. Xin ông/bà cho biết những bất cập, vướng mắc trong khuôn khổ pháp luật quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình hiện nay là gì?

Câu 8. Xin ông/bà cho biết những bất cập, vướng mắc trong chính sách hỗ trợ khuyến khích các hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay là gì?

Câu 9. Xin ông/bà cho biết những bất cập, vướng mắc trong bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay là gì?

Câu 10. Xin ông/bà cho biết những bất cập, vướng mắc hoạt động kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn ở các hộ gia đình hiện nay là gì?

Câu 11. Theo ông bà, mức xử phạt khi vi phạm về an toàn thực phẩm áp dụng xử phạt các hộ chăn nuôi lợn hiện nay là như thế nào?

☐ Rất thoả đáng

☐ Thoả đáng

☐ Không thoả đáng

Câu 12. Ông/ bà có những kiến nghị nào với cấp trên để việc quản lý an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn ở hộ gia đình được tốt hơn cho giai đoạn tới?

Câu 13. Cơ quan nhà nước có rà soát lập danh sách các cơ sở CNL tại HGĐ để ký cam kết thực hiện các điều kiện chăn nuôi lợn an toàn theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ NN và Phát triển nông thôn?

☐ Có

☐ Không

Câu 14. Công tác tuyên truyền cho các hộ gia đình hiểu được ý nghĩa và nội dung của việc ký cam kết CNL an toàn, không sử dụng chất cấm trong CNL tại HGĐ như thế nào?

1. Thực hiện rất tốt

2. Thực hiện tốt

3. Bình thường

4. Thực hiện không tốt

5. Thực hiện rất không tốt

Câu 15. Cơ quan nhà nước có xây dựng kế hoạch và phân công trách nhiệm triển khai ký cam kết cho từng chủ thể CNL tại HGĐ ở các xã, thôn, ấp, bản, làng ?

☐ Có

☐ Không

Câu 16. Có Triển khai ký cam kết theo mẫu quy định của nhà nước theo mẫu tại Thông tư 17/2018/TT/BNN&PTNT) đến từng chủ thể CNL tại HGĐ ở địa phương?

☐ Có

☐ Không

Câu 17. Những khó khăn nào trong việc triển khai ký cam kết CNL an toàn theo Thông tư 17/2018/TT-BNN&PTNT?

☐ Thiếu nhân lực?

☐ Thiếu kinh phí tổ chức, thực hiện?

☐ Chủ hộ không hợp tác, nhận thức còn hạn chế

☐ Công tác truyền truyền còn nặng hình thức

☐ Khác: _____

Phụ lục 2: PHIẾU KHẢO SÁT CÁC HỘ CHĂN NUÔI VỀ TÌNH HÌNH AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHĂN NUÔI LỢN

Xin chào Ông/Bà!

Tôi là Nguyễn Văn Tồn đang là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong CNL tại HGĐ ở Việt Nam*”. Để có cơ sở khoa học cho việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình, tôi rất mong quý ông/bà dành chút thời gian để trả lời các câu hỏi sau đây. Tất cả các câu trả lời chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu và sẽ được giữ bí mật. Mong nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của Ông/Bà.

Mọi thông tin liên lạc, xin quý Ông/ Bà vui lòng liên hệ: Nguyễn Văn Tồn

Điện thoại: 0913315447; hoặc email: tonnguyenvan@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

Trân trọng cảm ơn Ông/Bà !

THÔNG TIN CHUNG

1. Số năm kinh nghiệm nuôi lợn.
2. Tuổi:
3. Giới tính:.....
4. Quy mô lợn:.....
5. Khoảng cách từ nhà ở đến khu chuồng nuôi lợn.....

Phần 1. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI LỢN THỊT CỦA HỘ

Câu 1. Tổng số lợn thịt ông bà nuôi được trong năm 2022 là bao nhiêu con?

Tổng là: _____ con

Câu 2. Chuồng nuôi lợn thịt của ông bà ở ở dạng nào trong các dạng sau (*khoanh tròn vào số có đáp án phù hợp*)?

1. Chuồng xây dựng kiên cố
2. Chuồng xây dựng bán kiên cố
3. Chuồng tạm
4. Thả rông, bán thả rông

Câu 3. Vị trí chuồng lợn của ông bà thế nào so với nơi ở của gia đình (khoanh tròn vào số có đáp án phù hợp) ?

1. Hoàn toàn tách biệt với khu dân cư, nơi ở của gia đình
2. Ngay cạnh nơi ở của gia đình

Câu 4. Hệ thống xử lý chất thải của lợn khi nuôi thế nào đình (khoanh tròn vào số có đáp án phù hợp) ?

1. Độc lập bên ngoài chuồng nuôi
2. Ngay trong chuồng nuôi

Câu 5. Hệ thống trang thiết bị phục vụ CNL của gia đình ông bà có những gì dưới đây (đánh dấu chéo vào đáp án phù hợp)?

TT	Tên của trang thiết bị	Có	Không
1	Máng ăn, máng uống, dụng cụ, thiết bị chuyên dụng chăm sóc, vệ sinh chăn nuôi	☐	☐
2	Thiết bị thông gió, hệ thống làm mát...	☐	☐
3	Có hố khử trùng tại cổng khu chăn nuôi, cửa ra vào chuồng nuôi	☐	☐
4	Có hệ thống lưới ngăn côn trùng, ngấm nhấm, động vật lạ khác xâm nhập	☐	☐
5	Có khu, thiết bị bảo quản thuốc, nguyên liệu, thức ăn riêng	☐	☐
6	Có khu phối trộn, chế biến thức ăn riêng	☐	☐
7	Có hệ thống nước sạch; khu xử lý chất thải chăn nuôi	☐	☐

Câu 6. Ông bà thường mua thức ăn công nghiệp dùng để nuôi lợn từ các hãng, công ty nào dưới đây (khoanh tròn vào đáp án mà gia đình hay mua nhiều nhất)?

1. Các nhà máy có uy tín nổi tiếng trong vùng
2. Các cơ sở sản xuất có uy tín của huyện
3. Các cơ sở, HGD trong xã chế biến
4. Nguyên liệu, thức ăn hỗn hợp của các cơ sở, HGD trong khu vực phối trộn, chế biến

Câu 7. Ngoài thức ăn công nghiệp, gia đình ông bà có cho thêm thức ăn tự nhiên không (khoanh tròn vào đáp án phù hợp)?

1. Không
2. Có. Nếu có thì từ nguồn nào là chính ở dưới đây (khoanh tròn vào đáp án đúng)?

- a. Sản phẩm do gia đình tự trồng, chế biến
- b. Mua ngoài chợ, mua của hàng xóm
- c. Thu nhặt rau, củ, quả mọc tự nhiên
- d. Thu nhặt thức ăn thừa của nhà hàng, quán ăn, bếp ăn tập thể

Câu 8. Ngoài thức ăn công nghiệp, thức ăn tự nhiên, gia đình ông bà có bổ sung thêm chất dinh dưỡng, chất tăng trọng không (*khoanh tròn vào số của những đáp án phù hợp*)?

- 1. Chỉ bổ sung chất dinh dưỡng (vitamin, khoáng chất)
- 2. Chỉ bổ sung chất tạo nạc, chất tăng trọng
- 3. Không bổ sung gì cả

Câu 9. Ông bà hay sử dụng thuốc thú y, kháng sinh để phòng, chữa bệnh cho lợn như thế nào (*đánh dấu chéo vào ô phù hợp*)?

TT	Hình thức sử dụng	Có	Không
1	Sử dụng chế phẩm sinh học trong phòng và điều trị bệnh cho lợn	☐	☐
2	Sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong phòng và điều trị bệnh cho lợn	☐	☐
3	Sử dụng hóa chất, vệ sinh môi trường để phòng, chữa bệnh cho lợn	☐	☐

Câu 10. Trong năm 2022 vừa qua, gia đình ông bà có phải sử dụng thuốc thú y, kháng sinh để phòng, chữa bệnh cho lợn không (*khoanh tròn vào đáp án phù hợp*)?

- 1. Không
- 2. Có. Nếu có thì bằng cách nào dưới đây (*khoanh tròn đáp án đúng*)?
 - a. Chủ yếu là mời cán bộ thú y đến nhà khám và điều trị
 - b. Chủ yếu là tự đi mua thuốc để điều trị hoặc nhờ người có kinh nghiệm
 - c. Kết hợp cả mời cán bộ thú y và tự mua thuốc về điều trị.

Câu 11. Theo ông bà có nên hạn chế sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình (*khoanh tròn vào đáp án phù hợp*)?

- 1. Đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Còn băn khoăn
- 4. Không trả lời

Câu 12. Khi bán lợn, ông bà thường bán bằng cách nào dưới đây là phổ biến (*Khoanh tròn vào số có đáp án phù hợp nhất*)?

1. Thương lái đến mua lợn hơi, vận chuyển đến bán cho chủ lò mổ địa phương hoặc tỉnh khác (buôn lợn thịt hơi).
2. Gọi thương lái đến nhà để mua lợn hơi
3. Gia đình mang lợn hơi đến bán cho thương lái
4. Gia đình giết thịt mang bán cho thương lái, bán ở chợ
4. Thương lái mua lợn hơi, giết thịt tại HGD CNL bán thịt tại chợ địa phương, hoặc đi bán rong (bán lẻ thịt lợn).

**Phần 2. ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ HỘ VỀ
NHỮNG NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH**

Câu 13. Mức độ “*được biết*” và “*tìm hiểu*” về nội dung của các quy định pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm theo từng hoạt động chăn nuôi lợn ở hộ gia đình hiện nay của ông bà như thế nào (*Đánh dấu vào ô thích hợp với cảm nhận của mình*)?

TT	Hoạt động chăn nuôi	Biết và tìm hiểu nội dung	Biết và không tìm hiểu nội dung	Không biết, không tìm hiểu nội dung
1	Các quy định trong việc xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn	☐	☐	☐
2	Các quy định trong việc phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn	☐	☐	☐
3	Các quy định trong việc sử dụng thuốc thú ý, kháng sinh, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn	☐	☐	☐
4	Các quy định trong việc bán lợn hơi (xuất chuồng)	☐	☐	☐

Câu 14. Ông bà cho rằng các quy định pháp luật có liên quan đến bảo đảm an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay đã rõ ràng chưa? *(Đánh dấu vào ô thích hợp với cảm nhận của mình)?*

TT	Các hoạt động chăn nuôi	Rõ ràng	Rõ ràng một phần	Không rõ ràng
1	Các quy định trong việc xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn	☐	☐	☐
2	Các quy định trong việc phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn	☐	☐	☐
3	Các quy định trong việc sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn	☐	☐	☐
4	Các quy định trong việc bán lợn hơi (xuất chuồng)	☐	☐	☐

Câu 15. Theo ông bà, hiện nay các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình hiện nay đã đầy đủ chưa?

TT	Các hoạt động chăn nuôi	Đầy đủ tất cả	Đầy đủ một phần	Không đầy đủ
1	Các quy định trong việc xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn	☐	☐	☐
2	Các quy định trong việc phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn	☐	☐	☐
3	Các quy định trong việc sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn	☐	☐	☐
4	Các quy định trong việc bán lợn hơi (xuất chuồng)	☐	☐	☐

Câu 16. Ông bà cho ý kiến như thế nào về mức độ “tuân thủ” của các hộ gia đình đối với các quy định pháp luật có liên quan đến an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay?

TT	Các hoạt động chăn nuôi	Tuân thủ tất cả	Tuân thủ một phần	Không tuân thủ
1	Các quy định trong việc xây dựng chuồng trại và hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn	☐	☐	☐
2	Các quy định trong việc phối trộn thức ăn nuôi dưỡng lợn	☐	☐	☐

TT	Các hoạt động chăn nuôi	Tuân thủ tất cả	Tuân thủ một phần	Không tuân thủ
3	Các quy định trong việc sử dụng thuốc thú y, kháng sinh, hóa chất phòng, chữa bệnh cho lợn	☐	☐	☐
4	Các quy định trong việc bán lợn hơi (xuất chuồng)	☐	☐	☐

Câu 17. Mức độ tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn của gia đình ông bà hiện nay như thế nào?

	Chính sách	Biết, Tiếp cận đầy đủ	Biết, Tiếp cận một phần	Không biết hoặc biết nhưng không tiếp cận được
1	Chính sách hỗ trợ xây chuồng trại, mua máy móc, vật tư	☐	☐	☐
2	Chính sách hỗ trợ thức ăn CN lợn	☐	☐	☐
3	Chính sách hỗ trợ chăm sóc thú y, bảo vệ môi trường trong nuôi lợn	☐	☐	☐
4	Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm CNL bảo đảm ATTP	☐	☐	☐

Câu 18. Theo ông bà, tính “kịp thời” của các chính sách hỗ trợ để các hộ gia đình thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay thế nào?

	Các hoạt động chăn nuôi	Rất kịp thời	Kịp thời	Không kịp thời
1	Chính sách hỗ trợ xây chuồng trại, mua máy móc, vật tư	☐	☐	☐
2	Chính sách hỗ trợ thức ăn CN lợn	☐	☐	☐
3	Chính sách hỗ trợ chăm sóc thú y, bảo vệ môi trường trong nuôi lợn	☐	☐	☐
4	Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm CNL bảo đảm ATTP	☐	☐	☐

Câu 19. Theo ông bà, “mức hỗ trợ” của các chính sách giúp các hộ gia đình thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn hiện nay thế nào?

	Các hoạt động chăn nuôi	Hỗ trợ nhiều	Hỗ trợ một phần	Không Hỗ trợ
1	Chính sách hỗ trợ xây chuồng trại, mua máy móc, vật tư	☐	☐	☐
2	Chính sách hỗ trợ thức ăn CN lợn	☐	☐	☐
3	Chính sách hỗ trợ chăm sóc thú y, bảo vệ môi trường trong nuôi lợn	☐	☐	☐
4	Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm CNL bảo đảm ATTP	☐	☐	☐

Câu 20. Đánh giá về mức độ “tinh gọn” bộ máy của các cơ quan tham gia quản lý về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình hiện nay thế nào?

	Cấp	Rất tinh gọn	Tinh gọn	Không tinh gọn
1	Cấp tỉnh	☐	☐	☐
2	Cấp huyện	☐	☐	☐
3	Cấp xã	☐	☐	☐

Câu 21. Theo ông bà, “thái độ” phục vụ của cán bộ Nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn ở các hộ gia đình hiện nay thế nào?

- ☐ Tốt
☐ Bình thường
☐ Chưa tốt

Câu 22. Gần đây ông bà có thấy các đợt kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên ngành và chính quyền địa phương về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại hộ gia đình không?

- ☐ Có
☐ Không

Câu 23. Ý kiến của (ông/bà) về “Hình thức” tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình của các cơ quan chuyên môn hoặc chính quyền địa phương hiện nay như thế nào?

- ☐ Phù hợp
☐ Phù hợp một phần

☐ Chưa phù hợp

Câu 24. Ý kiến của (ông/bà) về “Nội dung” các đợt kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình của các cơ quan chuyên môn hoặc chính quyền địa phương như thế nào?

☐ Tốt

☐ Bình thường

☐ Chưa tốt

Câu 25. Đánh giá của (ông/bà) về mức xử phạt khi vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn tại các hộ gia đình thời gian qua như thế nào?

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Rất thỏa đáng	Thỏa đáng	Không thỏa đáng
1	Xử phạt vi phạm trong quản lý chuồng trại	☐	☐	☐
2	Xử phạt trong quản lý thức ăn chăn nuôi	☐	☐	☐
3	Xử phạt trong chăm sóc thú y, sử dụng thuốc và hóa chất	☐	☐	☐
4	Xử phạt trong tiêu thụ lợn hơi	☐	☐	☐

Câu 26. Có một số nhận định sau về mối quan hệ giữa chăn nuôi lợn ở địa phương với thực trạng mất an toàn thực phẩm, ông bà có đồng ý hay không đồng ý với các nhận định này?

	Nhận định	Đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Không trả lời
1	Cách thức xây dựng chuồng nuôi lợn và mức đầu tư trang thiết bị cho nuôi lợn như hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm	☐	☐	☐	☐
2	Cách thức phối trộn thức ăn nuôi lợn hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm	☐	☐	☐	☐
3	Cách thức sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong chăn nuôi lợn hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm	☐	☐	☐	☐

	Nhận định	Đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Không trả lời
4	Cách thức thu mua và vận chuyển thiêu thụ lợn hơi như hiện nay đang tạo nguy cơ làm mất an toàn thực phẩm	☐	☐	☐	☐

Câu 27. Xin ông /bà cho biết ở địa phương có triển khai ký cam kết CNL an toàn theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT?

☐ Có ☐ Không

Câu 28. Tại địa phương, cán bộ (thủ y, khuyến nông...) có “Tuyên truyền” cho chủ CNL tại HGĐ và người dân hiểu được ý nghĩa của việc ký cam kết CNL an toàn, không sử dụng chất cấm trong CNL?

☐ Có ☐ Không

Câu 29. Hộ ông bà có Triển khai “ký cam kết” CNL an toàn (mẫu tại phụ lục kèm theo Thông tư 17/2018/BNN&PTNT)?

☐ Có ☐ Không

Câu 30. Những khó khăn nào trong việc triển khai “ký cam kết” CNL an toàn theo Thông tư 17/2018/TT-BNN&PTNT?

- ☐ Thiếu nhân lực
- ☐ Thiếu kinh phí tổ chức, thực hiện
- ☐ Chủ hộ không hợp tác, nhận thức còn hạn chế
- ☐ Công tác truyền truyền còn nặng hình thức

Câu 31. Theo ông bà để CNL an toàn thì có nên tiếp tục thực hiện Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT thời gian đến?

☐ Có ☐ Không

Xin trân trọng cảm ơn Ông/bà!

Phụ lục 3. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM ÁP DỤNG TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI HỘ GIA ĐÌNH

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
Luật	55/2010/QH12	An toàn thực phẩm	01/7/2011
Luật	32/2018/QH14 ngày 19/11/2018	Luật Chăn nuôi	01/01/2020
Luật	79/2015/QH13 ngày 19/6/2015	Luật thú y	01/7/2016
Nghị định	02/2017/NĐ-CP ¹ ngày 09/01/2017	Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh	25/02/2017
Nghị định	13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020	Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi	05/3/2020
Nghị định	14/2021/NĐ-CP ngày 01/03/2021	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi	20/04/2021
Thông tư	04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010	Ban Hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại CNL, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học	15/7/2010
Thông tư	43/2011/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2011	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.	07/12/2011

¹ Văn bản có nội dung liên quan lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật, trồng trọt, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp, thủy sản, phòng chống thiên tai

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
Thông tư	72/2011/TT- BNNPTNT ngày 25/10/2011	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi	25/4/2012
Thông tư	41/2012/TT- BNNPTNT ngày 15/08/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi	16/02/2013
Thông tư	57/2012/TT- BNNPTNT ngày 07/11/2012	Quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta - agonist trong chăn nuôi	22/12/2012
Thông tư	31/2013/TT- BNNPTNT ngày 12/06/2013	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định lợn giống	12/12/2013
Thông tư	01/2016/TT- BNNPTNT ngày 15/02/2016	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta-agonist trong chăn nuôi	15/02/2016
Thông tư	27/2016/TT- BNNPTNT ngày 26/7/2016	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thức ăn chăn nuôi	26/01/2017
Thông tư	16/2017/TT- BNNPTNT ngày 24/8/2017	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn	24/2/2018
Thông tư	20/2019/TT- BNNPTNT ngày 22/11/2019	Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi	07/01/2020

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
Thông tư	21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019	Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi	14/01/2020
Thông tư	22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019	Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi	15/01/2020
Thông tư	23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019	Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi	15/01/2020
Thông tư	12/2020/TT-BNNPTNT ² ngày 09/11/ 2020	Quy định về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT	25/12/2020
Thông tư	16/2021/TT-BNNPTNT ³ ngày 20/12/2021	Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03/02/2022
Thông tư	28/2022/TT-BNNPTNT ⁴ Ngày 30/12/2022	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng	30/6/2023
Nghị định	35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016	Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y	01/7/2016

² Văn bản liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y

³ Văn bản có nội dung liên quan lĩnh vực chăn nuôi, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

⁴ Văn bản có nội dung liên quan lĩnh vực bảo vệ thực vật và chăn nuôi

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
Nghị định	66/2016/NĐ-CP ⁵ ngày 01/7/2016	Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm	01/7/2016
Nghị định	02/2017/NĐ-CP ⁶ ngày 09/01/2017	Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh	25/02/2017
Nghị định	90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y	15/9/2017
Nghị định	123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	17/9/2018
Nghị định	80/2022/NĐ-CP Ngày 13/10/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y	13/10/2022
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	16/2016/QĐ-TTg ngày 29/4/2016	Quy định việc thành lập và tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp	01/7/2016
Quyết định của Thủ	17/2020/QĐ-TTg ngày 29/5/2020	Về việc áp dụng cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù đối với Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y và Cục	15/7/2020

⁵ Văn bản có nội dung liên quan lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật, trồng trọt, thú y, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

⁶ Văn bản có nội dung liên quan lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật, trồng trọt, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp, thủy sản, phòng chống thiên tai

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
tướng Chính phủ		Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
Thông tư	27/2009/TT- BNNPTNT ngày 28/5/2009	Ban hành quy định nhập khẩu trâu bò từ các nước Lào và Campuchia vào Việt Nam	13/7/2009
Thông tư	66/2009/TT- BNNPTNT ngày 13/10/2009	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lấy mẫu thuốc thú y để kiểm tra chất lượng	13/3/2010
Thông tư	31/2010/TT- BNNPTNT ngày 24/5/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y	Sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành
Thông tư	71/2011/TT- BNNPTNT ngày 25/10/2011	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y	Sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành
Thông tư	30/2012/TT- BNNPTNT ngày 03/7/2012	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện vệ sinh thú y	Sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành
Thông tư	04/2016/TT- BNNPTNT ngày 10/5/2016	Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	01/7/2016
Thông tư	07/2016/TT- BNNPTNT ngày 31/5/2016	Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn	15/7/2016
Thông tư	09/2016/TT-	Quy định về kiểm soát giết mổ và	16/7/2016

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
	BNNPTNT ngày 01/6/2016	kiểm tra vệ sinh thú y	
Thông tư	10/2016/TT- BNNPTNT ngày 01/6/2016	Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam	16/7/2016
Thông tư	11/2016/TT- BNNPTNT ngày 01/6/2016	Quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật	18/7/2016
Thông tư	12/2016/TT- BNNPTNT ngày 02/6/2016	Quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thú y các cấp	19/7/2016
Thông tư	13/2016/TT- BNNPTNT ngày 02/6/2016	Quy định về quản lý thuốc thú y	19/7/2016
Thông tư	25/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016	Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	15/8/2016
Thông tư	26/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016	Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	15/8/2016
Thông tư	29/2016/TT- BNNPTNT ngày 01/6/2016	Quy định về tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn	19/9/2016
Thông tư	13/2017/TT-	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc	20/12/2017

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
	BNNPTNT ngày 20/6/2017	gia lĩnh vực thú y	
Thông tư	10/2018/TT- BNNPTNT ngày 14/8/2018	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y	14/02/2019
Thông tư	06/2022/TT- BNNPTNT Ngày 28/7/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	11/9/2022
Thông tư	09/2022/TT- BNNPTNT Ngày 19/8/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	06/10/2022
Thông tư	10/2022/TT- BNNPTNT Ngày 14/9/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT- BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y	30/10/2022
Thông tư	13/2022/TT- BNNPTNT Ngày 28/9/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y	12/11/2022
Thông tư	24/2022/TT- BNNPTNT Ngày 30/12/2022	Quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	15/02/2023
Thông tư	18/2023/TT-	Sửa đổi, bổ sung một số điều của	Ngày

Thể loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
	BNNPTNT Ngày 15/12/2023	thông tư số 23/2019/tt-bnnptnt ngày 30 tháng 11 năm 2019 của bộ trưởng bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi	01/02/2024
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006	Về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát dê điều	25/6/2006